



Sukhmani Sahib

Hành trình hướng đến tâm linh

Bản dịch tiếng Việt

MỤC LỤC

1. Sukhmani Sahib -----	1
2. Ardas-Prayer -----	168
3. Con đường của tâm hồn -----	172
4. Triết lý cho hành trình -----	174
5. Vai trò của phụ nữ -----	176
6. Tầm quan trọng của khăn xếp -----	180
7. Sự khiêm nhường là cốt lõi trong hành trình của bạn -----	182



We are distributing Free Gutkas, Divine message of the Guru globally in all the major languages, To Continue this Monumental task, please donate at <https://sggsonline.com/donation>

This Sewa has been done by Sewadars & SikhBookClub.

This text is only a translation and only gives the essence of the Guru's Divine word. For a more complete understanding, please read the Gurumukhi Sri Guru Granth Sahib Ji. If any errors are noticed, please notify us immediately via email at walnut@gmail.com.

Publisher

© Sikhbookclub.com

Chino, Ca 91710

ਗਉੜੀ ਸੁਖਮਨੀ ਮਃ ੫ ॥

Raag Gauree, ਫ਼ਾਦ ਸੁਰ ਥੁਰ ਨਾਮ: SUKHMANI ਕੌ ਨਯੁਰਾ ਲਾ ਹਾਤ ਵਰਾਨ ਮਿਯਨ ਕੁਰਾ
ਹਾਨ ਫੁਲ.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ੴ ਸਤਿਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ॥

Mot Thiên Chúa vĩnh cửu, đượ thực hiện bởi ân sủng của Guru.

ਆਦਿ ਗੁਰਏ ਨਮਹ ॥

Tôi cúi đầu trước Đạo sư nguyên thủy.

ਜੁਗਾਦਿ ਗੁਰਏ ਨਮਹ ॥

Tôi cúi đầu trước Guru, người đã có trước khi bắt đầu các thời đại.

ਸਤਿਗੁਰਏ ਨਮਹ ॥

Tôi cúi đầu trước Đạo sư đích thực vĩnh cửu.

ਸ੍ਰੀ ਗੁਰਦੇਵਏ ਨਮਹ ॥੧॥

Tôi cúi đầu trước Đạo sư vĩ đại, Divine Guru.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਸਿਮਰਉ ਸਿਮਰਿ ਸਿਮਰਿ ਸੁਖੁ ਪਾਵਉ ॥

Tôi nhớ đến Đức Chúa Trời với lòng sùng kính yêu thương và bằng cách nhớ
đến Ngài mọi lúc, tôi trải nghiệm hạnh phúc vĩnh cửu,

ਕਲਿ ਕਲੇਸ ਤਨ ਮਾਹਿ ਮਿਟਾਵਉ ॥

và xua tan mọi lo lắng và thống khổ khỏi tâm trí tôi

ਸਿਮਰਉ ਜਾਸੁ ਬਿਸੁੰਭਰ ਏਕੈ ॥

Tôi suy ngẫm về Đấng bảo tồn vũ trụ.

ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਅਗਨਤ ਅਨੇਕੈ ॥

Vô số người dân với Ngài

ਬੇਦ ਪੁਰਾਨ ਸਿੰਮ੍ਰਿਤਿ ਸੁਧਾਖਰ ॥

Kinh Veda, Puranas và Smri, những lời nói thuần khiết nhất,

ਕੀਨੇ ਰਾਮ ਨਾਮ ਇਕ ਆਖਰ ॥

đã nhận ra Đấng duy nhất, Danh của Đức Chúa Trời là thiêng liêng nhất.

ਕਿਨਕਾ ਏਕ ਜਿਸੁ ਜੀਅ ਬਸਾਵੈ ॥ ਤਾ ਕੀ ਮਹਿਮਾ ਗਨੀ ਨ ਆਵੈ ॥

Sự vinh hiển của người đó không thể được mô tả trong lòng ai, Đức Chúa Trời thấm nhuần ngay cả một chút Naam.

ਕਾਂਖੀ ਏਕੈ ਦਰਸ ਤੁਹਾਰੇ ॥ ਨਾਨਕ ਉਨ ਸੰਗਿ ਮੋਹਿ ਉਧਾਰੇ ॥੧॥

Nanak nói: "Lạy Chúa, xin cứu con cùng với những ai khao khát kinh nghiệm sự hiện diện thánh thiện của Chúa.

ਸੁਖਮਨੀ ਸੁਖ ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਪ੍ਰਭ ਨਾਮੁ ॥

Tên ambrosial của Thiên Chúa là viên ngọc quý (bản chất) của mọi hòa bình và hạnh phúc,

ਭਗਤ ਜਨਾ ਕੈ ਮਨਿ ਬਿਸ੍ਰਾਮ ॥ ਰਹਾਉ ॥

và mật hoa này- Danh Đức Chúa Trời ngự trong trái tim của những người sùng đạo thật sự của Ngài. sẽ tạm dừng

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਗਰਭਿ ਨ ਬਸੈ ॥

Bằng cách nhớ đến Thiên Chúa, người ta được giải thoát khỏi chu kỳ sinh tử.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਦੂਖੁ ਜਮੁ ਨਸੈ ॥

Bằng cách nhớ đến Chúa, nỗi sợ hãi về ma quỷ biến mất.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਕਾਲੁ ਪਰਹਰੈ ॥

Bằng cách nhớ đến Chúa, nỗi sợ hãi về cái chết biến mất.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਦੁਸਮਨੁ ਟਰੈ ॥

Nhớ đến Chúa, tội xấu của một người bị xóa bỏ

ਪ੍ਰਭ ਸਿਮਰਤ ਕਛੁ ਬਿਘਨੁ ਨ ਲਾਗੈ ॥

Nhớ đến Chúa, người ta không gặp trở ngại nào trong cuộc sống.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਅਨਦਿਨੁ ਜਾਗੈ ॥

Bằng cách nhớ đến Thiên Chúa, người ta luôn luôn cảnh giác trước những tội nạn và những cám dỗ thế gian.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਭਉ ਨ ਬਿਆਪੈ ॥

Nhớ đến Chúa, người ta không bị chế ngự bởi sự sợ hãi.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਦੁਖੁ ਨ ਸੰਤਾਪੈ ॥

Nhớ đến Chúa, người ta không phải chịu đau khổ.

ਪ੍ਰਭ ਕਾ ਸਿਮਰਨੁ ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ॥

Sự tưởng nhớ thiên định về Đức Chúa Trời chiếm ưu thế trong Công ty của Thánh.

ਸਰਬ ਨਿਧਾਨ ਨਾਨਕ ਹਰਿ ਰੰਗਿ ॥੨॥

O Nanak, tất cả kho báu của thế giới đều nằm trong tình yêu của Đức Chúa Trời.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਰਿਧਿ ਸਿਧਿ ਨਉ ਨਿਧਿ ॥

Trong sự tưởng nhớ của Thiên Chúa là những quyền năng kỳ diệu và tất cả chín kho báu của thế giới.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਗਿਆਨੁ ਧਿਆਨੁ ਤਤੁ ਬੁਧਿ ॥

Trong sự tưởng nhớ về Thiên Chúa là kiến thức, thiên định và bản chất của sự khôn ngoan.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਜਪ ਤਪ ਪੂਜਾ ॥

Trong sự tưởng nhớ của Thiên Chúa là tụng kinh, thiên định mãnh liệt và thờ phượng sùng kính.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਬਿਨਸੈ ਦੂਜਾ ॥

Trong sự tưởng nhớ của Thiên Chúa, tính hai mặt biến mất.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਤੀਰਥ ਇਸਨਾਨੀ ॥

Trong sự tưởng nhớ của Thiên Chúa là những phòng tắm thanh tẩy tại các đền thờ thiêng liêng của cuộc hành hương.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਦਰਗਹ ਮਾਨੀ ॥

Trong sự tưởng nhớ của Đức Chúa Trời, người ta đạt được danh dự trong Tòa án của Đức Chúa Trời.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਹੋਇ ਸੁ ਭਲਾ ॥

Khi tưởng nhớ đến Đức Chúa Trời, người ta chấp nhận ý muốn của Ngài là tốt cho tất cả mọi người.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਸੁਫਲ ਫਲਾ ॥

Bằng cách nhớ đến Chúa, một người thành công trong việc đạt được mục tiêu tối cao của cuộc sống.

ਸੇ ਸਿਮਰਹਿ ਜਿਨ ਆਪਿ ਸਿਮਰਾਏ ॥

Chỉ một mình họ nhớ đến Ngài trong thiền định, người mà Ngài truyền cảm hứng để làm như vậy.

ਨਾਨਕ ਤਾ ਕੈ ਲਾਗਉ ਪਾਏ ॥੩॥

Hỡi Nanak, tôi khiêm nhường cúi đầu trước những người nhớ đến Đức Chúa Trời.

ਪ੍ਰਭ ਕਾ ਸਿਮਰਨੁ ਸਭ ਤੇ ਉਚਾ ॥

Sự tưởng nhớ về Đức Chúa Trời là cao nhất trong tất cả các việc làm.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਉਧਰੇ ਮੂਚਾ ॥

Nhờ tưởng nhớ đến Đức Chúa Trời, nhiều người được cứu khỏi tệ nạn.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਤ੍ਰਿਸਨਾ ਬੁਝੈ ॥

Bằng cách nhớ đến Chúa, sự khao khát dành cho Maya bị loại bỏ.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਸਭੁ ਕਿਛੁ ਸੁਝੈ ॥

Trong sự tưởng nhớ của Thiên Chúa, người ta hiểu mọi thứ về Maya.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਨਾਹੀ ਜਮ ਤ੍ਰਾਸਾ ॥

Trong sự tưởng nhớ của Đức Chúa Trời, không có sự sợ hãi về cái chết.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਪੂਰਨ ਆਸਾ ॥

Trong sự tưởng nhớ của Thiên Chúa, mọi mong muốn được thực hiện.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਮਨ ਕੀ ਮਲੁ ਜਾਇ ॥

Trong sự tưởng nhớ của Thiên Chúa, sự bẩn thỉu của tệ nạn được loại bỏ khỏi tâm trí.

ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਨਾਮੁ ਰਿਦ ਮਾਹਿ ਸਮਾਇ ॥

Ambrosial Naam, sống trong trái tim của người phàm.

ਪ੍ਰਭ ਜੀ ਬਸਹਿ ਸਾਧ ਕੀ ਰਸਨਾ ॥

Các tín đồ luôn đọc Danh Chúa.

ਨਾਨਕ ਜਨ ਕਾ ਦਾਸਨਿ ਦਸਨਾ ॥੪॥

O Nanak, tôi là đầy tớ của đầy tớ của tín đồ Ngài.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸੇ ਧਨਵੰਤੇ ॥

Những người nhớ đến Chúa với tình yêu và sự tận tâm là những người giàu có về mặt tinh thần.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸੇ ਪਤਿਵੰਤੇ ॥

Những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và sự tận tâm là những người đáng kính.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸੇ ਜਨ ਪਰਵਾਨ ॥

Những ai nhớ đến Chúa với tình yêu và lòng sùng kính được chấp nhận trong tòa án của Chúa.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸੇ ਪੁਰਖ ਪ੍ਰਧਾਨ ॥

Những người yêu thương nhớ đến Chúa là những người nổi bật nhất.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸਿ ਬੇਮੁਹਤਾਜੇ ॥

Những người yêu thương nhớ đến Chúa với lòng sùng kính không phụ thuộc vào người khác.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸਿ ਸਰਬ ਕੇ ਰਾਜੇ ॥

Những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và sự tận tâm là những người vượt trội về mặt thuộc linh.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸੇ ਸੁਖਵਾਸੀ ॥

Những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và sự tận tâm sẽ sống trong hòa bình.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸਦਾ ਅਬਿਨਾਸੀ ॥

Những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và lòng tận tụy được giải thoát khỏi chu kỳ sinh tử.

ਸਿਮਰਨ ਤੇ ਲਾਗੇ ਜਿਨ ਆਪਿ ਦਇਆਲਾ ॥

Chỉ những ai được ban phước bởi chính Đức Chúa Trời nhân từ mới đi trên con đường tưởng nhớ đến Ngài.

ਨਾਨਕ ਜਨ ਕੀ ਮੰਗੈ ਰਵਾਲਾ ॥੫॥

O Nanak, chỉ có một người may mắn cầu xin sự đồng hành của những cá nhân như vậy.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸੇ ਪਰਉਪਕਾਰੀ ॥

Những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và lòng tận tụy trở nên nhân từ với người khác.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਤਿਨ ਸਦ ਬਲਿਹਾਰੀ ॥

Tôi cống hiến cuộc đời mình mãi mãi cho những người nhớ đến Chúa với tình yêu và sự tận tâm.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਸੇ ਮੁਖ ਸੁਹਾਵੇ ॥

Vẻ đẹp là khuôn mặt của những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và lòng tận tụy.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਤਿਨ ਸੂਖਿ ਬਿਹਾਵੈ ॥

Những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và lòng tận tụy sống cuộc sống của họ trong hòa bình.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਤਿਨ ਆਤਮੁ ਜੀਤਾ ॥

Những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và sự tận tâm sẽ chinh phục tâm trí của họ.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਤਿਨ ਨਿਰਮਲ ਰੀਤਾ ॥

Những người nhớ đến Đức Chúa Trời với tình yêu và sự tận tâm sống một lối sống công chính.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਤਿਨ ਅਨਦ ਘਨੇਰੇ ॥

Những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và lòng tận tụy trải nghiệm những niềm vui bất tận.

ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਿਮਰਹਿ ਬਸਹਿ ਹਰਿ ਨੇਰੇ ॥

Những người nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và sự tận tâm sống trong sự hiện diện của Thiên Chúa.

ਸੰਤ ਕ੍ਰਿਪਾ ਤੇ ਅਨਦਿਨੁ ਜਾਗਿ ॥

Nhờ ân sủng của Đạo sư, họ luôn cảnh giác để nhớ đến Chúa.

ਨਾਨਕ ਸਿਮਰਨੁ ਪੂਰੈ ਭਾਗਿ ॥੬॥

O 'Nanak, món quà của thiên định chỉ có được bằng số phận hoàn hảo.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਕਾਰਜ ਪੂਰੇ ॥

Nhớ đến Chúa, nhiệm vụ của một người được hoàn thành.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਕਬਹੂ ਨ ਝੂਰੇ ॥

Bằng cách yêu thương nhớ đến Chúa, người ta không bao giờ đau buồn.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਹਰਿ ਗੁਨ ਬਾਨੀ ॥

Bằng cách nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và sự tận tâm, người ta thốt ra những đức tính của Thiên Chúa.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਸਹਜਿ ਸਮਾਨੀ ॥

Nhớ đến Chúa, người ta bị cuốn vào trạng thái đĩnh đạc trực giác.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਨਿਹਚਲ ਆਸਨੁ ॥

Bằng cách nhớ đến Chúa với tình yêu và sự tận tâm, tâm trí của một người không từ bỏ.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਕਮਲ ਬਿਰਾਸਨੁ ॥

Bằng cách yêu thương nhớ đến Chúa, người ta cảm thấy vui mừng.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਅਨਹਦ ਝੁਨਕਾਰ ॥

Nhớ đến Chúa, giai điệu thiêng liêng liên tục chơi trong tâm trí của một người.

ਸੁਖੁ ਪ੍ਰਭ ਸਿਮਰਨ ਕਾ ਅੰਤੁ ਨ ਪਾਰ ॥

Có sự bình an vô tận xảy ra sau đó bằng cách nhớ đến Chúa.

ਸਿਮਰਹਿ ਸੇ ਜਨ ਜਿਨ ਕਉ ਪ੍ਰਭ ਮਇਆ ॥

Chỉ một mình họ nhớ đến Ngài, Đấng mà Đức Chúa Trời ban cho ân sủng của Ngài.

ਨਾਨਕ ਤਿਨ ਜਨ ਸਰਨੀ ਪਇਆ ॥੭॥

O Nanak, chỉ có một người may mắn tìm nơi ẩn náu của những người sùng đạo như vậy.

ਹਰਿ ਸਿਮਰਨੁ ਕਰਿ ਭਗਤ ਪ੍ਰਗਟਾਏ ॥

Bằng cách nhớ đến Chúa, những người sùng đạo được biết đến trên thế giới.

ਹਰਿ ਸਿਮਰਨਿ ਲਗਿ ਬੇਦ ਉਪਾਏ ॥

Nhớ đến Chúa, kinh Veda đã được sáng tác.

ਹਰਿ ਸਿਮਰਨਿ ਭਏ ਸਿਧ ਜਤੀ ਦਾਤੇ ॥

Bằng cách tưởng nhớ đến Chúa, người phàm đã trở thành những người thầy, người theo đạo và bác ái.

ਹਰਿ ਸਿਮਰਨਿ ਨੀਚ ਚਹੁ ਕੁੰਟ ਜਾਤੇ ॥

Bằng cách nhớ đến Đức Chúa Trời, người thấp hèn trở nên được biết đến theo cả bốn hướng.

ਹਰਿ ਸਿਮਰਨਿ ਧਾਰੀ ਸਭ ਧਰਨਾ ॥

Đó là thiên định về Chúa, đã cung cấp hỗ trợ cho toàn bộ trái đất.

ਸਿਮਰਿ ਸਿਮਰਿ ਹਰਿ ਕਾਰਨ ਕਰਨਾ ॥

Do đó, người phàm luôn nhớ đến Đấng Tạo Hóa của Thế giới.

ਹਰਿ ਸਿਮਰਨਿ ਕੀਓ ਸਗਲ ਅਕਾਰਾ ॥

Chính vì thiên định mà Chúa đã tạo ra toàn bộ vũ trụ.

ਹਰਿ ਸਿਮਰਨ ਮਹਿ ਆਪਿ ਨਿਰੰਕਾਰਾ ॥

Đức Chúa Trời vô hình ở nơi Ngài được nhớ đến.

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਜਿਸੁ ਆਪਿ ਬੁਝਾਇਆ ॥

Một người được ban phước bởi ân điển của Ngài để nhận ra tầm quan trọng của việc nhớ đến Đức Chúa Trời,

ਨਾਨਕ ਗੁਰਮੁਖਿ ਹਰਿ ਸਿਮਰਨੁ ਤਿਨਿ ਪਾਇਆ ॥੮॥੧॥

O 'Nanak, có được lợi ích của thiên định của Đức Chúa Trời thông qua Ân điển của Guru.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਦੀਨ ਦਰਦ ਦੁਖ ਭੰਜਨਾ ਘਟਿ ਘਟਿ ਨਾਥ ਅਨਾਥ ॥

Kẻ hủy diệt nỗi đau và tai ương của người nghèo, tràn ngập trong tất cả các trái tim và sự hỗ trợ của những người không được hỗ trợ.

ਸਰਣਿ ਤੁਮਾਰੀ ਆਇਓ ਨਾਨਕ ਕੇ ਪ੍ਰਭ ਸਾਥ ॥੧॥

Lạy Chúa, con (Nanak) đã đến nơi ẩn náu của Ngài, sau khi nhận được sự hướng dẫn từ Guru.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਜਹ ਮਾਤ ਪਿਤਾ ਸੁਤ ਮੀਤ ਨ ਭਾਈ ॥

Nơi không có mẹ, cha, con, bạn bè hoặc anh chị em để giúp bạn.

ਮਨ ਊਹਾ ਨਾਮੁ ਤੇਰੈ ਸੰਗਿ ਸਹਾਈ ॥

Vì thế, chỉ có Đức Chúa Trời sẽ ở bên bạn như là sự giúp đỡ và hỗ trợ của bạn.

ਜਹ ਮਹਾ ਭਇਆਨ ਦੂਤ ਜਮ ਦਲੈ ॥

Nơi đội quân của những con quỷ đáng sợ cố gắng đè bẹp bạn,

ਤਹ ਕੇਵਲ ਨਾਮੁ ਸੰਗਿ ਤੇਰੈ ਚਲੈ ॥

Ở đó, chỉ có Naam sẽ đi cùng với bạn.

ਜਹ ਮੁਸਕਲ ਹੋਵੈ ਅਤਿ ਭਾਰੀ ॥

nơi bạn đang ở trong tình huống cực kỳ khó khăn,

ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਮੁ ਖਿਨ ਮਾਹਿ ਉਧਾਰੀ ॥

Danh Đức Chúa Trời sẽ giải cứu bạn ngay lập tức.

ਅਨਿਕ ਪੁਨਹਚਰਨ ਕਰਤ ਨਹੀ ਤਰੈ ॥

Bằng cách thực hiện vô số nghi lễ tôn giáo, một người không được cứu khỏi tội lỗi.

ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਮੁ ਕੋਟਿ ਪਾਪ ਪਰਹਰੈ ॥

Danh Đức Chúa Trời rửa sạch hàng triệu tội lỗi.

ਗੁਰਮੁਖਿ ਨਾਮੁ ਜਪਹੁ ਮਨ ਮੇਰੇ ॥

Vì vậy, hỡi tâm trí của tôi, hãy suy ngẫm về Danh Chúa với phước lành của Đạo sư,

ਨਾਨਕ ਪਾਵਹੁ ਸੁਖ ਘਨੇਰੇ ॥੧॥

Và, O Nanak, người sẽ nhận được vô số niềm vui.

ਸਗਲ ਸ੍ਰਿਸਟਿ ਕੇ ਰਾਜਾ ਦੁਖੀਆ ॥

Ngay cả khi là một vị vua của toàn thế giới, một người vẫn gặp nạn.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਹੋਇ ਸੁਖੀਆ ॥

Nhưng bằng cách suy gẫm Danh Đức Chúa Trời, người ta có được sự bình an.

ਲਾਖ ਕਰੋਰੀ ਬੰਧੁ ਨ ਪਰੈ ॥

Ngay cả số tiền khổng lồ của cải cũng không chấm dứt mong muốn nhiều hơn nữa.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਨਿਸਤਰੈ ॥

Bằng cách suy ngẫm về Danh Chúa, người ta thoát khỏi ham muốn mãnh liệt đối với Maya.

ਅਨਿਕ ਮਾਇਆ ਰੰਗ ਤਿਖ ਨ ਬੁਝਾਵੈ ॥

Bằng cách tiếp tục đắm chìm trong vô số thú vui trần tục, ham muốn của cải thế gian hơn của một người không bị dập tắt.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਆਘਾਵੈ ॥

Bằng cách tưởng nhớ đến Chúa với tình yêu và sự tận tâm, người ta được thỏa mãn từ Maya.

ਜਿਹ ਮਾਰਗਿ ਇਹੁ ਜਾਤ ਇਕੇਲਾ ॥

Trên hành trình mà linh hồn phải đi một mình,

ਤਹ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਸੰਗਿ ਹੋਤ ਸੁਹੇਲਾ ॥

Trong đó, chỉ có Chúa là một linh hồn như một người an ủi.

ਐਸਾ ਨਾਮੁ ਮਨ ਸਦਾ ਧਿਆਈਐ ॥

Tâm trí của tôi, hãy thiền mãi mãi về một cái tên như vậy.

ਨਾਨਕ ਗੁਰਮੁਖਿ ਪਰਮ ਗਤਿ ਪਾਈਐ ॥੨॥

O 'Nanak, trạng thái tinh thần tối cao có được thông qua ân sủng của Guru.

ਛੁਟਤ ਨਹੀ ਕੋਟਿ ਲਖ ਬਾਹੀ ॥

Ngay cả với sự hỗ trợ của hàng triệu anh em, người ta không thể tự cứu mình khỏi tệ nạn.

ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਤਹ ਪਾਰਿ ਪਰਾਹੀ ॥

Bằng cách thiền định về Naam, người ta bơi qua đại dương thế giới của tệ nạn,

ਅਨਿਕ ਬਿਘਨ ਜਹ ਆਇ ਸੰਘਾਰੈ ॥

Nơi vô số bất hạnh đe dọa hủy diệt bạn,

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਤਤਕਾਲ ਉਧਾਰੈ ॥

Ở đó Danh Đức Chúa Trời sẽ giải cứu bạn ngay lập tức.

ਅਨਿਕ ਜੋਨਿ ਜਨਮੈ ਮਰਿ ਜਾਮ ॥

Qua vô số hóa thân, con người được sinh ra và chết đi.

ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਪਾਵੈ ਬਿਸ੍ਵਾਮ ॥

Nhưng khi đọc danh Chúa, linh hồn được an nghỉ và trở nên một với Chúa.

ਹਉ ਮੈਲਾ ਮਲੁ ਕਬਹੁ ਨ ਧੋਵੈ ॥

Người bị vấy bẩn bởi sự bẩn thỉu của bản ngã, không bao giờ có thể rửa sạch sự bẩn thỉu này.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਕੋਟਿ ਪਾਪ ਥੋਵੈ ॥

Danh Đức Chúa Trời xóa bỏ hàng triệu tội lỗi.

ਐਸਾ ਨਾਮੁ ਜਪਹੁ ਮਨ ਰੰਗਿ ॥

Tâm trí của tôi, hãy đọc một cái tên như vậy với tình yêu.

ਨਾਨਕ ਪਾਈਐ ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ॥੩॥

O 'Nanak, Danh Đức Chúa Trời được hiện thực hóa trong Công ty của Thánh.

ਜਿਹ ਮਾਰਗ ਕੇ ਗਨੇ ਜਾਹਿ ਨ ਕੋਸਾ ॥

Trên con đường cuộc hành trình của cuộc sống mà số dặm không thể đếm được,

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਊਹਾ ਸੰਗਿ ਤੇਸਾ ॥

Ở đó Danh Đức Chúa Trời là sự nuôi dưỡng của bạn.

ਜਿਹ ਪੈਡੈ ਮਹਾ ਅੰਧ ਗੁਬਾਰਾ ॥

Trên hành trình của cuộc sống, nơi có bóng tối đen tối hoàn toàn của sự thiếu hiểu biết,

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਸੰਗਿ ਉਜੀਆਰਾ ॥

Tên của Thiên Chúa là Ánh sáng với bạn.

ਜਹਾ ਪੰਥਿ ਤੇਰਾ ਕੇ ਨ ਸਿਵਾਨੂ ॥

Trên hành trình của cuộc sống mà không ai biết bạn,

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਤਹ ਨਾਲਿ ਪਛਾਨੂ ॥

Danh Chúa là người bạn thật sự của bạn.

ਜਹ ਮਹਾ ਭਇਆਨ ਤਪਤਿ ਬਹੁ ਘਾਮ ॥

Ở đây (trong hành trình của cuộc sống) có sức nóng thiêu đốt khủng khiếp của tệ nạn,

ਤਹ ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਮ ਕੀ ਤੁਮ ਉਪਰਿ ਛਾਮ ॥

Ở đó, Danh của Đức Chúa Trời sẽ cung cấp cho bạn sự bảo vệ.

ਜਹਾ ਤ੍ਰਿਖਾ ਮਨ ਤੁਝ ਆਕਰਖੈ ॥

O' my mind, Where the desire for worldly posures harating you, Nơi mà sự thèm muốn của cái trần gian hành hạ bạn,

ਤਹ ਨਾਨਕ ਹਰਿ ਹਰਿ ਅੰਮ੍ਰਿਤੁ ਬਰਖੈ ॥੪॥

Ở đó, O 'Nanak, Danh Đức Chúa Trời hoạt động như Nectar để kiểm soát ham muốn của bạn.

ਭਗਤ ਜਨਾ ਕੀ ਬਰਤਨਿ ਨਾਮੁ ॥

Đối với những người sùng đạo, Danh Chúa là một bài viết được sử dụng hàng ngày.

ਸੰਤ ਜਨਾ ਕੈ ਮਨਿ ਬਿਸ੍ਵਾਮੁ ॥

Danh Chúa ngự trong tâm trí của những người sùng đạo.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਦਾਸ ਕੀ ਓਟ ॥

Danh Đức Chúa Trời là sự hỗ trợ của những người sùng đạo khiêm nhường của Ngài.

ਹਰਿ ਕੈ ਨਾਮਿ ਉਧਰੇ ਜਨ ਕੋਟਿ ॥

Hàng triệu người được cứu khỏi tệ nạn bằng cách nhớ đến Danh Đức Chúa Trời.

ਹਰਿ ਜਸੁ ਕਰਤ ਸੰਤ ਦਿਨੁ ਰਾਤਿ ॥

Các tín đồ của Đức Chúa Trời đọc những lời ca ngợi Ngài cả ngày lẫn đêm,

ਹਰਿ ਹਰਿ ਅਉਖਧੁ ਸਾਧ ਕਮਾਤਿ ॥

và họ có được thuốc Naam để chữa bệnh ác tính của người tự xưng.

ਹਰਿ ਜਨ ਕੈ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਨਿਧਾਨੁ ॥

Tên của Đức Chúa Trời là kho báu thực sự của những người thờ phượng Đức Chúa Trời.

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮਿ ਜਨ ਕੀਨੇ ਦਾਨ ॥

Đức Chúa Trời Tối Cao đã ban phước cho các tín đồ của Ngài với món quà Naam này.

ਮਨ ਤਨ ਰੰਗਿ ਰਤੇ ਰੰਗ ਏਕੈ ॥

Tâm trí và cơ thể được thấm nhuần sự xuất thần trong tình yêu của một Thiên Chúa duy nhất.

ਨਾਨਕ ਜਨ ਕੈ ਬਿਰਤਿ ਬਿਬੇਕੈ ॥੫॥

O 'Nanak, những người sùng đạo của Ngài có được trí tuệ thiêng liêng để phân biệt giữa đúng và sai.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਜਨ ਕਉ ਮੁਕਤਿ ਜੁਗਤਿ ॥

Đối với những tín đồ của mình, Danh Chúa là cách duy nhất để giải thoát khỏi sự ràng buộc của Maya.

ਹਰਿ ਕੈ ਨਾਮਿ ਜਨ ਕਉ ਤ੍ਰਿਪਤਿ ਭੁਗਤਿ ॥

Đối với những người sùng đạo của Ngài, Danh Đức Chúa Trời cung cấp sự hài lòng từ Maya.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਜਨ ਕਾ ਰੂਪ ਰੰਗੁ ॥

Danh Đức Chúa Trời là vẻ đẹp và niềm vui của những người sùng đạo Ngài.

ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਕਬ ਪਰੈ ਨ ਭੰਗੁ ॥

Bằng cách nhớ đến Danh Đức Chúa Trời, người ta không bao giờ phải đối mặt với bất kỳ trở ngại nào trong cuộc sống.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਜਨ ਕੀ ਵਡਿਆਈ ॥

Danh Đức Chúa Trời là vinh quang đích thực của những người sùng đạo Ngài.

ਹਰਿ ਕੈ ਨਾਮਿ ਜਨ ਸੇਭਾ ਪਾਈ ॥

Nhờ danh Đức Chúa Trời, các tín đồ của Ngài nhận được sự tôn vinh.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਜਨ ਕਉ ਭੋਗ ਜੋਗ ॥

Niềm vui của Maya và yoga cho các tín đồ của Ngài nằm trong Danh Đức Chúa Trời.

ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਕਛੁ ਨਾਹਿ ਬਿਓਗੁ ॥

Bằng cách suy gẫm Danh Đức Chúa Trời, người sùng đạo không bao giờ cảm thấy đau đớn và chia ly.

ਜਨੁ ਰਾਤਾ ਹਰਿ ਨਾਮ ਕੀ ਸੇਵਾ ॥

Người sùng đạo của Ngài luôn mãi mê trong sự tưởng nhớ của Ngài,

ਨਾਨਕ ਪੂਜੈ ਹਰਿ ਹਰਿ ਦੇਵਾ ॥੬॥

O Nanak, người sùng đạo luôn tôn thờ Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi.

ਹਰਿ ਹਰਿ ਜਨ ਕੈ ਮਾਲੁ ਖਜੀਨਾ ॥

Đối với những người sùng đạo, Danh Đức Chúa Trời là kho báu của sự giàu có.

ਹਰਿ ਧਨੁ ਜਨ ਕਉ ਆਪਿ ਪ੍ਰਭਿ ਦੀਨਾ ॥

Chính Đức Chúa Trời đã ban phước cho tín đồ của Ngài kho tàng Naam này.

ਹਰਿ ਹਰਿ ਜਨ ਕੈ ਓਟ ਸਤਾਣੀ ॥

Danh Đức Chúa Trời là sự hỗ trợ mạnh mẽ cho các tín đồ của Ngài.

ਹਰਿ ਪ੍ਰਤਾਪਿ ਜਨ ਅਵਰ ਨ ਜਾਣੀ ॥

Bởi sự vĩ đại của Đức Chúa Trời, các tín đồ không tìm kiếm bất kỳ sự hỗ trợ nào khác.

ਓਤਿ ਪੋਤਿ ਜਨ ਹਰਿ ਰਸਿ ਰਾਤੇ ॥

Qua và qua đó, các tín đồ của Ngài luôn thấm nhuần tình yêu của Đức Chúa Trời.

ਸੁੰਨ ਸਮਾਧਿ ਨਾਮ ਰਸ ਮਾਤੇ ॥

Hoàn toàn đắm chìm trong tình yêu của Thiên Chúa, họ tận hưởng sự yên tĩnh hoàn toàn trong thiền định.

ਆਠ ਪਹਰ ਜਨੁ ਹਰਿ ਹਰਿ ਜਪੈ ॥

Mọi lúc, người sùng đạo đọc tên của Chúa.

ਹਰਿ ਕਾ ਭਗਤੁ ਪ੍ਰਗਟ ਨਹੀ ਛਪੈ ॥

Người thờ phượng Đức Chúa Trời trở nên được biết đến và tôn trọng; Ngài không giấu giếm.

ਹਰਿ ਕੀ ਭਗਤਿ ਮੁਕਤਿ ਬਹੁ ਕਰੇ ॥

Sự thờ phượng sùng kính của Thiên Chúa, giải phóng nhiều người khỏi tệ nạn.

ਨਾਨਕ ਜਨ ਸੰਗਿ ਕੇਤੇ ਤਰੇ ॥੧॥

O Nanak, nhiều người khác ở lại trong công ty, những người sùng đạo của Ngài, bơi qua đại dương thế giới của những tệ nạn.

ਪਾਰਜਾਤੁ ਇਹੁ ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਮ ॥

Tên của Thiên Chúa giống như 'Paarijat' (Cây Elysian thần thoại của sức mạnh kỳ diệu).

ਕਾਮਧੇਨ ਹਰਿ ਹਰਿ ਗੁਣ ਗਾਮ ॥

Hát những lời ca ngợi của Chúa giống như kaamdhen (con bò thần thoại) có thể ban cho mọi điều ước.

ਸਭ ਤੇ ਉਤਮ ਹਰਿ ਕੀ ਕਥਾ ॥

Nói về đức tính của Đức Chúa Trời có tầm quan trọng lớn hơn tất cả các cuộc nói chuyện khác.

ਨਾਮੁ ਸੁਨਤ ਦਰਦ ਦੁਖ ਲਥਾ ॥

Lắng nghe Naam, nỗi đau và nỗi buồn được loại bỏ.

ਨਾਮ ਕੀ ਮਹਿਮਾ ਸੰਤ ਰਿਦ ਵਸੈ ॥

Vinh quang của Naam ngự trong trái tim của các thánh đồ của Ngài.

ਸੰਤ ਪ੍ਰਤਾਪਿ ਦੁਰਤੁ ਸਭੁ ਨਸੈ ॥

Nhờ các phước lành của các thánh đồ của Ngài, mọi tội lỗi đều được xua tan.

ਸੰਤ ਕਾ ਸੰਗੁ ਵਡਭਾਗੀ ਪਾਈਐ ॥

Công ty của các Thánh có được nhờ may mắn lớn.

ਸੰਤ ਕੀ ਸੇਵਾ ਨਾਮੁ ਧਿਆਈਐ ॥

Bằng cách tuân theo lời dạy của các vị thánh (Guru), một người điên về Naam

ਨਾਮ ਤੁਲਿ ਕਛੁ ਅਵਰੁ ਨ ਹੋਇ ॥

Không có gì bằng Naam.

ਨਾਨਕ ਗੁਰਮੁਖਿ ਨਾਮੁ ਪਾਵੈ ਜਨੁ ਕੋਇ ॥੮॥੨॥

O 'Nanak, hiếm có người nhận Naam từ Guru.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਬਹੁ ਸਾਸਤ੍ਰੁ ਬਹੁ ਸਿਮ੍ਰਿਤੀ ਪੇਖੇ ਸਰਬ ਢਢੇਲਿ ॥

Tôi đã nhìn thấy và tìm kiếm nhiều Shastras và Simritees (những cuốn sách thánh về đức tin, nghi lễ và quy tắc ứng xử).

ਪੂਜਸਿ ਨਾਹੀ ਹਰਿ ਹਰੇ ਨਾਨਕ ਨਾਮ ਅਮੋਲ ॥੧॥

O Nanak, những lời dạy trong những sách thánh này không đạt đến bất cứ nơi nào gần với công đức của việc suy ngẫm về Danh vô giá của Đức Chúa Trời.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਜਾਪ ਤਾਪ ਗਿਆਨ ਸਭਿ ਧਿਆਨ ॥

Nếu một người thực hiện các nghi thức tụng, trải qua sự đền tội, có được kiến thức tâm linh và tập trung vào tất cả các loại thiền định,

ਖਟ ਸਾਸਤ੍ਰੁ ਸਿਮ੍ਰਿਤਿ ਵਖਿਆਨ ॥

đưa ra các bài giảng về sáu shastras và Smritis (sách kiến thức tâm linh),

ਜੋਗ ਅਭਿਆਸ ਕਰਮ ਧ੍ਰਮ ਕਿਰਿਆ ॥

thực hành Yoga và hành vi chính đáng;

ਸਗਲ ਤਿਆਗਿ ਬਨ ਮਧੇ ਫਿਰਿਆ ॥

từ bỏ mọi thứ và lang thang trong vùng hoang dã;

ਅਨਿਕ ਪ੍ਰਕਾਰ ਕੀਏ ਬਹੁ ਜਤਨਾ ॥

thực hiện tất cả các loại nỗ lực để làm hài lòng Đức Chúa Trời,

ਪੁੰਨ ਦਾਨ ਹੋਮੇ ਬਹੁ ਰਤਨਾ ॥

quyên góp cho các tổ chức từ thiện và thực hiện havan (lửa thiêng) bằng cách đốt nhiều dầu;

ਸਰੀਰੁ ਕਟਾਇ ਹੋਮੇ ਕਰਿ ਰਾਤੀ ॥

bị cắt xác thành những mảnh nhỏ và đốt chúng trong lửa nghi lễ,

ਵਰਤ ਨੇਮ ਕਰੈ ਬਹੁ ਭਾਤੀ ॥

tuân thủ nhịn ăn và tất cả các loại nghi lễ với thói quen nghiêm ngặt,

ਨਹੀ ਤੁਲਿ ਰਾਮ ਨਾਮ ਬੀਚਾਰ ॥

Tất cả những điều này vẫn không bằng công đức để chiêm ngưỡng Danh Đức Chúa Trời,

ਨਾਨਕ ਗੁਰਮੁਖਿ ਨਾਮੁ ਜਪੀਐ ਇਕ ਬਾਰ ॥੧॥

Ngay cả khi, O 'Nanak, Danh của Thượng Đế, được nhận lãnh thông qua Guru, được đọc một lần với tình yêu và lòng sùng kính.

ਨਉ ਖੰਡ ਪ੍ਰਿਥਮੀ ਫਿਰੈ ਚਿਰੁ ਜੀਵੈ ॥

Nếu một người đi khắp thế giới và sống một cuộc sống lâu dài,

ਮਹਾ ਉਦਾਸੁ ਤਪੀਸਰੁ ਥੀਵੈ ॥

hoàn toàn tách rời khỏi thế giới như một nhà khổ hạnh vĩ đại,

ਅਗਨਿ ਮਾਹਿ ਹੋਮਤ ਪਰਾਨ ॥

hy sinh mạng sống của mình trong Lửa thiêng liêng,

ਕਨਿਕ ਅਸ੍ਰੁ ਹੈਵਰ ਭੂਮਿ ਦਾਨ ॥

cho đi vàng, ngựa, voi và đất để làm từ thiện;

ਨਿਉਲੀ ਕਰਮ ਕਰੈ ਬਹੁ ਆਸਨ ॥

thực hành các kỹ thuật làm sạch bên trong và tất cả các loại tư thế Yoga;

ਜੈਨ ਮਾਰਗ ਸੰਜਮ ਅਤਿ ਸਾਧਨ ॥

áp dụng những cách tự làm nhục bản thân của người Jain và các kỷ luật tâm linh vĩ đại;

ਨਿਮਖ ਨਿਮਖ ਕਰਿ ਸਰੀਰੁ ਕਟਾਵੈ ॥

cơ thể của anh ấy bị cắt từng mảnh,

ਤਉ ਭੀ ਹਉਮੈ ਮੈਲੁ ਨ ਜਾਵੈ ॥

Ngay cả khi đó, sự bẩn thỉu của bản ngã sẽ không rời đi.

ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਮ ਸਮਸਰਿ ਕਛੁ ਨਾਹਿ ॥

Không có gì có thể sánh được với tên của Đức Chúa Trời.

ਨਾਨਕ ਗੁਰਮੁਖਿ ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਗਤਿ ਪਾਹਿ ॥੨॥

O 'Nanak, những người theo Guru có được trạng thái tâm linh tối cao bằng cách suy ngẫm về Danh Đức Chúa Trời với tình yêu và sự tận tâm.

ਮਨ ਕਾਮਨਾ ਤੀਰਥ ਦੇਹ ਛੁਟੈ ॥

Một số người có thể muốn chết tại một nơi linh thiêng;

ਗਰਬੁ ਗੁਮਾਨੁ ਨ ਮਨ ਤੇ ਹੁਟੈ ॥

nhưng ngay cả khi đó, niềm kiêu hãnh tự cao tự đại không giảm đi khỏi tâm trí.

ਸੋਚ ਕਰੈ ਦਿਨਸੁ ਅਰੁ ਰਾਤਿ ॥

Người ta có thể thực hành tắm rửa tại các thánh địa cả ngày lẫn đêm,

ਮਨ ਕੀ ਮੈਲੁ ਨ ਤਨ ਤੇ ਜਾਤਿ ॥

Nhưng sự bẩn thỉu của tâm trí không rời khỏi cơ thể.

ਇਸੁ ਦੇਹੀ ਕਉ ਬਹੁ ਸਾਧਨਾ ਕਰੈ ॥

Người ta có thể khiến cơ thể tuân theo tất cả các loại kỷ luật,

ਮਨ ਤੇ ਕਬਹੂ ਨ ਬਿਖਿਆ ਟਰੈ ॥

những đam mê xấu xa không rời khỏi tâm trí.

ਜਲਿ ਧੋਵੈ ਬਹੁ ਦੇਹ ਅਨੀਤਿ ॥

Người ta có thể rửa cơ thể tạm thời này bằng vô số nước,

ਸੁਧ ਕਹਾ ਹੋਇ ਕਾਚੀ ਭੀਤਿ ॥

nhưng làm thế nào một bức tường bùn có thể được rửa sạch?

ਮਨ ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਮ ਕੀ ਮਹਿਮਾ ਊਚ ॥

Ôi, tâm trí của tôi, lớn nhất là vinh quang của Danh Đức Chúa Trời.

ਨਾਨਕ ਨਾਮਿ ਉਧਰੇ ਪਤਿਤ ਬਹੁ ਮੂਚ ॥੩॥

O Nanak, rất nhiều tội nhân được cứu khỏi tệ nạn bằng cách yêu thương chiêm ngẫm Naam.

ਬਹੁਤੁ ਸਿਆਣਪੁ ਜਮ ਕਾ ਭਉ ਬਿਆਪੈ ॥

Bằng cách trở nên thông minh hơn, người ta bị ảnh hưởng bởi nỗi sợ hãi cái chết,

ਅਨਿਕ ਜਤਨ ਕਰਿ ਤ੍ਰਿਸਨ ਨਾ ਧ੍ਰਾਪੈ ॥

Tất cả các loại nỗ lực thông minh là vô ích để thỏa mãn những ham muốn trần tục.

ਭੇਖ ਅਨੇਕ ਅਗਨਿ ਨਹੀ ਬੁਝੈ ॥

Mặc áo choàng tôn giáo khác nhau, không dập tắt ngọn lửa của những ham muốn trần tục.

ਕੇਟਿ ਉਪਾਵ ਦਰਗਹ ਨਹੀ ਸਿਝੈ ॥

Thực hiện hàng triệu nỗ lực như vậy không giúp được chấp nhận trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਛੂਟਸਿ ਨਾਹੀ ਉਭ ਪਇਆਲਿ ॥

Với tất cả những nỗ lực như vậy, người ta không được giải thoát khỏi sự ràng buộc của thế gian, nếu một người trốn thoát lên bầu trời hoặc ẩn náu trong những vùng sâu thẳm.

ਮੇਹਿ ਬਿਆਪਹਿ ਮਾਇਆ ਜਾਲਿ ॥

Thay vào đó, người ta cứ vướng vào mạng lưới của những ràng buộc và ham muốn tình cảm.

ਅਵਰ ਕਰਤੂਤਿ ਸਗਲੀ ਜਮੁ ਡਾਨੈ ॥

Tất cả những nỗ lực khác đều bị trừng phạt bởi Sứ giả của Tử thần,

ਗੋਵਿੰਦ ਭਜਨ ਬਿਨੁ ਤਿਲੁ ਨਹੀ ਮਾਨੈ ॥

Ai không chấp nhận điều gì khác, ngoài thiền định về Đức Chúa Trời Toàn Trí.

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਦੁਖੁ ਜਾਇ ॥

Bằng cách suy gẫm Danh Đức Chúa Trời với lòng sùng kính yêu thương, mọi nỗi buồn đều được xua tan.

ਨਾਨਕ ਬੋਲੈ ਸਹਜਿ ਸੁਭਾਇ ॥੪॥

Nanak nói điều này một cách trực giác.

ਚਾਰਿ ਪਦਾਰਥ ਜੇ ਕੇ ਮਾਰੈ ॥

Nếu một người muốn bốn phước lành hồng y, (sự công bình, của cải thế gian, sinh sản và cứu rỗi).

ਸਾਧ ਜਨਾ ਕੀ ਸੇਵਾ ਲਾਰੈ ॥

anh ta nên tuân theo những lời dạy của các Thánh (Guru).

ਜੇ ਕੇ ਆਪੁਨਾ ਦੂਖੁ ਮਿਟਾਵੈ ॥

Nếu một người muốn chấm dứt nỗi buồn của mình,

ਹਰਿ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਰਿਦੈ ਸਦ ਗਾਵੈ ॥

Sau đó, anh ta phải luôn nhớ (đọc) Danh Chúa trong trái tim.

ਜੇ ਕੇ ਅਪੁਨੀ ਸੇਭਾ ਲੇਰੈ ॥

Nếu ai đó tìm kiếm vinh quang trong tòa án của Đức Chúa Trời,

ਸਾਧਸੰਗਿ ਇਹ ਹਉਮੈ ਛੇਰੈ ॥

sau đó anh ta nên tìm kiếm hội thánh và từ bỏ bản ngã của mình.

ਜੇ ਕੇ ਜਨਮ ਮਰਣ ਤੇ ਡਰੈ ॥

Nếu người ta sợ chu kỳ sinh tử,

ਸਾਧ ਜਨਾ ਕੀ ਸਰਨੀ ਪਰੈ ॥

thì anh ta nên tìm nơi ẩn náu của Thánh.

ਜਿਸੁ ਜਨ ਕਉ ਪ੍ਰਭ ਦਰਸ ਪਿਆਸਾ ॥

Người có lòng khao khát được hiệp nhất với Thiên Chúa,

ਨਾਨਕ ਤਾ ਕੈ ਬਲਿ ਬਲਿ ਜਾਸਾ ॥੫॥

O Nanak, tôi cống hiến cuộc đời mình cho người đó.

ਸਗਲ ਪੁਰਖ ਮਹਿ ਪੁਰਖੁ ਪ੍ਰਧਾਨੁ ॥

Trong tất cả mọi người, người tối cao là người duy nhất,

ਸਾਧਸੰਗਿ ਜਾ ਕਾ ਮਿਟੈ ਅਭਿਮਾਨੁ ॥

sự kiêu ngạo tự cao tự đại khởi hành trong Công ty của thánh.

ਆਪਸ ਕਉ ਜੋ ਜਾਣੈ ਨੀਚਾ ॥

Một người tự coi mình là người thấp hèn,

ਸੇਊ ਗਨੀਐ ਸਭ ਤੇ ਉਚਾ ॥

nên được coi là cao nhất trong tất cả.

ਜਾ ਕਾ ਮਨੁ ਹੋਇ ਸਗਲ ਕੀ ਰੀਨਾ ॥

Một người rất khiêm tốn trong tâm trí,

ਹਰਿ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਤਿਨਿ ਘਟਿ ਘਟਿ ਚੀਨਾ ॥

đã thực sự nhận ra Naam, thực chất của Đức Chúa Trời trong mỗi tấm lòng.

ਮਨ ਅਪੁਨੇ ਤੇ ਬੁਰਾ ਮਿਟਾਨਾ ॥

Một người diệt trừ mọi điều ác khỏi tâm trí của chính mình,

ਪੇਖੈ ਸਗਲ ਸ੍ਰਿਸਟਿ ਸਾਜਨਾ ॥

Nhìn cả thế giới như một người bạn

ਸੂਖ ਦੂਖ ਜਨ ਸਮ ਦ੍ਰਿਸਟੇਤਾ ॥

Một người nhìn vào niềm vui và nỗi đau như một và giống nhau,

ਨਾਨਕ ਪਾਪ ਪੁੰਨ ਨਹੀ ਲੇਪਾ ॥੬॥

O Nanak, anh ta vượt lên trên suy nghĩ về tội lỗi hoặc đức hạnh (luôn luôn làm những việc tốt).

ਨਿਰਧਨ ਕਉ ਧਨੁ ਤੇਰੇ ਨਾਉ ॥

Đối với người sùng đạo nghèo, Danh Ngài là sự giàu có của anh ta.

ਨਿਥਾਵੇ ਕਉ ਨਾਉ ਤੇਰਾ ਥਾਉ ॥

Đối với những người sùng đạo không được hỗ trợ, Tên của bạn là sự hỗ trợ của anh ấy.

ਨਿਮਾਨੇ ਕਉ ਪ੍ਰਭੁ ਤੇਰੇ ਮਾਨੁ ॥

Lạy Chúa, Ngài là vinh dự của kẻ vô danh

ਸਗਲ ਘਟਾ ਕਉ ਦੇਵਹੁ ਦਾਨੁ ॥

Đối với tất cả mọi người, bạn là Đấng ban tặng quà.

ਕਰਨ ਕਰਾਵਨਹਾਰ ਸੁਆਮੀ ॥

Hỡi chủ nhân của tôi, Ngài làm và khiến mọi việc phải được thực hiện.

ਸਗਲ ਘਟਾ ਕੇ ਅੰਤਰਜਾਮੀ ॥

Người biết tất cả các trái tim,

ਅਪਨੀ ਗਤਿ ਮਿਤਿ ਜਾਨਹੁ ਆਪੇ ॥

Chỉ một mình bạn biết trạng thái và mức độ của bạn.

ਆਪਨ ਸੰਗਿ ਆਪਿ ਪ੍ਰਭੁ ਰਾਤੇ ॥

Lạy Chúa, Ngài đang chìm đắm chính mình.

ਤੁਮ੍ਹਰੀ ਉਸਤਤਿ ਤੁਮ ਤੇ ਹੋਇ ॥

Lạy Chúa, chỉ có Ngài mới biết sự vĩ đại của Ngài.

ਨਾਨਕ ਅਵਰੁ ਨ ਜਾਨਸਿ ਕੋਇ ॥੭॥

O Nanak, không ai khác biết sự vĩ đại của Ngài.

ਸਰਬ ਧਰਮ ਮਹਿ ਸ੍ਰੇਸਟ ਧਰਮੁ ॥

Trong tất cả các đức tin, đức tin tốt nhất là,

ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਮੁ ਜਪਿ ਨਿਰਮਲ ਕਰਮੁ ॥

là suy gẫm Danh Đức Chúa Trời và thực hiện những việc làm vô nhiễm.

ਸਗਲ ਕ੍ਰਿਆ ਮਹਿ ਉਤਮ ਕਿਰਿਆ ॥

Trong tất cả các nghi lễ tôn giáo, nghi lễ cao siêu nhất,

ਸਾਧਸੰਗਿ ਦੁਰਮਤਿ ਮਲੁ ਹਿਰਿਆ ॥

là xóa bỏ sự bẩn thỉu của những suy nghĩ xấu xa trong Công ty của Thánh.

ਸਗਲ ਉਦਮ ਮਹਿ ਉਦਮੁ ਭਲਾ ॥

Trong tất cả các nỗ lực, nỗ lực tốt nhất,

ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਜਪਹੁ ਜੀਅ ਸਦਾ ॥

là luôn luôn đọc Danh Thiên Chúa với tình yêu và đam mê.

ਸਗਲ ਬਾਨੀ ਮਹਿ ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਬਾਨੀ ॥

Trong tất cả các từ được nói, từ khó hiểu nhất,

ਹਰਿ ਕੇ ਜਸੁ ਸੁਨਿ ਰਸਨ ਬਖਾਨੀ ॥

là lắng nghe và thốt lên những lời ca ngợi của Chúa.

ਸਗਲ ਥਾਨ ਤੇ ਓਹੁ ਉਤਮ ਥਾਨੁ ॥

Trong tất cả mọi nơi, nơi tuyệt vời nhất,

ਨਾਨਕ ਜਿਹ ਘਟਿ ਵਸੈ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ॥੮॥੩॥

O Nanak, là tấm lòng mà Danh Đức Chúa Trời ngự trong đó.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਨਿਰਗੁਨੀਆਰ ਇਆਨਿਆ ਸੇ ਪ੍ਰਭੁ ਸਦਾ ਸਮਾਲਿ ॥

Hỡi kẻ vô đức, ngu dốt, luôn nhớ đến Chúa.

ਜਿਨਿ ਕੀਆ ਤਿਸੁ ਚੀਤਿ ਰਖੁ ਨਾਨਕ ਨਿਬਹੀ ਨਾਲਿ ॥੧॥

Hỡi Nanak, hãy trân trọng trong ý thức của bạn Đấng đã tạo ra bạn, một mình Ngài sẽ ở với bạn khi bạn rời khỏi thế giới này.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਰਮਈਆ ਕੇ ਗੁਨ ਚੇਤਿ ਪਰਾਨੀ ॥

Hỡi phàm nhân, hãy nhớ những đức tính của Đức Chúa Trời tràn ngập khắp nơi.

ਕਵਨ ਮੂਲ ਤੇ ਕਵਨ ਦ੍ਰਿਸਟਾਨੀ ॥

Từ những vật liệu cơ bản (trứng và tinh trùng) Ông đã tạo ra cơ thể xinh đẹp này.

ਜਿਨਿ ਤੂੰ ਸਾਜਿ ਸਵਾਰਿ ਸੀਗਾਰਿਆ ॥

Người đã tạo hình, tô điểm và trang trí cho bạn,

ਗਰਭ ਅਗਨਿ ਮਹਿ ਜਿਨਹਿ ਉਬਾਰਿਆ ॥

Trong ngọn lửa của tử cung, Ngài đã bảo tồn bạn.

ਬਾਰ ਬਿਵਸਥਾ ਤੁਝਹਿ ਪਿਆਰੈ ਦੂਧ ॥

Anh ấy đã cung cấp cho sự nuôi dưỡng của bạn (sữa) trong giai đoạn trứng nước.

ਭਰਿ ਜੇਬਨ ਭੋਜਨ ਸੁਖ ਸੂਧ ॥

Trong thời kỳ đỉnh cao của tuổi trẻ, Ngài đã ban cho bạn cảm giác về thức ăn và các tiện nghi khác.

ਬਿਰਧਿ ਭਇਆ ਉਪਰਿ ਸਾਕ ਸੈਨ ॥

Khi bạn lớn lên, Ngài đã cung cấp cho bạn gia đình và bạn bè để chăm sóc bạn.

ਮੁਖਿ ਅਪਿਆਉ ਬੈਠ ਕਉ ਦੈਨ ॥

để nuôi bạn khi bạn nghỉ ngơi,

ਇਹੁ ਨਿਰਗੁਨੁ ਗੁਨੁ ਕਛੁ ਨ ਬੁਝੈ ॥

Lạy Đức Chúa Trời, con người vô đức này không đánh giá cao giá trị của bất kỳ ân huệ nào của Ngài dành cho anh ta,

ਬਖਸਿ ਲੇਹੁ ਤਉ ਨਾਨਕ ਸੀਝੈ ॥੧॥

O Nanak, Nếu Ngài ban phước cho anh ta với sự tha thứ, chỉ khi đó anh ta mới có thể thành công trong việc đạt được Mục tiêu của cuộc sống con người.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਧਰ ਉਪਰਿ ਸੁਖਿ ਬਸਹਿ ॥

Nhờ ân điển của ai, bạn ở trong sự thoải mái trên trái đất.

ਸੁਤ ਭ੍ਰਾਤ ਮੀਤ ਬਨਿਤਾ ਸੰਗਿ ਹਸਹਿ ॥

Với con cái, anh chị em, bạn bè và vợ/chồng, bạn cười và tận hưởng chính mình.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਪੀਵਹਿ ਸੀਤਲ ਜਲਾ ॥

Bởi Whose Grace, bạn tận hưởng làn nước mát dịu nhẹ này,

ਸੁਖਦਾਈ ਪਵਨੁ ਪਾਵਕੁ ਅਮੁਲਾ ॥

cùng với không khí nhẹ nhàng vô giá và lửa.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਭੋਗਹਿ ਸਭਿ ਰਸਾ ॥

Nhờ ân sung của ai, bạn tận hưởng tất cả các loại thú vui,

ਸਗਲ ਸਮਗ੍ਰੀ ਸੰਗਿ ਸਾਥਿ ਬਸਾ ॥

và được cung cấp tất cả các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống.

ਦੀਨੇ ਹਸਤ ਪਾਵ ਕਰਨ ਨੇਤ੍ਰੁ ਰਸਨਾ ॥

Ai đã ban cho bạn tay, chân, tai, mắt và lưỡi,

ਤਿਸਹਿ ਤਿਆਗਿ ਅਵਰ ਸੰਗਿ ਰਚਨਾ ॥

Tuy nhiên, bạn từ bỏ Ngài và gắn bó với người khác.

ਐਸੇ ਦੇਖ ਮੂੜ ਅੰਧ ਬਿਆਪੇ ॥

Những kẻ ngu ngốc mù quáng về mặt tinh thần đang bị kìm kẹp bởi những sai lầm tội lỗi như vậy;

ਨਾਨਕ ਕਾਢਿ ਲੇਹੁ ਪ੍ਰਭ ਆਪੇ ॥੨॥

Lạy Chúa, xin cứu họ khỏi những sai lầm tội lỗi này, Nanak cầu nguyện.

ਆਦਿ ਅੰਤਿ ਜੇ ਰਾਖਨਹਾਰੁ ॥

Đấng là Đấng bảo vệ chúng ta từ khi sinh ra cho đến khi chết,

ਤਿਸ ਸਿਉ ਪ੍ਰੀਤਿ ਨ ਕਰੈ ਗਵਾਰੁ ॥

Tuy nhiên, người ngu dốt không yêu Ngài.

ਜਾ ਕੀ ਸੇਵਾ ਨਵ ਨਿਧਿ ਪਾਵੈ ॥

Phục vụ Đấng bằng cách thiền định về Naam giống như chín kho báu của thế gian.

ਤਾ ਸਿਉ ਮੂੜਾ ਮਨੁ ਨਹੀ ਲਾਵੈ ॥

Tuy nhiên, người ngu ngốc không hòa hợp tâm trí của mình với Ngài.

ਜੇ ਠਾਕੁਰੁ ਸਦ ਸਦਾ ਹਜ਼ੂਰੇ ॥

Đó là Thiên Chúa, Đấng luôn hiện diện bên trong và xung quanh chúng ta,

ਤਾ ਕਉ ਅੰਧਾ ਜਾਨਤ ਦੂਰੇ ॥

Người mù thuộc linh tin rằng Ngài ở rất xa.

ਜਾ ਕੀ ਟਹਲ ਪਾਵੈ ਦਰਗਹ ਮਾਨੁ ॥

Trong sự phục vụ của Ngài bằng cách thiền định, một người nhận được danh dự trong triều đình của Đức Chúa Trời,

ਤਿਸਹਿ ਬਿਸਾਰੈ ਮੁਗਧੁ ਅਜਾਨੁ ॥

Tuy nhiên, kẻ ngu dốt về mặt tâm linh quên Ngài.

ਸਦਾ ਸਦਾ ਇਹੁ ਭੂਲਨਹਾਰੁ ॥

Mãi mãi và mãi mãi, người này phạm sai lầm;

ਨਾਨਕ ਰਾਖਨਹਾਰੁ ਅਪਾਰੁ ॥੩॥

O Nanak, Đức Chúa Trời vô hạn là Đấng Cứu Rỗi của chúng ta.

ਰਤਨੁ ਤਿਆਗਿ ਕਉਡੀ ਸੰਗਿ ਰਚੈ ॥

Từ bỏ Naam vô giá, người ta mãi mê với sự giàu có của thế gian.

ਸਾਚੁ ਛੇਡਿ ਝੂਠ ਸੰਗਿ ਮਚੈ ॥

Anh ta từ bỏ Sự thật và chấp nhận sự giả dối.

ਜੇ ਛਡਨਾ ਸੁ ਅਸਥਿਰੁ ਕਰਿ ਮਾਨੈ ॥

Điều mà cuối cùng phải bị bỏ rơi, anh ta tin rằng nó là vĩnh cửu,

ਜੇ ਹੋਵਨੁ ਸੇ ਦੂਰਿ ਪਰਾਨੈ ॥

Đó (cái chết) sắp xảy ra, anh ta tin rằng còn xa.

ਛੇਡਿ ਜਾਇ ਤਿਸ ਕਾ ਸ੍ਰਮੁ ਕਰੈ ॥

Anh ta đấu tranh cho sự giàu có thế gian, mà cuối cùng anh ta phải bỏ lại phía sau.

ਸੰਗਿ ਸਹਾਈ ਤਿਸੁ ਪਰਹਰੈ ॥

Anh ta quay lưng lại với Chúa, Đấng luôn ở bên anh ta.

ਚੰਦਨ ਲੇਪੁ ਉਤਾਰੈ ਧੋਇ ॥ ਗਰਧਬ ਪ੍ਰੀਤਿ ਭਸਮ ਸੰਗਿ ਹੋਇ ॥

Anh ta giống như một con lừa, người ngay cả khi được xúc dầu bằng sandal, sẽ rửa sạch nó vì đó là tình yêu chỉ bằng tro tàn.

ਅੰਧ ਕੂਪ ਮਹਿ ਪਤਿਤ ਬਿਕਰਾਲ ॥

Anh ta đã rơi vào hố sâu, tối tăm của tệ nạn.

ਨਾਨਕ ਕਾਢਿ ਲੇਹੁ ਪ੍ਰਭ ਦਇਆਲ ॥੪॥

Hỡi Nanak, hãy cầu nguyện và thưa rằng: Lạy Thiên Chúa nhân từ, xin cứu nó khỏi chết đuối trong đại dương tệ nạn.

ਕਰਤੂਤਿ ਪਸੂ ਕੀ ਮਾਨਸ ਜਾਤਿ ॥

Anh ta thuộc về loài người, nhưng anh ta hành động như động vật.

ਲੋਕ ਪਚਾਰਾ ਕਰੈ ਦਿਨੁ ਰਾਤਿ ॥

Ngày và đêm, anh ấy bận rộn thể hiện (sự giàu có và trí tuệ của mình) cho người khác.

ਬਾਹਰਿ ਭੇਖ ਅੰਤਰਿ ਮਲੁ ਮਾਇਆ ॥

Bề ngoài, anh ta mặc áo choàng tôn giáo, nhưng bên trong là sự bẩn thỉu của Maya.

ਛਪਸਿ ਨਾਹਿ ਕਛੁ ਕਰੈ ਛਪਾਇਆ ॥

Anh ta không thể che giấu điều này, cho dù anh ta có cố gắng thế nào.

ਬਾਹਰਿ ਗਿਆਨ ਧਿਆਨ ਇਸਨਾਨ ॥

Bề ngoài, anh ta hiển thị kiến thức, thiền định và thanh lọc,

ਅੰਤਰਿ ਬਿਆਪੈ ਲੇਭੁ ਸੁਆਨੁ ॥

nhưng bên trong bám vào lòng tham như chó.

ਅੰਤਰਿ ਅਗਨਿ ਬਾਹਰਿ ਤਨੁ ਸੁਆਹ ॥

Ngọn lửa ham muốn hoành hành bên trong; nhưng bên ngoài anh ta bôi tro vào cơ thể. (xuất hiện như một Yogi đã từ bỏ mọi ham muốn trần tục

ਗਲਿ ਪਾਥਰ ਕੈਸੇ ਤਰੈ ਅਥਾਹ ॥

Với vô số những ham muốn trần tục và tội lỗi như những viên đá quanh cổ, làm sao người ta có thể bơi qua đại dương không thể dò được của những tệ nạn?

ਜਾ ਕੈ ਅੰਤਰਿ ਬਸੈ ਪ੍ਰਭੁ ਆਪਿ ॥

Người trong lòng mà chính Đức Chúa Trời ngự,

ਨਾਨਕ ਤੇ ਜਨ ਸਹਜਿ ਸਮਾਤਿ ॥੫॥

O Nanak, người đó bằng trực giác thấm nhuần tình yêu của Đức Chúa Trời.

ਸੁਨਿ ਅੰਧਾ ਕੈਸੇ ਮਾਰਗੁ ਪਾਵੈ ॥

Chỉ cần lắng nghe, làm thế nào người mù có thể tìm thấy con đường?

ਕਰੁ ਗਹਿ ਲੇਹੁ ਓੜਿ ਨਿਬਹਾਵੈ ॥

Nếu ai đó nắm tay anh ta, thì anh ta có thể đến đích.

ਕਹਾ ਬੁਝਾਰਤਿ ਬੁਝੈ ਡੇਰਾ ॥

Làm thế nào một câu đố có thể được hiểu bởi người điếc?

ਨਿਸਿ ਕਹੀਐ ਤਉ ਸਮਝੈ ਭੇਰਾ ॥

Nói 'đêm', và anh ấy nghĩ bạn nói 'ngày'.

ਕਹਾ ਬਿਸਨਪਦ ਗਾਵੈ ਗੂੰਗ ॥

Làm thế nào người câm có thể hát những bài hát sùng đạo?

ਜਤਨ ਕਰੈ ਤਉ ਭੀ ਸੁਰ ਭੰਗ ॥

Anh ta có thể cố gắng, nhưng giọng nói của anh ta sẽ làm anh ta thất bại.

ਕਹ ਪਿੰਗੁਲ ਪਰਬਤ ਪਰ ਭਵਨ ॥

Làm thế nào người tàn tật có thể leo lên núi?

ਨਹੀ ਹੋਤ ਉਹਾ ਉਸੁ ਗਵਨ ॥

Anh ta chỉ đơn giản là không thể đến đó.

ਕਰਤਾਰ ਕਰੁਣਾ ਮੈ ਦੀਨੁ ਬੇਨਤੀ ਕਰੈ ॥

Hỡi Đấng Tạo Hóa, Chúa thương xót, đầy tớ khiêm nhường của Ngài cầu nguyện.

ਨਾਨਕ ਤੁਮਰੀ ਕਿਰਪਾ ਤਰੈ ॥੬॥

O Nanak, chỉ có lòng tốt của bạn mới có thể cứu một người phạm khỏi thế giới đọa đương tệ nạn.

ਸੰਗਿ ਸਹਾਈ ਸੁ ਆਵੈ ਨ ਚੀਤਿ ॥

Thiên Chúa, người luôn ở bên anh ta như là sự hỗ trợ, người phạm không nhớ đến anh ta,

ਜੇ ਬੈਰਾਈ ਤਾ ਸਿਉ ਪ੍ਰੀਤਿ ॥

Thay vào đó, thể hiện tình yêu với kẻ thù của mình, Maya.

ਬਲੂਆ ਕੇ ਗ੍ਰਿਹ ਭੀਤਰਿ ਬਸੈ ॥

Người phạm sống trong cơ thể giống như một lâu đài cát, sụp đổ.

ਅਨਦ ਕੇਲ ਮਾਇਆ ਰੰਗਿ ਰਸੈ ॥

thích các trò chơi của thú vui trần tục và thị hiếu của Maya.

ਦ੍ਰਿੜੁ ਕਰਿ ਮਾਨੈ ਮਨਹਿ ਪ੍ਰਤੀਤਿ ॥

Ông tin tưởng mạnh mẽ rằng việc ở lại thế giới này và những thú vui trần tục là vĩnh viễn.

ਕਾਲੁ ਨ ਆਵੈ ਮੂੜੇ ਚੀਤਿ ॥

Ý nghĩ về cái chết thậm chí không đến với tâm trí của kẻ ngu ngốc.

ਬੈਰ ਬਿਰੋਧ ਕਾਮ ਕ੍ਰੋਧ ਮੋਹ ॥

Ghét, xung đột, ham muốn, tức giận, gấn bó tình cảm,

ਝੂਠ ਬਿਕਾਰ ਮਹਾ ਲੋਭ ਧ੍ਰੋਹ ॥

sự giả dối, tội lỗi, tham lam và lừa dối vô cùng:

ਇਆਹੂ ਜੁਗਤਿ ਬਿਹਾਨੇ ਕਈ ਜਨਮ ॥

Vì vậy, nhiều cuộc sống bị lãng phí theo những cách này.

ਨਾਨਕ ਰਾਖਿ ਲੇਹੁ ਆਪਨ ਕਰਿ ਕਰਮ ॥੭॥

Lay Chúa, xin hãy tỏ lòng thương xót và bảo vệ anh ta khỏi những tệ nạn này, Nanak cầu nguyện.

ਤੂ ਠਾਕੁਰੁ ਤੁਮ ਪਹਿ ਅਰਦਾਸਿ ॥

Lạy Đức Chúa Trời, Ngài là Thầy, chúng con dâng lời cầu nguyện này cho Ngài.

ਜੀਉ ਪਿੰਡੁ ਸਭੁ ਤੇਰੀ ਰਾਸਿ ॥

Thân xác và linh hồn này là tất cả những phước lành của Ngài.

ਤੁਮ ਮਾਤ ਪਿਤਾ ਹਮ ਬਾਰਿਕ ਤੇਰੇ ॥

Bạn là mẹ và cha của chúng tôi; chúng tôi là con của bạn.

ਤੁਮਰੀ ਕ੍ਰਿਪਾ ਮਹਿ ਸੁਖ ਘਨੇਰੇ ॥

Trong ân sủng của bạn, có rất nhiều niềm vui và bình an!

ਕੋਇ ਨ ਜਾਨੈ ਤੁਮਰਾ ਅੰਤੁ ॥

Không ai biết giới hạn của bạn.

ਉਚੇ ਤੇ ਉਚਾ ਭਗਵੰਤ ॥

Hỡi Đấng Tối Cao, Đức Chúa Trời quảng đại nhất,

ਸਗਲ ਸਮਗ੍ਰੀ ਤੁਮਰੈ ਸੂਤ੍ਰਿ ਧਾਰੀ ॥

toàn bộ vũ trụ được hỗ trợ và điều hành bởi mệnh lệnh của bạn.

ਤੁਮ ਤੇ ਹੋਇ ਸੁ ਆਗਿਆਕਾਰੀ ॥

Những gì đến từ Ngài là dưới sự chỉ huy của Ngài.

ਤੁਮਰੀ ਗਤਿ ਮਿਤਿ ਤੁਮ ਹੀ ਜਾਨੀ ॥

Chỉ một mình bạn biết trạng thái và mức độ của bạn.

ਨਾਨਕ ਦਾਸ ਸਦਾ ਕੁਰਬਾਨੀ ॥੮॥੪॥

Lạy Chúa, con dâng hiến cuộc đời con cho Ngài mãi mãi, Nanak nói.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਦੇਨਹਾਰੁ ਪ੍ਰਭ ਛੇਡਿ ਕੈ ਲਾਗਹਿ ਆਨ ਸੁਆਇ ॥

Một người từ bỏ Đức Chúa Trời nhân từ, và gắn bó với những thú vui trần tục,

ਨਾਨਕ ਕਹੂ ਨ ਸੀਝਈ ਬਿਨੁ ਨਾਵੈ ਪਤਿ ਜਾਇ ॥੧॥

Này Nanak, một người như vậy sẽ không bao giờ thành công trong cuộc hành trình của cuộc đời. Nếu không có Naam, anh ta sẽ mất danh dự của mình.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਦਸ ਬਸਤੂ ਲੇ ਪਾਛੈ ਪਾਵੈ ॥

Người phạm nhận được nhiều tiện nghi từ Đức Chúa Trời, và đặt chúng sau lưng anh ta;

ਏਕ ਬਸਤੁ ਕਾਰਨਿ ਬਿਖੇਟਿ ਗਵਾਵੈ ॥

Vì lợi ích của một điều mà Đức Chúa Trời giữ lại, anh ta đã từ bỏ đức tin của mình.

ਏਕ ਭੀ ਨ ਦੇਇ ਦਸ ਭੀ ਹਿਰਿ ਲੇਇ ॥

Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu Đức Chúa Trời lấy lại tất cả những món quà đó và không cho người mà anh ta đang phàn nàn,

ਤਉ ਮੂੜਾ ਕਹੁ ਕਹਾ ਕਰੇਇ ॥

Sau đó, những gì kẻ ngốc có thể nói hoặc làm?

ਜਿਸੁ ਠਾਕੁਰ ਸਿਉ ਨਾਹੀ ਚਾਰਾ ॥

Chủ nhân mà, lực lượng vô ích,

ਤਾ ਕਉ ਕੀਜੈ ਸਦ ਨਮਸਕਾਰਾ ॥

Hãy cúi đầu mãi mãi trong sự tôn thờ và chấp nhận ý muốn của Ngài.

ਜਾ ਕੈ ਮਨਿ ਲਾਗਾ ਪ੍ਰਭੁ ਮੀਠਾ ॥

Người có trái tim, Thiên Chúa thân yêu,

ਸਰਬ ਸੁਖ ਤਾਹੁ ਮਨਿ ਵੂਠਾ ॥

tất cả sự bình an và thú vui đến cư ngụ trong tâm trí anh.

ਜਿਸੁ ਜਨ ਅਪਨਾ ਹੁਕਮੁ ਮਨਾਇਆ ॥

Người mà Đức Chúa Trời trao quyền để chấp nhận ý muốn của Ngài,

ਸਰਬ ਥੇਕ ਨਾਨਕ ਤਿਨਿ ਪਾਇਆ ॥੧॥

O 'Nanak, cảm thấy như anh ấy đã nhận được tất cả các tiện nghi của thế giới.

ਅਗਨਤ ਸਾਹੁ ਅਪਨੀ ਦੇ ਰਾਸਿ ॥

Chúa, Chủ ngân hàng, ban cho những món quà vô tận cho người phàm,

ਖਾਤ ਪੀਤ ਬਰਤੈ ਅਨਦ ਉਲਾਸਿ ॥

người sử dụng vốn này với niềm vui và niềm vui.

ਅਪੁਨੀ ਅਮਾਨ ਕਛੁ ਬਹੁਰਿ ਸਾਹੁ ਲੇਇ ॥

Nếu một phần vốn này sau đó bị Chủ ngân hàng (Chúa) lấy lại,

ਅਗਿਆਨੀ ਮਨਿ ਰੋਸੁ ਕਰੇਇ ॥

người thiếu hiểu biết cảm thấy đau buồn và phàn nàn.

ਅਪਨੀ ਪਰਤੀਤਿ ਆਪ ਹੀ ਖੇਵੈ ॥

Bằng cách đó, chính anh ta phá hủy uy tín của chính mình,

ਬਹੁਰਿ ਉਸ ਕਾ ਬਿਸ਼ਾਸੁ ਨ ਹੋਵੈ ॥

Kết quả là không được tin tưởng một lần nữa.

ਜਿਸ ਕੀ ਬਸਤੁ ਤਿਸੁ ਆਗੈ ਰਾਖੈ ॥

Một người nào đó dâng cho Đức Chúa Trời những gì thuộc về Ngài dù sao đi nữa,

ਪ੍ਰਭ ਕੀ ਆਗਿਆ ਮਾਨੈ ਮਾਥੈ ॥

và sẵn sàng tuân theo ý muốn của Đức Chúa Trời,

ਉਸ ਤੇ ਚਉਗੁਨ ਕਰੈ ਨਿਹਾਲੁ ॥

được Ngài ban phước nhiều lần hơn.

ਨਾਨਕ ਸਾਹਿਬੁ ਸਦਾ ਦਇਆਲੁ ॥੨॥

O' Nanak, Chủ nhân của chúng ta (Đức Chúa Trời) là Đấng nhân từ mãi mãi.

ਅਨਿਕ ਭਾਤਿ ਮਾਇਆ ਕੇ ਹੇਤ ॥ ਸਰਪਰ ਹੋਵਤ ਜਾਨੁ ਅਨੇਤ ॥

Hãy hiểu rằng, nhiều hình thức chấp trước trần tục là nhất thời và chắc chắn những hình thức này sẽ qua đi.

ਬਿਰਖ ਕੀ ਛਾਇਆ ਸਿਉ ਰੰਗੁ ਲਾਵੈ ॥

Một người rơi vào tình yêu với bóng cây,

ਓਹ ਬਿਨਸੈ ਉਹੁ ਮਨਿ ਪਛੁਤਾਵੈ ॥

và khi nó biến mất, anh cảm thấy hối hận trong tâm trí.

ਜੇ ਦੀਸੈ ਸੇ ਚਾਲਨਹਾਰੁ ॥

Bất cứ điều gì được nhìn thấy, là nhất thời

ਲਪਟਿ ਰਹਿਓ ਤਹ ਅੰਧ ਅੰਧਾਰੁ ॥

Tuy nhiên, người mù nhất trong số những người mù bám lấy nó.

ਬਟਾਉ ਸਿਉ ਜੇ ਲਾਵੈ ਨੇਹ ॥

Bất cứ ai yêu một người qua đường,

ਤਾ ਕਉ ਹਾਥਿ ਨ ਆਵੈ ਕੇਹ ॥

Không thu được gì từ mối quan hệ.

ਮਨ ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਮ ਕੀ ਪ੍ਰੀਤਿ ਸੁਖਦਾਈ ॥

Chỉ có tình yêu với Danh Đức Chúa Trời mới ban sự bình an.

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਨਾਨਕ ਆਪਿ ਲਏ ਲਾਈ ॥੩॥

Hỡi Nanak, tình yêu của Ngài chỉ được đón nhận bởi những người mà chính Ngài ban phước với nó.

ਮਿਥਿਆ ਤਨੁ ਧਨੁ ਕੁਟੰਬੁ ਸਬਾਇਆ ॥

Sai (dễ hư hỏng) là cơ thể, sự giàu có và tất cả các mối quan hệ.

ਮਿਥਿਆ ਹਉਮੈ ਮਮਤਾ ਮਾਇਆ ॥

Sai là bản ngã, sở hữu và Maya.

ਮਿਥਿਆ ਰਾਜ ਜੋਬਨ ਧਨ ਮਾਲ ॥

Sai (tạm thời) là quyền lực, tuổi trẻ, sự giàu có và tài sản.

ਮਿਥਿਆ ਕਾਮ ਕ੍ਰੋਧ ਬਿਕਰਾਲ ॥

Sai lầm là ham muốn và giận dữ hoang dã.

ਮਿਥਿਆ ਰਥ ਹਸਤੀ ਅਸ੍ਰ ਬਸਤ੍ਰਾ ॥

Sai (tạm thời) là xe ngựa, voi, ngựa và quần áo đắt tiền.

ਮਿਥਿਆ ਰੰਗ ਸੰਗਿ ਮਾਇਆ ਪੇਖਿ ਹਸਤਾ ॥

Sai lầm là tình yêu thu thập của cải, và say sưa khi nhìn thấy nó.

ਮਿਥਿਆ ਧੋਹ ਮੋਹ ਅਭਿਮਾਨੁ ॥

Sai lầm là lừa dối, gần bó tình cảm và niềm tự hào tự cao tự đại.

ਮਿਥਿਆ ਆਪਸ ਉਪਰਿ ਕਰਤ ਗੁਮਾਨੁ ॥

Sai lầm là tự hào với bản ngã.

ਅਸਥਿਰੁ ਭਗਤਿ ਸਾਧ ਕੀ ਸਰਨ ॥

Chỉ có sự thờ phượng sùng kính của Thiên Chúa là bất diệt, được thực hiện dưới sự bảo vệ của Guru.

ਨਾਨਕ ਜਪਿ ਜਪਿ ਜੀਵੈ ਹਰਿ ਕੇ ਚਰਨ ॥੪॥

O Nanak, người ta có thể sống một cuộc sống thực sự chỉ bằng cách thiền định về Naam.

ਮਿਥਿਆ ਸੂਣਨ ਪਰ ਨਿੰਦਾ ਸੁਨਹਿ ॥

Vô ích là đôi tai lắng nghe lời vu khống của người khác.

ਮਿਥਿਆ ਹਸਤ ਪਰ ਦਰਬ ਕਉ ਹਿਰਹਿ ॥

Vô dụng là những bàn tay đánh cắp sự giàu có của người khác.

ਮਿਥਿਆ ਨੇਤ੍ਰ ਪੇਖਤ ਪਰ ਤ੍ਰਿਅ ਰੂਪਾਦ ॥

Vô ích là đôi mắt nhìn vào vẻ đẹp của người phụ nữ khác với ý định xấu xa.

ਮਿਥਿਆ ਰਸਨਾ ਭੋਜਨ ਅਨ ਸ੍ਵਾਦ ॥

sai là lưỡi chỉ thích các món ngon và các thị hiếu thế gian khác.

ਮਿਥਿਆ ਚਰਨ ਪਰ ਬਿਕਾਰ ਕਉ ਧਾਵਹਿ ॥

Tội lỗi là đôi chân chạy đến làm điều ác cho người khác.

ਮਿਥਿਆ ਮਨ ਪਰ ਲੇਭ ਲੁਭਾਵਹਿ ॥

Vô dụng là tâm trí chứa đầy tham lam cho sự giàu có của người khác.

ਮਿਥਿਆ ਤਨ ਨਹੀ ਪਰਉਪਕਾਰਾ ॥

Vô dụng là cơ thể không làm điều tốt cho người khác.

ਮਿਥਿਆ ਬਾਸੁ ਲੇਤ ਬਿਕਾਰਾ ॥

Vô ích là cái mũi thích mùi của cái ác.

ਬਿਨੁ ਬੂਝੇ ਮਿਥਿਆ ਸਭ ਭਏ ॥

Vô dụng là tất cả các bộ phận cơ thể không hiểu mục đích thực sự của chúng.

ਸਫਲ ਦੇਹ ਨਾਨਕ ਹਰਿ ਹਰਿ ਨਾਮ ਲਏ ॥੫॥

O Nanak, thành công chỉ có cơ thể đọc danh Đức Chúa Trời.

ਬਿਰਥੀ ਸਾਕਤ ਕੀ ਆਰਜਾ ॥

Cuộc sống của những người hoài nghi không trung thành (không tin) là hoàn toàn vô dụng.

ਸਾਚ ਬਿਨਾ ਕਹ ਹੋਵਤ ਸੂਚਾ ॥

Nếu không nhớ đến Đức Chúa Trời vĩnh cửu, làm sao Ngài có thể trong sạch?

ਬਿਰਥਾ ਨਾਮ ਬਿਨਾ ਤਨੁ ਅੰਧ ॥

Không có danh Đức Chúa Trời, thân thể của người mù thuộc linh là vô ích,

ਮੁਖਿ ਆਵਤ ਤਾ ਕੈ ਦੁਰਗੰਧ ॥

bởi vì từ miệng của một người như vậy, xuất hiện mùi hôi của sự vu khống.

ਬਿਨੁ ਸਿਮਰਨ ਦਿਨੁ ਰੈਨਿ ਬ੍ਰਿਥਾ ਬਿਹਾਇ ॥

Không suy ngẫm về Danh Đức Chúa Trời, ngày và đêm của chúng ta trôi qua vô ích,

ਮੇਘ ਬਿਨਾ ਜਿਉ ਖੇਤੀ ਜਾਇ ॥

Giống như mùa màng khô héo mà không có mưa.

ਗੋਬਿੰਦ ਭਜਨ ਬਿਨੁ ਬ੍ਰਿਥੇ ਸਭ ਕਾਮ ॥

Không có suy niệm về Danh Đức Chúa Trời, tất cả những việc làm trần tục đều vô ích,

ਜਿਉ ਕਿਰਪਨ ਕੇ ਨਿਰਾਰਥ ਦਾਮ ॥

Giống như sự giàu có của kẻ khốn khổ, chẳng ích gì cho anh ta.

ਧੰਨਿ ਧੰਨਿ ਤੇ ਜਨ ਜਿਹ ਘਟਿ ਬਸਿਓ ਹਰਿ ਨਾਉ ॥

Thật may mắn cho những người có trái tim ngự trong danh Đức Chúa Trời.

ਨਾਨਕ ਤਾ ਕੈ ਬਲਿ ਬਲਿ ਜਾਉ ॥੬॥

O Nanak, tôi cống hiến cuộc đời mình cho những người được phước đó.

ਰਹਤ ਅਵਰ ਕਛੁ ਅਵਰ ਕਮਾਵਤ ॥

Một người có vẻ sùng đạo nhưng hành động của anh ta là bất cứ điều gì ngoài tôn giáo.

ਮਨਿ ਨਹੀ ਪ੍ਰੀਤਿ ਮੁਖਹੁ ਗੰਢ ਲਾਵਤ ॥

Không có tình yêu dành cho Đức Chúa Trời trong lòng anh ta, nhưng anh ta nói chuyện cao.

ਜਾਨਨਹਾਰ ਪ੍ਰਭੂ ਪਰਬੀਨ ॥

Đức Chúa Trời biết tất cả, rất khôn ngoan.

ਬਾਹਰਿ ਭੇਖ ਨ ਕਾਹੂ ਭੀਨ ॥

Anh ấy không bị ấn tượng bởi sự hiển thị bên ngoài.

ਅਵਰ ਉਪਦੇਸੈ ਆਪਿ ਨ ਕਰੈ ॥

Một người không thực hành những gì anh ta giảng cho người khác,

ਆਵਤ ਜਾਵਤ ਜਨਮੈ ਮਰੈ ॥

sẽ tiếp tục đau khổ trong chu kỳ sinh và tử.

ਜਿਸ ਕੈ ਅੰਤਰਿ ਬਸੈ ਨਿਰੰਕਾਰੁ ॥

Đấng mà trong lòng Ngài ngự trong Đức Chúa Trời vô hình,

ਤਿਸ ਕੀ ਸੀਖ ਤਰੈ ਸੰਸਾਰੁ ॥

những lời dạy của một người như vậy cứu thế giới khỏi tệ nạn.

ਜੇ ਤੁਮ ਭਾਨੇ ਤਿਨ ਪ੍ਰਭੂ ਜਾਤਾ ॥

Lạy Chúa, chỉ những ai đẹp lòng Ngài, mới nhận ra Ngài.

ਨਾਨਕ ਉਨ ਜਨ ਚਰਨ ਪਰਾਤਾ ॥੭॥

Hỡi nanak, tôi khiêm nhường cúi đầu trước họ.

ਕਰਉ ਬੇਨਤੀ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ਸਭੁ ਜਾਨੈ ॥

Bất cứ điều gì tôi cầu nguyện, tất cả mọi người trần ngật Chúa biết tất cả.

ਅਪਨਾ ਕੀਆ ਆਪਹਿ ਮਾਨੈ ॥

Chính Ngài tôn vinh người phạm của Ngài.

ਆਪਹਿ ਆਪ ਆਪਿ ਕਰਤ ਨਿਬੇਰਾ ॥

Chính Ngài và chỉ bởi chính Ngài, đưa ra các quyết định dựa trên việc làm của họ.

ਕਿਸੈ ਦੂਰਿ ਜਨਾਵਤ ਕਿਸੈ ਬੁਝਾਵਤ ਨੇਰਾ ॥

Đối với một số người, Ngài xuất hiện ở rất xa, trong khi những người khác cảm nhận Ngài ở gần tầm tay.

ਉਪਾਵ ਸਿਆਨਪ ਸਗਲ ਤੇ ਰਹਤ ॥

Anh ấy vượt quá mọi nỗ lực và hành động thông minh.

ਸਭੁ ਕਛੁ ਜਾਨੈ ਆਤਮ ਕੀ ਰਹਤ ॥

Anh ấy biết tất cả mọi thứ về trạng thái tâm linh của chúng tôi.

ਜਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਿਸੁ ਲਏ ਲੜਿ ਲਾਇ ॥

Bất cứ ai làm hài lòng Ngài, Ngài hòa hợp điều đó với chính mình.

ਥਾਨ ਥਨੰਤਰਿ ਰਹਿਆ ਸਮਾਇ ॥

Anh ấy đang lan tỏa khắp mọi nơi và không gian.

ਸੇ ਸੇਵਕੁ ਜਿਸੁ ਕਿਰਪਾ ਕਰੀ ॥

Những người mà Ngài ban cho lòng thương xót của Ngài, trở thành những người sùng đạo Ngài.

ਨਿਮਖ ਨਿਮਖ ਜਪਿ ਨਾਨਕ ਹਰੀ ॥੮॥੫॥

O Nanak, mỗi và mọi khoảnh khắc, thiền định về Đức Chúa Trời.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਕਾਮ ਕ੍ਰੋਧ ਅਰੁ ਲੋਭ ਮੋਹ ਬਿਨਸਿ ਜਾਇ ਅਹੰਮੇਵ ॥

Ước gì dục vọng, giận dữ, tham lam, chấp trước tình cảm và chủ nghĩa vị kỷ của tôi bị tiêu diệt.

ਨਾਨਕ ਪ੍ਰਭ ਸਰਣਾਗਤੀ ਕਰਿ ਪ੍ਰਸਾਦੁ ਗੁਰਦੇਵ ॥੧॥

Nanak tìm kiếm nơi ẩn náu của Chúa, O 'Divine Guru, xin ban phước cho tôi với ân sủng của bạn.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਛਤੀਹ ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਖਾਹਿ ॥

Nhờ ân sủng của Ngài, bạn dự phần nhiều loại món ngon;

ਤਿਸੁ ਠਾਕੁਰ ਕਉ ਰਖੁ ਮਨ ਮਾਹਿ ॥

lưu giữ vị Thầy đó trong tâm trí của bạn.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਸੁਗੰਧਤ ਤਨਿ ਲਾਵਹਿ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn áp dụng nước hoa cho cơ thể của bạn;

ਤਿਸ ਕਉ ਸਿਮਰਤ ਪਰਮ ਗਤਿ ਪਾਵਹਿ ॥

Bằng cách nhớ đến Ngài, bạn sẽ đạt được địa vị tâm linh tối cao.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਬਸਹਿ ਸੁਖ ਮੰਦਰਿ ॥

Nhờ ân sủng của ai, có sự bình an trong lòng bạn;

ਤਿਸਹਿ ਧਿਆਇ ਸਦਾ ਮਨ ਅੰਦਰਿ ॥

Hãy suy niệm mãi mãi về Ngài trong tâm trí bạn.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਗ੍ਰਿਹ ਸੰਗਿ ਸੁਖ ਬਸਨਾ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn sống với gia đình của bạn trong hòa bình;

ਆਠ ਪਹਰ ਸਿਮਰਹੁ ਤਿਸੁ ਰਸਨਾ ॥

Luôn nhớ đến Ngài bằng cách đọc tên Ngài,

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਰੰਗ ਰਸ ਭੋਗ ॥

Nhờ ân điển của ai, bạn được hưởng hương vị và thú vui của những thứ trần tục;

ਨਾਨਕ ਸਦਾ ਧਿਆਈਐ ਧਿਆਵਨ ਜੋਗ ॥੧॥

O Nanak, hãy thiền định mãi mãi về Đấng, Đấng xứng đáng được thiền định.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਪਾਟ ਪਟੰਬਰ ਹਢਾਵਹਿ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn mặc lụa và quần áo đắt tiền khác;

ਤਿਸਹਿ ਤਿਆਗਿ ਕਤ ਅਵਰ ਲੁਭਾਵਹਿ ॥

Tại sao lại từ bỏ Ngài và đắm chìm trong những tham lam khác?

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਸੁਖਿ ਸੇਜ ਸੇਈਜੈ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn ngủ trên một chiếc giường ấm cúng;

ਮਨ ਆਠ ਪਹਰ ਤਾ ਕਾ ਜਸੁ ਗਾਵੀਜੈ ॥

Tâm trí của tôi, hãy hát những lời khen ngợi của Ngài, hai mươi bốn giờ một ngày.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੁਝੁ ਸਭੁ ਕੇਉ ਮਾਨੈ ॥

Nhờ ân điển của ai, bạn được mọi người tôn vinh;

ਮੁਖਿ ਤਾ ਕੇ ਜਸੁ ਰਸਨ ਬਖਾਨੈ ॥

Luôn luôn đọc những lời khen ngợi của Ngài.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੇਰੇ ਰਹਤਾ ਧਰਮੁ ॥

Nhờ ân sung của ai, bạn có thể vẫn công bình.

ਮਨ ਸਦਾ ਧਿਆਇ ਕੇਵਲ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ॥

O' tâm trí của tôi, hãy suy gẫm liên tục về Đức Chúa Trời Tối Cao đó.

ਪ੍ਰਭ ਜੀ ਜਪਤ ਦਰਗਹ ਮਾਨੁ ਪਾਵਹਿ ॥

Suy niệm về Đức Chúa Trời, bạn sẽ được tôn vinh trong Tòa án của Ngài;

ਨਾਨਕ ਪਤਿ ਸੇਤੀ ਘਰਿ ਜਾਵਹਿ ॥੨॥

O Nanak, con sẽ trở về ngôi nhà thật sự của con với danh dự.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਆਰੋਗ ਕੰਚਨ ਦੇਹੀ ॥

Nhờ ân sung của ai, bạn có một cơ thể khỏe mạnh, xinh đẹp;

ਲਿਵ ਲਾਵਹੁ ਤਿਸੁ ਰਾਮ ਸਨੇਹੀ ॥

Hãy hòa hợp với Đức Chúa Trời yêu thương đó.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੇਰਾ ਓਲਾ ਰਹਤ ॥

Nhờ ân sung của ai, danh dự của bạn được bảo tồn;

ਮਨ ਸੁਖੁ ਪਾਵਹਿ ਹਰਿ ਹਰਿ ਜਸੁ ਕਹਤ ॥

Tâm trí của tôi, đạt được sự bình an vĩnh cửu bằng cách hát những lời ca ngợi của Ngài.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੇਰੇ ਸਗਲ ਛਿਦ੍ਰ ਢਾਕੇ ॥

Nhờ ân sung của ai, tất cả những thiếu sót của bạn vẫn chưa được phơi bày;

ਮਨ ਸਰਨੀ ਪਰੁ ਠਾਕੁਰ ਪ੍ਰਭ ਤਾ ਕੈ ॥

Ôi, tâm trí của tôi, hãy tìm nơi ẩn náu của Đức Chúa Trời đó, Chủ nhân của chúng ta.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੁਝ ਕੇ ਨ ਪਹੁਚੈ ॥

Nhờ ân sủng của ai, không ai có thể cạnh tranh với bạn;

ਮਨ ਸਾਸਿ ਸਾਸਿ ਸਿਮਰਹੁ ਪ੍ਰਭ ਊਚੈ ॥

Hỡi tâm trí của tôi, hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời Toàn Năng với từng hơi thở.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਪਾਈ ਦੁਲਭ ਦੇਹ ॥

Nhờ ân sủng của Ngài, bạn được ban phước cho cơ thể con người quý giá này;

ਨਾਨਕ ਤਾ ਕੀ ਭਗਤਿ ਕਰੇਹ ॥੩॥

O Nanak, hãy thờ phượng Ngài với tình yêu và lòng sùng kính.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਆਭੂਖਨ ਪਹਿਰੀਜੈ ॥

Bởi ân sủng của ai, bạn đeo đồ trang sức đắt tiền;

ਮਨ ਤਿਸੁ ਸਿਮਰਤ ਕਿਉ ਆਲਸੁ ਕੀਜੈ ॥

Ôi tâm trí của tôi, tại sao lại lười biếng trong việc nhớ đến Ngài?

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਅਸ੍ਹੁ ਹਸਤਿ ਅਸਵਾਰੀ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn có ngựa và voi để cưỡi (xe đắt tiền);

ਮਨ ਤਿਸੁ ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਕਬਹੂ ਨ ਬਿਸਾਰੀ ॥

Hãy nhớ, đừng bao giờ quên Chúa.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਬਾਗ ਮਿਲਖ ਧਨਾ ॥

Nhờ ân điển của Ngài, bạn có đất đai, vườn và của cải;

ਰਾਖੁ ਪਰੋਇ ਪ੍ਰਭੁ ਅਪੁਨੇ ਮਨਾ ॥

Hãy giữ Đức Chúa Trời trong lòng bạn.

ਜਿਨਿ ਤੇਰੀ ਮਨ ਬਨਤ ਬਨਾਈ ॥

O' my mind, the One who fashioned you as human being (Tâm trí của tôi, người đã tạo ra bạn như một con người)

ਊਠਤ ਬੈਠਤ ਸਦ ਤਿਸਹਿ ਧਿਆਈ ॥

Luôn suy gẫm về Ngài trong mọi hoàn cảnh.

ਤਿਸਹਿ ਧਿਆਇ ਜੇ ਏਕ ਅਲਖੈ ॥

Hãy suy ngẫm về Đấng duy nhất và không thể hiểu được.

ਈਹਾ ਉਹਾ ਨਾਨਕ ਤੇਰੀ ਰਖੈ ॥੪॥

Hỡi Nanak, Ngài sẽ cứu người ở đây và sau này.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਕਰਹਿ ਪੁੰਨ ਬਹੁ ਦਾਨ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn quyên góp dồi dào cho các tổ chức từ thiện,

ਮਨ ਆਠ ਪਹਰ ਕਰਿ ਤਿਸ ਕਾ ਧਿਆਨ ॥

Tâm trí của tôi, hãy nhớ đến Ngài, hai mươi bốn giờ một ngày.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੂ ਆਚਾਰ ਬਿਉਹਾਰੀ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn thực hiện các nghi lễ tôn giáo và nghĩa vụ thế gian;

ਤਿਸੁ ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਸਾਸਿ ਸਾਸਿ ਚਿਤਾਰੀ ॥

Hãy nhớ rằng Chúa với từng hơi thở.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੇਰਾ ਸੁੰਦਰ ਰੂਪੁ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn có được thân hình đẹp đẽ này;

ਸੇ ਪ੍ਰਭੁ ਸਿਮਰਹੁ ਸਦਾ ਅਨੂਪੁ ॥

Hãy luôn nhớ rằng Thiên Chúa xinh đẹp vô song.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੇਰੀ ਨੀਕੀ ਜਾਤਿ ॥

Nhờ ân sủng của Ngài, bạn đã nhận được hình thức sống nhân loại vĩ đại này,

ਸੇ ਪ੍ਰਭੁ ਸਿਮਰਿ ਸਦਾ ਦਿਨ ਰਾਤਿ ॥

Luôn luôn, ngày và đêm, hãy nhớ rằng Chúa.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੇਰੀ ਪਤਿ ਰਹੈ ॥

Nhờ ân sủng của ai, danh dự của bạn được bảo tồn;

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਨਾਨਕ ਜਸੁ ਕਹੈ ॥੫॥

O 'Nanak, hãy đọc những lời khen ngợi của Ngài bởi ân điển của Guru.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਸੁਨਹਿ ਕਰਨ ਨਾਦ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn lắng nghe những âm thanh du dương bằng tai.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਪੇਖਹਿ ਬਿਸਮਾਦ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn nhìn thấy những điều kỳ diệu đáng kinh ngạc.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਬੋਲਹਿ ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਰਸਨਾ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn nói những lời ambrosial bằng lưỡi của bạn.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਸੁਖਿ ਸਹਜੇ ਬਸਨਾ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn được bình yên bằng trực giác.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਹਸਤ ਕਰ ਚਲਹਿ ॥

Nhờ ân sủng của Ngài, bàn tay và bàn chân của bạn di chuyển và làm việc.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਸੰਪੂਰਨ ਫਲਹਿ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn hoàn toàn thành công trong cuộc sống.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਪਰਮ ਗਤਿ ਪਾਵਹਿ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn có được địa vị tâm linh tối cao.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਸੁਖਿ ਸਹਜਿ ਸਮਾਵਹਿ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn được hấp thụ một cách trực giác vào hòa bình vĩnh cửu.

ਐਸਾ ਪ੍ਰਭੁ ਤਿਆਗਿ ਅਵਰ ਕਤ ਲਾਗਹੁ ॥

Tại sao lại từ bỏ Đức Chúa Trời như vậy, và gắn bó với người khác?

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਨਾਨਕ ਮਨਿ ਜਾਗਹੁ ॥੬॥

O Nanak, nhờ ân sủng của Guru đánh thức tâm trí bạn khỏi sự thiếu hiểu biết về tâm linh.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੂੰ ਪ੍ਰਗਟੁ ਸੰਸਾਰਿ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn nổi tiếng khắp thế giới;

ਤਿਸੁ ਪ੍ਰਭੁ ਕਉ ਮੂਲਿ ਨ ਮਨਹੁ ਬਿਸਾਰਿ ॥

Đừng bao giờ quên Đức Chúa Trời như thế trong tâm trí bạn.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੇਰਾ ਪਰਤਾਪੁ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn có uy tín;

ਰੇ ਮਨ ਮੂੜ ਤੂ ਤਾ ਕਉ ਜਾਪੁ ॥

Hỡi tâm trí ngu ngốc, hãy suy gẫm về Ngài!

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੇਰੇ ਕਾਰਜ ਪੂਰੇ ॥

Nhờ ân sủng của ai, tất cả các nhiệm vụ của bạn được hoàn thành;

ਤਿਸਹਿ ਜਾਨੁ ਮਨ ਸਦਾ ਹਜੂਰੇ ॥

Tâm trí của tôi, luôn cảm thấy sự hiện diện của Ngài với bạn.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤੂੰ ਪਾਵਹਿ ਸਾਚੁ ॥

Nhờ ân sủng của ai, bạn tìm thấy sự thật,

ਰੇ ਮਨ ਮੇਰੇ ਤੂੰ ਤਾ ਸਿਉ ਰਾਚੁ ॥

Tâm trí của tôi, hãy đắm mình vào Ngài.

ਜਿਹ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਸਭ ਕੀ ਗਤਿ ਹੋਇ ॥

Nhờ ân điển của Ngài, mọi người được cứu khỏi các tệ nạn thế gian;

ਨਾਨਕ ਜਾਪੁ ਜਪੈ ਜਪੁ ਸੋਇ ॥੭॥

O Nanak, hãy hát những lời ca ngợi Ngài và suy gẫm về Danh Ngài.

ਆਪਿ ਜਪਾਏ ਜਪੈ ਸੇ ਨਾਉ ॥

Chỉ có người đó suy gẫm về Danh Ngài, người mà chính Ngài truyền cảm hứng để thiền định.

ਆਪਿ ਗਾਵਾਏ ਸੁ ਹਰਿ ਗੁਨ ਗਾਉ ॥

Chỉ có người đó hát những đức tính của Đức Chúa Trời, mà chính Ngài đã truyền cảm hứng để làm như vậy.

ਪ੍ਰਭੁ ਕਿਰਪਾ ਤੇ ਹੋਇ ਪ੍ਰਗਾਸੁ ॥

Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, tâm trí được soi sáng bằng kiến thức thiêng liêng.

ਪ੍ਰਭੂ ਦਇਆ ਤੇ ਕਮਲ ਬਿਗਾਸੁ ॥

Bởi lòng thương xót của Chúa, trái tim được vui mừng như hoa sen.

ਪ੍ਰਭੁ ਸੁਪ੍ਰਸੰਨ ਬਸੈ ਮਨਿ ਸੋਇ ॥

Khi Đức Chúa Trời vô cùng hài lòng, Ngài đến ngự trong tâm trí.

ਪ੍ਰਭੁ ਦਇਆ ਤੇ ਮਤਿ ਉਤਮ ਹੋਇ ॥

Nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa, trí tuệ được tôn vinh (thuộc linh).

ਸਰਬ ਨਿਧਾਨ ਪ੍ਰਭ ਤੇਰੀ ਮਇਆ ॥

Lạy Chúa, trong Lòng Thương Xót của Ngài là tất cả những kho báu của thế gian.

ਆਪਹੁ ਕਛੂ ਨ ਕਿਨਹੂ ਲਇਆ ॥

Không ai nhận được bất cứ điều gì một mình.

ਜਿਤੁ ਜਿਤੁ ਲਾਵਹੁ ਤਿਤੁ ਲਗਹਿ ਹਰਿ ਨਾਥ ॥

Lạy Chúa, con người làm bất cứ điều gì Ngài làm cho họ làm.

ਨਾਨਕ ਇਨ ਕੈ ਕਛੂ ਨ ਹਾਥ ॥੮॥੬॥

Hỡi Nanak, không có gì nằm trong tay họ.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਅਗਮ ਅਗਾਧਿ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ਸੋਇ ॥

Không thể tiếp cận và không thể dò được là Đức Chúa Trời tối cao;

ਜੇ ਜੇ ਕਹੈ ਸੁ ਮੁਕਤਾ ਹੋਇ ॥

Bất cứ ai đọc Danh Ngài với tình yêu và lòng tận tụy, được giải thoát khỏi tệ nạn.

ਸੁਨਿ ਮੀਤਾ ਨਾਨਕੁ ਬਿਨਵੰਤਾ ॥

Nghe này, các bạn, Nanak phục tùng.

ਸਾਧ ਜਨਾ ਕੀ ਅਚਰਜ ਕਥਾ ॥੧॥

Kinh ngạc là sự mô tả về đức hạnh của các vị thánh.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਮੁਖ ਊਜਲ ਹੋਤ ॥

Trong công ty của Thánh, có được sự rạng rỡ tinh thần (danh dự).

ਸਾਧਸੰਗਿ ਮਲੁ ਸਗਲੀ ਖੇਤ ॥

Trong Công ty của Thánh, tất cả sự bẩn thỉu của tệ nạn được loại bỏ.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਮਿਟੈ ਅਭਿਮਾਨੁ ॥

Trong công ty của các Thánh, chủ nghĩa ích kỷ bị phá hủy.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਪ੍ਰਗਟੈ ਸੁਗਿਆਨੁ ॥

Trong Công ty của Thánh, sự khôn ngoan tâm linh được tiết lộ.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਬੁਝੈ ਪ੍ਰਭੁ ਨੇਰਾ ॥

Trong công ty của Đấng Thánh, Đức Chúa Trời được cảm thấy gần gũi trong tầm tay.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਸਭੁ ਹੇਤ ਨਿਬੇਰਾ ॥

Trong Công ty của Thánh, mọi xung đột về tệ nạn hoặc hành động xấu xa đều được giải quyết.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਪਾਏ ਨਾਮ ਰਤਨੁ ॥

Trong Công ty của Thánh, một người được ban phước với Naam vô cá. có được.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਏਕ ਉਪਰਿ ਜਤਨੁ ॥

Trong công ty của các Thánh, người ta chỉ cố gắng nhận ra Chúa.

ਸਾਧ ਕੀ ਮਹਿਮਾ ਬਰਨੈ ਕਉਨੁ ਪ੍ਰਾਨੀ ॥

Ai có thể mô tả vinh quang của các Thánh?

ਨਾਨਕ ਸਾਧ ਕੀ ਸੋਭਾ ਪ੍ਰਭੁ ਮਾਹਿ ਸਮਾਨੀ ॥੧॥

O Nanak, vinh quang của các Thánh là vinh quang của chính Đức Chúa Trời.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਅਗੋਚਰੁ ਮਿਲੈ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta nhận ra Đức Chúa Trời không thể hiểu được.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਸਦਾ ਪਰਫੁਲੈ ॥

Trong công ty của Thánh, người ta luôn tràn đầy niềm vui.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਆਵਹਿ ਬਸਿ ਪੰਚਾ ॥

Trong Công ty của Thánh, năm đam mê được kiểm soát.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਰਸੁ ਭੁੰਚਾ ॥

Trong công ty của Thánh, người ta thưởng thức mật hoa ambrosial của Danh Đức Chúa Trời.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਹੋਇ ਸਭ ਕੀ ਰੇਨ ॥

Trong công ty của Thánh, một người trở nên vô cùng khiêm tốn đối với tất cả mọi người.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਮਨੋਹਰ ਬੈਨ ॥

Trong Công ty của Thánh, bài phát biểu của một người trở nên hấp dẫn.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨ ਕਤਹੂੰ ਧਾਵੈ ॥

Trong Công ty của các Thánh, tâm trí không đi lang thang.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਅਸਥਿਤਿ ਮਨੁ ਪਾਵੈ ॥

Trong Công ty của Thánh, tâm trí đi vào trạng thái hòa bình vĩnh cửu.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਮਾਇਆ ਤੇ ਭਿੰਨ ॥

Trong hội thánh, một người vẫn tách rời khỏi các điểm tham quan trần tục.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਨਾਨਕ ਪ੍ਰਭ ਸੁਪ੍ਰਸੰਨ ॥੨॥

O Nanak, Đức Chúa Trời hoàn toàn hài lòng với một người gia nhập hội thánh.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਦੁਸਮਨ ਸਭਿ ਮੀਤ ॥

Trong Công ty của Thánh, tất cả kẻ thù đều xuất hiện như bạn bè.

ਸਾਧੂ ਕੈ ਸੰਗਿ ਮਹਾ ਪੁਨੀਤ ॥

Trong Công ty của Thánh, tâm trí của một người trở nên hoàn toàn vô nhiễm.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਕਿਸ ਸਿਉ ਨਹੀ ਬੈਰੁ ॥

Trong công ty của các vị thánh, người ta không có thù hằn với bất kỳ ai.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨ ਬੀਗਾ ਪੈਰੁ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta không đi sai hướng.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨਾਹੀ ਕੇ ਮੰਦਾ ॥

Trong Công ty của các Thánh, không ai có vẻ xấu xa.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਜਾਨੇ ਪਰਮਾਨੰਦਾ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta nhận ra tất cả các Master tràn ngập hạnh phúc tối cao.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨਾਹੀ ਹਉ ਤਾਪੁ ॥

Trong Công ty của Thánh, cơn sốt của bản ngã khởi hành.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਤਜੈ ਸਭੁ ਆਪੁ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta từ bỏ tất cả sự ích kỷ.

ਆਪੇ ਜਾਨੈ ਸਾਧ ਬਡਾਈ ॥

Chỉ có Ngài mới biết được sự vĩ đại của các Thánh.

ਨਾਨਕ ਸਾਧ ਪ੍ਰਭੂ ਬਨਿ ਆਈ ॥੩॥

O' Nanak, Đấng Thánh hòa hợp với Đức Chúa Trời.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨ ਕਬਹੂ ਧਾਵੈ ॥

Trong công ty của Thánh, tâm trí của một người không bao giờ lang thang.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਸਦਾ ਸੁਖੁ ਪਾਵੈ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta nhận được hòa bình vĩnh cửu.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਬਸਤੁ ਅਗੋਚਰ ਲਹੈ ॥

Trong hội thánh, người ta có được sự giàu có khó hiểu của Naam.

ਸਾਧੁ ਕੈ ਸੰਗਿ ਅਜਰੁ ਸਹੈ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta có thể chịu đựng những điều không thể chịu đựng được.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਬਸੈ ਥਾਨਿ ਊਚੈ ॥

Trong Công ty của Thánh, một người sống trong trạng thái tinh thần cao nhất.

ਸਾਧੁ ਕੈ ਸੰਗਿ ਮਹਲਿ ਪਹੁਚੈ ॥

Trong sự đồng hành của các Thánh, người ta trải nghiệm sự hiện diện của Đức Chúa Trời bên trong.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਦ੍ਰਿੜੈ ਸਭਿ ਧਰਮ ॥

Trong công ty của các vị thánh, người ta hoàn toàn hiểu được các nhiệm vụ chính đáng.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਕੇਵਲ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ॥

Trong công ty của Thánh, người ta chỉ thấy Đức Chúa Trời tràn ngập khắp mọi nơi.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਪਾਏ ਨਾਮ ਨਿਧਾਨ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta được ban phước với kho báu của Naam.

ਨਾਨਕ ਸਾਧੁ ਕੈ ਕੁਰਬਾਨ ॥੪॥

O Nanak, tôi cống hiến cuộc đời mình cho những người ngoan đạo đó.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਸਭ ਕੁਲ ਉਧਾਰੈ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta cứu tất cả dòng dõi của mình khỏi tệ nạn.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਸਾਜਨ ਮੀਤ ਕੁਟੰਬ ਨਿਸਤਾਰੈ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta giúp bạn bè và gia đình của mình bơi qua đại dương tệ nạn thế giới.

ਸਾਧੂ ਕੈ ਸੰਗਿ ਸੇ ਧਨੁ ਪਾਵੈ ॥

Trong công ty của Đấng Thánh, sự giàu có thực sự của Naam được nhận.

ਜਿਸੁ ਧਨ ਤੇ ਸਭੁ ਕੇ ਵਰਸਾਵੈ ॥

Mọi người đều trở nên nổi tiếng từ sự giàu có đó của Naam.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਧਰਮ ਰਾਇ ਕਰੇ ਸੇਵਾ ॥

Trong hội thánh, một người được tôn vinh bởi thẩm phán công chính của tòa án của Đức Chúa Trời.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਸੇਭਾ ਸੁਰਦੇਵਾ ॥

Trong Công ty của Thánh, một người được các thiên thần ca ngợi.

ਸਾਧੂ ਕੈ ਸੰਗਿ ਪਾਪ ਪਲਾਇਨ ॥

Trong công ty của Thánh, tội lỗi của một người bị phá hủy.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਗੁਨ ਗਾਇਨ ॥

Trong Công ty của Thánh, người ta hát những đức tính ambrosial của Thiên Chúa.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਸੂਬ ਥਾਨ ਗੰਮਿ ॥

Trong công ty của các Thánh, tất cả mọi nơi đều trở nên dễ tiếp cận (một nơi leo thang đến mức độ tâm linh cao).

ਨਾਨਕ ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਸਫਲ ਜਨੰਮ ॥੫॥

O Nanak, cuộc sống của một người trở nên sinh hoa trái trong sự đồng hành của các thánh.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨਹੀ ਕਛੁ ਘਾਲ ॥

Trong hội thánh, không có đấu tranh như sám hối,

ਦਰਸਨੁ ਭੇਟਤ ਹੋਤ ਨਿਹਾਲ ॥

bởi vì một tầm nhìn may mắn của các Thánh, mang lại một hạnh phúc cao cả.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਕਲੁਖਤ ਹਰੈ ॥

Trong công ty của các Thánh, một người được tha tội.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨਰਕ ਪਰਹਰੈ ॥

Trong công ty của các Thánh, một người được cứu khỏi địa ngục.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਈਹਾ ਊਹਾ ਸੁਹੇਲਾ ॥

Trong Công ty của Thánh, một người hạnh phúc ở đây và sau này.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਬਿਛੁਰਤ ਹਰਿ ਮੇਲਾ ॥

Trong Công ty của Thánh, những người bị tách rời được đoàn tụ với Đức Chúa Trời.

ਜੇ ਇਛੈ ਸੇਈ ਫਲੁ ਪਾਵੈ ॥

Tất cả những mong muốn của một người được thực hiện,

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨ ਬਿਰਥਾ ਜਾਵੈ ॥

Bởi vì trong Công ty của Thánh, không ai đi tay trắng.

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ਸਾਧ ਰਿਦ ਬਸੈ ॥

Thiên Chúa tối cao ngự trong trái tim của các Thánh.

ਨਾਨਕ ਉਧਰੈ ਸਾਧ ਸੁਨਿ ਰਸੈ ॥੬॥

Hỡi Nanak, lắng nghe những lời ngọt ngào của Thánh, một người được cứu khỏi các phó vương.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਸੁਨਉ ਹਰਿ ਨਾਉ ॥

Trong công ty của Thánh, tôi lắng nghe Danh Đức Chúa Trời.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਹਰਿ ਕੇ ਗੁਨ ਗਾਉ ॥

Trong công ty của Thánh, tôi hát những lời ca ngợi vinh quang của Đức Chúa Trời.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨ ਮਨ ਤੇ ਬਿਸਰੈ ॥

Trong sự đồng hành của các Thánh, Đức Chúa Trời không bao giờ ra khỏi tâm trí của một người.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਸਰਪਰ ਨਿਸਤਰੈ ॥

Trong Công ty của Thánh, một người chắc chắn được cứu khỏi tệ nạn.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਲਗੈ ਪ੍ਰਭੁ ਮੀਠਾ ॥

Trong công ty của các Thánh, tình yêu phát triển mạnh đối với Đức Chúa Trời,

ਸਾਧੂ ਕੈ ਸੰਗਿ ਘਟਿ ਘਟਿ ਡੀਠਾ ॥

và trong Công ty của Đấng Thánh, Ngài được nhìn thấy trong mỗi người và mọi người.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਭਏ ਆਗਿਆਕਾਰੀ ॥

Trong công ty của Thánh, chúng ta trở nên vâng lời ý muốn của Đức Chúa Trời.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਗਤਿ ਭਈ ਹਮਾਰੀ ॥

Trong sự đồng hành của các Thánh, chúng ta đạt được trạng thái tâm linh cao hơn.

ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ਮਿਟੇ ਸਭਿ ਰੋਗ ॥

Trong Công ty của Thánh, tất cả các bệnh tật (tệ nạn) đều được chữa khỏi.

ਨਾਨਕ ਸਾਧ ਭੇਟੇ ਸੰਜੋਗ ॥੧॥

Hỡi Nanak, một người gặp gỡ với Thánh bằng vận may lớn.

ਸਾਧ ਕੀ ਮਹਿਮਾ ਬੇਦ ਨ ਜਾਨਹਿ ॥

Vinh quang của Thánh không được biết đến ngay cả với các nhà soạn nhạc của kinh Veda.

ਜੇਤਾ ਸੁਨਹਿ ਤੇਤਾ ਬਖਿਆਨਹਿ ॥

Những câu thánh thư đó chỉ mô tả những gì nhà soạn nhạc của họ đã nghe.

ਸਾਧ ਕੀ ਉਪਮਾ ਤਿਹੁ ਗੁਣ ਤੇ ਦੂਰਿ ॥

Sự vĩ đại của dân thánh vượt ra ngoài ba phương thức của Maya.

ਸਾਧ ਕੀ ਉਪਮਾ ਰਹੀ ਭਰਪੂਰਿ ॥

Vinh quang của dân thánh được biết đến xuyên suốt.

ਸਾਧ ਕੀ ਸੋਭਾ ਕਾ ਨਾਹੀ ਅੰਤ ॥

Vinh quang của Thánh không thể được ước tính.

ਸਾਧ ਕੀ ਸੋਭਾ ਸਦਾ ਬੇਅੰਤ ॥

Sự huy hoàng của thánh là vượt quá giới hạn.

ਸਾਧ ਕੀ ਸੋਭਾ ਊਚ ਤੇ ਊਚੀ ॥

Vinh quang của Đấng Thánh là vinh quang cao nhất của Đấng cao.

ਸਾਧ ਕੀ ਸੋਭਾ ਮੂਚ ਤੇ ਮੂਚੀ ॥

Vinh quang của Thánh là vinh quang vĩ đại nhất trong số những người vĩ đại.

ਸਾਧ ਕੀ ਸੋਭਾ ਸਾਧ ਬਨਿ ਆਈ ॥

Vinh quang của các thánh chỉ dành cho các thánh

ਨਾਨਕ ਸਾਧ ਪ੍ਰਭ ਭੇਦੁ ਨ ਭਾਈ ॥੮॥੭॥

Hỡi Nanak, nghe này anh em tôi, không có sự khác biệt giữa Thánh và Thiên Chúa,

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਮਨਿ ਸਾਚਾ ਮੁਖਿ ਸਾਚਾ ਸੋਇ ॥

Người có trái tim ngự trong Đức Chúa Trời và luôn hát những lời ca ngợi Ngài,

ਅਵਰੁ ਨ ਪੇਖੈ ਏਕਸੁ ਬਿਨੁ ਕੋਇ ॥

và không ai trông thấy ai khác ngoài Đức Chúa Trời.

ਨਾਨਕ ਇਹ ਲਛਣ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਹੋਇ ॥੧॥

O 'Nanak, có những phẩm chất như vậy khiến anh ta trở thành một người biết Đức Chúa Trời về Braham Giani.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸਦਾ ਨਿਰਲੇਪ ॥

Người có ý thức Chúa luôn luôn tách rời khỏi tệ nạn,

ਜੈਸੇ ਜਲ ਮਹਿ ਕਮਲ ਅਲੇਪ ॥

vì hoa sen mọc trong nước âm u không bị bẩn bởi bụi bẩn trong nước.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸਦਾ ਨਿਰਦੋਖ ॥

Người có ý thức về Đức Chúa Trời giúp người khác xua đuổi tội lỗi của họ trong khi vẫn không bị ảnh hưởng,

ਜੈਸੇ ਸੂਰੁ ਸਰਬ ਕਉ ਸੋਖ ॥

Giống như mặt trời làm khô mọi thứ bắn thiu bởi sức nóng của nó.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਦ੍ਰਿਸਟਿ ਸਮਾਨਿ ॥

Người có kiến thức thiêng liêng nhìn tất cả đều giống nhau,

ਜੈਸੇ ਰਾਜ ਰੰਕ ਕਉ ਲਾਗੈ ਤੁਲਿ ਪਵਾਨ ॥

Giống như gió thổi ngang nhau trên nhà vua và người nghèo.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਧੀਰਜੁ ਏਕ ॥

Người có ý thức về Chúa có một sự kiên nhẫn ổn định, (loại kiên nhẫn không bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi trong hoàn cảnh),

ਜਿਉ ਬਸੁਧਾ ਕੇਉ ਖੇਦੈ ਕੇਉ ਚੰਦਨ ਲੇਪ ॥

giống như trái đất, được đào lên bởi một người, và được xức bằng sandal bởi một người khác.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਇਹੈ ਗੁਨਾਉ ॥

Phẩm chất của một người có kiến thức thiêng liêng là,

ਨਾਨਕ ਜਿਉ ਪਾਵਕ ਕਾ ਸਹਜ ਸੁਭਾਉ ॥੧॥

Hỡi Nanak, giống như đốt những thứ bắn thiu trong mọi thứ là một trong những bản chất vốn có của lửa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਨਿਰਮਲ ਤੇ ਨਿਰਮਲਾ ॥

Bản thể có ý thức của Chúa là tinh khiết nhất trong sự thuần khiết; (không bị ảnh hưởng bởi tị nạn);

ਜੈਸੇ ਮੈਲੁ ਨ ਲਾਗੈ ਜਲਾ ॥

như nước mà rác rưởi không dính vào

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਮਨਿ ਹੋਇ ਪ੍ਰਗਾਸੁ ॥

Tâm trí của một người có ý thức về Chúa được khai sáng rằng Đức Chúa Trời đang lan tỏa khắp nơi.

ਜੈਸੇ ਧਰ ਉਪਰਿ ਆਕਾਸੁ ॥

Giống như bầu trời trên khắp trái đất.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਮਿਤ੍ਰੁ ਸਤ੍ਰੁ ਸਮਾਨਿ ॥

Đối với người có kiến thức thiêng liêng, bạn và kẻ thù là như nhau,

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਨਾਹੀ ਅਭਿਮਾਨ ॥

Bởi vì người có kiến thức thiêng liêng không có niềm kiêu hãnh tự cao tự đại.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਉਚ ਤੇ ਉਚਾ ॥

Về mặt tinh thần, người có ý thức về Chúa là người cao nhất trong số những người cao nhất.

ਮਨਿ ਅਪਨੈ ਹੈ ਸਭ ਤੇ ਨੀਚਾ ॥

Nhưng trong tâm trí của anh ấy, anh ấy là người khiêm tốn nhất trong tất cả.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸੇ ਜਨ ਭਏ ॥

Chỉ những người mới trở nên có ý thức về Đức Chúa Trời,

ਨਾਨਕ ਜਿਨ ਪ੍ਰਭੂ ਆਪਿ ਕਰੇਇ ॥੨॥

O'Nanak, người mà chính Đức Chúa Trời đã tạo ra như vậy.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸਗਲ ਕੀ ਰੀਨਾ ॥

Người có ý thức về Chúa sống như bụi của tất cả (sự khiêm tốn cực độ).

ਆਤਮ ਰਸੁ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਚੀਨਾ ॥

Người có ý thức về Chúa nhận ra hạnh phúc tâm linh.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੀ ਸਭ ਊਪਰਿ ਮਇਆ ॥

Người khôn ngoan thần thánh thể hiện lòng tốt với tất cả mọi người.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਤੇ ਕਛੁ ਬੁਰਾ ਨ ਭਇਆ ॥

Không có điều ác nào đến từ người có ý thức Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸਦਾ ਸਮਦਰਸੀ ॥

Người có ý thức về Chúa luôn vô tư.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੀ ਦ੍ਰਿਸ਼ਟਿ ਅੰਮ੍ਰਿਤੁ ਬਰਸੀ ॥

Mật hoa Ambrosial mưa xuống từ cái nhìn của người có ý thức về Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਬੰਧਨ ਤੇ ਮੁਕਤਾ ॥

Người có ý thức về Đức Chúa Trời được giải thoát khỏi những vướng mắc trần tục.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੀ ਨਿਰਮਲ ਜੁਗਤਾ ॥

Lối sống của những người khôn ngoan thiêng liêng là tinh khiết không tì vết và thoát khỏi tệ nạn.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਭੋਜਨੁ ਗਿਆਨ ॥

Trí tuệ tâm linh là sự nuôi dưỡng của người có ý thức về Chúa.

ਨਾਨਕ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਬ੍ਰਹਮ ਧਿਆਨੁ ॥੩॥

O 'Nanak, người có ý thức về Chúa được đắm chìm trong thiền định của Đức Chúa Trời.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਏਕ ਉਪਰਿ ਆਸ ॥

Người có ý thức về Đức Chúa Trời tập trung hy vọng của mình vào Đấng duy nhất.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਨਹੀ ਬਿਨਾਸ ॥

Trạng thái tinh thần cao của người có ý thức Chúa không bao giờ bị diệt vong.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਗਰੀਬੀ ਸਮਾਹਾ ॥

Người có ý thức về Đức Chúa Trời chìm đắm trong sự khiêm nhường.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਪਰਉਪਕਾਰ ਉਮਾਹਾ ॥

Người có ý thức về Chúa luôn thích làm điều tốt cho người khác.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਨਾਹੀ ਧੰਧਾ ॥

Người có ý thức về Đức Chúa Trời không có vương víu thế gian.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਲੇ ਧਾਵਤੁ ਬੰਧਾ ॥

Người có ý thức về Chúa giữ tâm trí lang thang của mình trong tầm kiểm soát.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਹੋਇ ਸੁ ਭਲਾ ॥

Đối với người có ý thức Chúa, bất cứ điều gì xảy ra đều tốt đẹp.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸੁਫਲ ਫਲਾ ॥

Bằng cách này, người có ý thức về Chúa thành công và thịnh vượng trong mọi khía cạnh của cuộc sống.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸੰਗਿ ਸਗਲ ਉਧਾਰੁ ॥

Trong Công ty của người có ý thức về Chúa, tất cả đều được cứu khỏi tệ nạn.

ਨਾਨਕ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਜਪੈ ਸਗਲ ਸੰਸਾਰੁ ॥੪॥

O Nanak, thông qua người có ý thức Chúa, cả thế giới suy ngẫm về Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਏਕੈ ਰੰਗ ॥

Người có ý thức về Chúa luôn thấm nhuần tình yêu dành cho Đức Chúa Trời.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਬਸੈ ਪ੍ਰਭੁ ਸੰਗ ॥

Đức Chúa Trời luôn ở trong công ty của người có ý thức về Đức Chúa Trời.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਨਾਮੁ ਆਧਾਰੁ ॥

Tên của Đức Chúa Trời là sự nuôi dưỡng của người có ý thức Đức Chúa Trời.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਨਾਮੁ ਪਰਵਾਰੁ ॥

Đối với người có ý thức Chúa, Naam là gia đình của anh ta.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸਦਾ ਸਦ ਜਾਗਤ ॥

Người có ý thức về Chúa luôn cảnh giác trước những ảnh hưởng của tẻ nạn.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਅਹੰਬੁਧਿ ਤਿਆਗਤ ॥

Người có ý thức về Chúa từ bỏ suy nghĩ ích kỷ của mình.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਮਨਿ ਪਰਮਾਨੰਦ ॥

Thiên Chúa, nguồn hạnh phúc tối cao, ngự trong tâm trí của người có ý thức về Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਘਰਿ ਸਦਾ ਅਨੰਦ ॥

Có hạnh phúc vĩnh cửu trong trái tim của người có ý thức về Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸੁਖ ਸਹਜ ਨਿਵਾਸ ॥

Người có ý thức về Chúa sống trong sự bình yên và đỉnh đặc trực quan.

ਨਾਨਕ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਨਹੀ ਬਿਨਾਸ ॥੫॥

O 'Nanak, trạng thái tinh thần tối cao của người có ý thức về Chúa không bao giờ diệt vong.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਬ੍ਰਹਮ ਕਾ ਬੇਤਾ ॥

Người có ý thức về Đức Chúa Trời biết Đức Chúa Trời.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਏਕ ਸੰਗਿ ਹੇਤਾ ॥

Người có ý thức về Đức Chúa Trời đang yêu một mình Đấng duy nhất.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਹੋਇ ਅਚਿੰਤ ॥

Người có ý thức về Chúa không có bất kỳ lo lắng nào.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਨਿਰਮਲ ਮੰਤ ॥

Tinh khiết là những lời dạy của người có ý thức Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਜਿਸੁ ਕਰੈ ਪ੍ਰਭੁ ਆਪਿ ॥

Người có ý thức về Đức Chúa Trời được tạo ra như vậy bởi chính Đức Chúa Trời.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਬਡ ਪਰਤਾਪ ॥

Tuyệt vời là vinh quang của người có ý thức Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਦਰਸੁ ਬਡਭਾਗੀ ਪਾਈਐ ॥

Với vận may lớn, người ta được ban phước với tầm nhìn của người có ý thức về Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਉ ਬਲਿ ਬਲਿ ਜਾਈਐ ॥

Chúng ta hãy cố gắng hiến chính mình cho người có ý thức Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਉ ਖੋਜਹਿ ਮਹੇਸੁਰ ॥

Ngay cả những vị thần như Chúa Shiva cũng tìm kiếm người có ý thức về Chúa.

ਨਾਨਕ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਆਪਿ ਪਰਮੇਸੁਰ ॥੬॥

O 'Nanak, người có ý thức về Đức Chúa Trời là biểu hiện của chính Đức Chúa Trời.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੀ ਕੀਮਤਿ ਨਾਹਿ ॥

Những đức tính của người có ý thức Chúa là vô giá.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੈ ਸਗਲ ਮਨ ਮਾਹਿ ॥

Tất cả các đức tính có thể, tồn tại trong người có ý thức Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਕਉਨ ਜਾਨੈ ਭੇਦੁ ॥

Ai có thể biết được bí ẩn của đời sống đức hạnh của người có ý thức Chúa?

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਉ ਸਦਾ ਅਦੇਸੁ ॥

Luôn cúi đầu trước người có ý thức Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਕਥਿਆ ਨ ਜਾਇ ਅਧਾਖਜਰੁ ॥

Thậm chí không thể mô tả một chút vinh quang của người có ý thức về Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸਰਬ ਕਾ ਠਾਕੁਰੁ ॥

Người có ý thức về Chúa được tôn thờ bởi tất cả mọi người.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੀ ਮਿਤਿ ਕਉਨੁ ਬਖਾਨੈ ॥

Ai có thể mô tả mức độ đức tính của người có ý thức Chúa?

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੀ ਗਤਿ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਜਾਨੈ ॥

Chỉ có một người có ý thức về Chúa mới biết trạng thái tâm trí cao của một người có ý thức về Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਅੰਤੁ ਨ ਪਾਰੁ ॥

Vô hạn là những đức tính của người có ý thức Chúa.

ਨਾਨਕ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਉ ਸਦਾ ਨਮਸਕਾਰੁ ॥੭॥

O 'Nanak, luôn cúi đầu trong sự tôn kính đối với người có ý thức về Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸਭ ਸ੍ਰਿਸਟਿ ਕਾ ਕਰਤਾ ॥

Người có ý thức về Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa của toàn bộ tạo vật.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸਦ ਜੀਵੈ ਨਹੀ ਮਰਤਾ ॥

Người có ý thức về Chúa sống mãi mãi, và không chết.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਮੁਕਤਿ ਜੁਗਤਿ ਜੀਅ ਕਾ ਦਾਤਾ ॥

Người có ý thức về Chúa là người ban cho con đường đạt được trạng thái tinh thần tối cao và giải phóng tâm hồn.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਪੂਰਨ ਪੁਰਖੁ ਬਿਧਾਤਾ ॥

Người có ý thức về Chúa là Đấng tối cao hoàn hảo, người sắp xếp tất cả.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਅਨਾਥ ਕਾ ਨਾਥੁ ॥

Người có ý thức về Chúa là người bảo vệ những người không được bảo vệ.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਸਭ ਊਪਰਿ ਹਾਥੁ ॥

Người có ý thức Chúa mở rộng bàn tay giúp đỡ của mình cho tất cả mọi người.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕਾ ਸਗਲ ਅਕਾਰੁ ॥

Toàn bộ vũ trụ thuộc về người có ý thức Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਆਪਿ ਨਿਰੰਕਾਰੁ ॥

Bản thân người có ý thức về Chúa là (hiện thân của) Thiên Chúa vô hình.

ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਕੀ ਸੇਭਾ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਬਨੀ ॥

Vinh quang của người có ý thức Chúa chỉ dành cho những người có ý thức về Chúa.

ਨਾਨਕ ਬ੍ਰਹਮ ਗਿਆਨੀ ਸਰਬ ਕਾ ਧਨੀ ॥੮॥੮॥

Hỡi Nanak, người có ý thức về Chúa là Chủ nhân của tất cả.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਉਰਿ ਧਾਰੈ ਜੇ ਅੰਤਰਿ ਨਾਮੁ ॥

Một người giữ Naam trong trái tim,

ਸਰਬ ਮੈ ਪੇਖੈ ਭਗਵਾਨੁ ॥

Ai thấy Đức Chúa Trời tràn ngập trong mọi sự,

ਨਿਮਖ ਨਿਮਖ ਠਾਕੁਰ ਨਮਸਕਾਰੈ ॥

và ai tại mọi thời điểm, cúi chào trong sự tôn kính đối với Chủ nhân,

ਨਾਨਕ ਓਹੁ ਅਪਰਸੁ ਸਗਲ ਨਿਸਤਾਰੈ ॥੧॥

O Nanak, một người như vậy là Aparas thực sự (vị thánh không bị Maya chạm đến), và anh ta giúp những người theo anh ta, để bơi qua thế giới đại dương của tệ nạn.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਮਿਥਿਆ ਨਾਹੀ ਰਸਨਾ ਪਰਸ ॥

Một người không bao giờ nói dối, (từ lưỡi của mình),

ਮਨ ਮਹਿ ਪ੍ਰੀਤਿ ਨਿਰੰਜਨ ਦਰਸ ॥

trong trái tim của họ là một khao khát về Khái tượng Phúc lành của Thiên Chúa vô nhiễm;

ਪਰ ਤ੍ਰਿਅ ਰੂਪੁ ਨ ਪੇਖੈ ਨੇਤ੍ਰੁ ॥

Đôi mắt không nhìn vào vẻ đẹp của người phụ nữ khác với ác ý,

ਸਾਧ ਕੀ ਟਹਲ ਸੰਤਸੰਗਿ ਹੇਤ ॥

người phục vụ Thánh và yêu thương hội thánh,

ਕਰਨ ਨ ਸੁਨੈ ਕਾਹੂ ਕੀ ਨਿੰਦਾ ॥

tai của họ không nghe lời vu khống chống lại bất cứ ai,

ਸਭ ਤੇ ਜਾਨੈ ਆਪਸ ਕਉ ਮੰਦਾ ॥

người coi mình là người tồi tệ nhất trong tất cả (từ bỏ bản ngã),

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਬਿਖਿਆ ਪਰਹਰੈ ॥

người, nhờ ân điển của Đạo sư, thoát khỏi tệ nạn,

ਮਨ ਕੀ ਬਾਸਨਾ ਮਨ ਤੇ ਟਰੈ ॥

người xua đuổi ham muốn của mình khỏi tâm trí,

ਇੰਦ੍ਰੀ ਜਿਤ ਪੰਚ ਦੇਖ ਤੇ ਰਹਤ ॥

người chinh phục các giác quan của mình và thoát khỏi năm tệ nạn.

ਨਾਨਕ ਕੋਟਿ ਮਧੇ ਕੇ ਐਸਾ ਅਪਰਸ ॥੧॥

O Nanak, trong số hàng triệu người, hiếm có một Aparas như vậy.

ਬੈਸਨੇ ਸੇ ਜਿਸੁ ਉਪਰਿ ਸੁਪ੍ਰਸੰਨ ॥

Một Vaishnava thực sự (tín đồ của Chúa Vishnu), là người mà Chúa hài lòng.

ਬਿਸਨ ਕੀ ਮਾਇਆ ਤੇ ਹੋਇ ਭਿੰਨ ॥

Anh ta vẫn tách rời khỏi Maya (ảo ảnh thế gian) do Thiên Chúa tạo ra.

ਕਰਮ ਕਰਤ ਹੋਵੈ ਨਿਹਕਰਮ ॥

Trong khi làm việc tốt, anh ta không mong đợi bất kỳ phần thưởng nào.

ਤਿਸੁ ਬੈਸਨੇ ਕਾ ਨਿਰਮਲ ਧਰਮ ॥

Tinh khiết không tì vết là đức tin của một Vaishnava như vậy.

ਕਾਹੂ ਫਲ ਕੀ ਇਛਾ ਨਹੀ ਬਾਛੈ ॥

Anh ấy không khao khát một phần thưởng cho bất cứ điều gì.

ਕੇਵਲ ਭਗਤਿ ਕੀਰਤਨ ਸੰਗਿ ਰਾਚੈ ॥

Ông chỉ đắm chìm trong thiền định sùng kính và hát những lời ca ngợi Chúa.

ਮਨ ਤਨ ਅੰਤਰਿ ਸਿਮਰਨ ਗੋਪਾਲ ॥

Tâm trí và cơ thể của anh ta liên tục tưởng nhớ đến Đức Chúa Trời.

ਸਭ ਉਪਰਿ ਹੋਵਤ ਕਿਰਪਾਲ ॥

Anh ấy tử tế với tất cả các sinh vật.

ਆਪਿ ਦ੍ਰਿੜੈ ਅਵਰਹ ਨਾਮੁ ਜਪਾਵੈ ॥

Chính ông suy gẫm về Danh Đức Chúa Trời và truyền cảm hứng cho những người khác làm điều tương tự.

ਨਾਨਕ ਓਹੁ ਬੈਸਨੇ ਪਰਮ ਗਤਿ ਪਾਵੈ ॥੨॥

O 'Nanak, một Vaishnav như vậy có được địa vị tinh thần tối cao.

ਭਗਉਤੀ ਭਗਵੰਤ ਭਗਤਿ ਕਾ ਰੰਗੁ ॥

Người sùng kính thực sự của Đức Chúa Trời là người có trái tim tràn đầy sự thờ phượng sùng kính.

ਸਗਲ ਤਿਆਗੈ ਦੁਸਟ ਕਾ ਸੰਗੁ ॥

Anh ta từ bỏ công ty của tất cả những người xấu xa.

ਮਨ ਤੇ ਬਿਨਸੈ ਸਗਲਾ ਭਰਮੁ ॥

Mọi nghi ngờ đều biến mất khỏi tâm trí anh.

ਕਰਿ ਪੂਜੈ ਸਗਲ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ॥

Một tín đồ thờ phượng Đức Chúa Trời với niềm tin rằng Ngài có mặt ở khắp mọi nơi.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਪਾਪਾ ਮਲੁ ਖੋਵੈ ॥

Trong công ty của những người thánh thiện, một người như vậy thoát khỏi bụi bẩn của mọi tội lỗi

ਤਿਸੁ ਭਗਉਤੀ ਕੀ ਮਤਿ ਊਤਮ ਹੋਵੈ ॥

Trí tuệ của một người sùng kính Đức Chúa Trời như vậy trở nên tối cao.

ਭਗਵੰਤ ਕੀ ਟਹਲ ਕਰੈ ਨਿਤ ਨੀਤਿ ॥

Ông nhớ đến Thiên Chúa với tình yêu và sự tận tâm mỗi ngày.

ਮਨੁ ਤਨੁ ਅਰਪੈ ਬਿਸਨ ਪਰੀਤਿ ॥

Ông dành tâm trí và cơ thể của mình cho Tình yêu của Thiên Chúa.

ਹਰਿ ਕੇ ਚਰਨ ਹਿਰਦੈ ਬਸਾਵੈ ॥

Ngài đặt đôi chân của Thiên Chúa (tình yêu) trong trái tim.

ਨਾਨਕ ਐਸਾ ਭਗਉਤੀ ਭਗਵੰਤ ਕਉ ਪਾਵੈ ॥੩॥

O 'Nanak, một tín đồ (Bhagauti) của Đức Chúa Trời nhận ra Ngài (trong lòng mình).

ਸੇ ਪੰਡਿਤੁ ਜੇ ਮਨੁ ਪਰਬੇਧੈ ॥

Một Pandit thực sự là người đầu tiên hướng dẫn tâm trí của chính mình;

ਰਾਮ ਨਾਮੁ ਆਤਮ ਮਹਿ ਸੋਧੈ ॥

và tìm kiếm danh Chúa trong tâm hồn của chính mình.

ਰਾਮ ਨਾਮ ਸਾਰੁ ਰਸੁ ਪੀਵੈ ॥

Anh ta dự phần mật hoa tinh tế của Danh Đức Chúa Trời.

ਉਸੁ ਪੰਡਿਤ ਕੈ ਉਪਦੇਸਿ ਜਗੁ ਜੀਵੈ ॥

Theo những lời dạy của một Pundit như vậy, toàn bộ thế giới vẫn còn sống về mặt tinh thần.

ਹਰਿ ਕੀ ਕਥਾ ਹਿਰਦੈ ਬਸਾਵੈ ॥

Anh ta cấy những đức tính của Đức Chúa Trời vào lòng mình.

ਸੇ ਪੰਡਿਤੁ ਫਿਰਿ ਜੇਨਿ ਨ ਆਵੈ ॥

Một Pandit như vậy không rơi vào chu kỳ sinh và chết một lần nữa.

ਬੇਦ ਪੁਰਾਨ ਸਿਮ੍ਰਿਤਿ ਬੂਝੈ ਮੂਲ ॥

Ông nhận ra Thiên Chúa là nguồn gốc của thánh thư, chẳng hạn như Vedas, Puranas và Smurtis.

ਸੂਖਮ ਮਹਿ ਜਾਨੈ ਅਸਥੂਲੁ ॥

Ông nhận ra Thiên Chúa vô hình trong sự sáng tạo hữu hình.

ਚਹੁ ਵਰਨਾ ਕਉ ਦੇ ਉਪਦੇਸੁ ॥

Ông giảng cho người dân của cả bốn đẳng cấp (địa vị xã hội).

ਨਾਨਕ ਉਸੁ ਪੰਡਿਤ ਕਉ ਸਦਾ ਅਦੇਸੁ ॥੪॥

Hỡi Nanak, trước một Pandit như vậy, tôi cúi chào mãi mãi.

ਬੀਜ ਮੰਤ੍ਰੁ ਸਰਬ ਕੇ ਗਿਆਨੁ ॥ ਚਹੁ ਵਰਨਾ ਮਹਿ ਜਪੈ ਕੇਉ ਨਾਮੁ ॥

Hãy để bất cứ ai trong bốn đàn diễn viên (địa vị xã hội) suy ngẫm về Danh Đức Chúa Trời, và người ta sẽ thấy rằng Danh Đức Chúa Trời là câu thần chú gốc rễ của tất cả kiến thức thiêng liêng.

ਜੇ ਜੇ ਜਪੈ ਤਿਸ ਕੀ ਗਤਿ ਹੋਇ ॥

Bất cứ ai chiêm ngưỡng Naam đều có một cuộc sống được tô điểm.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਪਾਵੈ ਜਨੁ ਕੋਇ ॥

Tuy nhiên, chỉ có một người rất hiếm nhận được món quà của Naam trong công ty của các vị thánh.

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਅੰਤਰਿ ਉਰ ਧਾਰੈ ॥

Nếu nhờ ân điển của Ngài, Đức Chúa Trời lưu giữ Danh Ngài trong trái tim của một người,

ਪਸੁ ਪ੍ਰੇਤ ਮੁਖਦ ਪਾਥਰ ਕਉ ਤਾਰੈ ॥

Ngay cả khi người đó giống như một con vật, một con ma, một kẻ ngốc hoặc một trái tim bằng đá, người đó được cứu.

ਸਰਬ ਰੋਗ ਕਾ ਅਉਖਦੁ ਨਾਮੁ ॥

Danh Đức Chúa Trời là phương thuốc để chữa mọi bệnh tật.

ਕਲਿਆਣ ਰੂਪ ਮੰਗਲ ਗੁਣ ਗਾਮ ॥

Lời ca ngợi của Đức Chúa Trời dẫn đến sự may mắn và hạnh phúc.

ਕਾਹੂ ਜੁਗਤਿ ਕਿਤੈ ਨ ਪਾਈਐ ਧਰਮਿ ॥

Naam không thể có được bằng bất kỳ kỹ thuật cụ thể hoặc nghi lễ tôn giáo nào.

ਨਾਨਕ ਤਿਸੁ ਮਿਲੈ ਜਿਸੁ ਲਿਖਿਆ ਧੁਰਿ ਕਰਮਿ ॥੫॥

Hỡi Nanak, chỉ có một mình ông nhận được nó, người đã được phong chức trước.

ਜਿਸ ਕੈ ਮਨਿ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਕਾ ਨਿਵਾਸੁ ॥

Một trong những người có tâm trí ngự trị Thiên Chúa tối cao,

ਤਿਸ ਕਾ ਨਾਮੁ ਸਤਿ ਰਾਮਦਾਸੁ ॥

Tên của anh ấy thực sự là Ram Das, tôi tớ của Chúa.

ਆਤਮ ਰਾਮੁ ਤਿਸੁ ਨਦਰੀ ਆਇਆ ॥

Một người sùng đạo như vậy nhận ra tất cả mọi sự tràn ngập Đức Chúa Trời.

ਦਾਸ ਦਸੰਤਣ ਭਾਇ ਤਿਨਿ ਪਾਇਆ ॥

Tự cho mình vô cùng khiêm tốn, người đó nhận ra Đức Chúa Trời.

ਸਦਾ ਨਿਕਟਿ ਨਿਕਟਿ ਹਰਿ ਜਾਨੁ ॥

Một người nhận thấy Thiên Chúa luôn hiện diện, gần gũi trong tầm tay.

ਸੇ ਦਾਸੁ ਦਰਗਹ ਪਰਵਾਨੁ ॥

Một người đầy tớ của Đức Chúa Trời được chấp thuận trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਅਪੁਨੇ ਦਾਸ ਕਉ ਆਪਿ ਕਿਰਪਾ ਕਰੈ ॥

Cho đầy tớ của Ngài, chính Ngài ban ân sủng của Ngài,

ਤਿਸੁ ਦਾਸ ਕਉ ਸਭ ਸੇਝੀ ਪਰੈ ॥

và một người đầy tớ như vậy đến để hiểu tất cả mọi thứ.

ਸਗਲ ਸੰਗਿ ਆਤਮ ਉਦਾਸੁ ॥

Sống giữa gia đình, anh vẫn tách rời khỏi những cám dỗ thế gian.

ਐਸੀ ਜੁਗਤਿ ਨਾਨਕ ਰਾਮਦਾਸੁ ॥੬॥

Này Nanak, đó là cách sống của Ram Das (đầy tớ của Đức Chúa Trời).

ਪ੍ਰਭ ਕੀ ਆਗਿਆ ਆਤਮ ਹਿਤਾਵੈ ॥

Một người từ trái tim mình, yêu mến ý muốn của Đức Chúa Trời,

ਜੀਵਨ ਮੁਕਤਿ ਸੇਊ ਕਹਾਵੈ ॥

được cho là Jivan Mukta- được giải phóng khỏi mối quan hệ của Maya khi vẫn còn sống.

ਤੈਸਾ ਹਰਖੁ ਤੈਸਾ ਉਸੁ ਸੇਗੁ ॥

Đối với một người như vậy, niềm vui và nỗi buồn là như nhau.

ਸਦਾ ਅਨੰਦੁ ਤਹ ਨਹੀ ਬਿਓਗੁ ॥

Anh ta luôn ở trong hạnh phúc vĩnh cửu bởi vì trong trạng thái đó không có sự tách biệt với Thiên Chúa.

ਤੈਸਾ ਸੁਵਰਨੁ ਤੈਸੀ ਉਸੁ ਮਾਟੀ ॥

Đối với anh, cả vàng và bụi đều giống nhau.

ਤੈਸਾ ਅੰਮ੍ਰਿਤੁ ਤੈਸੀ ਬਿਖੁ ਖਾਟੀ ॥

Như isnectar, chất độc đắng đối với anh ta cũng vậy.

ਤੈਸਾ ਮਾਨੁ ਤੈਸਾ ਅਭਿਮਾਨੁ ॥

Như là danh dự, thể hiện bản ngã với anh ta cũng vậy.

ਤੈਸਾ ਰੰਕੁ ਤੈਸਾ ਰਾਜਾਨੁ ॥

Người ăn xin cũng vậy, vua đối với anh ta cũng vậy.

ਜੇ ਵਰਤਾਏ ਸਾਈ ਜੁਗਤਿ ॥

Bất cứ điều gì Đức Chúa Trời làm là con đường đúng đắn để họ đi theo.

ਨਾਨਕ ਓਹੁ ਪੁਰਖੁ ਕਹੀਐ ਜੀਵਨ ਮੁਕਤਿ ॥੭॥

O 'Nanak, người đó được gọi là Jivan Mukta (được giải thoát khi còn sống).

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਕੇ ਸਗਲੇ ਠਾਉ ॥

Mọi người đều thuộc về Đức Chúa Trời Tối Cao.

ਜਿਤੁ ਜਿਤੁ ਘਰਿ ਰਾਖੈ ਤੈਸਾ ਤਿਨ ਨਾਉ ॥

Trong bất kỳ giai đoạn nào của tâm trí, Đức Chúa Trời giữ người phạm, đó là tên họ có được.

ਆਪੇ ਕਰਨ ਕਰਾਵਨ ਜੋਗੁ ॥

Chính Đức Chúa Trời có khả năng làm và hoàn thành mọi sự.

ਪ੍ਰਭ ਭਾਵੈ ਸੋਈ ਫੁਨਿ ਹੋਗੁ ॥

Bất cứ điều gì làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, cuối cùng phải xảy ra.

ਪਸਰਿਓ ਆਪਿ ਹੋਇ ਅਨਤ ਤਰੰਗ ॥

Giống như sóng biển không giới hạn, Thiên Chúa đã lan tỏa chính Ngài khắp mọi nơi

ਲਖੇ ਨ ਜਾਹਿ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਕੇ ਰੰਗ ॥

Các vở kịch của Đức Chúa Trời tối cao không thể hiểu được.

ਜੈਸੀ ਮਤਿ ਦੇਇ ਤੈਸਾ ਪਰਗਾਸ ॥

Bất cứ điều gì Đức Chúa Trời ban cho một người trí tuệ, tâm trí của anh ta cũng được khai sáng.

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ਕਰਤਾ ਅਬਿਨਾਸ ॥

Đức Chúa Trời Tối Cao là Đấng Tạo Hóa bất diệt (vĩnh cửu và vĩnh cửu).

ਸਦਾ ਸਦਾ ਸਦਾ ਦਇਆਲ ॥

Ngài thương xót mãi mãi và mãi mãi.

ਸਿਮਰਿ ਸਿਮਰਿ ਨਾਨਕ ਭਏ ਨਿਹਾਲ ॥੮॥੯॥

Hỡi Nanak, bằng cách nhớ đến Ngài hết lần này đến lần khác với lòng sùng kính yêu thương, người phạm sẽ được ban phước và vui vẻ.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਉਸਤਤਿ ਕਰਹਿ ਅਨੇਕ ਜਨ ਅੰਤੁ ਨ ਪਾਰਾਵਾਰ ॥

Nhiều người hát những lời ca ngợi Đức Chúa Trời, nhưng đức tính của Ngài là vô tận.

ਨਾਨਕ ਰਚਨਾ ਪ੍ਰਭਿ ਰਚੀ ਬਹੁ ਬਿਧਿ ਅਨਿਕ ਪ੍ਰਕਾਰ ॥੧॥

O Nanak, Chúa đã tạo ra vũ trụ này bằng vô số cách thức và hình thức.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਕਈ ਕੋਟਿ ਹੋਏ ਪੂਜਾਰੀ ॥

Hàng triệu người là những người thờ phượng Ngài.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਆਚਾਰ ਬਿਉਹਾਰੀ ॥

Nhiều triệu người thực hiện các nghi lễ tôn giáo và nghĩa vụ thế gian.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਭਏ ਤੀਰਥ ਵਾਸੀ ॥

Nhiều triệu người đã trở thành cư dân của những nơi hành hương.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਬਨ ਭ੍ਰਮਹਿ ਉਦਾਸੀ ॥

Nhiều triệu người lang thang trong vùng hoang dã như những người từ bỏ..

ਕਈ ਕੋਟਿ ਬੇਦ ਕੇ ਸ੍ਰੋਤੇ ॥

Hàng triệu người nghe kinh Veda.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਤਪੀਸੁਰ ਹੋਤੇ ॥

Nhiều triệu người tham gia vào các nghi lễ tự trừng phạt để làm hài lòng Chúa.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਆਤਮ ਧਿਆਨੁ ਧਾਰਹਿ ॥

Nhiều triệu người suy ngẫm về nội tâm của họ.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਕਬਿ ਕਾਬਿ ਬੀਚਾਰਹਿ ॥

Nhiều triệu người suy ngẫm về thơ được sáng tác bởi nhiều nhà thơ.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਨਵਤਨ ਨਾਮ ਧਿਆਵਹਿ ॥

Nhiều triệu người suy niệm về Ngài, mỗi khi sử dụng Danh mới cho Ngài.

ਨਾਨਕ ਕਰਤੇ ਕਾ ਅੰਤੁ ਨ ਪਾਵਹਿ ॥੧॥

O Nanak, không ai có thể tìm thấy giới hạn của các đức tính của Đấng Tạo Hóa.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਭਏ ਅਭਿਮਾਨੀ ॥

Nhiều triệu người là người ích kỷ.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਅੰਧ ਅਗਿਆਨੀ ॥

Nhiều triệu người bị mù quáng bởi sự thiếu hiểu biết.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਕਿਰਪਨ ਕਠੋਰ ॥

Nhiều triệu người là những kẻ khốn khổ có trái tim đá.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਅਭਿਗ ਆਤਮ ਨਿਕੋਰ ॥

Nhiều triệu người vô cảm và hoàn toàn không có lòng trắc ẩn.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਪਰ ਦਰਬ ਕਉ ਹਿਰਹਿ ॥

Hàng triệu người ăn cắp tài sản của người khác.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਪਰ ਦੂਖਨਾ ਕਰਹਿ ॥

Nhiều triệu người vu khống người khác.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਮਾਇਆ ਸ੍ਰਮ ਮਾਹਿ ॥

Nhiều triệu người phải vật lộn cả đời để kiếm được sự giàu có của thế gian.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਪਰਦੇਸ ਭ੍ਰਮਾਹਿ ॥

Nhiều triệu người đi lang thang ở những vùng đất xa lạ.

ਜਿਤੁ ਜਿਤੁ ਲਾਵਹੁ ਤਿਤੁ ਤਿਤੁ ਲਗਨਾ ॥

Lạy Chúa, con người làm những gì Ngài giao cho họ làm.

ਨਾਨਕ ਕਰਤੇ ਕੀ ਜਾਨੈ ਕਰਤਾ ਰਚਨਾ ॥੨॥

Hỡi Nanak, chỉ có Đấng Tạo Hóa mới biết được hoạt động của sự sáng tạo của Ngài.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਸਿਧ ਜਤੀ ਜੋਗੀ ॥

Hàng triệu người là Siddhas, Celibates và Yogi.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਰਾਜੇ ਰਸ ਭੋਗੀ ॥

Nhiều triệu người là vua, tận hưởng những thú vui trần tục.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਪੰਖੀ ਸਰਪ ਉਪਾਏ ॥

Hàng triệu loài chim và rắn đã được tạo ra.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਪਾਥਰ ਬਿਰਖ ਨਿਪਜਾਏ ॥

Hàng triệu viên đá và cây cối đã được sản xuất.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਪਵਣ ਪਾਣੀ ਬੈਸੰਤਰ ॥

Hàng triệu người là gió, nước và lửa.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਦੇਸ ਭੂ ਮੰਡਲ ॥

Nhiều triệu là trái đất và các hệ hành tinh.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਸਸੀਅਰ ਸੂਰ ਨਖਜਯਤ੍ਰ ॥

Nhiều triệu là mặt trăng, mặt trời và các ngôi sao.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਦੇਵ ਦਾਨਵ ਇੰਦ੍ਰ ਸਿਰਿ ਛਤ੍ਰ ॥

Nhiều triệu người là những góc độ, ác quỷ và Indras, dưới những tán cây vương giả của họ.

ਸਗਲ ਸਮਗ੍ਰੀ ਅਪਨੈ ਸੂਤਿ ਧਾਰੈ ॥

Ngài đã đặt toàn bộ sự sáng tạo theo mệnh lệnh của Ngài như những hạt cườm được xâu thành sợi chỉ.

ਨਾਨਕ ਜਿਸੁ ਜਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਿਸੁ ਤਿਸੁ ਨਿਸਤਾਰੈ ॥੩॥

Hỡi Nanak, người mà Ngài hài lòng, Ngài đưa họ bằng qua đại dương của những tẻ nạn thế giới.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਰਾਜਸ ਤਾਮਸ ਸਾਤਕ ॥

Nhiều triệu người ở trong quyền lực, phỏ và đức hạnh. (ba chế độ của Maya)

ਕਈ ਕੋਟਿ ਬੇਦ ਪੁਰਾਨ ਸਿਮ੍ਰਿਤਿ ਅਰੁ ਸਾਸਤ ॥

Nhiều triệu người nghiên cứu kinh Veda, Puranas, Smritis và Shastras (sách thánh).

ਕਈ ਕੋਟਿ ਕੀਏ ਰਤਨ ਸਮੁਦ ॥

Thiên Chúa đã tạo ra hàng triệu viên ngọc trong các đại dương.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਨਾਨਾ ਪ੍ਰਕਾਰ ਜੰਤ ॥

Ông đã tạo ra hàng triệu loại sinh vật khác nhau.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਕੀਏ ਚਿਰ ਜੀਵੇ ॥

Nhiều triệu người được tạo ra sống lâu.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਗਿਰੀ ਮੇਰ ਸੁਵਰਨ ਥੀਵੇ ॥

Ông đã tạo ra hàng triệu ngọn núi vàng

ਕਈ ਕੋਟਿ ਜਖਜਕ ਕਿੰਨਰ ਪਿਸਾਚ ॥

Nhiều triệu người là Yakshas (người hầu của thần giàu có), Kinnars (vũ công) và Pishaach (những người có địa vị xã hội thấp hơn).

ਕਈ ਕੋਟਿ ਭੂਤ ਪ੍ਰੇਤ ਸੂਕਰ ਮ੍ਰਿਗਾਚ ॥

Nhiều triệu người là những linh hồn xấu xa, ma, lợn và hổ.

ਸਭ ਤੇ ਨੇਰੈ ਸਭਹੁ ਤੇ ਦੂਰਿ ॥

Anh ấy ở gần tất cả, nhưng xa tất cả.

ਨਾਨਕ ਆਪਿ ਅਲਿਪਤੁ ਰਹਿਆ ਭਰਪੂਰਿ ॥੪॥

O Nanak, Ngài vừa tách rời vừa tràn ngập trong sự sáng tạo của Ngài.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਪਾਤਾਲ ਕੇ ਵਾਸੀ ॥

Nhiều triệu người sống ở các vùng lân cận.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਨਰਕ ਸੁਰਗ ਨਿਵਾਸੀ ॥

Nhiều triệu người sống trong nỗi đau và nỗi buồn tột cùng như ở trong địa ngục và nhiều triệu người sống cuộc sống xa hoa như ở trên thiên đường.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਜਨਮਹਿ ਜੀਵਹਿ ਮਰਹਿ ॥

Nhiều triệu người được sinh ra, sống cuộc sống của họ và chết.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਬਹੁ ਜੇਨੀ ਫਿਰਹਿ ॥

Nhiều triệu người tiếp tục lang thang qua các chu kỳ sinh và tử.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਬੈਠਤ ਹੀ ਖਾਹਿ ॥

Nhiều triệu người kiếm sống một cách dễ dàng.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਘਾਲਹਿ ਥਕਿ ਪਾਹਿ ॥

Nhiều triệu người kiệt sức cố gắng kiếm sống.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਕੀਏ ਧਨਵੰਤ ॥

Thiên Chúa đã làm cho hàng triệu người trở nên giàu có.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਮਾਇਆ ਮਹਿ ਚਿੰਤ ॥

Nhiều triệu người ở lại trong lo lắng về tài chính.

ਜਹ ਜਹ ਭਾਣਾ ਤਹ ਤਹ ਰਾਖੇ ॥

Bất cứ nơi nào Ngài muốn, Ngài giữ những người phạm ở đó.

ਨਾਨਕ ਸਭੁ ਕਿਛੁ ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਹਾਥੇ ॥੫॥

Hỡi Nanak, mọi sự đều nằm dưới sự chỉ huy của Đức Chúa Trời.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਭਏ ਬੈਰਾਗੀ ॥

Nhiều triệu người trở nên tách rời khỏi các vấn đề thế gian,

ਰਾਮ ਨਾਮ ਸੰਗਿ ਤਿਨਿ ਲਿਵ ਲਾਗੀ ॥

và tiếp tục hòa hợp với Danh Đức Chúa Trời.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਪ੍ਰਭ ਕਉ ਖੋਜੰਤੇ ॥

Hàng triệu người đang tìm kiếm Thiên Chúa,

ਆਤਮ ਮਹਿ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ਲਹੰਤੇ ॥

và nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa trong chính họ.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਦਰਸਨ ਪ੍ਰਭੁ ਪਿਆਸ ॥

Nhiều triệu người khao khát nhìn thấy Đức Chúa Trời,

ਤਿਨ ਕਉ ਮਿਲਿਓ ਪ੍ਰਭੁ ਅਬਿਨਾਸ ॥

và họ nhận ra Đức Chúa Trời vĩnh cửu.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਮਾਗਹਿ ਸਤਸੰਗੁ ॥

Nhiều triệu người cầu nguyện cho hội thánh,

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਤਿਨ ਲਾਗਾ ਰੰਗੁ ॥

Họ được thấm nhuần tình yêu của Thiên Chúa tối cao.

ਜਿਨ ਕਉ ਹੋਏ ਆਪਿ ਸੁਪ੍ਰਸੰਨ ॥

Những người mà chính Ngài vô cùng hài lòng,

ਨਾਨਕ ਤੇ ਜਨ ਸਦਾ ਧਨਿ ਧੰਨਿ ॥੬॥

Hỡi Nanak, họ được chúc phúc và ban phước mãi mãi.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਖਾਣੀ ਅਰੁ ਖੰਡ ॥

Hàng triệu sinh vật đã được tạo ra thông qua bốn nguồn sáng tạo, trong chín vùng của trái đất.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਅਕਾਸ ਬ੍ਰਹਮੰਡ ॥

Có hàng triệu sinh vật trên bầu trời và trong các hệ mặt trời

ਕਈ ਕੋਟਿ ਹੋਏ ਅਵਤਾਰ ॥

Hàng triệu sinh vật đang được sinh ra.

ਕਈ ਜੁਗਤਿ ਕੀਨੇ ਬਿਸਥਾਰ ॥

Theo nhiều cách, Thiên Chúa đã tạo ra vũ trụ.

ਕਈ ਬਾਰ ਪਸਰਿਓ ਪਾਸਾਰ ॥

Rất nhiều lần, Ngài đã mở rộng sự mở rộng của Ngài (Sáng tạo).

ਸਦਾ ਸਦਾ ਇਕੁ ਏਕੰਕਾਰ ॥

Tuy nhiên, mãi mãi và mãi mãi, Đấng Tạo Hóa vẫn như vậy.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਕੀਨੇ ਬਹੁ ਭਾਤਿ ॥

Thiên Chúa đã tạo ra hàng triệu sinh vật dưới nhiều hình thức khác nhau.

ਪ੍ਰਭ ਤੇ ਹੋਏ ਪ੍ਰਭ ਮਾਹਿ ਸਮਾਤਿ ॥

Từ Đức Chúa Trời, họ phát ra, và vào Đức Chúa Trời, họ lại hợp nhất trở lại.

ਤਾ ਕਾ ਅੰਤੁ ਨ ਜਾਨੈ ਕੋਇ ॥

Giới hạn của sự sáng tạo của Ngài không được ai biết đến.

ਆਪੇ ਆਪਿ ਨਾਨਕ ਪ੍ਰਭੁ ਸੋਇ ॥੭॥

Hỡi Nanak, chỉ có Đức Chúa Trời mới là Đấng giống như Ngài.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਕੇ ਦਾਸ ॥

Nhiều triệu người là tín đồ của Đức Chúa Trời Tối Cao,

ਤਿਨ ਹੋਵਤ ਆਤਮ ਪਰਗਾਸ ॥

trong ai biểu lộ ánh sáng thiêng liêng

ਕਈ ਕੋਟਿ ਤਤ ਕੇ ਬੇਤੇ ॥

Nhiều triệu người biết bản chất của thực tại (Chúa),

ਸਦਾ ਨਿਹਾਰਹਿ ਏਕੇ ਨੇਤ੍ਰੇ ॥

và với đôi mắt của họ (tầm nhìn tâm linh), họ luôn nhìn thấy Đức Chúa Trời duy nhất.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਨਾਮ ਰਸੁ ਪੀਵਹਿ ॥

Nhiều triệu người tham gia mật hoa của Naam.

ਅਮਰ ਭਏ ਸਦ ਸਦ ਹੀ ਜੀਵਹਿ ॥

Trở nên tự do khỏi sinh và chết, họ trở nên bất tử.

ਕਈ ਕੋਟਿ ਨਾਮ ਗੁਨ ਗਾਵਹਿ ॥

Có rất nhiều triệu người hát những đức tính của Đức Chúa Trời.

ਆਤਮ ਰਸਿ ਸੁਖਿ ਸਹਜਿ ਸਮਾਵਹਿ ॥

Họ trực giác vẫn đắm chìm trong hòa bình và hạnh phúc tâm linh.

ਅਪੁਨੇ ਜਨ ਕਉ ਸਾਸਿ ਸਾਸਿ ਸਮਾਰੇ ॥

Đức Chúa Trời chăm sóc các tín đồ của Ngài bằng từng hơi thở của họ.

ਨਾਨਕ ਓਇ ਪਰਮੇਸੁਰ ਕੇ ਪਿਆਰੇ ॥੮॥੧੦॥

Hỡi Nanak, họ là những người yêu dấu của Đức Chúa Trời.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਕਰਣ ਕਾਰਣ ਪ੍ਰਭੁ ਏਕੁ ਹੈ ਦੂਸਰ ਨਾਹੀ ਕੋਇ ॥

Chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng sáng tạo ra toàn bộ vũ trụ và không có ai khác.

ਨਾਨਕ ਤਿਸੁ ਬਲਿਹਾਰਣੈ ਜਲਿ ਥਲਿ ਮਹੀਅਲਿ ਸੋਇ ॥੧॥

O Nanak, tôi dâng hiến bản thân mình cho Đấng, Đấng tràn ngập nước, trái đất và bầu trời.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਕਰਨ ਕਰਾਵਨ ਕਰਨੈ ਜੋਗੁ ॥

Đức Chúa Trời có quyền năng để làm và hoàn thành mọi sự.

ਜੇ ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਸੋਈ ਹੋਗੁ ॥

Bất cứ điều gì làm hài lòng Ngài, chỉ có điều đó xảy ra.

ਖਿਨ ਮਹਿ ਥਾਪਿ ਉਥਾਪਨਹਾਰਾ ॥

Trong một khoảnh khắc, Ngài tạo ra và phá hủy sự sáng tạo của Ngài.

ਅੰਤੁ ਨਹੀ ਕਿਛੁ ਪਾਰਾਵਾਰਾ ॥

Không có kết thúc hay giới hạn quyền năng của Ngài.

ਹੁਕਮੇ ਧਾਰਿ ਅਧਰ ਰਹਾਵੈ ॥

Theo lệnh của Ngài, Ngài đã thiết lập trái đất, và Ngài duy trì nó mà không cần bất kỳ sự hỗ trợ vật lý nào.

ਹੁਕਮੇ ਉਪਜੈ ਹੁਕਮਿ ਸਮਾਵੈ ॥

Những gì được tạo ra bởi trật tự của Ngài, cuối cùng, hợp nhất trở lại với Ngài bởi trật tự của Ngài.

ਹੁਕਮੇ ਊਚ ਨੀਚ ਬਿਉਹਾਰ ॥

Theo lệnh của anh ta, mọi người hành xử như cao hay thấp.

ਹੁਕਮੇ ਅਨਿਕ ਰੰਗ ਪਰਕਾਰ ॥

Theo lệnh của Ngài, nhiều loại niềm vui và vui đùa được thực hiện.

ਕਰਿ ਕਰਿ ਦੇਖੈ ਅਪਨੀ ਵਡਿਆਈ ॥

Sau khi tạo ra sự sáng tạo, Ngài nhìn thấy sự vĩ đại của chính Ngài.

ਨਾਨਕ ਸਭ ਮਹਿ ਰਹਿਆ ਸਮਾਈ ॥੧॥

O 'Nanak, Ngài đang lan tỏa trong tất cả.

ਪ੍ਰਭ ਭਾਵੈ ਮਾਨੁਖ ਗਤਿ ਪਾਵੈ ॥

Nếu nó làm hài lòng Đức Chúa Trời, phàm nhân đạt được trạng thái tâm linh cao.

ਪ੍ਰਭ ਭਾਵੈ ਤਾ ਪਾਥਰ ਤਰਾਵੈ ॥

Nếu Đức Chúa Trời muốn như vậy, Ngài giải phóng ngay cả những người có trái tim đá (tàn bạo).

ਪ੍ਰਭ ਭਾਵੈ ਬਿਨੁ ਸਾਸ ਤੇ ਰਾਖੈ ॥

Nếu nó làm hài lòng Đức Chúa Trời, Ngài giữ cho một người sống ngay cả khi không có hơi thở.

ਪ੍ਰਭ ਭਾਵੈ ਤਾ ਹਰਿ ਗੁਣ ਭਾਖੈ ॥

Nếu Chúa vui lòng, thì người ta sẽ hát ngợi khen Chúa.

ਪ੍ਰਭ ਭਾਵੈ ਤਾ ਪਤਿਤ ਉਧਾਰੈ ॥

Nếu nó làm hài lòng Đức Chúa Trời, Ngài cứu ngay cả những tội nhân khỏi tệ nạn.

ਆਪਿ ਕਰੈ ਆਪਨ ਬੀਚਾਰੈ ॥

Bất cứ điều gì anh ấy làm là theo suy nghĩ của riêng anh ấy.

ਦੁਹਾ ਸਿਰਿਆ ਕਾ ਆਪਿ ਸੁਆਮੀ ॥

Chính Ngài là Chủ nhân của cả hai thế giới (thế giới ở đây và sau này).

ਖੇਲੈ ਬਿਗਸੈ ਅੰਤਰਜਾਮੀ ॥

Người biết tất cả các trái tim đóng bộ phim truyền hình trần tục và thích xem nó.

ਜੇ ਭਾਵੈ ਸੇ ਕਾਰ ਕਰਾਵੈ ॥

Bất cứ điều gì Ngài muốn, Ngài làm cho người đó làm việc đó.

ਨਾਨਕ ਦ੍ਰਿਸ਼ਟੀ ਅਵਰੁ ਨ ਆਵੈ ॥੨॥

O Nanak, tôi không thấy ai khác giống như Ngài.

ਕਹੁ ਮਾਨੁਖ ਤੇ ਕਿਆ ਹੋਇ ਆਵੈ ॥

Nói cho tôi biết, một con người có thể tự làm gì?

ਜੇ ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਸੇਈ ਕਰਾਵੈ ॥

Bất cứ điều gì làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, Ngài được thực hiện điều đó từ những người phạm trần.

ਇਸ ਕੈ ਹਾਥਿ ਹੋਇ ਤਾ ਸਭੁ ਕਿਛੁ ਲੇਇ ॥

Nếu nó nằm trong tay người phạm, anh ta sẽ nắm lấy mọi thứ.

ਜੇ ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਸੇਈ ਕਰੇਇ ॥

Nhưng Đức Chúa Trời làm bất cứ điều gì đẹp lòng Ngài.

ਅਨਜਾਨਤ ਬਿਖਿਆ ਮਹਿ ਰਚੈ ॥

Vì sự thiếu hiểu biết, người ta mãi mê với Maya (ảo tưởng thế gian).

ਜੇ ਜਾਨਤ ਆਪਨ ਆਪ ਬਚੈ ॥

Nếu anh ta biết rõ hơn, anh ta sẽ tự cứu mình khỏi nó.

ਭਰਮੇ ਭੂਲਾ ਦਹ ਦਿਸਿ ਧਾਵੈ ॥

Bị lừa dối bởi sự nghi ngờ, anh lang thang khắp mọi hướng.

ਨਿਮਖ ਮਾਹਿ ਚਾਰਿ ਕੁੰਟ ਫਿਰਿ ਆਵੈ ॥

Trong một khoảnh khắc tâm trí vòng quanh bốn góc của thế giới.

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਜਿਸੁ ਅਪਨੀ ਭਗਤਿ ਦੇਇ ॥

Những người mà Đức Chúa Trời thương xót ban phước với sự thờ phượng sùng kính của Ngài,

ਨਾਨਕ ਤੇ ਜਨ ਨਾਮਿ ਮਿਲੇਇ ॥੩॥

O 'Nanak, họ vẫn hợp nhất trong Naam.

ਖਿਨ ਮਹਿ ਨੀਚ ਕੀਟ ਕਉ ਰਾਜ ॥

Trong chốc lát, Ngài có thể làm cho một con sâu giống như người thấp hèn trở thành vua,

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਗਰੀਬ ਨਿਵਾਜ ॥

Thiên Chúa tối cao là Đấng bảo vệ người nghèo khiêm nhường.

ਜਾ ਕਾ ਦ੍ਰਿਸ਼ਟਿ ਕਛੂ ਨ ਆਵੈ ॥

Ngay cả những người dường như không có đức tính,

ਤਿਸੁ ਤਤਕਾਲ ਦਹ ਦਿਸ ਪ੍ਰਗਟਾਵੈ ॥

Ngay lập tức, Thiên Chúa làm cho anh ta trở nên phổ biến ở khắp mọi nơi.

ਜਾ ਕਉ ਅਪੁਨੀ ਕਰੈ ਬਖਸੀਸ ॥

Người mà Ngài ban phước lành cho Ngài,

ਤਾ ਕਾ ਲੇਖਾ ਨ ਗਨੈ ਜਗਦੀਸ ॥

Chủ nhân của thế giới không giữ anh ta vào tài khoản của mình.

ਜੀਉ ਪਿੰਡੁ ਸਭ ਤਿਸ ਕੀ ਰਾਸਿ ॥

Linh hồn và thể xác là tất cả tài sản của Ngài ban cho một người phàm trần.

ਘਟਿ ਘਟਿ ਪੂਰਨ ਬ੍ਰਹਮ ਪ੍ਰਗਾਸ ॥

Mỗi và mọi trái tim đều được soi sáng bởi Đức Chúa Trời Toàn Tràn Tàn.

ਅਪਨੀ ਬਣਤ ਆਪਿ ਬਨਾਈ ॥

Ngài đã tạo dựng tất cả các tạo vật của Ngài bởi chính Ngài,

ਨਾਨਕ ਜੀਵੈ ਦੇਖਿ ਬਡਾਈ ॥੪॥

O Nanak, Ngài đang vui mừng trong khi nhìn thấy sự vĩ đại của Ngài

ਇਸ ਕਾ ਬਲੁ ਨਾਹੀ ਇਸੁ ਹਾਥ ॥

Sức mạnh của người phàm không nằm trong tầm kiểm soát của anh ta,

ਕਰਨ ਕਰਾਵਨ ਸਰਬ ਕੇ ਨਾਥ ॥

Một bậc thầy của tất cả là Doer và nguyên nhân của nguyên nhân.

ਆਗਿਆਕਾਰੀ ਬਪੁਰਾ ਜੀਉ ॥

Người phàm trần bất lực phải tuân theo mệnh lệnh của Ngài,

ਜੇ ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਸੋਈ ਫੁਨਿ ਥੀਉ ॥

Bởi vì cuối cùng những gì làm hài lòng Ngài là những gì xảy ra.

ਕਬਹੂ ਉਚ ਨੀਚ ਮਹਿ ਬਸੈ ॥

Một con người đôi khi ở trong trạng thái lạc quan, và đôi khi trong một tâm trạng bi quan.

ਕਬਹੂ ਸੋਗ ਹਰਖ ਰੰਗਿ ਹਸੈ ॥

Đôi khi, anh ấy tỏ ra buồn bã và những lần khác anh ấy dường như đang cười với niềm vui.

ਕਬਹੂ ਨਿੰਦ ਚਿੰਦ ਬਿਉਹਾਰ ॥

Đôi khi một người nuông chiều trong sự vu khống và nói xấu người khác.

ਕਬਹੂ ਉਭ ਅਕਾਸ ਪਇਆਲ ॥

Đôi khi anh cảm thấy rất phấn khởi như thể bay cao trên bầu trời, và đôi khi chán nản như thể đang ở sâu trong thế giới bên kia.

ਕਬਹੂ ਬੇਤਾ ਬ੍ਰਹਮ ਬੀਚਾਰ ॥

Đôi khi anh ta hành động như thể anh ta biết tất cả về kiến thức thiêng liêng.

ਨਾਨਕ ਆਪਿ ਮਿਲਾਵਣਹਾਰ ॥੫॥

O Nanak, chính Đức Chúa Trời kết hợp con người với chính Ngài.

ਕਬਹੂ ਨਿਰਤਿ ਕਰੈ ਬਹੁ ਭਾਤਿ ॥

Đôi khi, những điều nhảy phàm trần theo nhiều cách khác nhau.

ਕਬਹੂ ਸੋਇ ਰਹੈ ਦਿਨੁ ਰਾਤਿ ॥

Đôi khi anh vẫn ngủ cả ngày lẫn đêm trong trạng thái thiếu hiểu biết.

ਕਬਹੂ ਮਹਾ ਕ੍ਰੋਧ ਬਿਕਰਾਲ ॥

Đôi khi anh ta trông đáng sợ trong cơn thịnh nộ khủng khiếp.

ਕਬਹੂ ਸਰਬ ਕੀ ਹੋਤ ਰਵਾਲ ॥

Đôi khi anh trở thành bụi của bàn chân của tất cả mọi người (cực kỳ khiêm tốn).

ਕਬਹੂ ਹੋਇ ਬਹੈ ਬਡ ਰਾਜਾ ॥

Đôi khi, anh ta tạo dáng như một vị vua vĩ đại.

ਕਬਹੂ ਭੇਖਾਰੀ ਨੀਚ ਕਾ ਸਾਜਾ ॥

Đôi khi anh ta giả định tính cách của người ăn xin thấp hèn.

ਕਬਹੂ ਅਪਕੀਰਤਿ ਮਹਿ ਆਵੈ ॥

Đôi khi anh ta rơi vào danh tiếng xấu xa (bằng cách làm những việc xấu xa).

ਕਬਹੂ ਭਲਾ ਭਲਾ ਕਹਾਵੈ ॥

Đôi khi, anh ta hành động theo cách mà anh ta được mọi người khen ngợi.

ਜਿਉ ਪ੍ਰਭੁ ਰਾਖੈ ਤਿਵ ਹੀ ਰਹੈ ॥

Trong bất cứ trạng thái nào Đức Chúa Trời giữ, người phạm sống trong trạng thái đó.

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਨਾਨਕ ਸਚੁ ਕਹੈ ॥੬॥

O Nanak, chỉ có một người hiếm hoi thiền định về Chúa bởi ân sủng của Guru.

ਕਬਹੂ ਹੋਇ ਪੰਡਿਤੁ ਕਰੇ ਬਖਜਾਨੁ ॥

Đôi khi, với tư cách là một chuyên gia, anh ta rao giảng cho người khác.

ਕਬਹੂ ਮੋਨਿਧਾਰੀ ਲਾਵੈ ਧਿਆਨੁ ॥

Đôi khi trở thành một nhà hiền triết im lặng, anh ta bước vào thiền định.

ਕਬਹੂ ਤਟ ਤੀਰਥ ਇਸਨਾਨੁ ॥

Đôi khi anh cư trú và tắm ở những nơi hành hương.

ਕਬਹੂ ਸਿਧ ਸਾਧਿਕ ਮੁਖਿ ਗਿਆਨੁ ॥

Đôi khi là một người lão luyện và đôi khi là một người tìm kiếm, anh ta nói về tâm linh.

ਕਬਹੂ ਕੀਟ ਹਸਤਿ ਪਤੰਗ ਹੋਇ ਜੀਆ ॥

Đôi khi, anh ta trở thành sâu, voi hoặc sâu,

ਅਨਿਕ ਜੋਨਿ ਭਰਮੈ ਭਰਮੀਆ ॥

và bối rối bởi những nghi ngờ, anh lang thang qua vô số sự tồn tại.

ਨਾਨਾ ਰੂਪ ਜਿਉ ਸ੍ਵਾਗੀ ਦਿਖਾਵੈ ॥

Giống như một nghệ sĩ biểu diễn, anh ta được nhìn thấy giả định nguy trang khác nhau.

ਜਿਉ ਪ੍ਰਭੁ ਭਾਵੈ ਤਿਵੈ ਨਚਾਵੈ ॥

Khi nó làm hài lòng Đức Chúa Trời, Ngài làm cho điệu nhảy phạm trần cho phù hợp.

ਜੇ ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਸੋਈ ਹੋਇ ॥

Bất cứ điều gì làm hài lòng Ngài, sẽ xảy ra.

ਨਾਨਕ ਦੂਜਾ ਅਵਰੁ ਨ ਕੋਇ ॥੭॥

Này Nanak, không có ai khác giống như Ngài.

ਕਬਹੂ ਸਾਧਸੰਗਤਿ ਇਹੁ ਪਾਵੈ ॥

Khi người này đạt được Công ty của Thánh.

ਉਸੁ ਅਸਥਾਨ ਤੇ ਬਹੁਰਿ ਨ ਆਵੈ ॥

thì anh ta không thoát ra khỏi trạng thái vui vẻ đó của tâm trí,

ਅੰਤਰਿ ਹੋਇ ਗਿਆਨ ਪਰਗਾਸੁ ॥

Bởi vì, trong công ty đó, tâm trí anh ta được chiếu sáng bằng kiến thức thiêng liêng,

ਉਸੁ ਅਸਥਾਨ ਕਾ ਨਹੀ ਬਿਨਾਸੁ ॥

và trạng thái giác ngộ đó của tâm trí không bao giờ bị diệt vong.

ਮਨ ਤਨ ਨਾਮਿ ਰਤੇ ਇਕ ਰੰਗਿ ॥

(Trong trạng thái này) cơ thể và tâm trí của một người thấm nhuần tình yêu dành cho Thiên Chúa,

ਸਦਾ ਬਸਹਿ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਕੈ ਸੰਗਿ ॥

và anh ta mãi mãi ở với Đức Chúa Trời Tối Cao.

ਜਿਉ ਜਲ ਮਹਿ ਜਲੁ ਆਇ ਖਟਾਨਾ ॥

Giống như nước hòa quyện với nước,

ਤਿਉ ਜੇਤੀ ਸੰਗਿ ਜੇਤਿ ਸਮਾਨਾ ॥

Tương tự như vậy, linh hồn giác ngộ của anh ta hòa quyện với linh hồn tối cao.

ਮਿਟਿ ਗਏ ਗਵਨ ਪਾਏ ਬਿਸ੍ਵਾਸੁ ॥

Chu kỳ sinh tử của anh ta chấm dứt, và anh ta đạt được hòa bình vĩnh cửu.

ਨਾਨਕ ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਸਦ ਕੁਰਬਾਨ ॥੮॥੧੧॥

O' Nanak, chúng ta nên dâng hiến cho Đức Chúa Trời mãi mãi.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਸੁਖੀ ਬਸੈ ਮਸਕੀਨੀਆ ਆਪੁ ਨਿਵਾਰਿ ਤਲੇ ॥

Bằng cách buông bỏ sự tự phụ, người khiêm tốn sống trong hòa bình.

ਬਡੇ ਬਡੇ ਅਹੰਕਾਰੀਆ ਨਾਨਕ ਗਰਬਿ ਗਲੇ ॥੧॥

O Nanak, những người kiêu ngạo hùng mạnh bị tiêu hao bởi niềm kiêu hãnh của chính họ.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਜਿਸ ਕੈ ਅੰਤਰਿ ਰਾਜ ਅਭਿਮਾਨੁ ॥

Người trở nên tự hào về tài sản và quyền lực trong tâm trí,

ਸੇ ਨਰਕਪਾਤੀ ਹੋਵਤ ਸੁਆਨੁ ॥

chịu hình phạt như chó trong địa ngục.

ਜੇ ਜਾਨੈ ਮੈ ਜੋਬਨਵੰਤੁ ॥

Một người tự cao tự cho mình là trẻ trung và đẹp trai,

ਸੇ ਹੋਵਤ ਬਿਸਟਾ ਕਾ ਜੰਤੁ ॥

anh ta giống như một con sâu trong sự bẩn thỉu

ਆਪਸ ਕਉ ਕਰਮਵੰਤੁ ਕਹਾਵੈ ॥

Người tự gọi mình là người thực hiện những việc làm ngoan đạo trong bản ngã.

ਜਨਮਿ ਮਰੈ ਬਹੁ ਜੋਨਿ ਭ੍ਰਮਾਵੈ ॥

Giữ đau khổ trong chu kỳ sinh và tử.

ਧਨ ਭੂਮਿ ਕਾ ਜੇ ਕਰੈ ਗੁਮਾਨੁ ॥

Người cảm thấy tự hào về sự giàu có và đất đai của mình

ਸੇ ਮੂਰਖੁ ਅੰਧਾ ਅਗਿਆਨੁ ॥

là một kẻ ngu ngốc, mù quáng và ngu dốt.

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਜਿਸ ਕੈ ਹਿਰਦੈ ਗਰੀਬੀ ਬਸਾਵੈ ॥

Người, trong trái tim mà Thiên Chúa thương xót thấm nhuần sự khiêm nhường,

ਨਾਨਕ ਈਹਾ ਮੁਕਤੁ ਆਗੈ ਸੁਖੁ ਪਾਵੈ ॥੧॥

Hỡi Nanak, anh ta được giải phóng ở đây khỏi tể nạn, và có được hòa bình sau này.

ਧਨਵੰਤਾ ਹੋਇ ਕਰਿ ਗਰਬਾਵੈ ॥

Khi trở nên giàu có, người ta cảm thấy tự hào về sự giàu có của mình,

ਤ੍ਰਿਣੁ ਸਮਾਨਿ ਕਛੁ ਸੰਗਿ ਨ ਜਾਵੈ ॥

Phải nhận ra rằng cuối cùng sẽ không có gì đi với anh ta, ngay cả một ống hút.

ਬਹੁ ਲਸਕਰ ਮਾਨੁਖ ਉਪਰਿ ਕਰੇ ਆਸ ॥

Anh ta có thể đặt hy vọng vào một đội quân đông đảo và những người đàn ông,

ਪਲ ਭੀਤਰਿ ਤਾ ਕਾ ਹੋਇ ਬਿਨਾਸ ॥

(nên biết rằng) tất cả những thứ này đều bị phá hủy ngay lập tức

ਸਭ ਤੇ ਆਪ ਜਾਨੈ ਬਲਵੰਤੁ ॥

Người tự coi mình là người mạnh nhất trong tất cả,

ਖਿਨ ਮਹਿ ਹੋਇ ਜਾਇ ਭਸਮੰਤੁ ॥

trong một khoảnh khắc mà người ta có thể bị biến thành tro tàn.

ਕਿਸੈ ਨ ਬਦੈ ਆਪਿ ਅਹੰਕਾਰੀ ॥

Người quá kiêu căng và không quan tâm đến ai khác,

ਧਰਮ ਰਾਇ ਤਿਸੁ ਕਰੇ ਖੁਆਰੀ ॥

Bị sỉ nhục nặng nề bởi Thẩm phán Công chính.

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਜਾ ਕਾ ਮਿਟੈ ਅਭਿਮਾਨੁ ॥

Người có bản ngã bị loại bỏ bởi ân sủng của Đạo sư,

ਸੇ ਜਨੁ ਨਾਨਕ ਦਰਗਹ ਪਰਵਾਨੁ ॥੨॥

O Nanak, người đó được chấp thuận trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਕੋਟਿ ਕਰਮ ਕਰੈ ਹਉ ਧਾਰੇ ॥

Nếu một người thực hiện hàng triệu việc tốt và cũng cảm thấy tự hào về những việc làm đó,

ਸੂਖੁ ਪਾਵੈ ਸਗਲੇ ਬਿਰਥਾਰੇ ॥

Người đó chỉ đang làm việc nặng nhọc, và tất cả những việc làm đó là một sự lãng phí.

ਅਨਿਕ ਤਪਸਿਆ ਕਰੇ ਅਹੰਕਾਰ ॥

Người, người thực hiện vô số sự đền tội và nuông chiều bản ngã,

ਨਰਕ ਸੁਰਗ ਫਿਰਿ ਫਿਰਿ ਅਵਤਾਰ ॥

tiếp tục chịu đựng nỗi đau và niềm vui, như thể đi qua thiên đường và địa ngục hết lần này đến lần khác

ਅਨਿਕ ਜਤਨ ਕਰਿ ਆਤਮ ਨਹੀ ਦ੍ਰਵੈ ॥

Nếu mặc dù đã nỗ lực nhiều, người ta không trở nên dịu dàng và từ bi,

ਹਰਿ ਦਰਗਹ ਕਹੁ ਕੈਸੇ ਗਵੈ ॥

Vậy thì làm thế nào anh ta có thể đến được tòa án của Đức Chúa Trời?

ਆਪਸ ਕਉ ਜੋ ਭਲਾ ਕਹਾਵੈ ॥

Một người tự xưng là đạo đức,

ਤਿਸਹਿ ਭਲਾਈ ਨਿਕਟਿ ਨ ਆਵੈ ॥

Đức hạnh thậm chí không chạm vào người đó.

ਸਰਬ ਕੀ ਰੇਨ ਜਾ ਕਾ ਮਨੁ ਹੋਇ ॥

Người mà tâm trí trở nên khiêm tốn với tất cả mọi người,

ਕਹੁ ਨਾਨਕ ਤਾ ਕੀ ਨਿਰਮਲ ਸੋਇ ॥੩॥

O 'Nanak, danh tiếng của anh ấy là tinh khiết không tì vết.

ਜਬ ਲਗੁ ਜਾਨੈ ਮੁਝ ਤੇ ਕਛੁ ਹੋਇ ॥

Miễn là người ta nghĩ rằng anh ta có thể làm điều gì đó xảy ra với sức mạnh của mình,

ਤਬ ਇਸ ਕਉ ਸੁਖੁ ਨਾਹੀ ਕੋਇ ॥

Cho đến lúc đó người đó không thể có được hòa bình.

ਜਬ ਇਹ ਜਾਨੈ ਮੈ ਕਿਛੁ ਕਰਤਾ ॥

Chừng nào người phạm này nghĩ rằng anh ta là người thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào,

ਤਬ ਲਗੁ ਗਰਭ ਜੋਨਿ ਮਹਿ ਫਿਰਤਾ ॥

Cho đến lúc đó, anh ta lang thang trong các chu kỳ sinh và tử.

ਜਬ ਧਾਰੈ ਕੇਉ ਬੈਰੀ ਮੀਤੁ ॥

Miễn là anh ta coi một người là kẻ thù, và một người khác là bạn,

ਤਬ ਲਗੁ ਨਿਹਚਲੁ ਨਾਹੀ ਚੀਤੁ ॥

Cho đến lúc đó tâm trí của người đó sẽ không trở nên ổn định và bình yên.

ਜਬ ਲਗੁ ਮੋਹ ਮਗਨ ਸੰਗਿ ਮਾਇ ॥

Miễn là anh ta mải mê với Maya (sự giàu có của thế giới),

ਤਬ ਲਗੁ ਧਰਮ ਰਾਇ ਦੇਇ ਸਜਾਇ ॥

Thậm chí phán công bình tiếp tục thi hành hình phạt.

ਪ੍ਰਭ ਕਿਰਪਾ ਤੇ ਬੰਧਨ ਤੂਟੈ ॥

Sự ràng buộc của Maya (chấp trước trần gian) bị phá vỡ bởi ân sủng của Đức Chúa Trời,

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਨਾਨਕ ਹਉ ਛੂਟੈ ॥੪॥

O Nanak, bản ngã của một người bị loại bỏ bởi ân sủng của Guru.

ਸਹਸ ਖਟੇ ਲਖ ਕਉ ਉਠਿ ਧਾਵੈ ॥

Sau khi kiếm được một nghìn, anh ta chạy theo triệu.

ਤ੍ਰਿਪਤਿ ਨ ਆਵੈ ਮਾਇਆ ਪਾਛੈ ਪਾਵੈ ॥

Anh ta tiếp tục tích lũy của cải, nhưng không bao giờ được no.

ਅਨਿਕ ਭੋਗ ਬਿਖਿਆ ਕੇ ਕਰੈ ॥

Anh ấy thích nhiều thú vui của Maya,

ਨਹ ਤ੍ਰਿਪਤਾਵੈ ਖਪਿ ਖਪਿ ਮਰੈ ॥

nhưng không cảm thấy hài lòng và trở nên đau khổ.

ਬਿਨਾ ਸੰਤੋਖ ਨਹੀ ਕੇਉ ਰਾਜੈ ॥

Không có sự hài lòng, không ai hài lòng.

ਸੁਪਨ ਮਨੋਰਥ ਬ੍ਰਿਥੇ ਸਭ ਕਾਜੈ ॥

Tất cả những nỗ lực của một người không hài lòng là vô ích, giống như những ảo tưởng của một giấc mơ.

ਨਾਮ ਰੰਗਿ ਸਰਬ ਸੁਖੁ ਹੋਇ ॥

Có sự bình an hoàn toàn trong tình yêu của Naam.

ਬਡਭਾਗੀ ਕਿਸੈ ਪਰਾਪਤਿ ਹੋਇ ॥

Chỉ có một người may mắn được ban phước với điều này (hạnh phúc).

ਕਰਨ ਕਰਾਵਨ ਆਪੇ ਆਪਿ ॥

Chính Đức Chúa Trời là Đấng làm và là Nguyên nhân của mọi nguyên nhân.

ਸਦਾ ਸਦਾ ਨਾਨਕ ਹਰਿ ਜਾਪਿ ॥੫॥

O Nanak, hãy nhớ đến Ngài với lòng sùng kính yêu thương mãi mãi và mãi mãi.

ਕਰਨ ਕਰਾਵਨ ਕਰਨੈਹਾਰੁ ॥

Chính Đức Chúa Trời là Đấng làm mọi sự và khiến mọi sự phải được thực hiện.

ਇਸ ਕੈ ਹਾਥਿ ਕਹਾ ਬੀਚਾਰੁ ॥

Hãy suy ngẫm về thực tế này; rằng không có gì dưới sự kiểm soát của người phàm.

ਜੈਸੀ ਦ੍ਰਿਸਟਿ ਕਰੇ ਤੈਸਾ ਹੋਇ ॥

Như là ân điển của Đức Chúa Trời trên phàm trần, vì vậy anh ta trở thành.

ਆਪੇ ਆਪਿ ਆਪਿ ਪ੍ਰਭੁ ਸੇਇ ॥

Thiên Chúa là tất cả bởi chính Ngài.

ਜੇ ਕਿਛੁ ਕੀਨੇ ਸੁ ਅਪਨੈ ਰੰਗਿ ॥

Bất cứ điều gì Ngài đã tạo ra, đều là do niềm vui riêng của Ngài.

ਸਭ ਤੇ ਦੂਰਿ ਸਭਹੂ ਕੈ ਸੰਗਿ ॥

Ngài ở trong sự sáng tạo của Ngài, nhưng không bị ảnh hưởng bởi nó.

ਬੂਝੈ ਦੇਖੈ ਕਰੈ ਬਿਬੇਕ ॥

Ngài hiểu, nhìn và phán xét những việc làm của chúng ta.

ਆਪਹਿ ਏਕ ਆਪਹਿ ਅਨੇਕ ॥

Chính Ngài là Đấng duy nhất, và chính Ngài là dưới nhiều hình thức.

ਮਰੈ ਨ ਬਿਨਸੈ ਆਵੈ ਨ ਜਾਇ ॥

Ngài không chết hay hư mất; Ngài được tự do khỏi sinh và chết.

ਨਾਨਕ ਸਦ ਹੀ ਰਹਿਆ ਸਮਾਇ ॥੬॥

O 'Nanak, Ngài vẫn mãi mãi tràn ngập toàn bộ.

ਆਪਿ ਉਪਦੇਸੈ ਸਮਝੈ ਆਪਿ ॥

Chính Ngài dạy dỗ, và chính Ngài học hỏi,

ਆਪੇ ਰਚਿਆ ਸਭ ਕੈ ਸਾਥਿ ॥

Bởi vì chính Ngài được hòa trộn với tất cả mọi người.

ਆਪਿ ਕੀਨੇ ਆਪਨ ਬਿਸਥਾਰੁ ॥

Chính Ngài đã tạo ra sự mở rộng của riêng Ngài (vũ trụ).

ਸਭੁ ਕਛੁ ਉਸ ਕਾ ਓਹੁ ਕਰਨੈਹਾਰੁ ॥

Tất cả đều thuộc về Ngài, Ngài là Đấng Tạo Hóa.

ਉਸ ਤੇ ਭਿੰਨ ਕਹਹੁ ਕਿਛੁ ਹੋਇ ॥

Nói cho tôi biết, bất cứ điều gì có thể xảy ra nếu không có ý chí của anh ấy?

ਥਾਨ ਥਨੰਤਰਿ ਏਕੈ ਸੋਇ ॥

Trong các không gian và không gian, Ngài là Đấng duy nhất, lan tỏa khắp mọi nơi.

ਅਪੁਨੇ ਚਲਿਤ ਆਪਿ ਕਰਣੈਹਾਰ ॥

Trong trò chơi của chính mình, chính anh ấy là người chơi.

ਕਉਤਕ ਕਰੈ ਰੰਗ ਆਪਾਰ ॥

Anh ấy thực hiện các vở kịch của mình với sự đa dạng vô hạn.

ਮਨ ਮਹਿ ਆਪਿ ਮਨ ਅਪੁਨੇ ਮਾਹਿ ॥

Chính Ngài ở trong tâm trí của tất cả mọi người, và tất cả đều ở trong tâm trí của Ngài.

ਨਾਨਕ ਕੀਮਤਿ ਕਹਨੁ ਨ ਜਾਇ ॥੭॥

O 'Nanak, Giá trị của Ngài không thể được ước tính.

ਸਤਿ ਸਤਿ ਸਤਿ ਪ੍ਰਭੁ ਸੁਆਮੀ ॥

Đức Chúa Trời, Đấng Tối Cao của tất cả mọi sự là vĩnh cửu, vĩnh cửu và vĩnh cửu.

ਗੁਰ ਪਰਸਾਦਿ ਕਿਨੈ ਵਖਿਆਨੀ ॥

Đó chỉ là một người hiếm hoi, người mà nhờ ân sủng của Guru đã mô tả sự thật này.

ਸਚੁ ਸਚੁ ਸਚੁ ਸਭੁ ਕੀਨਾ ॥

Đức Chúa Trời là vĩnh cửu và sự sáng tạo của Ngài cũng trọn vẹn và hoàn hảo.

ਕੇਟਿ ਮਧੇ ਕਿਨੈ ਬਿਰਲੈ ਚੀਨਾ ॥

Đó là một trong số hàng triệu người đã nhận ra thực tế này.

ਭਲਾ ਭਲਾ ਭਲਾ ਤੇਰਾ ਰੂਪ ॥

Chúa ơi, đẹp đẽ, rất đẹp là hình thể hữu hình của bạn.

ਅਤਿ ਸੁੰਦਰ ਅਪਾਰ ਅਨੂਪ ॥

Bạn vô cùng xinh đẹp, vô hạn và không thể so sánh được.

ਨਿਰਮਲ ਨਿਰਮਲ ਨਿਰਮਲ ਤੇਰੀ ਬਾਣੀ ॥

Tinh khiết và ngọt ngào là lời thiêng liêng của bạn,

ਘਟਿ ਘਟਿ ਸੁਨੀ ਸ੍ਰਵਨ ਬਖਜਾਣੀ ॥

Điều này được nghe trong mỗi trái tim qua tai, và thốt ra qua lưỡi.

ਪਵਿਤ੍ਰ ਪਵਿਤ੍ਰ ਪਵਿਤ੍ਰ ਪੁਨੀਤ ॥

Anh trở nên tinh khiết và thánh thiện,

ਨਾਮੁ ਜਪੈ ਨਾਨਕ ਮਨਿ ਪ੍ਰੀਤਿ ॥੮॥੧੨॥

O Nanak, người yêu thương suy gẫm về danh Đức Chúa Trời.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਸੰਤ ਸਰਨਿ ਜੇ ਜਨੁ ਪਰੈ ਸੇ ਜਨੁ ਉਧਰਨਹਾਰ ॥

Người tìm kiếm nơi trú ẩn của các Thánh được cứu khỏi sự ràng buộc của Maya.

ਸੰਤ ਕੀ ਨਿੰਦਾ ਨਾਨਕਾ ਬਹੁਰਿ ਬਹੁਰਿ ਅਵਤਾਰ ॥੧॥

O 'Nanak, người vu khống các Thánh, rơi vào chu kỳ sinh tử.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਸੰਤ ਕੈ ਦੁਖਨਿ ਆਰਜਾ ਘਟੈ ॥

Một phần của cuộc đời dành cho việc vu khống các Thánh trở nên lãng phí.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੁਖਨਿ ਜਮ ਤੇ ਨਹੀ ਛੁਟੈ ॥

Bằng cách vu khống các Thánh, người ta không thoát khỏi con quỷ chết chóc.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੁਖਨਿ ਸੁਖੁ ਸਭੁ ਜਾਇ ॥

Bằng cách vu khống các Thánh, tất cả hòa bình đều bị mất.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੁਖਨਿ ਨਰਕ ਮਹਿ ਪਾਇ ॥

Vu khống các Thánh, một người rơi vào địa ngục (đau khổ).

ਸੰਤ ਕੈ ਦੁਖਨਿ ਮਤਿ ਹੋਇ ਮਲੀਨ ॥

Phỉ báng các Thánh, trí tuệ bị ô nhiễm.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੁਖਨਿ ਸੇਭਾ ਤੇ ਹੀਨ ॥

Phỉ báng các Thánh, danh tiếng của một người bị mất.

ਸੰਤ ਕੇ ਹਤੇ ਕਉ ਰਖੈ ਨ ਕੋਇ ॥

Không ai che chở cho người bị Thánh nguyên rủa.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੁਖਨਿ ਥਾਨ ਭ੍ਰਸਟੁ ਹੋਇ ॥

Khi cố gắng tìm ra lỗi lầm với các Thánh, trái tim của chính mình bị ô uế.

ਸੰਤ ਕ੍ਰਿਪਾਲ ਕ੍ਰਿਪਾ ਜੇ ਕਰੈ ॥

Nhưng nếu vị thánh nhân từ bi thể hiện lòng nhân từ của mình,

ਨਾਨਕ ਸੰਤਸੰਗਿ ਨਿੰਦਕੁ ਭੀ ਤਰੈ ॥੧॥

O' Nanak, sau đó cùng với Thánh nhân, ngay cả một kẻ vu khống cũng được cứu.

ਸੰਤ ਕੇ ਦੁਖਨ ਤੇ ਮੁਖੁ ਭਵੈ ॥

Vu khống một vị thánh, một người quay lưng lại với Chúa.

ਸੰਤਨ ਕੈ ਦੂਖਨਿ ਕਾਗ ਜਿਉ ਲਵੈ ॥

Vu khống một vị Thánh, người ta cứ lang thang và nói một cách khó chịu như tiếng quạ gáy.

ਸੰਤਨ ਕੈ ਦੂਖਨਿ ਸਰਪ ਜੇਨਿ ਪਾਇ ॥

Vu khống các Thánh, một người được tái sinh thành một con rắn.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੂਖਨਿ ਤ੍ਰਿਗਦ ਜੇਨਿ ਕਿਰਮਾਇ ॥

Vu khống các Thánh, một người được tái sinh thành một con sâu ngọ nguậy (dạng sống thấp hơn).

ਸੰਤਨ ਕੈ ਦੂਖਨਿ ਤ੍ਰਿਸਨਾ ਮਹਿ ਜਲੈ ॥

Vu khống các Thánh, một người đốt cháy ngọn lửa ham muốn.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੂਖਨਿ ਸਭੁ ਕੇ ਛਲੈ ॥

Kẻ vu khống các Thánh đi khắp nơi lừa dối mọi người.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੂਖਨਿ ਤੇਜੁ ਸਭੁ ਜਾਇ ॥

Bằng cách làm tổn thương vị thánh, tất cả ảnh hưởng của một người tan biến.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੂਖਨਿ ਨੀਚੁ ਨੀਚਾਇ ॥

Vu khống các Thánh, người ta trở thành kẻ xấu xa nhất.

ਸੰਤ ਦੇਖੀ ਕਾ ਥਾਉ ਕੇ ਨਾਹਿ ॥

Không có nơi ẩn náu cho sự vu khống của vị thánh.

ਨਾਨਕ ਸੰਤ ਭਾਵੈ ਤਾ ਓਇ ਭੀ ਗਤਿ ਪਾਹਿ ॥੨॥

Này Nanak, nếu Thánh muốn như vậy, ngay cả những lời vu khống cũng được nâng cao về mặt tinh thần.

ਸੰਤ ਕਾ ਨਿੰਦਕੁ ਮਹਾ ਅਤਤਾਈ ॥

Kẻ vu khống Thánh là kẻ làm ác tồi tệ nhất.

ਸੰਤ ਕਾ ਨਿੰਦਕੁ ਖਿਨੁ ਟਿਕਨੁ ਨ ਪਾਈ ॥

Sự vu khống của Thánh nhân không tìm thấy sự bình yên dù chỉ một khoảnh khắc.

ਸੰਤ ਕਾ ਨਿੰਦਕੁ ਮਹਾ ਹਤਿਆਰਾ ॥

Kẻ vu khống Thánh trở thành kẻ giết người tàn ác nhất.

ਸੰਤ ਕਾ ਨਿੰਦਕੁ ਪਰਮੇਸੁਰਿ ਮਾਰਾ ॥

Sự vu khống của Thánh bị Chúa nguyên rủa.

ਸੰਤ ਕਾ ਨਿੰਦਕੁ ਰਾਜ ਤੇ ਹੀਨੁ ॥

Sự vu khống của Thánh không có quyền lực và niềm vui trần tục.

ਸੰਤ ਕਾ ਨਿੰਦਕੁ ਦੁਖੀਆ ਅਰੁ ਦੀਨੁ ॥

Sự vu khống của Thánh trở nên khốn khổ và nghèo khó.

ਸੰਤ ਕੇ ਨਿੰਦਕ ਕਉ ਸਰਬ ਰੋਗ ॥

Sự vu khống của Thánh bị ảnh hưởng bởi tất cả các loại bệnh tật.

ਸੰਤ ਕੇ ਨਿੰਦਕ ਕਉ ਸਦਾ ਬਿਜੋਗ ॥

Sự vu khống của Thánh mãi mãi bị tách khỏi Chúa.

ਸੰਤ ਕੀ ਨਿੰਦਾ ਦੇਖ ਮਹਿ ਦੇਖੁ ॥

Phỉ báng một vị thánh là tội lỗi tồi tệ nhất trong tất cả các tội lỗi.

ਨਾਨਕ ਸੰਤ ਭਾਵੈ ਤਾ ਉਸ ਕਾ ਭੀ ਹੋਇ ਮੋਖੁ ॥੩॥

Này Nanak, nếu điều đó làm hài lòng Thánh nhân, thì ngay cả một kẻ vu khống như vậy cũng sẽ được giải thoát.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਸਦਾ ਅਪਵਿਤੁ ॥

Những suy nghĩ trong tâm trí vu khống của Thánh nhân luôn bị ô nhiễm.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਕਿਸੈ ਕਾ ਨਹੀ ਮਿਤੁ ॥

Sự vu khống của Thánh nhân không phải là bạn của ai cả.

ਸੰਤ ਕੇ ਦੇਖੀ ਕਉ ਡਾਨੁ ਲਾਗੈ ॥

Sự vu khống của Thánh bị trừng phạt bởi thẩm phán công chính.

ਸੰਤ ਕੇ ਦੇਖੀ ਕਉ ਸਭ ਤਿਆਗੈ ॥

Sự vu khống của Thánh bị bỏ rơi bởi tất cả.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਮਹਾ ਅਹੰਕਾਰੀ ॥

Sự vu khống của Thánh là hoàn toàn ích kỷ.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਸਦਾ ਬਿਕਾਰੀ ॥

Sự vu khống của Thánh luôn đắm chìm trong những hành động xấu xa.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਜਨਮੈ ਮਰੈ ॥

Sự vu khống của Thánh tiếp tục trải qua các chu kỳ sinh tử.

ਸੰਤ ਕੀ ਦੁਖਨਾ ਸੁਖ ਤੇ ਟਰੈ ॥

Vì vu khống Thánh, anh ta không có hòa bình.

ਸੰਤ ਕੇ ਦੇਖੀ ਕਉ ਨਾਹੀ ਠਾਉ ॥

Kẻ vu khống Thánh không có nơi nào để trú ẩn.

ਨਾਨਕ ਸੰਤ ਭਾਵੈ ਤਾ ਲਏ ਮਿਲਾਇ ॥੪॥

Hỡi Nanak, nếu điều đó làm hài lòng Thánh, anh ta hợp nhất ngay cả một kẻ vu khống như vậy với anh ta.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਅਧ ਬੀਚ ਤੇ ਟੂਟੈ ॥

Sự vu khống của Thánh thất bại giữa lúc thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਕਿਤੈ ਕਾਜਿ ਨ ਪਹੁਚੈ ॥

Sự vu khống của Thánh không thể hoàn thành bất kỳ nhiệm vụ nào.

ਸੰਤ ਕੇ ਦੇਖੀ ਕਉ ਉਦਿਆਨ ਭ੍ਰਮਾਈਐ ॥

Sự vu khống của một vị thánh phải đi lang thang trong vùng hoang dã.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਉਝੜਿ ਪਾਈਐ ॥

Sự vu khống của Thánh bị lừa dối vào sự hoang vắng.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਅੰਤਰ ਤੇ ਬੋਥਾ ॥

Sự vu khống của Thánh nhân không biết gì về mục đích thực sự của cuộc sống,

ਜਿਉ ਸਾਸ ਬਿਨਾ ਮਿਰਤਕ ਕੀ ਲੋਥਾ ॥

Giống như xác chết của một người chết, không có hơi thở của sự sống.

ਸੰਤ ਕੇ ਦੇਖੀ ਕੀ ਜੜ ਕਿਛੁ ਨਾਹਿ ॥

Sự vu khống của Thánh không có nền tảng mạnh mẽ và tinh thần.

ਆਪਨ ਬੀਜਿ ਆਪੇ ਹੀ ਖਾਹਿ ॥

Anh ta phải tự mình ăn những gì anh ta đã trồng. (chịu hậu quả của những hành động xấu xa của mình)

ਸੰਤ ਕੇ ਦੇਖੀ ਕਉ ਅਵਰੁ ਨ ਰਾਖਨਹਾਰੁ ॥

Sự vu khống của Thánh nhân không thể được cứu bởi bất kỳ ai khác khỏi thói quen vu khống này

ਨਾਨਕ ਸੰਤ ਭਾਵੈ ਤਾ ਲਏ ਉਬਾਰਿ ॥੫॥

Này Nanak, nếu nó làm hài lòng Thánh nhân, thì ngay cả một kẻ vu khống như vậy cũng được cứu khỏi thói quen vu khống.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਇਉ ਬਿਲਲਾਇ ॥

Sự vu khống của Thánh nhân than khóc,

ਜਿਉ ਜਲ ਬਿਹੂਨ ਮਛਲੀ ਤੜਫੜਾਇ ॥

như một con cá ra khỏi nước quẩn quại trong đau đớn.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਭੂਖਾ ਨਹੀ ਰਾਜੈ ॥

Sự vu khống của Thánh không bao giờ được thỏa mãn vì mong muốn vu khống,

ਜਿਉ ਪਾਵਕੁ ਈਧਨਿ ਨਹੀ ਧ੍ਰਾਪੈ ॥

cũng như lửa không bao giờ bị bão hòa bởi bất kỳ lượng củi nào.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਛੁਟੈ ਇਕੇਲਾ ॥

Sự vu khống của Thánh bị bỏ lại một mình,

ਜਿਉ ਬੁਆੜੁ ਤਿਲੁ ਖੇਤ ਮਾਹਿ ਦੁਹੇਲਾ ॥

giống như cây mè cần cỗi bị bỏ rơi trên cánh đồng.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਧਰਮ ਤੇ ਰਹਤ ॥

Sự vu khống của Thánh là không có đức tin.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਸਦ ਮਿਥਿਆ ਕਹਤ ॥

Những lời vu khống của Thánh nhân luôn nói dối.

ਕਿਰਤੁ ਨਿੰਦਕ ਕਾ ਧੁਰਿ ਹੀ ਪਇਆ ॥

Kẻ vu khống làm việc vu khống vì đó là định mệnh đã định trước của mình.

ਨਾਨਕ ਜੇ ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਸੋਈ ਥਿਆ ॥੬॥

Hỡi Nanak, bất cứ điều gì Đức Chúa Trời muốn điều đó xảy ra.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਬਿਗੜ ਰੂਪੁ ਹੋਇ ਜਾਇ ॥

Sự vu khống của vị thánh bị phi báng, như thể anh ta đã bị biến dạng.

ਸੰਤ ਕੇ ਦੇਖੀ ਕਉ ਦਰਗਹ ਮਿਲੈ ਸਜਾਇ ॥

Kẻ vu khống của Thánh nhân nhận hình phạt của mình trước tòa án của Chúa.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਸਦਾ ਸਹਕਾਈਐ ॥

Sự vu khống của Thánh luôn đau đớn khủng khiếp,

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਨ ਮਰੈ ਨ ਜੀਵਾਈਐ ॥

Sự vu khống của Thánh nhân treo lơ lửng giữa sự sống và cái chết.

ਸੰਤ ਕੇ ਦੇਖੀ ਕੀ ਪੁਜੈ ਨ ਆਸਾ ॥

Hy vọng của sự vu khống của Thánh không được thực hiện.

ਸੰਤ ਕਾ ਦੇਖੀ ਉਠਿ ਚਲੈ ਨਿਰਾਸਾ ॥

Sự vu khống của Thánh khởi hành từ thế giới thất vọng.

ਸੰਤ ਕੈ ਦੇਖਿ ਨ ਤ੍ਰਿਸ਼ਟੈ ਕੋਇ ॥

Bằng cách vu khống một vị Thánh, không ai bị bão hòa vì mong muốn vu khống.

ਜੈਸਾ ਭਾਵੈ ਤੈਸਾ ਕੋਈ ਹੋਇ ॥

Thói quen của một người được hình thành theo ý định của anh ta.

ਪਇਆ ਕਿਰਤੁ ਨ ਮੇਟੈ ਕੋਇ ॥

Những hành động trong quá khứ không thể bị xóa bởi bất kỳ ai.

ਨਾਨਕ ਜਾਨੈ ਸਚਾ ਸੋਇ ॥੭॥

Hỡi Nanak, chỉ có Thượng Đế đời đời mới biết được mầu nhiệm này.

ਸਭ ਘਟ ਤਿਸ ਕੇ ਓਹੁ ਕਰਨੈਹਾਰੁ ॥

Tất cả chúng sinh đều thuộc về Ngài, và Ngài là Đấng Tạo Hóa.

ਸਦਾ ਸਦਾ ਤਿਸ ਕਉ ਨਮਸਕਾਰੁ ॥

Mãi mãi và mãi mãi, cúi đầu trước Ngài trong sự tôn kính.

ਪ੍ਰਭ ਕੀ ਉਸਤਤਿ ਕਰਹੁ ਦਿਨੁ ਰਾਤਿ ॥

Hãy hát những lời ca ngợi Chúa, cả ngày lẫn đêm.

ਤਿਸਹਿ ਧਿਆਵਹੁ ਸਾਸਿ ਗਿਰਾਸਿ ॥

Suy niệm về Ngài với từng hơi thở

ਸਭੁ ਕਛੁ ਵਰਤੈ ਤਿਸ ਕਾ ਕੀਆ ॥

Mọi sự xảy ra theo sự làm của Ngài.

ਜੈਸਾ ਕਰੇ ਤੈਸਾ ਕੇ ਥੀਆ ॥

Khi Đức Chúa Trời tạo ra bất cứ ai, thì người phàm cũng trở nên như vậy.

ਅਪਨਾ ਖੇਲੁ ਆਪਿ ਕਰਨੈਹਾਰੁ ॥

Chính Ngài là người thi hành vở kịch của Ngài.

ਦੂਸਰ ਕਉਨੁ ਕਹੈ ਬੀਚਾਰੁ ॥

Ai khác có thể nói hoặc cân nhắc về điều này?

ਜਿਸ ਨੇ ਕ੍ਰਿਪਾ ਕਰੈ ਤਿਸੁ ਆਪਨ ਨਾਮੁ ਦੇਇ ॥

Đấng mà Ngài ban cho lòng thương xót của Ngài, Ngài ban phước cho người đó với Naam,

ਬਡਭਾਗੀ ਨਾਨਕ ਜਨ ਸੇਇ ॥੮॥੧੩॥

O Nanak, rất may mắn là những người như vậy.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਤਜਹੁ ਸਿਆਨਪ ਸੁਰਿ ਜਨਹੁ ਸਿਮਰਹੁ ਹਰਿ ਹਰਿ ਰਾਇ ॥

Những người tốt! từ bỏ sự thông minh của bạn và nhớ đến Đức Chúa Trời toàn năng với sự tận tâm yêu thương!

ਏਕ ਆਸ ਹਰਿ ਮਨਿ ਰਖਹੁ ਨਾਨਕ ਦੂਖੁ ਭਰਮੁ ਭਉ ਜਾਇ ॥੧॥

Hỡi Nanak, trong lòng người, hãy đặt tất cả hy vọng của người vào Đức Chúa Trời, bằng cách này, tất cả nỗi đau, nghi ngờ và sợ hãi của người sẽ tan biến.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਮਾਨੁਖ ਕੀ ਟੇਕ ਬ੍ਰਿਥੀ ਸਭ ਜਾਨੁ ॥

biết rõ điều này rằng sự phụ thuộc vào sự hỗ trợ của con người là hoàn toàn vô ích,

ਦੇਵਨ ਕਉ ਏਕੈ ਭਗਵਾਨੁ ॥

Vì chỉ một mình Thiên Chúa là ân nhân của tất cả mọi người.

ਜਿਸ ਕੈ ਦੀਐ ਰਹੈ ਅਘਾਇ ॥

Bởi những món quà của Ngài, người ta luôn hài lòng,

ਬਹੁਰਿ ਨ ਤ੍ਰਿਸਨਾ ਲਾਗੈ ਆਇ ॥

và anh ta không còn bị lôi kéo bởi những ham muốn trần tục nữa.

ਮਾਰੈ ਰਾਖੈ ਏਕੈ ਆਪਿ ॥

Chính Đức Chúa Trời hủy diệt và gìn giữ người phàm.

ਮਾਨੁਖ ਕੈ ਕਿਛੁ ਨਾਹੀ ਹਾਥਿ ॥

Không có gì là trong tay của người phàm.

ਤਿਸ ਕਾ ਹੁਕਮੁ ਬੁਝਿ ਸੁਖੁ ਹੋਇ ॥

Hòa bình đến bằng cách hiểu và chấp nhận mệnh lệnh của Ngài.

ਤਿਸ ਕਾ ਨਾਮੁ ਰਖੁ ਕੰਠਿ ਪਰੋਇ ॥

Vì vậy, hãy luôn giữ danh Ngài được ghi trong lòng bạn.

ਸਿਮਰਿ ਸਿਮਰਿ ਸਿਮਰਿ ਪ੍ਰਭੁ ਸੋਇ ॥

Hãy luôn nhớ đến Thiên Chúa bằng tình yêu và lòng tận tụy.

ਨਾਨਕ ਬਿਘਨੁ ਨ ਲਾਗੈ ਕੋਇ ॥੧॥

Này Nanak, không có chướng ngại nào cản đường người.

ਉਸਤਤਿ ਮਨ ਮਹਿ ਕਰਿ ਨਿਰੰਕਾਰ ॥

Hãy ngợi khen Đức Chúa Trời vô hình trong tâm trí bạn.

ਕਰਿ ਮਨ ਮੇਰੇ ਸਤਿ ਬਿਉਹਾਰ ॥

Hỡi tâm trí của tôi, hãy biến điều này thành những việc làm thật của bạn.

ਨਿਰਮਲ ਰਸਨਾ ਅੰਮ੍ਰਿਤੁ ਪੀਉ ॥

Bằng cách dự phần mật hoa của Naam, lưỡi (lời nói) của bạn sẽ trở nên tinh khiết,

ਸਦਾ ਸੁਰੇਲਾ ਕਰਿ ਲੇਹਿ ਜੀਉ ॥

Và linh hồn bạn sẽ được bình yên mãi mãi.

ਨੈਨਹੁ ਪੇਖੁ ਠਾਕੁਰ ਕਾ ਰੰਗੁ ॥

Với đôi mắt của bạn, hãy nhìn thấy vẻ kịch kỳ diệu của Master (Chúa).

ਸਾਧਸੰਗਿ ਬਿਨਸੈ ਸਭ ਸੰਗੁ ॥

Trong công ty của Thánh, tất cả các chấp trước trần tục của một người đều biến mất.

ਚਰਨ ਚਲਉ ਮਾਰਗਿ ਗੋਬਿੰਦ ॥

Với đôi chân của bạn, đi theo Con đường của Chủ nhân của vũ trụ.

ਮਿਟਹਿ ਪਾਪ ਜਪੀਐ ਹਰਿ ਬਿੰਦ ॥

Bằng cách suy gẫm về Đức Chúa Trời dù chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả tội lỗi của một người đều bị xóa bỏ.

ਕਰ ਹਰਿ ਕਰਮ ਸ੍ਰਵਨਿ ਹਰਿ ਕਥਾ ॥

Với đôi tay của bạn, tham gia vào những việc làm thiêng liêng và với đôi tai của bạn lắng nghe những lời khen ngợi của Ngài.

ਹਰਿ ਦਰਗਹ ਨਾਨਕ ਉਜਲ ਮਥਾ ॥੨॥

Này Nanak, theo cách này, một người được tôn vinh trong triều đình của Đức Chúa Trời.

ਬਡਭਾਗੀ ਤੇ ਜਨ ਜਗ ਮਾਹਿ ॥

Trên thế giới này, thực sự may mắn là những

ਸਦਾ ਸਦਾ ਹਰਿ ਕੇ ਗੁਨ ਗਾਹਿ ॥

người hát những lời ca ngợi vinh hiển của Đức Chúa Trời, mãi mãi và mãi mãi.

ਰਾਮ ਨਾਮ ਜੋ ਕਰਹਿ ਬੀਚਾਰ ॥

Những người suy tư về danh Chúa,

ਸੇ ਧਨਵੰਤ ਗਨੀ ਸੰਸਾਰ ॥

thực sự được coi là giàu có về mặt tinh thần trên thế giới.

ਮਨਿ ਤਨਿ ਮੁਖਿ ਬੋਲਹਿ ਹਰਿ ਮੁਖੀ ॥

Những người có linh hồn, thể xác và lưỡi lặp lại Danh Đức Chúa Trời,

ਸਦਾ ਸਦਾ ਜਾਨਹੁ ਤੇ ਸੁਖੀ ॥

Hãy xem xét rằng họ luôn bình yên.

ਏਕੇ ਏਕੁ ਏਕੁ ਪਛਾਨੈ ॥

Người nhận biết Thiên Chúa Duy Nhất và duy nhất,

ਇਤ ਉਤ ਕੀ ਓਹੁ ਸੋਝੀ ਜਾਨੈ ॥

Hiểu thế giới này và thế giới tiếp theo.

ਨਾਮ ਸੰਗਿ ਜਿਸ ਕਾ ਮਨੁ ਮਾਨਿਆ ॥

Người có tâm trí hài lòng khi suy ngẫm về Danh Đức Chúa Trời.

ਨਾਨਕ ਤਿਨਹਿ ਨਿਰੰਜਨੁ ਜਾਨਿਆ ॥੩॥

Hỡi Nanak, người đó đã nhận ra Đức Chúa Trời vô nhiễm.

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਆਪਨ ਆਪੁ ਸੁਝੈ ॥

Bởi ân điển của Guru, một người có thể hiểu được chính mình;

ਤਿਸ ਕੀ ਜਾਨਹੁ ਤ੍ਰਿਸਨਾ ਬੁਝੈ ॥

xem xét rằng sự thôi thúc của anh ta để thực hiện những ham muốn thế gian đã được dập tắt.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਹਰਿ ਹਰਿ ਜਸੁ ਕਰਤ ॥

Trong công ty của Chúa Thánh, một người hát những lời ca ngợi Đức Chúa Trời,

ਸਰਬ ਰੋਗ ਤੇ ਓਹੁ ਹਰਿ ਜਨੁ ਰਹਤ ॥

Một tín đồ như vậy của Thiên Chúa được cứu khỏi tất cả các loại bệnh tật.

ਅਨਦਿਨੁ ਕੀਰਤਨੁ ਕੇਵਲ ਬਖਯਾਨੁ ॥

Người luôn hát những lời ca ngợi Đức Chúa Trời,

ਗ੍ਰਿਹਸਤ ਮਹਿ ਸੋਈ ਨਿਰਬਾਨੁ ॥

được tách ra (từ Maya) trong khi vẫn sống trong gia đình.

ਏਕ ਉਪਰਿ ਜਿਸੁ ਜਨ ਕੀ ਆਸਾ ॥

Một người đặt tất cả hy vọng của mình vào Chúa,

ਤਿਸ ਕੀ ਕਟੀਐ ਜਮ ਕੀ ਫਾਸਾ ॥

thòng lọng của cái chết bị cắt đi và được cứu khỏi chu kỳ sinh tử.

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਕੀ ਜਿਸੁ ਮਨਿ ਭੂਖ ॥

Một người có tâm trí khao khát sự kết hợp với Đức Chúa Trời,

ਨਾਨਕ ਤਿਸਹਿ ਨ ਲਾਗਹਿ ਦੁਖ ॥੪॥

O Nanak, người đó không bao giờ bị đau khổ với bất kỳ nỗi buồn nào.

ਜਿਸ ਕਉ ਹਰਿ ਪ੍ਰਭੁ ਮਨਿ ਚਿਤਿ ਆਵੈ ॥

Người luôn nhớ đến Đức Chúa Trời trong tâm trí mình,

ਸੇ ਸੰਤੁ ਸੁਹੇਲਾ ਨਹੀ ਡੁਲਾਵੈ ॥

rằng Thánh luôn bình an và không bao giờ dao động.

ਜਿਸੁ ਪ੍ਰਭੁ ਅਪੁਨਾ ਕਿਰਪਾ ਕਰੈ ॥

Người mà Đức Chúa Trời đã ban ân sủng cho Ngài,

ਸੇ ਸੇਵਕੁ ਕਹੁ ਕਿਸ ਤੇ ਡਰੈ ॥

Hãy nói, người đầy tớ đích thực của Đức Chúa Trời nên sợ ai?

ਜੈਸਾ ਸਾ ਤੈਸਾ ਦ੍ਰਿਸਟਾਇਆ ॥

Một người như vậy có thể hình dung Đức Chúa Trời như Ngài là,

ਅਪੁਨੇ ਕਾਰਜ ਮਹਿ ਆਪਿ ਸਮਾਇਆ ॥

Chính Ngài đang lan tỏa trong sự sáng tạo của Ngài.

ਸੋਧਤ ਸੋਧਤ ਸੋਧਤ ਸੀਝਿਆ ॥

Bằng cách suy ngẫm nhiều lần, cuối cùng anh ta đã thành công trong việc hiểu,

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਤਤੁ ਸਭੁ ਬੁਝਿਆ ॥

Và nhờ ân sủng của Đạo sư, anh ta hiểu được thực tế của Thiên Chúa và sự sáng tạo của Ngài.

ਜਬ ਦੇਖਉ ਤਬ ਸਭੁ ਕਿਛੁ ਮੂਲੁ ॥

Khi tôi nhìn, sau đó tôi thấy Chúa ở gốc rễ của mọi thứ.

ਨਾਨਕ ਸੇ ਸੁਖਮੁ ਸੇਈ ਅਸਥੂਲੁ ॥੫॥

Này Nanak, chính Ngài là Đấng vô hình, và chính Ngài là Đấng hữu hình.

ਨਹ ਕਿਛੁ ਜਨਮੈ ਨਹ ਕਿਛੁ ਮਰੈ ॥

Không có gì được sinh ra, và không có gì chết.

ਆਪਨ ਚਲਿਤੁ ਆਪ ਹੀ ਕਰੈ ॥

Anh ấy tự mình tổ chức vở kịch của riêng mình.

ਆਵਨੁ ਜਾਵਨੁ ਦ੍ਰਿਸਟਿ ਅਨਦ੍ਰਿਸਟਿ ॥

Tất cả sinh và chết, nhìn thấy và không nhìn thấy,

ਆਗਿਆਕਾਰੀ ਧਾਰੀ ਸਭ ਸ੍ਰਿਸਟਿ ॥

Đức Chúa Trời đã làm cho cả thế giới này vâng theo ý muốn của Ngài.

ਆਪੇ ਆਪਿ ਸਗਲ ਮਹਿ ਆਪਿ ॥

Anh ấy là tất cả một mình, và tràn ngập trong tất cả.

ਅਨਿਕ ਜੁਗਤਿ ਰਚਿ ਥਾਪਿ ਉਥਾਪਿ ॥

Bằng vô số cách, Ngài tạo ra và hủy diệt vũ trụ.

ਅਬਿਨਾਸੀ ਨਾਹੀ ਕਿਛੁ ਖੰਡ ॥

Ngài là bất diệt; và không có gì của Ngài bị hư mất.

ਧਾਰਣ ਧਾਰਿ ਰਹਿਓ ਬ੍ਰਹਮੰਡ ॥

Chính Ngài đang lập kế hoạch và hỗ trợ vũ trụ.

ਅਲਖ ਅਭੇਵ ਪੁਰਖ ਪਰਤਾਪ ॥

Không thể hiểu được và không thể hiểu nổi là vinh quang của Đức Chúa Trời.

ਆਪਿ ਜਪਾਏ ਤ ਨਾਨਕ ਜਾਪ ॥੬॥

Hỡi Nanak, khi Ngài soi dẫn, chúng ta cũng suy gẫm về Ngài.

ਜਿਨ ਪ੍ਰਭੁ ਜਾਤਾ ਸੁ ਸੋਭਾਵੰਤ ॥

Những người đã nhận ra Đức Chúa Trời là vinh hiển.

ਸਗਲ ਸੰਸਾਰੁ ਉਧਰੈ ਤਿਨ ਮੰਤ ॥

Những lời dạy của họ cứu toàn bộ thế giới khỏi tệ nạn.

ਪ੍ਰਭੁ ਕੇ ਸੇਵਕ ਸਗਲ ਉਧਾਰਨ ॥

Các tín đồ của Đức Chúa Trời có thể cứu chuộc mọi người khỏi tệ nạn.

ਪ੍ਰਭੁ ਕੇ ਸੇਵਕ ਦੂਖ ਬਿਸਾਰਨ ॥

Các tôi tớ của Đức Chúa Trời có khả năng loại bỏ nỗi buồn của mọi người.

ਆਪੇ ਮੇਲਿ ਲਏ ਕਿਰਪਾਲ ॥

Chính Thiên Chúa thương xót kết hợp họ với Ngài.

ਗੁਰ ਕਾ ਸਬਦੁ ਜਪਿ ਭਏ ਨਿਹਾਲ ॥

Bằng cách yêu thương thiền định Lời của Guru, họ cảm thấy vui mừng.

ਉਨ ਕੀ ਸੇਵਾ ਸੇਈ ਲਾਗੈ ॥

Chỉ một mình Ngài được phục vụ những người sùng kính Đức Chúa Trời,

ਜਿਸ ਨੇ ਕ੍ਰਿਪਾ ਕਰਹਿ ਬਡਭਾਗੈ ॥

Ai có may mắn và được Ngài ban phước.

ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਪਾਵਹਿ ਬਿਸ੍ਵਾਮੁ ॥

Bằng cách yêu thương suy ngẫm về Danh Đức Chúa Trời, các tín đồ có được sự bình an.

ਨਾਨਕ ਤਿਨ ਪੁਰਖ ਕਉ ਊਤਮ ਕਰਿ ਮਾਨੁ ॥੧॥

O Nanak, hãy tôn trọng những người đó như những người cao quý nhất.

ਜੇ ਕਿਛੁ ਕਰੈ ਸੁ ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਰੰਗਿ ॥

Bất cứ điều gì một người sùng đạo làm, là vì tình yêu dành cho Đức Chúa Trời,

ਸਦਾ ਸਦਾ ਬਸੈ ਹਰਿ ਸੰਗਿ ॥

và anh ta luôn ở trong sự hiện diện của Thiên Chúa.

ਸਹਜ ਸੁਭਾਇ ਹੋਵੈ ਸੇ ਹੋਇ ॥

Bất cứ điều gì xảy ra bằng trực giác, anh ta chấp nhận nó như ý muốn của Chúa

ਕਰਣੈਹਾਰੁ ਪਛਾਣੈ ਸੋਇ ॥

và công nhận Ngài là Đấng Tạo Hóa.

ਪ੍ਰਭ ਕਾ ਕੀਆ ਜਨ ਮੀਠ ਲਗਾਨਾ ॥

Các tín đồ vui vẻ chấp nhận bất cứ điều gì Đức Chúa Trời làm,

ਜੈਸਾ ਸਾ ਤੈਸਾ ਦ੍ਰਿਸਟਾਨਾ ॥

Bởi vì Ngài hiện ra cho họ giống như Ngài là.

ਜਿਸ ਤੇ ਉਪਜੇ ਤਿਸੁ ਮਾਹਿ ਸਮਾਏ ॥

Họ được sinh ra từ ai, họ đắm chìm trong Ngài.

ਓਇ ਸੁਖ ਨਿਧਾਨ ਉਨਹੂ ਬਨਿ ਆਏ ॥

Họ trở thành kho báu của hòa bình và một mình họ xứng đáng với địa vị này.

ਆਪਸ ਕਉ ਆਪਿ ਦੀਨੇ ਮਾਨੁ ॥

Đức Chúa Trời tôn vinh chính Ngài bằng cách tôn vinh những người sùng đạo.

ਨਾਨਕ ਪ੍ਰਭ ਜਨੁ ਏਕੇ ਜਾਨੁ ॥੮॥੧੪॥

O 'Nanak, coi Chúa và người sùng đạo là một và giống nhau.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਸਰਬ ਕਲਾ ਭਰਪੂਰ ਪ੍ਰਭ ਬਿਰਥਾ ਜਾਨਨਹਾਰ ॥

Đức Chúa Trời hoàn toàn thấm nhuần mọi quyền năng; Ngài là Đấng biết những đau đớn và nỗi buồn của chúng ta.

ਜਾ ਕੈ ਸਿਮਰਨਿ ਉਧਰੀਐ ਨਾਨਕ ਤਿਸੁ ਬਲਿਹਾਰ ॥੧॥

Này Nanak, chúng ta nên dâng mình cho Đức Chúa Trời Toàn Năng, suy niệm về Đấng cứu chúng ta khỏi các linh hồn.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਟੂਟੀ ਗਾਢਨਹਾਰ ਗੁਪਾਲ ॥

Chính Đức Chúa Trời có khả năng tái hợp trái tim xa lánh của chúng ta với Ngài.

ਸਰਬ ਜੀਆ ਆਪੇ ਪ੍ਰਤਿਪਾਲ ॥

Chính Ngài chăm sóc tất cả chúng sinh.

ਸਗਲ ਕੀ ਚਿੰਤਾ ਜਿਸੁ ਮਨ ਮਾਹਿ

Đức Chúa Trời có sự chăm sóc của tất cả mọi người trong tâm trí của Ngài.

ਤਿਸ ਤੇ ਬਿਰਥਾ ਕੇਈ ਨਾਹਿ ॥

Không ai quay lưng lại với Ngài.

ਰੇ ਮਨ ਮੇਰੇ ਸਦਾ ਹਰਿ ਜਾਪਿ ॥

Ôi, tâm trí của tôi, luôn luôn nhớ đến Chúa một cách yêu thương.

ਅਬਿਨਾਸੀ ਪ੍ਰਭੁ ਆਪੇ ਆਪਿ ॥

Thiên Chúa bất diệt là tất cả trong tất cả.

ਆਪਨ ਕੀਆ ਕਛੂ ਨ ਹੋਇ ॥

Bằng hành động của chính mình, không có gì được thực hiện,

ਜੇ ਸਉ ਪ੍ਰਾਨੀ ਲੋਚੈ ਕੋਇ ॥

Mặc dù người phàm có thể ước điều đó như vậy, hàng trăm lần.

ਤਿਸੁ ਬਿਨੁ ਨਾਹੀ ਤੇਰੈ ਕਿਛੁ ਕਾਮ ॥

Ngoài anh ta ra, không có gì khác có ích cho bạn.

ਗਤਿ ਨਾਨਕ ਜਪਿ ਏਕ ਹਰਿ ਨਾਮ ॥੧॥

O Nanak, bạn sẽ được cứu chỉ bằng cách suy gẫm Danh Đức Chúa Trời.

ਰੂਪਵੰਤੁ ਹੋਇ ਨਾਹੀ ਮੇਰੈ ॥

Một người đẹp trai không nên vô ích;

ਪ੍ਰਭ ਕੀ ਜੋਤਿ ਸਗਲ ਘਟ ਸੇਰੈ ॥

Vì ánh sáng của Thiên Chúa chiếu rọi trong mọi người.

ਧਨਵੰਤਾ ਹੋਇ ਕਿਆ ਕੇ ਗਰਬੈ ॥

Tại sao mọi người nên kiêu ngạo khi trở nên giàu có?

ਜਾ ਸਭੁ ਕਿਛੁ ਤਿਸ ਕਾ ਦੀਆ ਦਰਬੈ ॥

Khi tất cả sự giàu có là quà tặng của Ngài.

ਅਤਿ ਸੂਰਾ ਜੇ ਕੋਊ ਕਹਾਵੈ ॥

Nếu một người tự gọi mình là cực kỳ dũng cảm,

ਪ੍ਰਭ ਕੀ ਕਲਾ ਬਿਨਾ ਕਹ ਧਾਵੈ ॥

Họ phải nhận ra rằng nếu không có quyền năng của Đức Chúa Trời, họ có thể làm gì?

ਜੇ ਕੋ ਹੋਇ ਬਹੈ ਦਾਤਾਰੁ ॥

Một người làm từ thiện và sau đó khoe khoang về việc trở thành một ân nhân,

ਤਿਸੁ ਦੇਨਹਾਰੁ ਜਾਨੈ ਗਾਵਾਰੁ ॥

Những kẻ ngu ngốc như vậy nên nhận ra rằng Thiên Chúa là ân nhân duy nhất của tất cả mọi người.

ਜਿਸੁ ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਭੂਟੈ ਹਉ ਰੋਗੁ ॥

Bởi ân sung của Guru, người mà căn bệnh của bản ngã được chữa khỏi,

ਨਾਨਕ ਸੋ ਜਨੁ ਸਦਾ ਅਰੇਗੁ ॥੨॥

O Nanak, người đó mãi mãi khỏe mạnh về mặt tinh thần.

ਜਿਉ ਮੰਦਰ ਕਉ ਥਾਮੈ ਥੰਮਨੁ ॥

giống như một cây cột hỗ trợ mái nhà,

ਤਿਉ ਗੁਰ ਕਾ ਸਬਦੁ ਮਨਹਿ ਅਸਥੰਮਨੁ ॥

Tương tự như vậy, lời của Guru cung cấp hỗ trợ cho tâm trí.

ਜਿਉ ਪਾਖਾਣੁ ਨਾਵ ਚੜਿ ਤਰੈ ॥

Giống như một hòn đá được đặt trong một chiếc thuyền bằng qua sông,

ਪ੍ਰਾਣੀ ਗੁਰ ਚਰਣ ਲਗਤੁ ਨਿਸਤਰੈ ॥

Tương tự như vậy, bằng cách tuân theo những lời dạy của Guru vào đêm trước, một phàm nhân có trái tim bằng đá vượt qua đại dương trần tục của những tệ nạn.

ਜਿਉ ਅੰਧਕਾਰ ਦੀਪਕ ਪਰਗਾਸੁ ॥

Giống như bóng tối được chiếu sáng bởi ngọn đèn,

ਗੁਰ ਦਰਸਨੁ ਦੇਖਿ ਮਨਿ ਹੋਇ ਬਿਗਾਸੁ ॥

Tương tự như vậy, tâm trí được vui mừng, nhìn thấy cảnh tượng của Guru.

ਜਿਉ ਮਹਾ ਉਦਿਆਨ ਮਹਿ ਮਾਰਗੁ ਪਾਵੈ ॥

Giống như ai đó tìm thấy một con đường xuyên qua vùng hoang dã vĩ đại,

ਤਿਉ ਸਾਧੂ ਸੰਗਿ ਮਿਲਿ ਜੋਤਿ ਪ੍ਰਗਟਾਵੈ ॥

Tương tự như vậy, ánh sáng thiêng liêng trở nên hiển hiện trong sự đồng hành của các Thánh.

ਤਿਨ ਸੰਤਨ ਕੀ ਬਾਛਉ ਧੂਰਿ ॥

Tôi tìm kiếm sự phục vụ khiêm tốn của các Thánh đó;

ਨਾਨਕ ਕੀ ਹਰਿ ਲੋਚਾ ਪੂਰਿ ॥੩॥

Lạy Chúa, xin hãy thực hiện ước muốn này của Nanak.

ਮਨ ਮੂਰਖ ਕਾਹੇ ਬਿਲਲਾਈਐ ॥

Ôi cái trí ngu ngốc của tôi, tại sao bạn khóc và rên rỉ?

ਪੁਰਬ ਲਿਖੇ ਕਾ ਲਿਖਿਆ ਪਾਈਐ ॥

Bạn nhận được bất cứ điều gì đã được định sẵn, dựa trên những việc làm trước đây của bạn.

ਦੁਖ ਸੂਖ ਪ੍ਰਭ ਦੇਵਨਹਾਰੁ ॥

Thiên Chúa là Đấng ban cho nỗi đau và niềm vui.

ਅਵਰ ਤਿਆਗਿ ਤੂ ਤਿਸਹਿ ਚਿਤਾਰੁ ॥

Do đó, hãy từ bỏ sự hỗ trợ của người khác và yêu thương nhớ đến Ngài một mình.

ਜੇ ਕਛੁ ਕਰੈ ਸੇਈ ਸੁਖੁ ਮਾਨੁ ॥

Hãy an ủi trong bất cứ điều gì Ngài làm.

ਭੂਲਾ ਕਾਹੇ ਫਿਰਹਿ ਅਜਾਨੁ ॥

Một người ngu dốt, tại sao bạn lại đi lang thang khắp nơi?

ਕਉਨ ਬਸਤੁ ਆਈ ਤੇਰੈ ਸੰਗੁ ॥

Bạn đã mang theo những thứ gì?

ਲਪਟਿ ਰਹਿਓ ਰਸਿ ਲੇਭੀ ਪਤੰਗੁ ॥

Hỡi con sâu tham lam, bạn đang mãi mê với những thú vui trần tục.

ਰਾਮ ਨਾਮ ਜਪਿ ਹਿਰਦੇ ਮਾਹਿ ॥

Hãy suy ngẫm về Danh Chúa trong trái tim của bạn.

ਨਾਨਕ ਪਤਿ ਸੇਤੀ ਘਰਿ ਜਾਹਿ ॥੪॥

Hỡi Nanak, như vậy người sẽ trở về ngôi nhà thiêng liêng với danh dự.

ਜਿਸੁ ਵਖਰ ਕਉ ਲੈਨਿ ਤੂ ਆਇਆ ॥

Sự giàu có của Na-am, mà bạn đã đến thế gian này,

ਰਾਮ ਨਾਮੁ ਸੰਤਨ ਘਰਿ ਪਾਇਆ ॥

Sự giàu có của Danh Đức Chúa Trời được nhận trong hội thánh.

ਤਜਿ ਅਭਿਮਾਨੁ ਲੇਹੁ ਮਨ ਮੋਲਿ ॥

Từ bỏ niềm kiêu hãnh tự cao tự đại khỏi tâm trí của bạn và đổi lại mua sự giàu có của Danh Đức Chúa Trời.

ਰਾਮ ਨਾਮੁ ਹਿਰਦੇ ਮਹਿ ਤੇਲਿ ॥

Hãy tôn vinh danh Chúa trong trái tim của bạn.

ਲਾਇ ਖੇਪ ਸੰਤਹ ਸੰਗਿ ਚਾਲੁ ॥

Hãy nạp đầy sự giàu có này của Naam bằng cách yêu thương suy gẫm Danh Đức Chúa Trời trong hội thánh,

ਅਵਰ ਤਿਆਗਿ ਬਿਖਿਆ ਜੰਜਾਲ ॥

và loại bỏ tất cả những vướng mắc khác của thế gian.

ਧੰਨਿ ਧੰਨਿ ਕਹੈ ਸਭੁ ਕੋਇ ॥

Nếu bạn làm điều này, mọi người sẽ khen ngợi bạn,

ਮੁਖ ਉਜਲ ਹਰਿ ਦਰਗਹ ਸੋਇ ॥

và bạn sẽ được đón nhận với danh dự trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਇਹੁ ਵਾਪਾਰੁ ਵਿਰਲਾ ਵਾਪਾਰੈ ॥

Nhưng chỉ có một người hiếm hoi tham gia vào việc suy niệm về Danh Đức Chúa Trời.

ਨਾਨਕ ਤਾ ਕੈ ਸਦ ਬਲਿਹਾਰੈ ॥੫॥

O Nanak, tôi mãi mãi dành riêng cho một người như vậy.

ਚਰਨ ਸਾਧ ਕੇ ਧੋਇ ਧੋਇ ਪੀਉ ॥

Thực hiện theo lời của các Thánh với sự khiêm nhường và vâng lời tối đa.

ਅਰਪਿ ਸਾਧ ਕਉ ਅਪਨਾ ਜੀਉ ॥

Đầu hàng linh hồn của bạn cho Guru.

ਸਾਧ ਕੀ ਧੂਰਿ ਕਰਹੁ ਇਸਨਾਨੁ ॥

Hãy tắm rửa bằng cách chân thành chấp nhận những lời dạy của Guru.

ਸਾਧ ਉਪਰਿ ਜਾਈਐ ਕੁਰਬਾਨੁ ॥

Cống hiến cuộc đời của bạn cho Guru.

ਸਾਧ ਸੇਵਾ ਵਡਭਾਗੀ ਪਾਈਐ ॥

Lời dạy của Guru được đón nhận bởi vận may lớn

ਸਾਧਸੰਗਿ ਹਰਿ ਕੀਰਤਨੁ ਗਾਈਐ ॥

Lời ca ngợi của Đức Chúa Trời chỉ có thể được hát trong hội thánh.

ਅਨਿਕ ਬਿਘਨ ਤੇ ਸਾਧੂ ਰਾਖੈ ॥

Thánh nhân cứu chúng ta khỏi tất cả các loại nguy hiểm trong hành trình tâm linh của chúng ta.

ਹਰਿ ਗੁਨ ਗਾਇ ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਰਸੁ ਚਾਖੈ ॥

Ai hát những lời ca ngợi Đức Chúa Trời nếm mật hoa của Naam.

ਓਟ ਗਹੀ ਸੰਤਹ ਦਰਿ ਆਇਆ ॥

Người đã tìm kiếm sự hỗ trợ của các Thánh và đã đến nơi ẩn náu của họ,

ਸਰਬ ਸੂਖ ਨਾਨਕ ਤਿਹ ਪਾਇਆ ॥੬॥

Hỡi Nanak, anh ấy đã nhận được tất cả những tiện nghi và bình an.

ਮਿਰਤਕ ਕਉ ਜੀਵਾਲਨਹਾਰ ॥

Đức Chúa Trời có thể truyền sự sống trở lại cho người chết thuộc linh.

ਭੂਖੇ ਕਉ ਦੇਵਤ ਅਧਾਰ ॥

Anh ta cung cấp thức ăn cho người đói.

ਸਰਬ ਨਿਧਾਨ ਜਾ ਕੀ ਦ੍ਰਿਸਟੀ ਮਾਹਿ ॥

Tất cả các kho báu đều nằm trong cái nhìn của Ngài về ân sủng,

ਪੁਰਬ ਲਿਖੇ ਕਾ ਲਹਣਾ ਪਾਹਿ ॥

nhưng con người nhận được những gì được định sẵn trong số phận của họ.

ਸਭੁ ਕਿਛੁ ਤਿਸ ਕਾ ਓਹੁ ਕਰਨੈ ਜੇਗੁ ॥

Tất cả mọi thứ đều thuộc về Ngài và Ngài có thể làm mọi sự

ਤਿਸੁ ਬਿਨੁ ਦੂਸਰ ਹੋਆ ਨ ਹੋਗੁ ॥

Ngoài Ngài, chưa bao giờ có ai khác, và sẽ không bao giờ có.

ਜਪਿ ਜਨ ਸਦਾ ਸਦਾ ਦਿਨੁ ਰੈਣੀ ॥

Hỡi tín đồ, hãy suy gẫm về Ngài mãi mãi, ngày và đêm.

ਸਭ ਤੇ ਉਚ ਨਿਰਮਲ ਇਹ ਕਰਣੀ ॥

Đây là hành động cao quý và vô nhiễm nhất.

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਜਿਸ ਕਉ ਨਾਮੁ ਦੀਆ ॥

Bởi ân điển của Ngài, người mà Đức Chúa Trời ban phước cho danh Ngài,

ਨਾਨਕ ਸੇ ਜਨੁ ਨਿਰਮਲੁ ਥੀਆ ॥੭॥

O Nanak, người đó trở nên vô nhiễm và trong sạch.

ਜਾ ਕੈ ਮਨਿ ਗੁਰ ਕੀ ਪਰਤੀਤਿ ॥

Một người có tâm trí đầy niềm tin vững chắc vào Guru,

ਤਿਸੁ ਜਨ ਆਵੈ ਹਰਿ ਪ੍ਰਭੁ ਚੀਤਿ ॥

Đức Chúa Trời luôn ở trong lương tâm của Ngài.

ਭਗਤੁ ਭਗਤੁ ਸੁਨੀਐ ਤਿਹੁ ਲੋਇ ॥

Ông được hoan nghênh như một tín đồ, một tín đồ khiêm tốn trên khắp thế giới,

ਜਾ ਕੈ ਹਿਰਦੈ ਏਕੇ ਹੋਇ ॥

trong trái tim của Ngài ngự một mình (Thiên Chúa).

ਸਚੁ ਕਰਣੀ ਸਚੁ ਤਾ ਕੀ ਰਹਤ ॥

Đúng là hành động của anh ấy; và đúng là cách sống của anh ấy.

ਸਚੁ ਹਿਰਦੈ ਸਤਿ ਮੁਖਿ ਕਹਤ ॥

Đức Chúa Trời ở trong trái tim anh ta và sự thật (Danh Đức Chúa Trời) là những gì anh ta thốt ra.

ਸਾਚੀ ਦ੍ਰਿਸ਼ਟਿ ਸਾਚਾ ਆਕਾਰੁ ॥

Khái tượng của người sùng đạo này thấm nhuần tình yêu dành cho Thiên Chúa, do đó anh ta thấy Thiên Chúa thấm nhuần trong toàn bộ

ਸਚੁ ਵਰਤੈ ਸਾਚਾ ਪਾਸਾਰੁ ॥

Anh ta biết rằng Thiên Chúa tràn ngập khắp mọi nơi và tất cả sự mở rộng này thuộc về Đức Chúa Trời.

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ਜਿਨਿ ਸਚੁ ਕਰਿ ਜਾਤਾ ॥

Người công nhận Đức Chúa Trời Tối Cao là Vĩnh Cửu,

ਨਾਨਕ ਸੇ ਜਨੁ ਸਚਿ ਸਮਾਤਾ ॥੮॥੧੫॥

O Nanak, con người khiêm nhường đó được hấp thụ vào Đấng Chân Thật.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਰੂਪੁ ਨ ਰੇਖ ਨ ਰੰਗੁ ਕਿਛੁ ਤਿਹੁ ਗੁਣ ਤੇ ਪ੍ਰਭ ਭਿੰਨ ॥

Thiên Chúa không có hình dạng, không có hình dạng, không màu sắc; Ngài thoát khỏi ba đặc điểm của Maya (quyền lực, xấu và đức hạnh).

ਤਿਸਹਿ ਬੁਝਾਏ ਨਾਨਕਾ ਜਿਸੁ ਹੋਵੈ ਸੁਪ੍ਰਸੰਨ ॥੧॥

Hỡi Nanak, Ngài cho phép người đó nhận ra Ngài, Đấng Ngài hài lòng.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਅਬਿਨਾਸੀ ਪ੍ਰਭੁ ਮਨ ਮਹਿ ਰਾਖੁ ॥

Giữ Đức Chúa Trời Bất Tử được cất giữ trong tâm trí bạn,

ਮਾਨੁਖ ਕੀ ਤੂ ਪ੍ਰੀਤਿ ਤਿਆਗੁ ॥

và từ bỏ tình yêu và sự gắn bó của bạn cho bất kỳ người phạm nào.

ਤਿਸ ਤੇ ਪਰੈ ਨਾਹੀ ਕਿਛੁ ਕੋਇ ॥

Ngoài anh ta, không có gì cả.

ਸਰਬ ਨਿਰੰਤਰਿ ਏਕੇ ਸੋਇ ॥

Đức Chúa Trời duy nhất đang lan tỏa giữa tất cả mọi người.

ਆਪੇ ਬੀਨਾ ਆਪੇ ਦਾਨਾ ॥

Chính Ngài nhìn thấy tất cả, và biết tất cả.

ਗਹਿਰ ਗੰਭੀਰੁ ਗਹੀਰੁ ਸੁਜਾਨਾ ॥

Anh ấy không thể hiểu nổi, sâu sắc, sâu sắc và khéo léo.

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਪਰਮੇਸੁਰ ਗੋਬਿੰਦ ॥

Đức Chúa Trời siêu việt, Đấng tối cao, và Chủ nhân của vũ trụ,

ਕ੍ਰਿਪਾ ਨਿਧਾਨ ਦਇਆਲ ਬਖਸੰਦ ॥

kho báu của lòng thương xót, lòng trắc ẩn và sự tha thứ,

ਸਾਧ ਤੇਰੇ ਕੀ ਚਰਨੀ ਪਾਉ ॥

Xin cho con trở nên đầy tớ khiêm nhường của các thánh của Ngài.

ਨਾਨਕ ਕੈ ਮਨਿ ਇਹੁ ਅਨਰਾਉ ॥੧॥

Đây là sự khao khát trong tâm trí của Nanak.

ਮਨਸਾ ਪੂਰਨ ਸਰਨਾ ਜੋਗ ॥

Thiên Chúa có khả năng thực hiện mong muốn của chúng ta và cung cấp nơi ẩn náu.

ਜੇ ਕਰਿ ਪਾਇਆ ਸੇਈ ਹੋਗੁ ॥

Bất cứ điều gì Đức Chúa Trời đã ghi trong số phận của một người, là những gì xảy ra.

ਹਰਨ ਭਰਨ ਜਾ ਕਾ ਨੇਤ੍ਰ ਫੋਰੁ ॥

Thiên Chúa có thể tạo ra hoặc phá hủy vũ trụ trong chớp mắt;

ਤਿਸ ਕਾ ਮੰਤ੍ਰੁ ਨ ਜਾਨੈ ਹੋਰੁ ॥

Không ai khác ngoài Ngài, biết thần chú.

ਅਨਦ ਰੂਪ ਮੰਗਲ ਸਦ ਜਾ ਕੈ ॥

là hiện thân của hạnh phúc và niềm vui vĩnh cửu,

ਸਰਬ ਥੋਕ ਸੁਨੀਅਹਿ ਘਰਿ ਤਾ ਕੈ ॥

và tất cả các ân tứ được nghe là thuộc sở hữu của Ngài.

ਰਾਜ ਮਹਿ ਰਾਜੁ ਜੋਗ ਮਹਿ ਜੋਗੀ ॥

Trong số các vị vua, Ngài là vị vua vĩ đại nhất; trong số các thiền sinh, Ngài là Yogi linh thiêng nhất.

ਤਪ ਮਹਿ ਤਪੀਸਰੁ ਗ੍ਰਿਹਸਤ ਮਹਿ ਭੋਗੀ ॥

Trong số những người khổ hạnh, Ngài là Đấng khổ hạnh cao nhất; trong số các gia chủ, Ngài là chủ nhà nuôi dưỡng chiề.

ਧਿਆਇ ਧਿਆਇ ਭਗਤਹ ਸੁਖੁ ਪਾਇਆ ॥

Bằng cách liên tục suy niệm về Ngài, các tín đồ của Ngài đã tìm thấy sự bình an.

ਨਾਨਕ ਤਿਸੁ ਪੁਰਖ ਕਾ ਕਿਨੈ ਅੰਤੁ ਨ ਪਾਇਆ ॥੨॥

O Nanak, không ai tìm thấy giới hạn của Đấng Tối Cao đó.

ਜਾ ਕੀ ਲੀਲਾ ਕੀ ਮਿਤਿ ਨਾਹਿ ॥

Không có giới hạn cho trò chơi trần tục của Ngài,

ਸਗਲ ਦੇਵ ਹਾਰੇ ਅਵਗਾਹਿ ॥

Tất cả các thiên thần đã trở nên mệt mỏi khi tìm kiếm Ngài.

ਪਿਤਾ ਕਾ ਜਨਮੁ ਕਿ ਜਾਨੈ ਪੂਤੁ ॥

Giống như một người con trai không thể biết bí mật về sự ra đời của cha mình, tương tự như vậy, tạo vật không thể biết về sự ra đời của Đấng Tạo Hóa.

ਸਗਲ ਪਰੇਈ ਅਪੁਨੈ ਸੂਤਿ ॥

Ngài đã ràng buộc toàn bộ tạo vật dưới Luật pháp của Ngài như những chuỗi hạt được khâu chuỗi trong chuỗi Mân Côi.

ਸੁਮਤਿ ਗਿਆਨੁ ਧਿਆਨੁ ਜਿਨ ਦੇਇ ॥

Những người sùng đạo mà Ngài ban cho ý thức tốt, trí tuệ tâm linh và thiên hướng thiện định,

ਜਨ ਦਾਸ ਨਾਮੁ ਧਿਆਵਹਿ ਸੇਇ ॥

những người sùng đạo khiêm nhường đó nhớ đến Ngài với tình yêu và sự tận tâm.

ਤਿਹੁ ਗੁਣ ਮਹਿ ਜਾ ਕਉ ਭਰਮਾਏ ॥

Người mà Ngài dẫn dắt lạc lối trong ba xung lực (phó, đức hạnh và quyền lực),

ਜਨਮਿ ਮਰੈ ਫਿਰਿ ਆਵੈ ਜਾਏ ॥

tiếp tục lang thang trong các chu kỳ sinh và tử.

ਊਚ ਨੀਚ ਤਿਸ ਕੇ ਅਸਥਾਨ ॥

Đức Chúa Trời ngự trong tất cả các trạng thái tâm linh cao và thấp này của tâm trí.

ਜੈਸਾ ਜਨਾਵੈ ਤੈਸਾ ਨਾਨਕ ਜਾਨ ॥੩॥

Hỡi Nanak, Bất cứ điều gì Đức Chúa Trời ban cho một người trí tuệ, thì Ngài cũng biết Ngài cho phù hợp.

ਨਾਨਾ ਰੂਪ ਨਾਨਾ ਜਾ ਕੇ ਰੰਗ ॥

Nhiều hình dạng của Ngài; nhiều là màu sắc của Ngài.

ਨਾਨਾ ਭੇਖ ਕਰਹਿ ਇਕ ਰੰਗ ॥

Nhiều người là những vẻ bề ngoài mà Ngài giả định, tuy nhiên, Ngài chỉ là một của loại hình này.

ਨਾਨਾ ਬਿਧਿ ਕੀਨੇ ਬਿਸਥਾਰੁ ॥

Bằng nhiều cách, Ngài đã mở rộng vũ trụ này,

ਪ੍ਰਭੁ ਅਬਿਨਾਸੀ ਏਕੰਕਾਰੁ ॥

Tuy nhiên, Ngài là Đấng Tạo Hóa vĩnh cửu và là Đấng Tạo Hóa duy nhất.

ਨਾਨਾ ਚਲਿਤ ਕਰੇ ਖਿਨ ਮਾਹਿ ॥

Anh ấy thực hiện nhiều vở kịch của mình trong một khoảnh khắc.

ਪੂਰਿ ਰਹਿਓ ਪੂਰਨੁ ਸਭ ਠਾਇ ॥

Thiên Chúa hoàn hảo đang lan tỏa khắp mọi nơi.

ਨਾਨਾ ਬਿਧਿ ਕਰਿ ਬਨਤ ਬਨਾਈ ॥

Bằng nhiều cách, Ngài đã tạo ra sự sáng tạo,

ਅਪਨੀ ਕੀਮਤਿ ਆਪੇ ਪਾਈ ॥

Chỉ một mình Ngài biết giá trị của Ngài.

ਸਭ ਘਟ ਤਿਸ ਕੇ ਸਭ ਤਿਸ ਕੇ ਠਾਉ ॥

Tất cả chúng sinh đều là của Ngài, và mọi nơi đều thuộc về Ngài và tất cả các tạo vật đều thuộc về Ngài.

ਜਪਿ ਜਪਿ ਜੀਵੈ ਨਾਨਕ ਹਰਿ ਨਾਉ ॥੪॥

O 'Nanak, người sùng đạo của Ngài sống suy gẫm về Danh Đức Chúa Trời.

ਨਾਮ ਕੇ ਧਾਰੇ ਸਗਲੇ ਜੰਤ ॥

Naam là sự hỗ trợ của tất cả các sinh vật.

ਨਾਮ ਕੇ ਧਾਰੇ ਖੰਡ ਬ੍ਰਹਮੰਡ ॥

Naam là sự hỗ trợ của trái đất và hệ mặt trời.

ਨਾਮ ਕੇ ਧਾਰੇ ਸਿਮ੍ਰਿਤਿ ਬੇਦ ਪੁਰਾਨ ॥

Naam là cơ sở của (kinh sách Hindu), Simritis, Vedas và Puranas.

ਨਾਮ ਕੇ ਧਾਰੇ ਸੁਨਨ ਗਿਆਨ ਧਿਆਨ ॥

Với sự hỗ trợ của Naam, chúng tôi nghe về kiến thức thiêng liêng và thiền định.

ਨਾਮ ਕੇ ਧਾਰੇ ਆਗਾਸ ਪਾਤਾਲ ॥

Naam là sự hỗ trợ của bầu trời và các vùng lân cận.

ਨਾਮ ਕੇ ਧਾਰੇ ਸਗਲ ਆਕਾਰ ॥

Naam là sự hỗ trợ của tất cả các cơ thể (tất cả các dạng sống).

ਨਾਮ ਕੇ ਧਾਰੇ ਪੁਰੀਆ ਸਭ ਭਵਨ ॥

Naam là sự hỗ trợ của tất cả các thể giới và cõi.

ਨਾਮ ਕੈ ਸੰਗਿ ਉਧਰੇ ਸੁਨਿ ਸ੍ਰਵਨ ॥

Bằng cách thiền định và lắng nghe Danh, nhiều người đã được cứu khỏi tệ nạn.

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਜਿਸੁ ਆਪਨੈ ਨਾਮਿ ਲਾਏ ॥

Ban ân điển của Ngài, người mà Đức Chúa Trời ban phước với Naam,

ਨਾਨਕ ਚਉਥੇ ਪਦ ਮਹਿ ਸੇ ਜਨੁ ਗਤਿ ਪਾਏ ॥੫॥

O Nanak, trong giai đoạn thứ tư của phúc lạc thiêng liêng, người sùng đạo khiêm tốn đó đạt đến trạng thái tâm linh cao hơn.

ਰੂਪੁ ਸਤਿ ਜਾ ਕਾ ਸਤਿ ਅਸਥਾਨੁ ॥

Đức Chúa Trời, Đấng có hình dạng vĩnh cửu và vị trí quyền năng của Ngài là vĩnh cửu,

ਪੁਰਖੁ ਸਤਿ ਕੇਵਲ ਪਰਧਾਨੁ ॥

Chỉ có Đấng vĩnh cửu tràn ngập toàn bộ là tối cao.

ਕਰਤੂਤਿ ਸਤਿ ਸਤਿ ਜਾ ਕੀ ਬਾਣੀ ॥

Người có việc làm là vĩnh cửu và lời của ai là chân thật,

ਸਤਿ ਪੁਰਖ ਸਭ ਮਾਹਿ ਸਮਾਣੀ ॥

Thiên Chúa vĩnh cửu đang tràn ngập trong tất cả mọi người.

ਸਤਿ ਕਰਮੁ ਜਾ ਕੀ ਰਚਨਾ ਸਤਿ ॥

Sự sáng tạo của Ngài là chân thật và sự thật là hành động của Ngài.

ਮੂਲੁ ਸਤਿ ਸਤਿ ਉਤਪਤਿ ॥

Nguồn gốc của anh ấy là đúng, và sự thật là những gì bắt nguồn từ nó.

ਸਤਿ ਕਰਣੀ ਨਿਰਮਲ ਨਿਰਮਲੀ ॥

Đúng là ý muốn của Ngài, tinh khiết nhất trong sự tinh khiết.

ਜਿਸਹਿ ਬੁਝਾਏ ਤਿਸਹਿ ਸਭ ਭਲੀ ॥

Tất cả đều tốt đẹp cho người mà Ngài cho phép hiểu được ý muốn của Ngài

ਸਤਿ ਨਾਮੁ ਪ੍ਰਭ ਕਾ ਸੁਖਦਾਈ ॥

Tên thật của Đức Chúa Trời là Đấng ban hòa bình.

ਬਿਸ਼ਾਸੁ ਸਤਿ ਨਾਨਕ ਗੁਰ ਤੇ ਪਾਈ ॥੬॥

O Nanak, đức tin này chỉ được nhận từ Guru.

ਸਤਿ ਬਚਨ ਸਾਧੂ ਉਪਦੇਸ ॥

Những lời dạy của Guru là đúng mãi mãi.

ਸਤਿ ਤੇ ਜਨ ਜਾ ਕੈ ਰਿਦੈ ਪ੍ਰਵੇਸ ॥

Những người mà những giáo lý này thấm nhuần trong trái tim cũng trở thành sự thật và được giải thoát khỏi chu kỳ sinh tử.

ਸਤਿ ਨਿਰਤਿ ਬੁਝੈ ਜੇ ਕੋਇ ॥

Nếu người ta nhận ra chiều sâu của tình yêu vĩnh cửu của Đức Chúa Trời,

ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਤਾ ਕੀ ਗਤਿ ਹੋਇ ॥

người đó thiền định về Naam và đạt được trạng thái tâm linh cao.

ਆਪਿ ਸਤਿ ਕੀਆ ਸਭੁ ਸਤਿ ॥

Đức Chúa Trời, chính Ngài là vĩnh cửu, và tất cả những gì Ngài đã tạo ra cũng là vĩnh cửu.

ਆਪੇ ਜਾਨੈ ਅਪਨੀ ਮਿਤਿ ਗਤਿ ॥

Chính Ngài biết giá trị và giới hạn của chính mình.

ਜਿਸ ਕੀ ਸ੍ਰਿਸਟਿ ਸੁ ਕਰਣੈਹਾਰੁ ॥

Anh ta, người mà vũ trụ này thuộc về, là người tạo ra nó.

ਅਵਰ ਨ ਬੁਝਿ ਕਰਤ ਬੀਚਾਰੁ ॥

Đừng nghĩ về bất cứ ai khác ngoài Chúa là người bảo vệ vũ trụ.

ਕਰਤੇ ਕੀ ਮਿਤਿ ਨ ਜਾਨੈ ਕੀਆ ॥

Sự sáng tạo không thể biết được mức độ của Đấng Tạo Hóa.

ਨਾਨਕ ਜੋ ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਸੇ ਵਰਤੀਆ ॥੭॥

Hỡi Nanak, bất cứ điều gì đẹp lòng Ngài đều sẽ xảy ra.

ਬਿਸਮਨ ਬਿਸਮ ਭਏ ਬਿਸਮਾਦ ॥

Nhìn vào sự kỳ diệu kỳ diệu của Ngài, các tín đồ của Ngài trở nên kinh ngạc và kinh ngạc!

ਜਿਨਿ ਬੁਝਿਆ ਤਿਸੁ ਆਇਆ ਸ੍ਵਾਦ ॥

Những người nhận ra Chúa, được hưởng hạnh phúc.

ਪ੍ਰਭ ਕੈ ਰੰਗਿ ਰਾਚਿ ਜਨ ਰਹੇ ॥

Các tín đồ khiêm nhường của Đức Chúa Trời vẫn chìm đắm trong tình yêu của Ngài,

ਗੁਰ ਕੈ ਬਚਨਿ ਪਦਾਰਥ ਲਹੇ ॥

Và qua những lời dạy của Guru, họ nhận được sự giàu có của Naam.

ਓਇ ਦਾਤੇ ਦੁਖ ਕਾਟਨਹਾਰ ॥

Chính họ trở thành ân nhân và xua tan tai ương của người khác, e

ਜਾ ਕੈ ਸੰਗਿ ਤਰੈ ਸੰਸਾਰ ॥

và trong công ty của họ, nhân loại bơi qua đại dương thế giới của tẻ nạn.

ਜਨ ਕਾ ਸੇਵਕੁ ਸੇ ਵਡਭਾਗੀ ॥

May mắn là người dẫn thân vào việc phục vụ các tín đồ của Đức Chúa Trời

ਜਨ ਕੈ ਸੰਗਿ ਏਕ ਲਿਵ ਲਾਗੀ ॥

Trong công ty của những người sùng đạo như vậy, một người hòa hợp với Tình yêu của Thiên Chúa.

ਗੁਨ ਗੋਬਿਦ ਕੀਰਤਨੁ ਜਨੁ ਗਾਵੈ ॥

Người sùng đạo hát những lời ca ngợi Đức Chúa Trời,

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਨਾਨਕ ਫਲੁ ਪਾਵੈ ॥੮॥੧੬॥

O 'Nanak, nhờ ân sủng của Guru, anh ta nhận được phần thưởng của Naam

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਆਦਿ ਸਚੁ ਜੁਗਾਦਿ ਸਚੁ ॥

Đức Chúa Trời đã tồn tại trước khi bắt đầu thời gian, Ngài đã tồn tại từ đầu các thời đại.

ਹੈ ਭਿ ਸਚੁ ਨਾਨਕ ਹੋਸੀ ਭਿ ਸਚੁ ॥੧॥

Này Nanak, Thiên Chúa hiện diện ngay bây giờ và cũng sẽ hiện diện trong tương lai.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਚਰਨ ਸਤਿ ਸਤਿ ਪਰਸਨਹਾਰ ॥

Đời đời là sự hiện diện của Đức Chúa Trời, và những ai nhận ra sự hiện diện của Ngài cũng trở nên vĩnh cửu (thoát khỏi chu kỳ sinh và chết).

ਪੂਜਾ ਸਤਿ ਸਤਿ ਸੇਵਦਾਰ ॥

Sự thờ phượng của Ngài là vĩnh cửu, và vĩnh cửu trở thành những người phục vụ Ngài bằng cách yêu thương suy gẫm Ngài.

ਦਰਸਨੁ ਸਤਿ ਸਤਿ ਪੇਖਨਹਾਰ ॥

Đúng là cảnh tượng của Ngài và những người nhìn thấy Ngài cũng trở nên chân thật (thoát khỏi vòng sinh và chết).

ਨਾਮੁ ਸਤਿ ਸਤਿ ਧਿਆਵਨਹਾਰ ॥

Tên của Ngài là Đúng, và Chân thật là những người yêu thương suy gẫm về nó.

ਆਪਿ ਸਤਿ ਸਤਿ ਸਭ ਧਾਰੀ ॥

Chính Ngài là chân thật, và chân thật là tất cả những gì Ngài duy trì.

ਆਪੇ ਗੁਣ ਆਪੇ ਗੁਣਕਾਰੀ ॥

Chính Ngài là hiện thân của đức hạnh, và Ngài là Đấng ban cho các đức hạnh.

ਸਬਦੁ ਸਤਿ ਸਤਿ ਪ੍ਰਭੁ ਬਕਤਾ ॥

Vĩnh cửu là lời ca ngợi của Ngài và vĩnh cửu trở thành người thốt ra lời ca ngợi chân thật đó của Ngài.

ਸੁਰਤਿ ਸਤਿ ਸਤਿ ਜਸੁ ਸੁਨਤਾ ॥

Đúng là hành động suy gẫm về Đức Chúa Trời, và thật là người lắng nghe những lời ca ngợi của Đức Chúa Trời.

ਬੁਝਨਹਾਰ ਕਉ ਸਤਿ ਸਭ ਹੋਇ ॥

Người hiểu rằng Thiên Chúa là vĩnh cửu, coi mọi thứ do Ngài tạo ra cũng là vĩnh cửu (có thật, không phải tưởng tượng).

ਨਾਨਕ ਸਤਿ ਸਤਿ ਪ੍ਰਭੁ ਸੋਇ ॥੧॥

O Nanak, Thiên Chúa là vĩnh cửu cho chắc chắn.

ਸਤਿ ਸਰੂਪੁ ਰਿਦੈ ਜਿਨਿ ਮਾਨਿਆ ॥

Một người đã tôn thờ Thiên Chúa, Hiện thân của Sự thật, trong trái tim của mình,

ਕਰਨ ਕਰਾਵਨ ਤਿਨਿ ਮੂਲੁ ਪਛਾਨਿਆ ॥

đã nhận ra Thiên Chúa là nguyên nhân của nguyên nhân, là gốc rễ của tất cả.

ਜਾ ਕੈ ਰਿਦੈ ਬਿਸ੍ਵਾਸੁ ਪ੍ਰਭੁ ਆਇਆ ॥

Một người có trái tim hoàn toàn bị thuyết phục về sự hiện diện của Thiên Chúa,

ਤਤੁ ਗਿਆਨੁ ਤਿਸੁ ਮਨਿ ਪ੍ਰਗਟਾਇਆ ॥

sự khôn ngoan tâm linh thực sự được tiết lộ cho anh ta.

ਭੈ ਤੇ ਨਿਰਭਉ ਹੋਇ ਬਸਾਨਾ ॥

Rút bỏ mọi sợ hãi, một người như vậy vẫn ở trong trạng thái tâm trí không sợ hãi,

ਜਿਸ ਤੇ ਉਪਜਿਆ ਤਿਸੁ ਮਾਹਿ ਸਮਾਨਾ ॥

và cuối cùng hòa nhập vào Ngài, Đấng mà Ngài đã khởi nguồn.

ਬਸਤੁ ਮਾਹਿ ਲੇ ਬਸਤੁ ਗਡਾਈ ॥

Giống như khi một sự vật được trộn lẫn với nhiều thứ giống nhau hơn, hai điều đó không thể được phân biệt,

ਤਾ ਕਉ ਭਿੰਨ ਨ ਕਹਨਾ ਜਾਈ ॥

Cũng vậy, những người được hấp thụ trong tình yêu của Đức Chúa Trời không thể được mô tả là khác với Ngài.

ਬੁਝੈ ਬੁਝਨਹਾਰੁ ਬਿਬੇਕ ॥

Chỉ có một người phân biệt hiếm hoi hiểu nó.

ਨਾਰਾਇਨ ਮਿਲੇ ਨਾਨਕ ਏਕ ॥੨॥

Hỡi Nanak, những người đã nhận ra Đức Chúa Trời, đã trở nên một với Ngài.

ਠਾਕੁਰ ਕਾ ਸੇਵਕੁ ਆਗਿਆਕਾਰੀ ॥

Người sùng kính Đức Chúa Trời vâng lời Ngài.

ਠਾਕੁਰ ਕਾ ਸੇਵਕੁ ਸਦਾ ਪੂਜਾਰੀ ॥

Người sùng kính Đức Chúa Trời luôn tôn thờ Ngài.

ਠਾਕੁਰ ਕੇ ਸੇਵਕ ਕੈ ਮਨਿ ਪਰਤੀਤਿ ॥

Tâm trí của người sùng đạo hoàn toàn có niềm tin vào Chúa.

ਠਾਕੁਰ ਕੇ ਸੇਵਕ ਕੀ ਨਿਰਮਲ ਰੀਤਿ ॥

Vô nhiễm là cách sống của người sùng kính Thiên Chúa.

ਠਾਕੁਰ ਕਉ ਸੇਵਕੁ ਜਾਨੈ ਸੰਗਿ ॥

Đức Chúa Trời tin rằng Chúa luôn ở với Ngài.

ਪ੍ਰਭ ਕਾ ਸੇਵਕੁ ਨਾਮ ਕੈ ਰੰਗਿ ॥

Lòng thương xót của Thiên Chúa luôn luôn thấm nhuần tình yêu của Thiên Chúa.

ਸੇਵਕ ਕਉ ਪ੍ਰਭ ਪਾਲਨਹਾਰਾ ॥

Đức Chúa Trời là Cherisher của người sùng đạo Ngài.

ਸੇਵਕ ਕੀ ਰਾਖੈ ਨਿਰੰਕਾਰਾ ॥

Đức Chúa Trời vô hình bảo tồn danh dự của người sùng đạo Ngài.

ਸੇ ਸੇਵਕੁ ਜਿਸੁ ਦਇਆ ਪ੍ਰਭੁ ਧਾਰੈ ॥

Người sùng đạo của ông là một người mà Đức Chúa Trời tỏ lòng thương xót.

ਨਾਨਕ ਸੇ ਸੇਵਕੁ ਸਾਸਿ ਸਾਸਿ ਸਮਾਰੈ ॥੩॥

Hỡi Nanak, người sùng đạo đó nhớ đến Ngài với từng hơi thở.

ਅਪੁਨੇ ਜਨ ਕਾ ਪਰਦਾ ਢਾਕੈ ॥

Ngài che đậy những thiếu sót của người sùng đạo Ngài.

ਅਪਨੇ ਸੇਵਕ ਕੀ ਸਰਪਰ ਰਾਖੈ ॥

Anh ấy chắc chắn bảo tồn danh dự của người sùng đạo của mình.

ਅਪਨੇ ਦਾਸ ਕਉ ਦੇਇ ਵਡਾਈ ॥

Đức Chúa Trời ban vinh quang cho tín đồ của Ngài.

ਅਪਨੇ ਸੇਵਕ ਕਉ ਨਾਮੁ ਜਪਾਈ ॥

Ngài ban phước cho tín đồ của Ngài thiền định về Naam.

ਅਪਨੇ ਸੇਵਕ ਕੀ ਆਪਿ ਪਤਿ ਰਾਖੈ ॥

Chính Ngài bảo tồn danh dự của người sùng đạo Ngài.

ਤਾ ਕੀ ਗਤਿ ਮਿਤਿ ਕੋਇ ਨ ਲਾਖੈ ॥

Không ai có thể đánh giá được trạng thái tâm linh cao hơn của người sùng kính Đức Chúa Trời.

ਪ੍ਰਭੁ ਕੇ ਸੇਵਕ ਕਉ ਕੇ ਨ ਪਹੂਚੈ ॥

Không ai so sánh về mặt thuộc linh với người sùng kính Đức Chúa Trời,

ਪ੍ਰਭੁ ਕੇ ਸੇਵਕ ਉਚ ਤੇ ਉਚੇ ॥

Bởi vì những người sùng kính Đức Chúa Trời là cao nhất trong những người cao cả.

ਜੇ ਪ੍ਰਭਿ ਅਪਨੀ ਸੇਵਾ ਲਾਇਆ ॥

Người mà Đức Chúa Trời dẫn thân vào sự thờ phượng sùng kính của Ngài,

ਨਾਨਕ ਸੇ ਸੇਵਕੁ ਦਹ ਦਿਸਿ ਪ੍ਰਗਟਾਇਆ ॥੪॥

O Nanak, người sùng đạo đó trở nên nổi tiếng ở khắp mọi nơi.

ਨੀਕੀ ਕੀਰੀ ਮਹਿ ਕਲ ਰਾਖੈ ॥

Nếu Đức Chúa Trời truyền sức mạnh của Ngài vào một con người rất yếu đuối (yếu đuối như một con kiến nhỏ bé),

ਭਸਮ ਕਰੈ ਲਸਕਰ ਕੋਟਿ ਲਾਖੈ ॥

thì người đó có thể biến hàng triệu quân đội thành tro bụi.

ਜਿਸ ਕਾ ਸਾਸੁ ਨ ਕਾਢਤ ਆਪਿ ॥

Người mà chính Đức Chúa Trời không lấy đi hơi thở sự sống;

ਤਾ ਕਉ ਰਾਖਤ ਦੇ ਕਰਿ ਹਾਥ ॥

cho người đó, chính Ngài cung cấp sự bảo vệ.

ਮਾਨਸ ਜਤਨ ਕਰਤ ਬਹੁ ਭਾਤਿ ॥

Một người thực hiện tất cả các loại nỗ lực,

ਤਿਸ ਕੇ ਕਰਤਬ ਬਿਰਥੇ ਜਾਤਿ ॥

Nhưng tất cả những nỗ lực này đều vô ích nếu không có ý muốn của Đức Chúa Trời.

ਮਾਰੈ ਨ ਰਾਖੈ ਅਵਰੁ ਨ ਕੋਇ ॥

Không ai khác ngoài Đức Chúa Trời có thể giết hoặc cứu một mạng sống,

ਸਰਬ ਜੀਆ ਕਾ ਰਾਖਾ ਸੇਇ ॥

Bởi vì chính Đức Chúa Trời là Đấng Bảo Vệ của tất cả chúng sinh.

ਕਾਹੇ ਸੋਚ ਕਰਹਿ ਰੇ ਪ੍ਰਾਣੀ ॥

Vì vậy, O' Mortal, tại sao bạn lo lắng?

ਜਪਿ ਨਾਨਕ ਪ੍ਰਭ ਅਲਖ ਵਿਡਾਣੀ ॥੫॥

O 'Nanak, yêu thương suy gẫm về vị Chúa không thể hiểu nổi và đáng kinh ngạc đó.

ਬਾਰੰ ਬਾਰ ਬਾਰ ਪ੍ਰਭੁ ਜਪੀਐ ॥

Hết lần này đến lần khác, chúng ta hãy suy gẫm về Chúa với lòng sùng kính yêu thương,

ਪੀ ਅੰਮ੍ਰਿਤੁ ਇਹੁ ਮਨੁ ਤਨੁ ਧ੍ਰੁਪੀਐ ॥

và bằng cách tham gia thuốc tiên của Naam, chúng ta hãy thỏa mãn tâm trí và cơ thể của chúng ta.

ਨਾਮ ਰਤਨੁ ਜਿਨਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਪਾਇਆ ॥

Người theo Đạo sư, người đã nhận được sự giàu có quý giá của Naam.

ਤਿਸੁ ਕਿਛੁ ਅਵਰੁ ਨਾਹੀ ਦ੍ਰਿਸਟਾਇਆ ॥

Không thấy gì khác ngoài sự hiện diện của Chúa ở khắp mọi nơi.

ਨਾਮੁ ਧਨੁ ਨਾਮੇ ਰੂਪੁ ਰੰਗੁ ॥

Đối với anh, Naam là vẻ đẹp giàu có và hạnh phúc thực sự của anh.

ਨਾਮੇ ਸੁਖੁ ਹਰਿ ਨਾਮ ਕਾ ਸੰਗੁ ॥

Danh Chúa là bạn đồng hành và sự bình an trong tâm trí của anh ấy.

ਨਾਮ ਰਸਿ ਜੇ ਜਨ ਤ੍ਰਿਪਤਾਨੇ ॥

Những người được thỏa mãn với Mật hoa của Naam,

ਮਨ ਤਨ ਨਾਮਹਿ ਨਾਮਿ ਸਮਾਨੇ ॥

Tâm trí và cơ thể của họ được hòa nhập trong Danh Đức Chúa Trời.

ਉਠਤ ਬੈਠਤ ਸੇਵਤ ਨਾਮ ॥

Suy niệm về Danh Đức Chúa Trời mọi lúc,

ਕਹੁ ਨਾਨਕ ਜਨ ਕੈ ਸਦ ਕਾਮ ॥੬॥

trở thành một sự yêu thích liên tục của những người sùng đạo của Đức Chúa Trời, Nanak nói.

ਬੇਲਹੁ ਜਸੁ ਜਿਹਬਾ ਦਿਨੁ ਰਾਤਿ ॥

Ngày và đêm, hãy sử dụng lưỡi Đức Chúa Trời ban để thốt ra lời khen ngợi Ngài.

ਪ੍ਰਭਿ ਅਪਨੈ ਜਨ ਕੀਨੀ ਦਾਤਿ ॥

Món quà ca ngợi Ngài này được chính Đức Chúa Trời ban cho những người sùng đạo Ngài.

ਕਰਹਿ ਭਗਤਿ ਆਤਮ ਕੈ ਚਾਇ ॥

Các tín đồ thực hiện việc thờ phượng sùng kính với tình yêu bằng trái tim,

ਪ੍ਰਭ ਅਪਨੇ ਸਿਉ ਰਹਿ ਸਮਾਇ ॥

Vì vậy, họ vẫn tiếp tục chìm đắm trong tình yêu của Thiên Chúa.

ਜੇ ਹੋਆ ਹੋਵਤ ਸੇ ਜਾਨੈ ॥

Đức Chúa Trời biết tất cả những gì đã xảy ra, hoặc đang xảy ra bây giờ,

ਪ੍ਰਭ ਅਪਨੇ ਕਾ ਹੁਕਮੁ ਪਛਾਨੈ ॥

và hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời trong tất cả những điều đó.

ਤਿਸ ਕੀ ਮਹਿਮਾ ਕਉਨ ਬਖਾਨਉ ॥

Tôi có thể mô tả đức tính nào của một tín đồ như vậy?

ਤਿਸ ਕਾ ਗੁਨੁ ਕਹਿ ਏਕ ਨ ਜਾਨਉ ॥

Tôi không biết làm thế nào để mô tả ngay cả một trong những đức tính của anh ấy

ਆਠ ਪਹਰ ਪ੍ਰਭ ਬਸਹਿ ਹਜੂਰੇ ॥

Những người luôn ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời,

ਕਹੁ ਨਾਨਕ ਸੇਈ ਜਨ ਪੂਰੇ ॥੭॥

Nanak nói, họ là những tín đồ hoàn hảo.

ਮਨ ਮੇਰੇ ਤਿਨ ਕੀ ਓਟ ਲੇਹਿ ॥

Hỡi tâm trí của tôi, hãy tìm kiếm sự bảo vệ của những người luôn ở trong sự hiện diện của Thiên Chúa;

ਮਨੁ ਤਨੁ ਅਪਨਾ ਤਿਨ ਜਨ ਦੇਹਿ ॥

và cống hiến tâm trí và cơ thể của bạn cho những tín đồ đó.

ਜਿਨਿ ਜਨਿ ਅਪਨਾ ਪ੍ਰਭੂ ਪਛਾਤਾ ॥

Người sùng kính đã nhận ra Đức Chúa Trời,

ਸੇ ਜਨੁ ਸਰਬ ਥੋਕ ਕਾ ਦਾਤਾ ॥

trở thành ân nhân của tất cả mọi thứ.

ਤਿਸ ਕੀ ਸਰਨਿ ਸਰਬ ਸੁਖ ਪਾਵਹਿ ॥

Bạn sẽ nhận được mọi tiện nghi trong nơi ẩn náu của anh ấy.

ਤਿਸ ਕੈ ਦਰਸਿ ਸਭ ਪਾਪ ਮਿਟਾਵਹਿ ॥

Bằng cách nhìn thấy cảnh tượng của một tín đồ như vậy, bạn sẽ xóa bỏ mọi tội lỗi của mình.

ਅਵਰ ਸਿਆਨਪ ਸਗਲੀ ਛਾਡੁ ॥

Từ bỏ tất cả sự thông minh khác,

ਤਿਸੁ ਜਨ ਕੀ ਤੂ ਸੇਵਾ ਲਾਗੁ ॥

và tự cho mình phục vụ một người sùng đạo như vậy.

ਆਵਨੁ ਜਾਨੁ ਨ ਹੋਵੀ ਤੇਰਾ ॥

Chu kỳ sinh và tử của bạn sẽ kết thúc,

ਨਾਨਕ ਤਿਸੁ ਜਨ ਕੇ ਪੂਜਹੁ ਸਦ ਪੈਰਾ ॥੮॥੧੭॥

O Nanak, hãy luôn tôn trọng làm theo lời khuyên của một tín đồ như vậy.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਸਤਿ ਪੁਰਖੁ ਜਿਨਿ ਜਾਨਿਆ ਸਤਿਗੁਰੁ ਤਿਸ ਕਾ ਨਾਉ ॥

Một người đã nhận ra Thượng đế toàn diện đích thực, được gọi là Đạo sư đích thực.

ਤਿਸ ਕੈ ਸੰਗਿ ਸਿਖੁ ਉਧਰੈ ਨਾਨਕ ਹਰਿ ਗੁਨ ਗਾਉ ॥੧॥

Trong công ty của mình, một đệ tử được cứu khỏi tệ nạn. Do đó, O Nanak, bạn cũng nên hát những lời ca ngợi của Chúa trong sự đồng hành của một Đạo sư chân chính như vậy.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਸਤਿਗੁਰੁ ਸਿਖ ਕੀ ਕਰੈ ਪ੍ਰਤਿਪਾਲ ॥

Đạo sư chân chính trân trọng đệ tử của mình.

ਸੇਵਕ ਕਉ ਗੁਰੁ ਸਦਾ ਦਇਆਲ ॥

Đạo sư luôn thương xót đệ tử của mình.

ਸਿਖ ਕੀ ਗੁਰੁ ਦੁਰਮਤਿ ਮਲੁ ਹਿਰੈ ॥

Đạo sư loại bỏ sự bẩn thỉu của trí tuệ xấu xa khỏi tâm trí của đệ tử,

ਗੁਰ ਬਚਨੀ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਉਚਰੈ ॥

Kể từ khi nghe theo lời khuyên của Guru, đệ tử đọc Danh Đức Chúa Trời.

ਸਤਿਗੁਰੁ ਸਿਖ ਕੇ ਬੰਧਨ ਕਾਟੈ ॥

Guru chân chính giải phóng người sùng đạo của Ngài khỏi những ràng buộc trần tục của Maya.

ਗੁਰ ਕਾ ਸਿਖੁ ਬਿਕਾਰ ਤੇ ਹਾਟੈ ॥

Sikh (đệ tử) của Guru kiên cường nuông chiều các tệ nạn.

ਸਤਿਗੁਰੁ ਸਿਖ ਕਉ ਨਾਮ ਧਨੁ ਦੇਇ ॥

Đạo sư chân chính ban cho đệ tử của mình sự giàu có của Naam,

ਗੁਰ ਕਾ ਸਿਖੁ ਵਡਭਾਗੀ ਹੇ ॥

Đệ tử của Guru rất may mắn.

ਸਤਿਗੁਰੁ ਸਿਖ ਕਾ ਹਲਤੁ ਪਲਤੁ ਸਵਾਰੈ ॥

Đạo sư chân chính tô điểm cho cuộc sống của một đệ tử cả ở đây và sau này.

ਨਾਨਕ ਸਤਿਗੁਰੁ ਸਿਖ ਕਉ ਜੀਅ ਨਾਲਿ ਸਮਾਰੈ ॥੧॥

O Nanak, Guru chân chính yêu môn đệ của Ngài từ cốt lõi của trái tim Ngài.

ਗੁਰ ਕੈ ਗ੍ਰਿਹਿ ਸੇਵਕੁ ਜੇ ਰਹੈ ॥

Người sùng đạo luôn tìm kiếm những lời dạy của Guru,

ਗੁਰ ਕੀ ਆਗਿਆ ਮਨ ਮਹਿ ਸਹੈ ॥

tuân theo mệnh lệnh của Guru với tất cả tâm trí của mình,

ਆਪਸ ਕਉ ਕਰਿ ਕਛੁ ਨ ਜਨਾਵੈ ॥

không bao giờ thể hiện niềm tự hào theo bất kỳ cách nào,

ਹਰਿ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਰਿਦੈ ਸਦ ਧਿਆਵੈ ॥

luôn suy gẫm về Danh Đức Chúa Trời với tình yêu và sự tận tâm,

ਮਨੁ ਬੇਚੈ ਸਤਿਗੁਰ ਕੈ ਪਾਸਿ ॥

đầu hàng tâm trí của mình cho Đạo sư đích thực,

ਤਿਸੁ ਸੇਵਕ ਕੇ ਕਾਰਜ ਰਾਸਿ ॥

Các vấn đề của Humbledevotee đã được giải quyết thành công.

ਸੇਵਾ ਕਰਤ ਹੋਇ ਨਿਹਕਾਮੀ ॥

Người thực hiện dịch vụ vị tha, không nghĩ đến phần thưởng,

ਤਿਸ ਕਉ ਹੋਤ ਪਰਾਪਤਿ ਸੁਆਮੀ ॥

sẽ nhận ra Đức Chúa Trời của Ngài.

ਅਪਨੀ ਕ੍ਰਿਪਾ ਜਿਸੁ ਆਪਿ ਕਰੇਇ ॥

Đức Chúa Trời bày tỏ ân sủng của Ngài trên ai.

ਨਾਨਕ ਸੋ ਸੇਵਕੁ ਗੁਰ ਕੀ ਮਤਿ ਲੇਇ ॥੨॥

O Nanak, chỉ có người sùng đạo đó tìm kiếm những lời dạy của Guru.

ਬੀਸ ਬਿਸਵੇ ਗੁਰ ਕਾ ਮਨੁ ਮਾਨੈ ॥

Người đã thuyết phục Guru về sự tận tâm hoàn toàn của mình.

ਸੋ ਸੇਵਕੁ ਪਰਮੇਸੁਰ ਕੀ ਗਤਿ ਜਾਨੈ ॥

người sùng đạo đó được biết trạng thái huyền bí của Thần Siêu Việt.

ਸੋ ਸਤਿਗੁਰੁ ਜਿਸੁ ਰਿਦੈ ਹਰਿ ਨਾਉ ॥

Đạo sư đích thực là người mà trong trái tim được tôn vinh Danh Chúa.

ਅਨਿਕ ਬਾਰ ਗੁਰ ਕਉ ਬਲਿ ਜਾਉ ॥

Tôi đã cống hiến bản thân mình cho vị sư phụ đó nhiều lần.

ਸਰਬ ਨਿਧਾਨ ਜੀਅ ਕਾ ਦਾਤਾ ॥

Đạo sư đích thực là người ban tặng tất cả các kho báu và đời sống tâm linh.

ਆਠ ਪਹਰ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਰੰਗਿ ਰਾਤਾ ॥

Tại mọi thời điểm, anh vẫn thấm nhuần tình yêu của Thiên Chúa.

ਬ੍ਰਹਮ ਮਹਿ ਜਨੁ ਜਨ ਮਹਿ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ॥

Đạo sư đích thực được hấp thụ trong Thượng đế tối cao và Đức Chúa Trời tối cao ngự trong những người sùng đạo của Ngài.

ਏਕਹਿ ਆਪਿ ਨਹੀ ਕਛੁ ਭਰਮੁ ॥

Không còn nghi ngờ gì nữa, Thượng đế và Đạo sư đích thực là một và giống nhau.

ਸਹਸ ਸਿਆਨਪ ਲਇਆ ਨ ਜਾਈਐ ॥

Ngay cả bằng hàng trăm trí thông minh, chúng ta cũng không thể gặp được một Guru thực sự.

ਨਾਨਕ ਐਸਾ ਗੁਰੁ ਬਡਭਾਗੀ ਪਾਈਐ ॥੩॥

Này Nanak, chỉ nhờ may mắn mà chúng ta mới gặp được một Guru như vậy.

ਸਫਲ ਦਰਸਨੁ ਪੇਖਤ ਪੁਨੀਤ ॥

Blessfull là sự kết hợp với Đạo sư chân chính; người ta được thánh hóa khi chấp nhận những lời dạy của Guru.

ਪਰਸਤ ਚਰਨ ਗਤਿ ਨਿਰਮਲ ਰੀਤਿ ॥

Khi chân thành tuân theo những lời dạy của Guru, trạng thái tâm trí của một người được nâng lên và hành vi trong cuộc hành trình của cuộc sống trở nên vô nhiễm.

ਭੇਟਤ ਸੰਗਿ ਰਾਮ ਗੁਨ ਰਵੇ ॥

Ở trong công ty của Guru, một người tham gia hát những lời ca ngợi của Chúa,

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਕੀ ਦਰਗਹ ਗਵੇ ॥

và đến Tòa án của Đức Chúa Trời Tối cao.

ਸੁਨਿ ਕਰਿ ਬਚਨ ਕਰਨ ਆਖਾਨੇ ॥

Lắng nghe những lời dạy của Guru, đôi tai của một người được no nê,

ਮਨਿ ਸੰਤੋਖੁ ਆਤਮ ਪਤੀਆਨੇ ॥

tâm trí được thỏa mãn, và linh hồn được hoàn thành.

ਪੂਰਾ ਗੁਰੁ ਅਖਯਯਓ ਜਾ ਕਾ ਮੰਤ੍ਰੁ ॥

Hoàn hảo là Đạo sư và sự thật vĩnh viễn là những lời dạy của Ngài.

ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਦ੍ਰਿਸਟਿ ਪੇਖੈ ਹੋਇ ਸੰਤ ॥

Người mà Đạo sư đưa ra một cái nhìn thấu đáo, người đó trở thành một vị thánh.

ਗੁਣ ਬਿਅੰਤ ਕੀਮਤਿ ਨਹੀ ਪਾਇ ॥

Vô hạn là những đức tính của Guru chân chính và không ai có thể ước tính giá trị của anh ta.

ਨਾਨਕ ਜਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਿਸੁ ਲਏ ਮਿਲਾਇ ॥੪॥

O Nanak, Thiên Chúa kết hợp người đó với Đạo sư mà Ngài hài lòng.

ਜਿਹਬਾ ਏਕ ਉਸਤਤਿ ਅਨੇਕ ॥

Một người phàm chỉ có một lưỡi, nhưng vô số lời ca ngợi của Đức Chúa Trời,

ਸਤਿ ਪੁਰਖ ਪੂਰਨ ਬਿਬੇਕ ॥

Đấng là Đấng vĩnh cửu, hoàn hảo và sâu sắc.

ਕਾਹੂ ਬੇਲ ਨ ਪਹੁਚਤ ਪ੍ਰਾਨੀ ॥

Không qua lời nào, một người phàm có thể mô tả các đức tính của Đức Chúa Trời,

ਅਗਮ ਅਗੋਚਰ ਪ੍ਰਭ ਨਿਰਬਾਨੀ ॥

người không thể tiếp cận, không thể hiểu được và không có mọi ham muốn.

ਨਿਰਾਹਾਰ ਨਿਰਵੈਰ ਸੁਖਦਾਈ ॥

Anh ta không cần sự nuôi dưỡng, không có thù hận và là sự ban cho hòa bình,

ਤਾ ਕੀ ਕੀਮਤਿ ਕਿਨੈ ਨ ਪਾਈ ॥

Không ai có thể xác định được giá trị của các đức tính của Ngài.

ਅਨਿਕ ਭਗਤ ਬੰਦਨ ਨਿਤ ਕਰਹਿ ॥

Vô số tín đồ hàng ngày cúi đầu tôn kính Ngài,

ਚਰਨ ਕਮਲ ਹਿਰਦੈ ਸਿਮਰਹਿ ॥

và suy gẫm về Danh Ngài với tình yêu và sự tận tâm.

ਸਦ ਬਲਿਹਾਰੀ ਸਤਿਗੁਰ ਅਪਨੇ ॥

Tôi cống hiến bản thân mình cho Guru chân chính mãi mãi,

ਨਾਨਕ ਜਿਸੁ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਐਸਾ ਪ੍ਰਭੁ ਜਪਨੇ ॥੫॥

O Nanak, nhờ ân điển mà tôi có thể yêu thương suy niệm về Danh Đức Chúa Trời.

ਇਹੁ ਹਰਿ ਰਸੁ ਪਾਵੈ ਜਨੁ ਕੇਇ ॥

Chỉ có một người rất hiếm hoi mới được hưởng phúc chất của Danh Đức Chúa Trời,

ਅੰਮ੍ਰਿਤੁ ਪੀਵੈ ਅਮਰੁ ਸੇ ਹੋਇ ॥

bằng cách tham gia Nectar of Naam, anh ta trở nên bất tử.

ਉਸੁ ਪੁਰਖ ਕਾ ਨਾਹੀ ਕਦੇ ਬਿਨਾਸ ॥

Người đó không bao giờ chết (không chịu đựng cái chết hết lần này đến lần khác),

ਜਾ ਕੈ ਮਨਿ ਪ੍ਰਗਟੇ ਗੁਨਤਾਸ ॥

trong tâm trí của người biểu lộ Thiên Chúa, Kho báu của các nhân đức.

ਆਠ ਪਹਰ ਹਰਿ ਕਾ ਨਾਮੁ ਲੇਇ ॥

Trong mọi lúc, một người sùng đạo như vậy suy gẫm về Danh Đức Chúa Trời,

ਸਚੁ ਉਪਦੇਸੁ ਸੇਵਕ ਕਉ ਦੇਇ ॥

Và cũng truyền đạt lời khuyên thực sự tương tự cho đệ tử của mình.

ਮੇਹ ਮਾਇਆ ਕੈ ਸੰਗਿ ਨ ਲੇਪੁ ॥

Anh ta không gắn bó với Maya (ham muốn thế gian),

ਮਨ ਮਹਿ ਰਾਖੈ ਹਰਿ ਹਰਿ ਏਕੁ ॥

và ông luôn tôn thờ Thiên Chúa trong tâm trí của mình.

ਅੰਧਕਾਰ ਦੀਪਕ ਪਰਗਾਸੇ ॥

Người mà bóng tối của sự ngu dốt đã được thay thế bằng ánh sáng của Naam,

ਨਾਨਕ ਭਰਮ ਮੋਹ ਦੁਖ ਤਹ ਤੇ ਨਾਸੇ ॥੬॥

Hỡi Nanak, sự nghi ngờ, sự gán bó tình cảm và nỗi buồn của anh ta chạy trốn.

ਤਪਤਿ ਮਾਹਿ ਠਾਢਿ ਵਰਤਾਈ ॥

Thông qua giáo lý của Guru, hòa bình đã chiếm ưu thế ngay cả khi sống trong sức nóng của tệ nạn,

ਅਨਦੁ ਭਇਆ ਦੁਖ ਨਾਠੇ ਭਾਈ ॥

Và, hỡi anh em của tôi, một trạng thái hạnh phúc đã thắng thế và mọi tai ương đã biến mất.

ਜਨਮ ਮਰਨ ਕੇ ਮਿਟੇ ਅੰਦੇਸੇ ॥

Nỗi sợ sinh và cái chết được xua tan,

ਸਾਧੂ ਕੇ ਪੂਰਨ ਉਪਦੇਸੇ ॥

thông qua những lời dạy hoàn hảo của Guru.

ਭਉ ਚੂਕਾ ਨਿਰਭਉ ਹੋਇ ਬਸੇ ॥

Tất cả nỗi sợ hãi được dỡ bỏ, và bây giờ chúng ta sống trong sự không sợ hãi,

ਸਗਲ ਬਿਆਧਿ ਮਨ ਤੇ ਥੈ ਨਸੇ ॥

và tất cả các bệnh tật đều bị tiêu diệt và xua tan khỏi tâm trí.

ਜਿਸ ਕਾ ਸਾ ਤਿਨਿ ਕਿਰਪਾ ਧਾਰੀ ॥

Đạo sư mà chúng tôi đã đầu hàng đã tỏ lòng thương xót;

ਸਾਧਸੰਗਿ ਜਪਿ ਨਾਮੁ ਮੁਰਾਰੀ ॥

bằng cách suy gẫm Danh Đức Chúa Trời trong hội thánh,

ਥਿਤਿ ਪਾਈ ਚੂਕੇ ਭ੍ਰਮ ਗਵਨ ॥

chúng ta đã đạt được sự ổn định tâm linh và những nghi ngờ và lang thang của chúng ta đã chấm dứt.

ਸੁਨਿ ਨਾਨਕ ਹਰਿ ਹਰਿ ਜਸੁ ਸ੍ਰਵਨ ॥੭॥

Này Nanak, điều này đã xảy ra bằng cách lắng nghe những lời ca ngợi của Thiên Chúa bằng đôi tai của chúng ta.

ਨਿਰਗੁਨੁ ਆਪਿ ਸਰਗੁਨੁ ਭੀ ਓਹੀ ॥

Chính Ngài là vô hình (không bị ảnh hưởng bởi Maya); và chính Ngài là hữu hình (dưới hình thức Sáng tạo của Ngài).

ਕਲਾ ਧਾਰਿ ਜਿਨਿ ਸਗਲੀ ਮੋਹੀ ॥

Ngài đã mê hoặc toàn thể vũ trụ bằng cách thể hiện quyền năng của Ngài.

ਅਪਨੇ ਚਰਿਤ ਪ੍ਰਭਿ ਆਪਿ ਬਨਾਏ ॥

Chính Ngài đã tạo ra những điều kỳ diệu của Ngài.

ਅਪੁਨੀ ਕੀਮਤਿ ਆਪੇ ਪਾਏ ॥

Chính Ngài đã xác định được giá trị của Ngài.

ਹਰਿ ਬਿਨੁ ਦੂਜਾ ਨਾਹੀ ਕੋਇ ॥

Ngoài Đức Chúa Trời, không có ai khác giống như Ngài.

ਸਰਬ ਨਿਰੰਤਰਿ ਏਕੇ ਸੋਇ ॥

Ngài là Đấng duy nhất, thấm nhuần tất cả.

ਓਤਿ ਪੋਤਿ ਰਵਿਆ ਰੂਪ ਰੰਗ ॥

Qua và qua, Ngài tràn ngập trong mọi hình thức và màu sắc.

ਭਏ ਪ੍ਰਗਾਸ ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗ ॥

Sự giác ngộ này được tiết lộ trong công ty của Guru.

ਰਚਿ ਰਚਨਾ ਅਪਨੀ ਕਲ ਧਾਰੀ ॥

Sau khi tạo ra sự sáng tạo, Ngài đã truyền sức mạnh của Ngài vào nó.

ਅਨਿਕ ਬਾਰ ਨਾਨਕ ਬਲਿਹਾਰੀ ॥੮॥੧੮॥

Này Nanak, tôi dâng hiến cuộc đời mình cho Ngài vô số lần.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਸਾਥਿ ਨ ਚਾਲੈ ਬਿਨੁ ਭਜਨ ਬਿਖਿਆ ਸਗਲੀ ਛਾਰੁ ॥

Ngoại trừ sự thờ phượng của Đức Chúa Trời, không có gì đồng hành với một người. Tất cả sự giàu có của thế gian trở nên vô giá trị như tro tàn sau khi chết.

ਹਰਿ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਕਮਾਵਨਾ ਨਾਨਕ ਇਹੁ ਧਨੁ ਸਾਰੁ ॥੧॥

Vì vậy, việc thiền định Danh Đức Chúa Trời với lòng sùng kính là kiếm được sự giàu có siêu phàm nhất, sự giàu có đồng hành cùng phàm nhân sau khi chết.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਸੰਤ ਜਨਾ ਮਿਲਿ ਕਰਹੁ ਬੀਚਾਰੁ ॥

Suy ngẫm về các nhân đức của Đức Chúa Trời trong sự đồng hành của các Thánh.

ਏਕੁ ਸਿਮਰਿ ਨਾਮ ਆਧਾਰੁ ॥

Hãy suy gẫm về Chúa với lòng tận tụy yêu thương và biến Naam thành sự hỗ trợ của bạn.

ਅਵਰਿ ਉਪਾਵ ਸਭਿ ਮੀਤ ਬਿਸਾਰਹੁ ॥

Ôi bạn của tôi, hãy quên tất cả những nỗ lực khác,

ਚਰਨ ਕਮਲ ਰਿਦ ਮਹਿ ਉਰਿ ਧਾਰਹੁ ॥

Hãy tôn trọng đức tính của Đức Chúa Trời trong lòng bạn.

ਕਰਨ ਕਾਰਨ ਸੇ ਪ੍ਰਭੁ ਸਮਰਥੁ ॥

Đức Chúa Trời có khả năng làm và hoàn thành mọi việc.

ਦ੍ਰਿੜੁ ਕਰਿ ਗਹਹੁ ਨਾਮੁ ਹਰਿ ਵਥੁ ॥

Do đó, hãy nắm bắt được sự giàu có của danh Chúa.

ਇਹੁ ਧਨੁ ਸੰਚਹੁ ਹੋਵਹੁ ਭਗਵੰਤ ॥

Thu thập sự giàu có này của Naam, và trở nên rất may mắn.

ਸੰਤ ਜਨਾ ਕਾ ਨਿਰਮਲ ਮੰਤ ॥

Đây là giáo huấn vô nhiễm của những người thánh thiện.

ਏਕ ਆਸ ਰਾਖਹੁ ਮਨ ਮਾਹਿ ॥

Hãy giữ niềm tin vào một Thiên Chúa duy nhất trong tâm trí của bạn.

ਸਰਬ ਰੋਗ ਨਾਨਕ ਮਿਟਿ ਜਾਹਿ ॥੧॥

Này Nanak, theo cách này, mọi bệnh tật của người sẽ được xua tan.

ਜਿਸੁ ਧਨ ਕਉ ਚਾਰਿ ਕੁੰਟ ਉਠਿ ਧਾਵਹਿ ॥

Sự giàu có mà bạn theo đuổi theo mọi hướng,

ਸੇ ਧਨੁ ਹਰਿ ਸੇਵਾ ਤੇ ਪਾਵਹਿ ॥

bạn sẽ có được sự giàu có đó bằng cách yêu thương suy gẫm về Đức Chúa Trời.

ਜਿਸੁ ਸੁਖ ਕਉ ਨਿਤ ਬਾਛਹਿ ਮੀਤ ॥

Ôi bạn ơi, sự bình yên mà bạn luôn khao khát,

ਸੇ ਸੁਖੁ ਸਾਧੂ ਸੰਗਿ ਪਰੀਤਿ ॥

Sự bình an đó đến bằng cách yêu mến Đức Chúa Trời trong hội thánh.

ਜਿਸੁ ਸੇਭਾ ਕਉ ਕਰਹਿ ਭਲੀ ਕਰਨੀ ॥

Vinh quang, mà bạn thực hiện những việc tốt,

ਸਾ ਸੇਭਾ ਭਜੁ ਹਰਿ ਕੀ ਸਰਨੀ ॥

Bạn sẽ có được vinh quang đó bằng cách tìm nơi ẩn náu của Đức Chúa Trời.

ਅਨਿਕ ਉਪਾਵੀ ਰੋਗੁ ਨ ਜਾਇ ॥

Tất cả các loại biện pháp khắc phục đã không chữa khỏi căn bệnh của bản ngã,

ਰੋਗੁ ਮਿਟੈ ਹਰਿ ਅਵਖਧੁ ਲਾਇ ॥

Bệnh này được chữa khỏi bằng cách dùng thuốc của Danh Đức Chúa Trời.

ਸਰਬ ਨਿਧਾਨ ਮਹਿ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਨਿਧਾਨੁ ॥

Trong tất cả các kho báu, Danh Đức Chúa Trời là kho báu tối cao.

ਜਪਿ ਨਾਨਕ ਦਰਗਹਿ ਪਰਵਾਨੁ ॥੨॥

Hỡi Nanak, hãy suy gẫm về Danh Ngài và bạn sẽ được chấp thuận trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਮਨੁ ਪਰਬੋਧਹੁ ਹਰਿ ਕੈ ਨਾਇ ॥

Hãy soi sáng tâm trí của bạn với Danh Đức Chúa Trời.

ਦਹ ਦਿਸਿ ਧਾਵਤ ਆਵੈ ਠਾਇ ॥

Bằng cách này, tâm trí, tiếp tục chạy theo các hướng khác nhau, được ổn định.

ਤਾ ਕਉ ਬਿਘਨੁ ਨ ਲਾਗੈ ਕੋਇ ॥

Không có chướng ngại vật nào cản đường một người,

ਜਾ ਕੈ ਰਿਦੈ ਬਸੈ ਹਰਿ ਸੋਇ ॥

trong trái tim của ai ngự trị Thiên Chúa đó.

ਕਲਿ ਤਾਤੀ ਠਾਂਢਾ ਹਰਿ ਨਾਉ ॥

Trong thời đại đen tối của cái ác (Kalyug) này, Thiên về Danh Chúa mang lại sự thoải mái nhẹ nhàng cho những người phạm trần đang đau khổ trong cái nóng dữ dội nếu tệ nạn.

ਸਿਮਰਿ ਸਿਮਰਿ ਸਦਾ ਸੁਖ ਪਾਉ ॥

Luôn luôn yêu thương suy niệm về Thiên Chúa và nhận được sự bình an vĩnh cửu.

ਭਉ ਬਿਨਸੈ ਪੂਰਨ ਹੋਇ ਆਸ ॥

Bằng cách suy ngẫm về Danh Ngài, nỗi sợ hãi được xua tan và những ham muốn được thực hiện.

ਭਗਤਿ ਭਾਇ ਆਤਮ ਪਰਗਾਸ ॥

Nhờ lòng sùng kính yêu thương của Thiên Chúa, linh hồn được soi sáng.

ਤਿਤੁ ਘਰਿ ਜਾਇ ਬਸੈ ਅਬਿਨਾਸੀ ॥

Đức Chúa Trời vĩnh cửu đến ngự trong trái tim của người suy gẫm về Naam.

ਕਹੁ ਨਾਨਕ ਕਾਟੀ ਜਮ ਫਾਸੀ ॥੩॥

Nanak nói, bằng cách này, thông lọng của con quỷ tử thần bị bẻ gãy và người ta thoát khỏi chu kỳ sinh tử.

ਤਤੁ ਬੀਚਾਰੁ ਕਹੈ ਜਨੁ ਸਾਚਾ ॥

Một người suy ngẫm về các đức tính của Thiên Chúa, được cho là con người thực sự.

ਜਨਮਿ ਮਰੈ ਸੋ ਕਾਚੈ ਕਾਚਾ ॥

Nhưng một người được sinh ra chỉ để chết và không suy gẫm về Đức Chúa Trời thì tâm linh chưa trưởng thành.

ਆਵਾ ਗਵਨੁ ਮਿਟੈ ਪ੍ਰਭ ਸੇਵ ॥

Chu kỳ sinh tử kết thúc bằng cách suy gẫm một cách yêu thương về Thiên Chúa,

ਆਪੁ ਤਿਆਗਿ ਸਰਨਿ ਗੁਰਦੇਵ ॥

bằng cách từ bỏ sự tự phụ và tìm kiếm nơi ẩn náu của Đạo sư.

ਇਉ ਰਤਨ ਜਨਮ ਕਾ ਹੋਇ ਉਧਾਰੁ ॥

Bằng cách này, cuộc sống quý giá của con người được cứu.

ਹਰਿ ਹਰਿ ਸਿਮਰਿ ਪ੍ਰਾਨ ਆਧਾਰੁ ॥

Do đó, hãy yêu thương nhớ đến Chúa, Đấng là sự hỗ trợ của cuộc sống.

ਅਨਿਕ ਉਪਾਵ ਨ ਛੁਟਨਹਾਰੇ ॥

Người ta không thể thoát khỏi vòng sinh tử bằng cách thử vô số cách,

ਸਿੰਮ੍ਰਿਤਿ ਸਾਸਤ ਬੇਦ ਬੀਚਾਰੇ ॥

hoặc bằng cách nghiên cứu Smurtis, Shastras và Vedas.

ਹਰਿ ਕੀ ਭਗਤਿ ਕਰਹੁ ਮਨੁ ਲਾਇ ॥

Do đó, hãy thờ phượng Đức Chúa Trời với sự tận tâm kiên định.

ਮਨਿ ਬੰਛਤ ਨਾਨਕ ਫਲ ਪਾਇ ॥੪॥

Hỡi Nanak, bất cứ ai yêu mến thờ phượng Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện mong muốn của tâm trí mình.

ਸੰਗਿ ਨ ਚਾਲਸਿ ਤੇਰੈ ਧਨਾ ॥

Sự giàu có thế gian này sẽ không đi với bạn;

ਤੂੰ ਕਿਆ ਲਪਟਾਵਹਿ ਮੂਰਖ ਮਨਾ ॥

Hỡi tâm trí ngu ngốc của tôi, tại sao bạn bám vào nó?

ਸੁਤ ਮੀਤ ਕੁਟੰਬ ਅਰੁ ਬਨਿਤਾ ॥

Con cái, bạn bè, gia đình và vợ/chồng,

ਇਨ ਤੇ ਕਹਹੁ ਤੁਮ ਕਵਨ ਸਨਾਥਾ ॥

Ai trong số này sẽ là vị cứu tinh của bạn vào cuối cùng?

ਰਾਜ ਰੰਗ ਮਾਇਆ ਬਿਸਥਾਰ ॥

Quyền lực, niềm vui và sự mở rộng rộng lớn của Maya (sự giàu có của thế giới),

ਇਨ ਤੇ ਕਹਹੁ ਕਵਨ ਛੁਟਕਾਰ ॥

Hãy nói cho tôi biết ai đã từng trốn thoát khỏi những điều này.

ਅਸੁ ਹਸਤੀ ਰਥ ਅਸਵਾਰੀ ॥

Cưỡi ngựa, voi, xe ngựa (phương tiện mở rộng của Quá khứ),

ਝੂਠਾ ਡੰਫੁ ਝੂਠਾ ਪਾਸਾਰੀ ॥

Tất cả đều là sự huy hoàng giả tạo và người hiển thị tất cả cũng vậy.

ਜਿਨਿ ਦੀਏ ਤਿਸੁ ਬੁਝੈ ਨ ਬਿਗਾਨਾ ॥

Người phạm không biết gì không thừa nhận Đức Chúa Trời là Đấng đã ban cho những món quà này,

ਨਾਮੁ ਬਿਸਾਰਿ ਨਾਨਕ ਪਛੁਤਾਨਾ ॥੫॥

Và, O' Nanak bằng cách từ bỏ Danh Đức Chúa Trời, cuối cùng anh ta đau buồn.

ਗੁਰ ਕੀ ਮਤਿ ਤੂੰ ਲੇਹਿ ਇਆਨੇ ॥

Hỡi kẻ ngu dốt, hãy tuân theo lời dạy của Guru,

ਭਗਤਿ ਬਿਨਾ ਬਹੁ ਡੂਬੇ ਸਿਆਨੇ ॥

Không có sự thờ phượng sùng kính của Đức Chúa Trời, ngay cả những người cực kỳ khôn ngoan cũng bị chết đuối trong đại dương thế giới của tẻ nạn.

ਹਰਿ ਕੀ ਭਗਤਿ ਕਰਹੁ ਮਨ ਮੀਤ ॥

Ôi tâm trí thân thiện của tôi, thờ phượng Chúa với tình yêu và sự tận tâm,

ਨਿਰਮਲ ਹੋਇ ਤੁਮ੍ਹਾਰੇ ਚੀਤ ॥

Ý thức của bạn sẽ trở nên thuần khiết.

ਚਰਨ ਕਮਲ ਰਾਖਹੁ ਮਨ ਮਾਹਿ ॥

Ghi nhớ danh Chúa trong tâm trí của bạn;

ਜਨਮ ਜਨਮ ਕੇ ਕਿਲਬਿਖ ਜਾਹਿ ॥

Và tội lỗi của vô số mạng sống sẽ bị tiêu diệt.

ਆਪਿ ਜਪਹੁ ਅਵਰਾ ਨਾਮੁ ਜਪਾਵਹੁ ॥

Hãy suy gẫm Danh Đức Chúa Trời và truyền cảm hứng cho những người khác để suy gẫm.

ਸੁਨਤ ਕਹਤ ਰਹਤ ਗਤਿ ਪਾਵਹੁ ॥

Trạng thái tâm linh cao hơn đạt được bằng cách lắng nghe và thốt ra Naam và bằng cách sống một cuộc sống ngay chính.

ਸਾਰ ਭੂਤ ਸਤਿ ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਉ ॥

Danh Đức Chúa Trời là thượng chủ của muôn vật, và muôn thuở.

ਸਹਜਿ ਸੁਭਾਇ ਨਾਨਕ ਗੁਨ ਗਾਉ ॥੬॥

O Nanak, hãy tiếp tục ca ngợi Đức Chúa Trời trong trạng thái bình an và dĩnh đạc.

ਗੁਨ ਗਾਵਤ ਤੇਰੀ ਉਤਰਸਿ ਮੈਲੁ ॥

Bằng cách hát các đức tính của Ngài, sự bẩn thỉu của người sẽ được rửa sạch,

ਬਿਨਸਿ ਜਾਇ ਹਉਮੈ ਬਿਖੁ ਫੈਲੁ ॥

và chất độc tiêu thụ toàn bộ của bản ngã sẽ bị tiêu diệt.

ਹੇਹਿ ਅਚਿੰਤੁ ਬਸੈ ਸੁਖ ਨਾਲਿ ॥

Bạn sẽ trở nên tự do và bạn sẽ được sống trong hòa bình.

ਸਾਸਿ ਗ੍ਰਾਸਿ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ਸਮਾਲਿ ॥

Hãy suy niệm Danh Chúa với từng hơi thở.

ਛਾਡਿ ਸਿਆਨਪ ਸਗਲੀ ਮਨਾ ॥

Ôi tâm trí của tôi, hãy từ bỏ tất cả sự thông minh của bạn,

ਸਾਧਸੰਗਿ ਪਾਵਹਿ ਸਚੁ ਧਨਾ ॥

Người sẽ nhận được sự giàu có đời đời của Na-am trong hội thánh.

ਹਰਿ ਪ੍ਰੰਜੀ ਸੰਚਿ ਕਰਹੁ ਬਿਉਹਾਰੁ ॥

Hãy tận dụng sự giàu có của danh Đức Chúa Trời và tham gia vào hành động thực sự này.

ਈਹਾ ਸੁਖੁ ਦਰਗਹ ਜੈਕਾਰੁ ॥

Bạn sẽ được bình an ở đây và được tôn vinh trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਸਰਬ ਨਿਰੰਤਰਿ ਏਕੇ ਦੇਖੁ ॥

Kìa Đấng thắm nhuần trong tất cả mọi người;

ਕਹੁ ਨਾਨਕ ਜਾ ਕੈ ਮਸਤਕਿ ਲੇਖੁ ॥੭॥

Nanak nói, người được tiền định sẽ nhận được phước lành này.

ਏਕੇ ਜਪਿ ਏਕੇ ਸਾਲਾਹਿ ॥

Chỉ suy ngẫm về Đấng duy nhất và chỉ khen ngợi Đấng đó.

ਏਕੁ ਸਿਮਰਿ ਏਕੇ ਮਨ ਆਹਿ ॥

Hãy nhớ đến Đấng duy nhất, và khao khát Đấng duy nhất trong tâm trí bạn.

ਏਕਸ ਕੇ ਗੁਨ ਗਾਉ ਅਨੰਤ ॥

Hát những lời ca ngợi vinh quang vô tận của Đấng duy nhất.

ਮਨਿ ਤਨਿ ਜਾਪਿ ਏਕ ਭਗਵੰਤ ॥

Với tâm trí và cơ thể, suy gẫm về một Thiên Chúa.

ਏਕੇ ਏਕੁ ਏਕੁ ਹਰਿ ਆਪਿ ॥

Chính Đức Chúa Trời là Đấng Duy Nhất và Duy Nhất.

ਪੂਰਨ ਪੂਰਿ ਰਹਿਓ ਪ੍ਰਭੁ ਬਿਆਪਿ ॥

Đức Chúa Trời hoàn hảo đang tràn ngập trong tất cả.

ਅਨਿਕ ਬਿਸਥਾਰ ਏਕ ਤੇ ਭਏ ॥

Nhiều sự mở rộng của sự sáng tạo đều đến từ Đấng duy nhất.

ਏਕੁ ਅਰਾਧਿ ਪਰਾਛਤ ਗਏ ॥

Suy niệm về Đấng với lòng sùng kính yêu thương, mọi tội lỗi đều được loại bỏ.

ਮਨ ਤਨ ਅੰਤਰਿ ਏਕੁ ਪ੍ਰਭੁ ਰਾਤਾ ॥

Người có tâm trí và cơ thể thấm nhuần tình yêu của Một (Thiên Chúa).

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਨਾਨਕ ਇਕੁ ਜਾਤਾ ॥੮॥੧੯॥

O Nanak, nhờ ân sủng của Guru, anh ta đã nhận ra Đấng duy nhất.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਫਿਰਤ ਫਿਰਤ ਪ੍ਰਭੁ ਆਇਆ ਪਰਿਆ ਤਉ ਸਰਨਾਇ ॥

Lạy Chúa, sau khi lang thang qua vô số lần nhập thể, con đã đến để tìm nơi ẩn náu của Ngài.

ਨਾਨਕ ਕੀ ਪ੍ਰਭ ਬੇਨਤੀ ਅਪਨੀ ਭਗਤੀ ਲਾਇ ॥੧॥

Lạy Chúa, đó là lời cầu nguyện khiêm tốn của Nanak, xin ban phước cho con bằng sự thờ phượng của Ngài.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਜਾਚਕ ਜਨੁ ਜਾਚੈ ਪ੍ਰਭ ਦਾਨੁ ॥

Lạy Đức Chúa Trời, người sùng đạo khiêm nhường này cầu xin món quà của Naam từ Ngài,

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਦੇਵਹੁ ਹਰਿ ਨਾਮੁ ॥

Xin hãy ban lòng thương xót và ban phước cho tôi với Naam.

ਸਾਧ ਜਨਾ ਕੀ ਮਾਗਉ ਧੂਰਿ ॥

Tôi yêu cầu sự phục vụ khiêm tốn nhất của các Thánh.

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ਮੇਰੀ ਸਰਧਾ ਪੂਰਿ ॥

Lạy Đức Chúa Trời Tối Cao, xin hãy thực hiện sự khao khát này của con.

ਸਦਾ ਸਦਾ ਪ੍ਰਭ ਕੇ ਗੁਨ ਗਾਵਉ ॥

Tôi có thể hát những đức tính của Chúa mãi mãi và mãi mãi.

ਸਾਸਿ ਸਾਸਿ ਪ੍ਰਭ ਤੁਮਹਿ ਧਿਆਵਉ ॥

Ôi Chúa ơi. Con có thể yêu thương suy gẫm về Ngài với từng hơi thở.

ਚਰਨ ਕਮਲ ਸਿਉ ਲਾਗੈ ਪ੍ਰੀਤਿ ॥

Xin cho con được thấm nhuần tình yêu của Danh vô nhiễm của Ngài,

ਭਗਤਿ ਕਰਉ ਪ੍ਰਭ ਕੀ ਨਿਤ ਨੀਤਿ ॥

và tôi có thể nhớ đến Chúa với sự tôn kính mỗi ngày.

ਏਕ ਓਟ ਏਕੇ ਆਧਾਰੁ ॥

Danh Chúa là nơi trú ẩn duy nhất của tôi, sự hỗ trợ duy nhất của tôi.

ਨਾਨਕੁ ਮਾਰੈ ਨਾਮੁ ਪ੍ਰਭ ਸਾਰੁ ॥੧॥

Nanak cầu xin Danh cao siêu nhất của Đức Chúa Trời.

ਪ੍ਰਭ ਕੀ ਦ੍ਰਿਸਟਿ ਮਹਾ ਸੁਖੁ ਹੋਇ ॥

Ánh mắt của Đức Chúa Trời mang lại niềm hạnh phúc tối cao.

ਹਰਿ ਰਸੁ ਪਾਵੈ ਬਿਰਲਾ ਕੇਇ ॥

Nhưng chỉ có một người hiếm hoi nhận được mật hoa của Danh Đức Chúa Trời.

ਜਿਨ ਚਾਖਿਆ ਸੇ ਜਨ ਤ੍ਰਿਪਤਾਨੇ ॥

Những người đã tham gia Nectar of Naam hoàn toàn hài lòng.

ਪੂਰਨ ਪੁਰਖ ਨਹੀ ਡੋਲਾਨੇ ॥

Họ đã trở thành những người hoàn hảo, và không dao động trong bất kỳ tình huống nào.

ਸੁਭਰ ਭਰੇ ਪ੍ਰੇਮ ਰਸ ਰੰਗਿ ॥

Họ vẫn hoàn toàn tràn ngập niềm vui ngọt ngào của Tình yêu dành cho Thiên Chúa.

ਉਪਜੈ ਚਾਉ ਸਾਧ ਕੈ ਸੰਗਿ ॥

Khát vọng được hiệp nhất với Thiên Chúa dâng lên trong họ trong Công ty của Thánh.

ਪਰੇ ਸਰਨਿ ਆਨ ਸਭ ਤਿਆਗਿ ॥

Từ bỏ sự hỗ trợ của tất cả những người khác, họ đến nơi ẩn náu của Chúa.

ਅੰਤਰਿ ਪ੍ਰਗਾਸ ਅਨਦਿਨੁ ਲਿਵ ਲਾਗਿ ॥

Được khai sáng về mặt tâm linh, họ được điều chỉnh theo Chúa cả ngày lẫn đêm.

ਬਡਭਾਗੀ ਜਪਿਆ ਪ੍ਰਭੁ ਸੇਇ ॥

May mắn nhất là những người đã yêu thương suy niệm về Đức Chúa Trời.

ਨਾਨਕ ਨਾਮਿ ਰਤੇ ਸੁਖੁ ਹੋਇ ॥੨॥

O Nanak, hòa bình được nhận bằng cách thấm nhuần Naam.

ਸੇਵਕ ਕੀ ਮਨਸਾ ਪੂਰੀ ਭਈ ॥

Những mong muốn của tâm trí của một tín đồ được thực hiện,

ਸਤਿਗੁਰ ਤੇ ਨਿਰਮਲ ਮਤਿ ਲਈ ॥

khi nhận được những lời dạy vô nhiễm từ Chân sư.

ਜਨ ਕਉ ਪ੍ਰਭੁ ਹੋਇਓ ਦਇਆਲੁ ॥

Đức Chúa Trời ban lòng thương xót cho đầy tớ khiêm nhường của Ngài,

ਸੇਵਕੁ ਕੀਨੇ ਸਦਾ ਨਿਹਾਲੁ ॥

và giữ cho người sùng đạo của Ngài được hạnh phúc vĩnh viễn.

ਬੰਧਨ ਕਾਟਿ ਮੁਕਤਿ ਜਨੁ ਭਇਆ ॥

Cắt đứt mọi ràng buộc của Maya, người sùng đạo được giải phóng,

ਜਨਮ ਮਰਨ ਦੂਖੁ ਭ੍ਰਮੁ ਗਇਆ ॥

nỗi đau của chu kỳ sinh tử và nghi ngờ đã biến mất.

ਇਛ ਪੁਨੀ ਸਰਧਾ ਸਭ ਪੂਰੀ ॥

Mong muốn giải thoát của người sùng đạo được thỏa mãn, sự tận tâm của anh ta được đền đáp đầy đủ,

ਰਵਿ ਰਹਿਆ ਸਦ ਸੰਗਿ ਹਜ਼ੂਰੀ ॥

Họ cảm nhận được sự hiện diện của Thiên Chúa ở khắp mọi nơi và trong chính mình mãi mãi.

ਜਿਸ ਕਾ ਸਾ ਤਿਨਿ ਲੀਆ ਮਿਲਾਇ ॥

Người sùng đạo được kết hợp với Thiên Chúa, người mà anh ta thuộc về,

ਨਾਨਕ ਭਗਤੀ ਨਾਮਿ ਸਮਾਇ ॥੩॥

O 'Nanak, bằng cách thờ phượng sùng đạo, người sùng đạo vẫn mãi mê với Naam.

ਸੇ ਕਿਉ ਬਿਸਰੈ ਜਿ ਘਾਲ ਨ ਭਾਨੈ ॥

Tại sao quên Ngài, Đấng không buông bỏ những nỗ lực của người phạm?

ਸੇ ਕਿਉ ਬਿਸਰੈ ਜਿ ਕੀਆ ਜਾਨੈ ॥

Tại sao quên Ngài, Đấng thừa nhận những gì chúng ta làm?

ਸੇ ਕਿਉ ਬਿਸਰੈ ਜਿਨਿ ਸਭੁ ਕਿਛੁ ਦੀਆ ॥

Tại sao quên Ngài, Đấng đã ban cho chúng ta tất cả mọi thứ?

ਸੇ ਕਿਉ ਬਿਸਰੈ ਜਿ ਜੀਵਨ ਜੀਆ ॥

Tại sao quên Ngài, ai là sự sống của các sinh vật?

ਸੇ ਕਿਉ ਬਿਸਰੈ ਜਿ ਅਗਨਿ ਮਹਿ ਰਾਖੈ ॥

Tại sao quên Ngài, Đấng bảo tồn chúng ta trong lửa tử cung?

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਕੇ ਬਿਰਲਾ ਲਾਖੈ ॥

Hiếm có người nhận ra điều này bởi ân điển của Guru,

ਸੇ ਕਿਉ ਬਿਸਰੈ ਜਿ ਬਿਖੁ ਤੇ ਕਾਢੈ ॥

Tại sao quên Ngài, Đấng cứu chúng ta khỏi chất độc của những ảo tưởng trần tục?

ਜਨਮ ਜਨਮ ਕਾ ਟੂਟਾ ਗਾਢੈ ॥

Và đoàn tụ với Ngài, người phạm bị tách ra khỏi Ngài trong vô số kiếp sống?

ਗੁਰਿ ਪੂਰੈ ਤਤੁ ਇਹੈ ਬੁਝਾਇਆ ॥

Những người sùng đạo, những người mà Guru hoàn hảo đã tạo ra để hiểu bản chất này,

ਪ੍ਰਭੂ ਅਪਨਾ ਨਾਨਕ ਜਨ ਧਿਆਇਆ ॥੪॥

O Nanak, họ đã thiền định về Sư phụ của họ với tình yêu và sự tận tâm.

ਸਾਜਨ ਸੰਤ ਕਰਹੁ ਇਹੁ ਕਾਮੁ ॥

Các bạn thánh thiện của tôi, hãy đảm nhận nhiệm vụ này,

ਆਨ ਤਿਆਗਿ ਜਪਹੁ ਹਰਿ ਨਾਮੁ

Suy niệm về Danh Đức Chúa Trời và từ bỏ tất cả các thực hành nghi lễ khác.

ਸਿਮਰਿ ਸਿਮਰਿ ਸਿਮਰਿ ਸੁਖ ਪਾਵਹੁ ॥

Thường xuyên suy gẫm về Danh Đức Chúa Trời và tận hưởng hương vị của phúc lạc.

ਆਪਿ ਜਪਹੁ ਅਵਰਹੁ ਨਾਮੁ ਜਪਾਵਹੁ ॥

Hãy tự suy ngẫm về Naam và truyền cảm hứng cho những người khác làm điều tương tự.

ਭਗਤਿ ਭਾਇ ਤਰੀਐ ਸੰਸਾਰੁ ॥

Bằng cách tôn thờ sùng kính yêu thương, người ta vượt qua đại dương thế giới của tẻ nạn.

ਬਿਨੁ ਭਗਤੀ ਤਨੁ ਹੋਸੀ ਛਾਰੁ ॥

Hãy coi cơ thể con người này bị lãng phí nếu không có sự thờ phượng sùng kính của Đức Chúa Trời.

ਸਰਬ ਕਲਿਆਣ ਸੂਖ ਨਿਧਿ ਨਾਮੁ ॥

Naam là kho báu của tất cả may mắn và hòa bình.

ਬੂਡਤ ਜਾਤ ਪਾਏ ਬਿਸ਼੍ਨਾਮੁ ॥

Ngay cả người chết đuối trong tệ nạn, cũng được cứu bằng cách thiền định về Naam.

ਸਗਲ ਦੂਖ ਕਾ ਹੋਵਤ ਨਾਮੁ ॥

Mọi nỗi buồn tan biến bằng cách nhớ đến Chúa.

ਨਾਨਕ ਨਾਮੁ ਜਪਹੁ ਗੁਨਤਾਸੁ ॥੫॥

Do đó, O 'Nanak, hãy suy gẫm về Naam, kho tàng của đức hạnh.

ਉਪਜੀ ਪ੍ਰੀਤਿ ਪ੍ਰੇਮ ਰਸੁ ਚਾਉ ॥

Người trong đó đã dâng lên tình yêu, tình cảm và khao khát Thiên Chúa,

ਮਨ ਤਨ ਅੰਤਰਿ ਇਹੀ ਸੁਆਉ ॥

Chỉ mong muốn món quà này của Naam.

ਨੇਤ੍ਰਹੁ ਪੇਖਿ ਦਰਸੁ ਸੁਖੁ ਹੋਇ ॥

Nhìn thấy Khải tượng Chân phước của Ngài (theo lời khuyên của Guru), Ngài cảm thấy được ban phước.

ਮਨੁ ਬਿਗਸੈ ਸਾਧ ਚਰਨ ਧੋਇ ॥

Tâm trí của anh ấy nở hoa trong sự xuất thần bằng cách chân thành tuân theo những lời dạy của Guru.

ਭਗਤ ਜਨਾ ਕੈ ਮਨਿ ਤਨਿ ਰੰਗੁ ॥

Tâm trí và thân thể của những người sùng đạo của Đức Chúa Trời được truyền vào tình yêu của Ngài.

ਬਿਰਲਾ ਕੇਉ ਪਾਵੈ ਸੰਗੁ ॥

Hiếm có người tham gia vào công ty của những người sùng đạo như vậy của Chúa.

ਏਕ ਬਸਤੁ ਦੀਜੈ ਕਰਿ ਮਇਆ ॥

Lạy Chúa, xin ban phước cho chúng con với món quà này,

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਨਾਮੁ ਜਪਿ ਲਇਆ ॥

Để nhờ ân điển của Guru, chúng ta có thể suy niệm về Danh Ngài.

ਤਾ ਕੀ ਉਪਮਾ ਕਹੀ ਨ ਜਾਇ ॥

Sự vĩ đại của anh ấy không thể được mô tả;

ਨਾਨਕ ਰਹਿਆ ਸਰਬ ਸਮਾਇ ॥੬॥

O 'Nanak, Anh ấy đang lan tỏa khắp nơi.

ਪ੍ਰਭ ਬਖਸੰਦ ਦੀਨ ਦਇਆਲ ॥

Hỡi tất cả mọi người, Thiên Chúa tha thứ và nhân từ của những người hiền lành,

ਭਗਤਿ ਵਛਲ ਸਦਾ ਕਿਰਪਾਲ ॥

Người yêu thiên định và luôn thương xót,

ਅਨਾਥ ਨਾਥ ਗੋਬਿੰਦ ਗੁਪਾਲ ॥

O' sự hỗ trợ của người bảo vệ thế giới ít hỗ trợ.

ਸਰਬ ਘਟਾ ਕਰਤ ਪ੍ਰਤਿਪਾਲ ॥

O' là người duy trì tất cả chúng sinh.

ਆਦਿ ਪੁਰਖ ਕਾਰਣ ਕਰਤਾਰ ॥

O' the Primal Being, O 'the Creator of the Universe.

ਭਗਤ ਜਨਾ ਕੇ ਪ੍ਰਾਨ ਅਧਾਰ ॥

Sự hỗ trợ của cuộc sống của những người sùng đạo.

ਜੇ ਜੇ ਜਪੈ ਸੁ ਹੋਇ ਪੁਨੀਤ ॥

Bất cứ ai suy gẫm về Ngài đều được thánh hóa,

ਭਗਤਿ ਭਾਇ ਲਾਵੈ ਮਨ ਹੀਤ ॥

trong khi tập trung tâm trí vào việc tôn thờ sùng đạo yêu thương.

ਹਮ ਨਿਰਗੁਨੀਆਰ ਨੀਚ ਅਜਾਨ ॥

chúng ta không có công, ngu dốt và độc hại,

ਨਾਨਕ ਤੁਮਰੀ ਸਰਨਿ ਪੁਰਖ ਭਗਵਾਨ ॥੭॥

Hỡi Nanak, hãy cầu nguyện và thưa rằng: Lạy Đức Chúa Trời, chúng tôi đã đến nơi thánh Ngài.

ਸਰਬ ਬੈਕੁੰਠ ਮੁਕਤਿ ਮੇਖ ਪਾਏ ॥

Hãy xem xét một người đã nhận được tất cả các tiện nghi trên trời, giải thoát khỏi các phó vương và giải thoát khỏi chu kỳ sinh tử,

ਏਕ ਨਿਮਖ ਹਰਿ ਕੇ ਗੁਨ ਗਾਏ ॥

Nếu một người đã hát những lời ca ngợi của Đức Chúa Trời ngay cả trong giây lát.

ਅਨਿਕ ਰਾਜ ਭੋਗ ਬਡਿਆਈ ॥

Hãy xem xét một người đã nhận được sức mạnh của vô số vương quốc, thú vui và vinh quang.

ਹਰਿ ਕੇ ਨਾਮ ਕੀ ਕਥਾ ਮਨਿ ਭਾਈ ॥

Những người thích hát những lời ca ngợi của Thiên Chúa.

ਬਹੁ ਭੋਜਨ ਕਾਪਰ ਸੰਗੀਤ ॥

Hãy xem xét một người đã nhận được tất cả những niềm vui trần tục của quần áo đẹp, thức ăn ngon và âm nhạc nhẹ nhàng

ਰਸਨਾ ਜਪਤੀ ਹਰਿ ਹਰਿ ਨੀਤ ॥

Người luôn luôn nhớ đến Chúa và thốt ra Danh Chúa.

ਭਲੀ ਸੁ ਕਰਨੀ ਸੇਭਾ ਧਨਵੰਤ ॥

Những việc làm của người đó là đạo đức, anh ta kiếm được vinh quang và giàu có về mặt tinh thần,

ਹਿਰਦੈ ਬਸੇ ਪੂਰਨ ਗੁਰ ਮੰਤ ॥

trong trái tim của ai ngự trị những lời dạy của Guru.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਪ੍ਰਭ ਦੇਹੁ ਨਿਵਾਸ ॥

Lạy Chúa, xin ban cho con một vị trí trong Công ty của Đấng Thánh.

ਸਰਬ ਸੁਖ ਨਾਨਕ ਪਰਗਾਸ ॥੮॥੨੦॥

O Nanak, bằng cách ở trong công ty của ai, mọi tiện nghi trở nên hiển nhiên

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਸਰਗੁਨ ਨਿਰਗੁਨ ਨਿਰੰਕਾਰ ਸੁੰਨ ਸਮਾਧੀ ਆਪਿ ॥

Chính Đức Chúa Trời vô hình là Đấng sở hữu tất cả các thuộc tính và không có thuộc tính. Chính Ngài vẫn ở trong thiền định tuyệt đối.

ਆਪਨ ਕੀਆ ਨਾਨਕਾ ਆਪੇ ਹੀ ਫਿਰਿ ਜਾਪਿ ॥੧॥

O Nanak, chính Ngài đã tạo ra vũ trụ này và thông qua sự sáng tạo của Ngài, Ngài thiền định về chính mình.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਜਬ ਅਕਾਰੁ ਇਹੁ ਕਛੁ ਨ ਦ੍ਰਿਸਟੇਤਾ ॥

Khi thế giới này chưa xuất hiện dưới bất kỳ hình thức hữu hình nào,

ਪਾਪ ਪੁੰਨ ਤਬ ਕਹ ਤੇ ਹੇਤਾ ॥

Sau đó, ai đã phạm tội và làm việc tốt?

ਜਬ ਧਾਰੀ ਆਪਨ ਸੁੰਨ ਸਮਾਧਿ ॥

Khi chính Đức Chúa Trời ở trong sự suy niệm sâu sắc,

ਤਬ ਬੈਰ ਬਿਰੋਧ ਕਿਸੁ ਸੰਗਿ ਕਮਾਤਿ ॥

Vậy thì sự thù hận và ghen tuông đã hướng đến ai?

ਜਬ ਇਸ ਕਾ ਬਰਨੁ ਚਿਹਨੁ ਨ ਜਾਪਤ ॥

Khi không có màu sắc hay hình dạng của thế giới này được nhìn thấy,

ਤਬ ਹਰਖ ਸੋਗ ਕਹੁ ਕਿਸਹਿ ਬਿਆਪਤ ॥

Vậy thì ai đã trải qua niềm vui và nỗi buồn?

ਜਬ ਆਪਨ ਆਪ ਆਪਿ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮ ॥

Khi Đức Chúa Trời tối cao chỉ có một mình Ngài,

ਤਬ ਮੋਹ ਕਹਾ ਕਿਸੁ ਹੇਵਤ ਭਰਮ ॥

Vậy thì tình cảm gắn bó ở đâu, và ai có nghi ngờ?

ਆਪਨ ਖੇਲੁ ਆਪਿ ਵਰਤੀਜਾ ॥

Chính Ngài đã dàn dựng vở kịch của riêng mình,

ਨਾਨਕ ਕਰਨੈਹਾਰੁ ਨ ਦੂਜਾ ॥੧॥

O Nanak, không có Đấng Tạo Hóa nào khác.

ਜਬ ਹੋਵਤ ਪ੍ਰਭ ਕੇਵਲ ਧਨੀ ॥

Khi chỉ có Đức Chúa Trời, Thầy,

ਤਬ ਬੰਧ ਮੁਕਤਿ ਕਹੁ ਕਿਸ ਕਉ ਗਨੀ ॥

Vậy thì ai được coi là gần bó với Maya hoặc được giải phóng khỏi Maya?

ਜਬ ਏਕਹਿ ਹਰਿ ਅਗਮ ਅਪਾਰ ॥

Khi chỉ có Thiên Chúa, không thể dò thấu và vô hạn,

ਤਬ ਨਰਕ ਸੁਰਗ ਕਹੁ ਕਉਨ ਅਉਤਾਰ ॥

Sau đó, ai đã vào địa ngục, và ai đã vào thiên đàng?

ਜਬ ਨਿਰਗੁਨ ਪ੍ਰਭ ਸਹਜ ਸੁਭਾਇ ॥

Khi Đức Chúa Trời không có thuộc tính, trong sự đĩnh đạc tuyệt đối,

ਤਬ ਸਿਵ ਸਕਤਿ ਕਹਹੁ ਕਿਤੁ ਠਾਇ ॥

sau đó là linh hồn (shiva) ở đâu và đâu là (shakti)

ਜਬ ਆਪਹਿ ਆਪਿ ਅਪਨੀ ਜੋਤਿ ਧਰੈ ॥

Khi Ngài giữ ánh sáng riêng của Ngài cho chính Ngài,

ਤਬ ਕਵਨ ਨਿਡਰੁ ਕਵਨ ਕਤ ਡਰੈ ॥

Vậy thì ai không sợ hãi, và ai sợ ai?

ਆਪਨ ਚਲਿਤ ਆਪਿ ਕਰਨੈਹਾਰ ॥

Chính Ngài là người biểu diễn các vở kịch của chính Ngài;

ਨਾਨਕ ਠਾਕੁਰ ਅਗਮ ਅਪਾਰ ॥੨॥

O 'Nanak, Vô Thượng Sư là Vô Tận và Vô Hạn.

ਅਬਿਨਾਸੀ ਸੁਖ ਆਪਨ ਆਸਨ ॥

Khi Đức Chúa Trời Bất Tử được hấp thụ trong trạng thái bình an và đĩnh đạc của chính Ngài,

ਤਹ ਜਨਮ ਮਰਨ ਕਹੁ ਕਹਾ ਬਿਨਾਸਨ ॥

Vậy thì sinh, chết và hủy diệt ở đâu?

ਜਬ ਪੂਰਨ ਕਰਤਾ ਪ੍ਰਭੁ ਸੋਇ ॥

Khi chỉ có Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa Hoàn Hảo,

ਤਬ ਜਮ ਕੀ ਤ੍ਰਾਸ ਕਹਹੁ ਕਿਸੁ ਹੋਇ ॥

Vậy thì ai sợ chết?

ਜਬ ਅਬਿਗਤ ਅਗੋਚਰ ਪ੍ਰਭ ਏਕਾ ॥

Khi chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, không thể hiện và không thể hiểu được,

ਤਬ ਚਿਤ੍ਰ ਗੁਪਤ ਕਿਸੁ ਪ੍ਰਛਤ ਲੇਖਾ ॥

Vậy thì Chittar và Gupat (các thiên thần ghi âm) đã yêu cầu ai về việc làm của họ?

ਜਬ ਨਾਥ ਨਿਰੰਜਨ ਅਗੋਚਰ ਅਗਾਧੇ ॥

Khi chỉ có Thầy Vô Nhiễm Nguyên Tội, Vô Nhiễm, Không Thể Hiểu được,

ਤਬ ਕਉਨ ਛੁਟੇ ਕਉਨ ਬੰਧਨ ਬਾਧੇ ॥

Sau đó, ai đã được giải phóng, và ai bị giam giữ trong mối quan hệ của Maya?

ਆਪਨ ਆਪ ਆਪ ਹੀ ਅਚਰਜਾ ॥

Chỉ một mình Đức Chúa Trời tuyệt vời đó cũng giống như Ngài.

ਨਾਨਕ ਆਪਨ ਰੂਪ ਆਪ ਹੀ ਉਪਰਜਾ ॥੩॥

O Nanak, chính Ngài đã tạo ra hình hài của riêng mình.

ਜਹ ਨਿਰਮਲ ਪੁਰਖੁ ਪੁਰਖ ਪਤਿ ਹੋਤਾ ॥

Khi Đấng vô nhiễm nguyên tội, Chủ nhân của nhân loại đều do chính Ngài,

ਤਹ ਬਿਨੁ ਮੈਲੁ ਕਹਹੁ ਕਿਆ ਧੋਤਾ ॥

Không có sự bẩn thỉu của tội lỗi, vậy có gì để được rửa sạch?

ਜਹ ਨਿਰੰਜਨ ਨਿਰੰਕਾਰ ਨਿਰਬਾਨ ॥

Khi chỉ có Đức Chúa Trời vô nhiễm, vô hình và không có ham muốn,

ਤਹ ਕਉਨ ਕਉ ਮਾਨ ਕਉਨ ਅਭਿਮਾਨ ॥

Vậy thì ai có lòng tự trọng và ai có bản ngã?

ਜਹ ਸਰੂਪ ਕੇਵਲ ਜਗਦੀਸ ॥

Khi chỉ có chủ nhân của vũ trụ,

ਤਹ ਛਲ ਛਿਦ੍ਰ ਲਗਤ ਕਹੁ ਕੀਸ ॥

Vậy thì ai đã bị ô uế bởi gian lận và tội lỗi?

ਜਹ ਜੇਤਿ ਸਰੂਪੀ ਜੇਤਿ ਸੰਗਿ ਸਮਾਵੈ ॥

Khi hiện thân của Ánh sáng (Thiên Chúa) được đắm chìm trong Ánh sáng của chính Ngài,

ਤਹ ਕਿਸਹਿ ਭੂਖ ਕਵਨੁ ਤ੍ਰਿਪਤਾਵੈ ॥

sau đó ai khao khát Maya, và ai hài lòng?

ਕਰਨ ਕਰਾਵਨ ਕਰਨੈਹਾਰੁ ॥

Đấng Tạo Hóa là người thực hiện mọi thứ và là Nguyên nhân của mọi nguyên nhân.

ਨਾਨਕ ਕਰਤੇ ਕਾ ਨਾਹਿ ਸੁਮਾਰੁ ॥੪॥

Hỡi Nanak, Đấng Tạo Hóa vượt quá ước lượng

ਜਬ ਅਪਨੀ ਸੇਭਾ ਆਪਨ ਸੰਗਿ ਬਨਾਈ ॥

Khi Ngài chứa đựng vinh quang của Ngài trong chính Ngài,

ਤਬ ਕਵਨ ਮਾਇ ਬਾਪੁ ਮਿਤ੍ਰੁ ਸੁਤ ਭਾਈ ॥

sau đó ai là mẹ, cha, bạn bè, con hay anh chị em?

ਜਹ ਸਰਬ ਕਲਾ ਆਪਹਿ ਪਰਬੀਨ ॥

Khi chính Đức Chúa Trời là tối thượng trong tất cả các quyền năng,

ਤਹ ਬੇਦ ਕਤੇਬ ਕਹਾ ਕੇਉ ਚੀਨ ॥

Vậy thì ai đó đọc kinh Veda và katebas (sách tôn giáo) ở đâu?

ਜਬ ਆਪਨ ਆਪੁ ਆਪਿ ਉਰਿ ਧਾਰੈ ॥

Khi Ngài giữ chính mình, cho chính mình,

ਤਉ ਸਗਨ ਅਪਸਗਨ ਕਹਾ ਬੀਚਾਰੈ ॥

Vậy thì ai coi điềm báo là tốt hay xấu?

ਜਹ ਆਪਨ ਊਚ ਆਪਨ ਆਪਿ ਨੇਰਾ ॥

Khi chính Ngài là cao nhất và chính Ngài thấp hơn (về cấp bậc),

ਤਹ ਕਉਨ ਠਾਕੁਰੁ ਕਉਨੁ ਕਹੀਐ ਚੇਰਾ ॥

Vậy thì ai là chủ, và ai là người hầu?

ਬਿਸਮਨ ਬਿਸਮ ਰਹੇ ਬਿਸਮਾਦ ॥

Mọi người kinh ngạc trước những điều kỳ diệu của sự sáng tạo của bạn.

ਨਾਨਕ ਅਪਨੀ ਗਤਿ ਜਾਨਹੁ ਆਪਿ ॥੫॥

Nanak nói, Chỉ có Chúa mới biết trạng thái của mình

ਜਹ ਅਛਲ ਅਛੇਦ ਅਭੇਦ ਸਮਾਇਆ ॥

Khi Không thể lừa dối, Không thể phá hủy, Người không thể hiểu được đã tự hấp thụ.

ਊਹਾ ਕਿਸਹਿ ਬਿਆਪਤ ਮਾਇਆ ॥

sau đó ai đã bị ảnh hưởng bởi Maya (phiền nhiễu thế gian)?

ਆਪਸ ਕਉ ਆਪਹਿ ਆਦੇਸੁ ॥

Khi Ngài tỏ lòng tôn kính với chính mình,

ਤਿਹੁ ਗੁਣ ਕਾ ਨਾਹੀ ਪਰਵੇਸੁ ॥

sau đó ba chế độ của Maya (quyền lực, tệ nạn và đức hạnh) đã không chiếm ưu thế.

ਜਹ ਏਕਹਿ ਏਕ ਏਕ ਭਗਵੰਤਾ ॥

Khi chỉ có Đấng duy nhất, một mình Đức Chúa Trời tối cao,

ਤਹ ਕਉਨੁ ਅਚਿੰਤੁ ਕਿਸੁ ਲਾਗੈ ਚਿੰਤਾ ॥

sau đó ai không lo lắng, và ai cảm thấy lo lắng?

ਜਹ ਆਪਨ ਆਪੁ ਆਪਿ ਪਤੀਆਰਾ ॥

Khi chỉ có chính Ngài ở đó để làm hài lòng Ngài,

ਤਹ ਕਉਨੁ ਕਥੈ ਕਉਨੁ ਸੁਨਨੈਹਾਰਾ ॥

Vậy thì ai là người nói và ai là người nghe?

ਬਹੁ ਬੇਅੰਤ ਉਚ ਤੇ ਉਚਾ ॥

Ngài là vô cùng vô hạn và là cao nhất của Đấng cao.

ਨਾਨਕ ਆਪਸ ਕਉ ਆਪਹਿ ਪਹੂਚਾ ॥੬॥

O 'Nanak, chỉ mình Ngài mới có thể hiểu được chính mình.

ਜਹ ਆਪਿ ਰਚਿਓ ਪਰਪੰਚੁ ਅਕਾਰੁ ॥

Khi Đức Chúa Trời tạo ra vũ trụ có hình dạng hữu hình này,

ਤਿਹੁ ਗੁਣ ਮਹਿ ਕੀਨੇ ਬਿਸਥਾਰੁ ॥

Ông đã khiến thế giới phải tuân theo ba chế độ của Maya (phó, đức hạnh và quyền lực).

ਪਾਪੁ ਪੁੰਨੁ ਤਹ ਭਈ ਕਹਾਵਤੁ ॥

Sau đó, khái niệm tội lỗi và đức hạnh ra đời.

ਕੇਉ ਨਰਕ ਕੇਉ ਸੁਰਗ ਬੰਛਾਵਤੁ ॥

Kết quả là, một số đã xuống địa ngục và một số khao khát thiên đường.

ਆਲ ਜਾਲ ਮਾਇਆ ਜੰਜਾਲ ॥

Bầy trong nước và vương vù của Maya,

ਹਉਮੈ ਮੋਹ ਭਰਮ ਭੈ ਭਾਰ ॥

vô số chủ nghĩa ích kỷ, gấn bó, nghi ngờ và sợ hãi,

ਦੁਖ ਸੁਖ ਮਾਨ ਅਪਮਾਨ ॥

nỗi buồn và niềm vui, danh dự và sự ô nhục,

ਅਨਿਕ ਪ੍ਰਕਾਰ ਕੀਓ ਬਖਯਾਨ ॥

Tất cả những điều này đã được mô tả theo nhiều cách khác nhau.

ਆਪਨ ਖੇਲੁ ਆਪਿ ਕਰਿ ਦੇਖੈ ॥

Anh ta nhìn thấy vở kịch của mình mà chính anh ta đã tạo ra.

ਖੇਲੁ ਸੰਕੋਚੈ ਤਉ ਨਾਨਕ ਏਕੈ ॥੭॥

Này Nanak, khi Ngài kết thúc vở kịch của Ngài, thì Ngài bị bỏ lại một mình bởi chính Ngài.

ਜਹ ਅਬਿਗਤੁ ਭਗਤੁ ਤਹ ਆਪਿ ॥

Bất cứ nơi nào người thờ phượng Đức Chúa Trời vô hình ở đó, thì chính Ngài cũng ở đó.

ਜਹ ਪਸਰੈ ਪਾਸਾਰੁ ਸੰਤ ਪਰਤਾਪਿ ॥

Ngài mở ra sự mở rộng của sự sáng tạo của Ngài cho vinh quang của các Thánh Hữu của Ngài.

ਦੁਹੁ ਪਾਖ ਕਾ ਆਪਹਿ ਧਨੀ ॥

Ngài là chủ nhân của cả hai phía (của các hình thức hiển nhiên và không rõ ràng của Ngài).

ਉਨ ਕੀ ਸੇਭਾ ਉਨਹੁ ਬਨੀ ॥

Vinh quang của những vị thánh đó chỉ có một mình họ.

ਆਪਹਿ ਕਉਤਕ ਕਰੈ ਅਨਦ ਚੇਜ ॥

Chính Ngài thực hiện các phép lạ và vui đùa hạnh phúc của Ngài.

ਆਪਹਿ ਰਸ ਭੋਗਨ ਨਿਰਜੋਗ ॥

Chính Ngài thích thú vui, nhưng Ngài không bị ảnh hưởng bởi những thú vui đó.

ਜਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਿਸੁ ਆਪਨ ਨਾਇ ਲਾਵੈ ॥

Bất cứ ai Ngài muốn, Ngài ban phước với Danh Ngài,

ਜਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਿਸੁ ਖੇਲ ਖਿਲਾਵੈ ॥

Và bất cứ ai Ngài muốn, Ngài giữ cho họ vướng vào những thú vui trần tục.

ਬੇਸੁਮਾਰ ਅਥਾਹ ਅਗਨਤ ਅਤੇਲੈ ॥

Hỡi Thiên Chúa vô hạn, không thể dò thấu và vĩnh cửu,

ਜਿਉ ਬੁਲਾਵਹੁ ਤਿਉ ਨਾਨਕ ਦਾਸ ਬੋਲੈ ॥੮॥੨੧॥

Hỡi Nanak, khi Ngài hướng dẫn những người sùng đạo Ngài, đó là cách họ nói.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਜੀਅ ਜੰਤ ਕੇ ਠਾਕੁਰਾ ਆਪੇ ਵਰਤਣਹਾਰ ॥

Hỡi chủ nhân của tất cả chúng sinh và tạo vật, Chính Ngài đang thịnh hành ở khắp mọi nơi.

ਨਾਨਕ ਏਕੇ ਪਸਰਿਆ ਦੂਜਾ ਕਹ ਦ੍ਰਿਸਟਾਰ ॥੧॥

Hỡi Na-na-ác, Đức Chúa Trời là toàn thể, ngoài Ngài ra, còn ai khác được thấy ở đâu?

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਆਪਿ ਕਥੈ ਆਪਿ ਸੁਨਨੈਹਾਰੁ ॥

Chính Đức Chúa Trời là người nói, và chính Ngài là người lắng nghe.

ਆਪਹਿ ਏਕੁ ਆਪਿ ਬਿਸਥਾਰੁ ॥

Chính Ngài là một, và chính Ngài là nhiều. (chiếm ưu thế trong sáng tạo của mình)

ਜਾ ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਾ ਸ੍ਰਿਸਟਿ ਉਪਾਏ ॥

Khi nó làm hài lòng Ngài, Ngài tạo ra thế giới,

ਆਪਨੈ ਭਾਣੈ ਲਏ ਸਮਾਏ ॥

Và khi nó hài lòng như vậy, Ngài hấp thụ nó trở lại vào chính mình.

ਤੁਮ ਤੇ ਭਿੰਨ ਨਹੀ ਕਿਛੁ ਹੋਇ ॥

Lạy Chúa, không có gì bên ngoài Ngài.

ਆਪਨ ਸੂਤਿ ਸਭੁ ਜਗਤੁ ਪਰੋਇ ॥

Ngài đã giữ cả thế giới tuân theo mệnh lệnh của Ngài.

ਜਾ ਕਉ ਪ੍ਰਭ ਜੀਉ ਆਪਿ ਬੁਝਾਏ ॥

Người mà chính Đức Chúa Trời cho phép ai đó hiểu được khái niệm này,

ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਸੋਈ ਜਨੁ ਪਾਏ ॥

người đó một mình nhận ra Naam vĩnh cửu

ਸੋ ਸਮਦਰਸੀ ਤਤ ਕਾ ਬੇਤਾ ॥

Một người như vậy nhìn một cách vô tư trên tất cả, và là người biết thực tế.

ਨਾਨਕ ਸਗਲ ਸ੍ਰਿਸਟਿ ਕਾ ਜੇਤਾ ॥੧॥

O Nanak, anh ta là kẻ chinh phục toàn thế giới.

ਜੀਅ ਜੰਤ੍ਰੁ ਸਭ ਤਾ ਕੈ ਹਾਥ ॥

Tất cả chúng sinh và tạo vật đều nằm dưới sự chỉ huy của Ngài.

ਦੀਨ ਦਇਆਲ ਅਨਾਥ ਕੇ ਨਾਥੁ ॥

Ngài thương xót những người hiền lành, và sự hỗ trợ của những người bất lực.

ਜਿਸੁ ਰਾਖੈ ਤਿਸੁ ਕੋਇ ਨ ਮਾਰੈ ॥

Không ai có thể tiêu diệt người được Thiên Chúa bảo vệ.

ਸੇ ਮੂਆ ਜਿਸੁ ਮਨਹੁ ਬਿਸਾਰੈ ॥

Tuy nhiên, hãy xem xét một người đã chết thuộc linh mà Đức Chúa Trời từ bỏ.

ਤਿਸੁ ਤਜਿ ਅਵਰ ਕਹਾ ਕੇ ਜਾਇ ॥

Lìa bỏ Ngài, còn ai có thể đi đâu nữa?

ਸਭ ਸਿਰਿ ਏਕੁ ਨਿਰੰਜਨ ਰਾਇ ॥

Thiên Chúa tối cao vô nhiễm là người bảo vệ tất cả.

ਜੀਅ ਕੀ ਜੁਗਤਿ ਜਾ ਕੈ ਸਭ ਹਾਥਿ ॥

Anh ta kiểm soát tất cả các bí mật của tất cả các sinh vật.

ਅੰਤਰਿ ਬਾਹਰਿ ਜਾਨਹੁ ਸਾਥਿ ॥

Hãy biết rằng Chúa luôn ở bên bạn bên trong và bên ngoài.

ਗੁਨ ਨਿਧਾਨ ਬੇਅੰਤ ਅਪਾਰ ॥

ai là kho báu của đức hạnh, Vô hạn và Vô tận,

ਨਾਨਕ ਦਾਸ ਸਦਾ ਬਲਿਹਾਰ ॥੨॥

O' Nanak, những người sùng đạo Đức Chúa Trời mãi mãi dâng hiến cho Ngài.

ਪੂਰਨ ਪੂਰਿ ਰਹੇ ਦਇਆਲ ॥

Thiên Chúa hoàn hảo, nhân từ đang lan tỏa khắp mọi nơi,

ਸਭ ਊਪਰਿ ਹੋਵਤ ਕਿਰਪਾਲ ॥

và lòng tốt của Ngài mở rộng cho tất cả mọi người.

ਅਪਨੇ ਕਰਤਬ ਜਾਨੈ ਆਪਿ ॥

Chính Ngài biết đường lối riêng của Ngài.

ਅੰਤਰਜਾਮੀ ਰਹਿਓ ਬਿਆਪਿ ॥

Người biết suy nghĩ của chúng ta, đang lan tỏa khắp mọi nơi.

ਪ੍ਰਤਿਪਾਲੈ ਜੀਅਨ ਬਹੁ ਭਾਤਿ ॥

Ngài yêu thương chúng sinh của Ngài bằng nhiều cách.

ਜੇ ਜੇ ਰਚਿਓ ਸੁ ਤਿਸਹਿ ਧਿਆਤਿ ॥

Bất cứ ai Ngài đã tạo ra, thìền định về Ngài.

ਜਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਿਸੁ ਲਏ ਮਿਲਾਇ ॥

Bất cứ ai làm hài lòng Ngài, Ngài kết hợp người đó với Ngài,

ਭਗਤਿ ਕਰਹਿ ਹਰਿ ਕੇ ਗੁਣ ਗਾਇ ॥

và những người như vậy thờ phượng Ngài bằng cách ca ngợi Ngài.

ਮਨ ਅੰਤਰਿ ਬਿਸ਼ਾਸੁ ਕਰਿ ਮਾਨਿਆ ॥

Người nào với đức tin chân thành đã tin vào Ngài,

ਕਰਨਹਾਰੁ ਨਾਨਕ ਇਕੁ ਜਾਨਿਆ ॥੩॥

O 'Nanak, anh ấy đã nhận ra Đấng Tạo Hóa duy nhất

ਜਨੁ ਲਾਗਾ ਹਰਿ ਏਕੈ ਨਾਇ ॥

Một người sùng đạo chỉ hòa hợp với danh Chúa,

ਤਿਸ ਕੀ ਆਸ ਨ ਬਿਰਥੀ ਜਾਇ ॥

ham muốn của anh ta không đi vô ích.

ਸੇਵਕ ਕਉ ਸੇਵਾ ਬਨਿ ਆਈ ॥

Nó đòi hỏi một tín đồ suy gẫm về Đức Chúa Trời và phục vụ sự sáng tạo của Ngài.

ਹੁਕਮੁ ਬੁਝਿ ਪਰਮ ਪਦੁ ਪਾਈ ॥

Bằng cách hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, anh ta có được trạng thái tâm linh tối cao.

ਇਸ ਤੇ ਉਪਰਿ ਨਹੀ ਬੀਚਾਰੁ ॥

Không có sự suy ngẫm nào tốt hơn là suy ngẫm về Danh Đức Chúa Trời cho những người đó,

ਜਾ ਕੈ ਮਨਿ ਬਸਿਆ ਨਿਰੰਕਾਰੁ ॥

trong tâm trí của Ngài ngự trị Thiên Chúa vô hình.

ਬੰਧਨ ਤੇਰਿ ਭਏ ਨਿਰਵੈਰ ॥

Phá vỡ mối ràng buộc của Maya, họ trở nên thoát khỏi sự thù hận,

ਅਨਦਿਨੁ ਪੂਜਹਿ ਗੁਰ ਕੇ ਪੈਰ ॥

và họ luôn tôn trọng làm theo lời khuyên của Guru.

ਇਹ ਲੋਕ ਸੁਖੀਏ ਪਰਲੋਕ ਸੁਹੇਲੇ ॥

Họ đang ở trong hòa bình trong thế giới này, và trong thế giới tiếp theo,

ਨਾਨਕ ਹਰਿ ਪ੍ਰਭਿ ਆਪਹਿ ਮੇਲੇ ॥੪॥

Hỡi Nanak, chính Đức Chúa Trời đã kết hợp họ với Ngài.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਮਿਲਿ ਕਰਹੁ ਅਨੰਦ ॥

Tham gia Công ty của các Thánh, và tận hưởng niềm hạnh phúc thực sự.

ਗੁਨ ਗਾਵਹੁ ਪ੍ਰਭ ਪਰਮਾਨੰਦ ॥

Hát những lời ca ngợi của Thiên Chúa, hiện thân của hạnh phúc tối cao.

ਰਾਮ ਨਾਮ ਤਤੁ ਕਰਹੁ ਬੀਚਾਰੁ ॥

Suy ngẫm về bản chất của Danh Đức Chúa Trời,

ਦੁਲਭ ਦੇਹ ਕਾ ਕਰਹੁ ਉਧਾਰੁ ॥

và chuộc lại cơ thể con người này, rất khó để có được.

ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਬਚਨ ਹਰਿ ਕੇ ਗੁਨ ਗਾਉ ॥

Hãy đọc với lòng tôn kính những bài thánh ca của Đức Chúa Trời;

ਪ੍ਰਾਨ ਤਰਨ ਕਾ ਇਹੈ ਸੁਆਉ ॥

đây là cách duy nhất để cứu cuộc sống của bạn khỏi tệ nạn.

ਆਠ ਪਹਰ ਪ੍ਰਭ ਪੇਖਹੁ ਨੇਰਾ ॥

Hãy cảm nhận sự hiện diện của Chúa trong bạn, hai mươi bốn giờ một ngày.

ਮਿਟੈ ਅਗਿਆਨੁ ਬਿਨਸੈ ਅੰਧੇਰਾ ॥

Sự thiếu hiểu biết của bạn sẽ biến mất, và bóng tối của Maya sẽ bị xua tan.

ਸੁਨਿ ਉਪਦੇਸੁ ਹਿਰਦੈ ਬਸਾਵਹੁ ॥

Hãy lắng nghe những lời dạy của Guru và lưu giữ chúng trong trái tim của bạn,

ਮਨ ਇਛੇ ਨਾਨਕ ਫਲ ਪਾਵਹੁ ॥੫॥

Hỡi Nanak, tất cả những ước muốn của người sẽ được thực hiện.

ਹਲਤੁ ਪਲਤੁ ਦੁਇ ਲੇਹੁ ਸਵਾਰਿ ॥

Tôn tạo cả thế giới này và thế giới tiếp theo,

ਰਾਮ ਨਾਮੁ ਅੰਤਰਿ ਉਰਿ ਧਾਰਿ ॥

Bằng cách đặt tên của Thiên Chúa sâu thẳm trong lòng bạn.

ਪੂਰੇ ਗੁਰ ਕੀ ਪੂਰੀ ਦੀਖਿਆ ॥

Hoàn hảo là giáo lý của Đạo sư hoàn hảo.

ਜਿਸੁ ਮਨਿ ਬਸੈ ਤਿਸੁ ਸਾਚੁ ਪਰੀਖਿਆ ॥

Người mà trái tim của nó cư ngụ, nhận ra Thiên Chúa vĩnh cửu

ਮਨਿ ਤਨਿ ਨਾਮੁ ਜਪਹੁ ਲਿਵ ਲਾਇ ॥

Với tâm trí và cơ thể của bạn, hãy đọc thuộc lòng Naam một cách yêu thương và hòa hợp với nó.

ਦੁਖੁ ਦਰਦੁ ਮਨ ਤੇ ਭਉ ਜਾਇ ॥

Nỗi buồn, đau đớn và sợ hãi từ tâm trí sẽ rời đi.

ਸਚੁ ਵਾਪਾਰੁ ਕਰਹੁ ਵਾਪਾਰੀ ॥

Hỡi phạm nhân, hãy thực hiện giao dịch thực sự của việc suy gẫm Danh Đức Chúa Trời,

ਦਰਗਹ ਨਿਬਹੈ ਖੇਪ ਤੁਮਾਰੀ ॥

để hàng hóa (của cải của Naam) được chấp thuận hợp lệ trong tòa án của Đức Chúa Trời.

ਏਕਾ ਟੇਕ ਰਖਹੁ ਮਨ ਮਾਹਿ ॥

Hãy nhớ rằng, sự hỗ trợ thực sự của Chúa,

ਨਾਨਕ ਬਹੁਰਿ ਨ ਆਵਹਿ ਜਾਹਿ ॥੬॥

Hỡi Nanak, người sẽ được tự do khỏi những chu kỳ sinh tử.

ਤਿਸ ਤੇ ਦੂਰਿ ਕਹਾ ਕੇ ਜਾਇ ॥

Bất cứ ai có thể đi đâu, để thoát khỏi anh ta?

ਉਬਰੈ ਰਾਖਨਹਾਰੁ ਧਿਆਇ ॥

Một người được cứu chỉ bằng cách suy gẫm về Chúa bảo vệ.

ਨਿਰਭਉ ਜਪੈ ਸਗਲ ਭਉ ਮਿਟੈ ॥

Suy niệm về Đức Chúa Trời không sợ hãi, mọi nỗi sợ hãi khởi hành,

ਪ੍ਰਭ ਕਿਰਪਾ ਤੇ ਪ੍ਰਾਣੀ ਛੁਟੈ ॥

Bởi vì chỉ nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, phàm nhân được giải thoát khỏi mọi sợ hãi.

ਜਿਸੁ ਪ੍ਰਭੁ ਰਾਖੈ ਤਿਸੁ ਨਾਹੀ ਦੁਖ ॥

Một người được Thiên Chúa bảo vệ không bao giờ đau khổ trong bất kỳ nỗi buồn nào.

ਨਾਮੁ ਜਪਤ ਮਨਿ ਹੋਵਤ ਸੁਖ ॥

Bằng cách thiền định về Naam với tình yêu và sự tận tâm, tâm trí trở nên bình yên.

ਚਿੰਤਾ ਜਾਇ ਮਿਟੈ ਅਹੰਕਾਰੁ ॥

Lo lắng khởi hành, và bản ngã bị loại bỏ.

ਤਿਸੁ ਜਨ ਕਉ ਕੇਇ ਨ ਪਹੁਚਨਹਾਰੁ ॥

Không ai có thể so sánh mình với người sùng kính Đức Chúa Trời.

ਸਿਰ ਉਪਰਿ ਠਾਢਾ ਗੁਰੁ ਸੂਰਾ ॥

Người được bảo vệ bởi Đức Chúa Trời toàn năng,

ਨਾਨਕ ਤਾ ਕੇ ਕਾਰਜ ਪੂਰਾ ॥੭॥

O Nanak, tất cả các nhiệm vụ của anh ta đã hoàn thành.

ਮਤਿ ਪੂਰੀ ਅੰਮ੍ਰਿਤੁ ਜਾ ਕੀ ਦ੍ਰਿਸਟਿ ॥

Đức Chúa Trời, Đấng có sự khôn ngoan trọn vẹn, và ánh mắt của Ngài là sự hiểu thảo,

ਦਰਸਨੁ ਪੇਖਤ ਉਧਰਤ ਸ੍ਰਿਸਟਿ ॥

nhìn thấy Khải tượng của Ngài (có được các đức hạnh của Ngài), thế giới được cứu rỗi.

ਚਰਨ ਕਮਲ ਜਾ ਕੇ ਅਨੂਪ ॥

Thiên Chúa, người có đức tính tuyệt vời không thể so sánh được,

ਸਫਲ ਦਰਸਨੁ ਸੁੰਦਰ ਹਰਿ ਰੂਪ ॥

Vẻ đẹp là hình dạng của Ngài và phần thưởng lớn nhất là tầm nhìn của Ngài.

ਧੰਨੁ ਸੇਵਾ ਸੇਵਕੁ ਪਰਵਾਨੁ ॥

Phúc cho sự sùng kính của anh ấy, và có thể chấp nhận được sự sùng bái của Đức Chúa Trời trong triều đình.

ਅੰਤਰਜਾਮੀ ਪੁਰਖੁ ਪ੍ਰਧਾਨੁ ॥

Chúa ơi, người biết bên trong là Đấng Tối Cao cao cao quý nhất.

ਜਿਸੁ ਮਨਿ ਬਸੈ ਸੁ ਹੋਤ ਨਿਹਾਲੁ ॥

Người, trong tâm trí mà Đức Chúa Trời ngự, trở nên hạnh phúc hạnh phúc.

ਤਾ ਕੈ ਨਿਕਟਿ ਨ ਆਵਤ ਕਾਲੁ ॥

Nỗi sợ hãi cái chết không đến gần anh ta.

ਅਮਰ ਭਏ ਅਮਰਾ ਪਦੁ ਪਾਇਆ ॥

Họ đã trở nên bất tử, và đã nhận được một địa vị bất tử,

ਸਾਧਸੰਗਿ ਨਾਨਕ ਹਰਿ ਧਿਆਇਆ ॥੮॥੨੨॥

O 'Nanak, bằng cách suy gẫm về Đức Chúa Trời trong hội thánh.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਗਿਆਨ ਅੰਜਨੁ ਗੁਰਿ ਦੀਆ ਅਗਿਆਨ ਅੰਧੇਰ ਬਿਨਾਸੁ ॥

Khi Guru ban phước cho một người bằng thuốc mỡ của trí tuệ thiêng liêng, bóng tối của sự khuất phục được xua tan.

ਹਰਿ ਕਿਰਪਾ ਤੇ ਸੰਤ ਭੇਟਿਆ ਨਾਨਕ ਮਨਿ ਪਰਗਾਸੁ ॥੧॥

O Nanak, nhờ ân sủng của Chúa, khi một người gặp Guru chân chính, tâm trí của anh ta được giác ngộ bởi kiến thức thiêng liêng.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਸੰਤਸੰਗਿ ਅੰਤਰਿ ਪ੍ਰਭੁ ਡੀਠਾ ॥

Trong Hội thánh, một người đã nhận ra Đức Chúa Trời trong chính mình,

ਨਾਮੁ ਪ੍ਰਭੁ ਕਾ ਲਾਗਾ ਮੀਠਾ ॥

Bắt đầu tôn thờ danh Chúa.

ਸਗਲ ਸਮਿਗ੍ਰੀ ਏਕਸੁ ਘਟ ਮਾਹਿ ॥

Người này nhìn thấy mọi thứ trên thế giới chứa đựng trong Đức Chúa Trời Toàn Năng,

ਅਨਿਕ ਰੰਗ ਨਾਨਾ ਦ੍ਰਿਸਟਾਹਿ ॥

và vô số hiện tượng có màu sắc và hình thức khác nhau phát ra từ Ngài.

ਨਉ ਨਿਧਿ ਅੰਮ੍ਰਿਤੁ ਪ੍ਰਭ ਕਾ ਨਾਮੁ ॥

Tên của Đức Chúa Trời giống như chín kho báu của thế gian,

ਦੇਹੀ ਮਹਿ ਇਸ ਕਾ ਬਿਸ੍ਵਾਮੁ ॥

và nó sống trong chính cơ thể con người.

ਸੁੰਨ ਸਮਾਧਿ ਅਨਹਤ ਤਰ ਨਾਦ ॥

Trong trạng thái thiền sâu nhất, âm nhạc thiên thể không ngừng phát.

ਹਨੁ ਨ ਜਾਈ ਅਚਰਜ ਬਿਸਮਾਦ ॥

Hạnh phúc của một sự xuất thần tuyệt vời như vậy không thể được mô tả.

ਤਿਨਿ ਦੇਖਿਆ ਜਿਸੁ ਆਪਿ ਦਿਖਾਏ ॥

Người mà chính Đức Chúa Trời thể hiện, trải nghiệm niềm hạnh phúc này.

ਨਾਨਕ ਤਿਸੁ ਜਨ ਸੇਝੀ ਪਾਏ ॥੧॥

O Nanak, Đức Chúa Trời chỉ ban sự hiểu biết này cho một người sùng đạo như vậy.

ਸੇ ਅੰਤਰਿ ਸੇ ਬਾਹਰਿ ਅਨੰਤ ॥

Thiên Chúa vô hạn ở cả bên trong và cùng một Đức Chúa Trời ở bên ngoài cũng vậy.

ਘਟਿ ਘਟਿ ਬਿਆਪਿ ਰਹਿਆ ਭਗਵੰਤ ॥

Thiên Chúa đang lan tỏa trong mỗi và mọi trái tim.

ਧਰਨਿ ਮਾਹਿ ਆਕਾਸ ਪਇਆਲ ॥

Ngài đang lan tỏa trên trái đất, trên bầu trời và trong các vùng sâu thẳm.

ਸਰਬ ਲੋਕ ਪੂਰਨ ਪ੍ਰਤਿਪਾਲ ॥

Anh ấy là người duy trì hoàn hảo của tất cả các thế giới.

ਬਨਿ ਤਿਨਿ ਪਰਬਤਿ ਹੈ ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ॥

Thiên Chúa tối cao đang thấm nhuần trong rừng, cánh đồng và núi.

ਜੈਸੀ ਆਗਿਆ ਤੈਸਾ ਕਰਮੁ ॥

Như mệnh lệnh của Ngài, hành động của tạo vật cũng vậy.

ਪਉਣ ਪਾਣੀ ਬੈਸੰਤਰ ਮਾਹਿ ॥

Anh thấm vào gió, nước và lửa.

ਚਾਰਿ ਕੁੰਟ ਦਹ ਦਿਸੇ ਸਮਾਹਿ ॥

Anh ta tràn ngập trong bốn góc và trong mười hướng (tồn tại ở khắp mọi nơi).

ਤਿਸ ਤੇ ਭਿੰਨ ਨਹੀ ਕੇ ਠਾਉ ॥

Không có nơi nào mà Ngài không ở.

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਨਾਨਕ ਸੁਖੁ ਪਾਉ ॥੨॥

O 'Nanak, hòa bình được nhận bởi ân sủng của Guru.

ਬੇਦ ਪੁਰਾਨ ਸਿੰਮ੍ਰਿਤਿ ਮਹਿ ਦੇਖੁ ॥

Kìa Ngài trong những lời dạy của Vedas, Puranas và Smritis.

ਸਸੀਅਰ ਸੂਰ ਨਖਯਯਤ੍ਰੁ ਮਹਿ ਏਕੁ ॥

Cùng một Đấng đang thấm vào mặt trăng, mặt trời và các vì sao.

ਬਾਣੀ ਪ੍ਰਭੁ ਕੀ ਸਭੁ ਕੇ ਬੋਲੈ ॥

Mọi người đều thốt ra lời Đức Chúa Trời,

ਆਪਿ ਅਡੋਲੁ ਨ ਕਬਹੂ ਡੋਲੈ ॥

Nhưng mặc dù hiện diện trong tất cả, chính Ngài là không thể lay chuyển và không bao giờ dao động.

ਸਰਬ ਕਲਾ ਕਰਿ ਖੇਲੈ ਖੇਲ ॥

Sau khi tạo ra tất cả các quyền lực, Ngài đang chơi các trò chơi thế gian.

ਮੇਲਿ ਨ ਪਾਈਐ ਗੁਣਹ ਅਮੋਲ ॥

Các đức tính của Ngài là vô giá và sự xuất sắc của Ngài không thể được đánh giá.

ਸਰਬ ਜੋਤਿ ਮਹਿ ਜਾ ਕੀ ਜੋਤਿ ॥

Người, người có ánh sáng chiếu sáng tất cả các tạo vật,

ਧਾਰਿ ਰਹਿਓ ਸੁਆਮੀ ਓਤਿ ਪੇਤਿ ॥

Sư phụ đó đang cung cấp hỗ trợ cho tất cả mọi người thông qua và thông qua.

ਗੁਰ ਪਰਸਾਦਿ ਭਰਮ ਕਾ ਨਾਸੁ ॥

Họ, những người mà sự nghi ngờ bị xua tan bởi ân sủng của Đạo sư.

ਨਾਨਕ ਤਿਨ ਮਹਿ ਏਹੁ ਬਿਸਾਸੁ ॥੩॥

Này Nanak, họ tin chắc rằng Đức Chúa Trời là toàn năng.

ਸੰਤ ਜਨਾ ਕਾ ਪੇਖਨੁ ਸਭੁ ਬ੍ਰਹਮ ॥

Các thánh nhìn thấy Thiên Chúa ở khắp mọi nơi.

ਸੰਤ ਜਨਾ ਕੈ ਹਿਰਦੈ ਸਭਿ ਧਰਮ ॥

Trong trái tim của các Thánh, tất cả những suy nghĩ nảy sinh đều là công bình.

ਸੰਤ ਜਨਾ ਸੁਨਹਿ ਸੁਭ ਬਚਨ ॥

Các thánh chỉ lắng nghe những lời tốt lành,

ਸਰਬ ਬਿਆਪੀ ਰਾਮ ਸੰਗਿ ਰਚਨ ॥

và luôn luôn đắm chìm trong Đức Chúa Trời tràn ngập.

ਜਿਨਿ ਜਾਤਾ ਤਿਸ ਕੀ ਇਹ ਰਹਤ ॥

Đó là cách sống của người đã nhận ra Đức Chúa Trời

ਸਤਿ ਬਚਨ ਸਾਧੂ ਸਭਿ ਕਹਤ ॥

Thánh nhân chỉ thốt ra những lời thiêng liêng (lời ca ngợi của Đức Chúa Trời).

ਜੇ ਜੇ ਹੋਇ ਸੋਈ ਸੁਖੁ ਮਾਨੈ ॥

Bất cứ điều gì xảy ra, anh yên tâm chấp nhận.

ਕਰਨ ਕਰਾਵਨਹਾਰੁ ਪ੍ਰਭੁ ਜਾਨੈ ॥

Anh ta biết, Thiên Chúa là Người làm, Nguyên nhân của nguyên nhân.

ਅੰਤਰਿ ਬਸੇ ਬਾਹਰਿ ਭੀ ਓਹੀ ॥

Ông tin rằng cùng một Đức Chúa Trời ở bên trong cũng ở bên ngoài.

ਨਾਨਕ ਦਰਸਨੁ ਦੇਖਿ ਸਭ ਮੋਹੀ ॥੪॥

Này Nanak, nhìn thấy tất cả cảnh tượng bao trùm của Thượng Đế, cả thế giới đều bị mê hoặc.

ਆਪਿ ਸਤਿ ਕੀਆ ਸਭੁ ਸਤਿ ॥

Chính Ngài là Sự Thật, và tất cả những gì Ngài đã tạo ra cũng là Sự Thật và không phải là một ảo tưởng.

ਤਿਸੁ ਪ੍ਰਭ ਤੇ ਸਗਲੀ ਉਤਪਤਿ ॥

Toàn bộ sự sáng tạo đều bắt nguồn từ Thiên Chúa.

ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਾ ਕਰੇ ਬਿਸਥਾਰੁ ॥

Khi nó làm hài lòng Ngài, Ngài tạo ra sự mở rộng,

ਤਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਾ ਏਕੰਕਾਰੁ ॥

Và khi nó làm hài lòng Ngài, Ngài trở thành Đấng Duy Nhất và là Đấng duy nhất một lần nữa.

ਅਨਿਕ ਕਲਾ ਲਖੀ ਨਹ ਜਾਇ ॥

Manifold là quyền năng của Ngài mà không thể biết được.

ਜਿਸੁ ਭਾਵੈ ਤਿਸੁ ਲਏ ਮਿਲਾਇ ॥

Ngài hiệp nhất với chính Ngài bất cứ ai Ngài muốn.

ਕਵਨ ਨਿਕਟਿ ਕਵਨ ਕਹੀਐ ਦੂਰਿ ॥

Không thể nói ai là người gần gũi với Ngài và ai ở xa Ngài,

ਆਪੇ ਆਪਿ ਆਪ ਭਰਪੂਰਿ ॥

Bởi vì chính Ngài đang lan tỏa khắp nơi.

ਅੰਤਰਗਤਿ ਜਿਸੁ ਆਪਿ ਜਨਾਏ ॥

Người truyền đạt sự hiểu biết này về trạng thái tâm linh cao hơn,

ਨਾਨਕ ਤਿਸੁ ਜਨ ਆਪਿ ਬੁਝਾਏ ॥੫॥

O Nanak, với người mà Ngài bày tỏ chính Ngài.

ਸਰਬ ਭੂਤ ਆਪਿ ਵਰਤਾਰਾ ॥

Chính Ngài đang lan tỏa trong tất cả chúng sinh,

ਸਰਬ ਨੈਨ ਆਪਿ ਪੇਖਨਹਾਰਾ ॥

Trong tất cả các con mắt, chính Ngài là kẻ nhìn.

ਸਗਲ ਸਮਗ੍ਰੀ ਜਾ ਕਾ ਤਨਾ ॥

Tất cả sự sáng tạo là cơ thể của Ngài.

ਆਪਨ ਜਸੁ ਆਪ ਹੀ ਸੁਨਾ ॥

Chính Ngài lắng nghe lời khen ngợi của chính Ngài.

ਆਵਨ ਜਾਨੁ ਇਕੁ ਖੇਲੁ ਬਨਾਇਆ ॥

Thiên Chúa đã tạo ra bi kịch của sự ra đời và cái chết.

ਆਗਿਆਕਾਰੀ ਕੀਨੀ ਮਾਇਆ ॥

Và Ngài đã làm cho Maya phục tùng ý muốn của Ngài.

ਸਭ ਕੈ ਮਧਿ ਅਲਿਪਤੇ ਰਹੈ ॥

Ở giữa tất cả, Ngài vẫn không bị ràng buộc.

ਜੇ ਕਿਛੁ ਕਹਣਾ ਸੁ ਆਪੇ ਕਹੈ ॥

Bất cứ điều gì phải nói, chính Ngài nói.

ਆਗਿਆ ਆਵੈ ਆਗਿਆ ਜਾਇ ॥

Theo lệnh của Ngài, một người được sinh ra và theo lệnh của Ngài, một người chết.

ਨਾਨਕ ਜਾ ਭਾਵੈ ਤਾ ਲਏ ਸਮਾਇ ॥੬॥

Hỡi Nanak, khi nó đẹp lòng Ngài, Ngài hấp thụ chúng vào chính Ngài.

ਇਸ ਤੇ ਹੋਇ ਸੁ ਨਾਹੀ ਬੁਰਾ ॥

Bất cứ điều gì đến từ Ngài không thể là xấu.

ਓਰੈ ਕਹਹੁ ਕਿਨੈ ਕਛੁ ਕਰਾ ॥

Ngoài Ngài ra, ai có thể làm được điều gì?

ਆਪਿ ਭਲਾ ਕਰਤੂਤਿ ਅਤਿ ਨੀਕੀ ॥

Chính Ngài là tốt; hành động của Ngài là tốt nhất.

ਆਪੇ ਜਾਨੈ ਅਪਨੇ ਜੀ ਕੀ ॥

Chỉ một mình hắn mới biết những gì trong tâm trí hắn.

ਆਪਿ ਸਾਚੁ ਧਾਰੀ ਸਭ ਸਾਚੁ ॥

Ngài là Truel, và tất cả những gì Ngài đã thiết lập cũng là Chân lý và không phải là ảo tưởng.

ਓਤਿ ਪੋਤਿ ਆਪਨ ਸੰਗਿ ਰਾਚੁ ॥

Qua và qua, Ngài được hòa trộn với sự sáng tạo của Ngài.

ਤਾ ਕੀ ਗਤਿ ਮਿਤਿ ਕਹੀ ਨ ਜਾਇ ॥

Sự vĩ đại và mức độ của anh ấy không thể được mô tả.

ਦੂਸਰ ਹੋਇ ਤ ਸੋਝੀ ਪਾਇ ॥

Nếu có một người khác giống như Ngài, chỉ khi đó người ta mới có thể hiểu Ngài.

ਤਿਸ ਕਾ ਕੀਆ ਸਭੁ ਪਰਵਾਨੁ ॥

Tất cả những gì Ngài làm đều phải được chấp nhận bởi tất cả mọi người.

ਗੁਰ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਨਾਨਕ ਇਹੁ ਜਾਨੁ ॥੭॥

O 'Nanak, điều này chỉ được biết đến qua ân sủng của Guru.

ਜੇ ਜਾਨੈ ਤਿਸੁ ਸਦਾ ਸੁਖੁ ਹੋਇ ॥

Ai nhận ra Ngài, sẽ nhận được sự bình an đời đời.

ਆਪਿ ਮਿਲਾਇ ਲਏ ਪ੍ਰਭੁ ਸੋਇ ॥

Đức Chúa Trời kết hợp người đó với chính Ngài.

ਓਹੁ ਧਨਵੰਤੁ ਕੁਲਵੰਤੁ ਪਤਿਵੰਤੁ ॥

Người đó giàu có về mặt tinh thần, thuộc gia đình quý tộc và danh dự,

ਜੀਵਨ ਮੁਕਤਿ ਜਿਸੁ ਰਿਦੈ ਭਗਵੰਤੁ ॥

Thiên Chúa ở trong trái tim của Ngài trở nên tự do khỏi chu kỳ sinh tử trong khi vẫn còn sống.

ਧੰਨੁ ਧੰਨੁ ਧੰਨੁ ਜਨੁ ਆਇਆ ॥

Hoàn toàn may mắn là sự ra đời của một con người như vậy trên thế giới,

ਜਿਸੁ ਪ੍ਰਸਾਦਿ ਸਭੁ ਜਗਤੁ ਤਰਾਇਆ ॥

Nhờ ân sủng của Ngài, toàn thể thế giới được cứu rỗi.

ਜਨ ਆਵਨ ਕਾ ਇਹੈ ਸੁਆਉ ॥

Một người sùng kính Đức Chúa Trời như vậy đến thế gian để,

ਜਨ ਕੈ ਸੰਗਿ ਚਿਤਿ ਆਵੈ ਨਾਉ ॥

Tất cả những người đến tiếp xúc với anh ta bắt đầu thiền định về Naam.

ਆਪਿ ਮੁਕਤੁ ਮੁਕਤੁ ਕਰੈ ਸੰਸਾਰੁ ॥

Một người như vậy là anh ta được giải phóng, và giải phóng phần còn lại của thế giới.

ਨਾਨਕ ਤਿਸੁ ਜਨ ਕਉ ਸਦਾ ਨਮਸਕਾਰੁ ॥੮॥੨੩॥

O Nanak, tôi cúi đầu trong sự tôn kính mãi mãi đối với người sùng kính đó của Đức Chúa Trời.

ਸਲੋਕੁ ॥

Shalok:

ਪੂਰਾ ਪ੍ਰਭੁ ਆਰਾਧਿਆ ਪੂਰਾ ਜਾ ਕਾ ਨਾਉ ॥

Người đã suy niệm về Đức Chúa Trời hoàn hảo mà tên của Ngài là vĩnh cửu.

ਨਾਨਕ ਪੂਰਾ ਪਾਇਆ ਪੂਰੇ ਕੇ ਗੁਨ ਗਾਉ ॥੧॥

O Nanak, người đó đã nhận ra Đức Chúa Trời hoàn hảo. Vì vậy, bạn cũng nên hát những lời ca ngợi Đấng hoàn hảo.

ਅਸਟਪਦੀ ॥

Ashtapadee:

ਪੂਰੇ ਗੁਰ ਕਾ ਸੁਨਿ ਉਪਦੇਸੁ ॥

Hỡi tâm trí của tôi, hãy lắng nghe những lời dạy của Đạo sư hoàn hảo;

ਪਾਰਬ੍ਰਹਮੁ ਨਿਕਟਿ ਕਰਿ ਪੇਖੁ ॥

và cảm nhận Đức Chúa Trời tối cao gần bạn.

ਸਾਸਿ ਸਾਸਿ ਸਿਮਰਹੁ ਗੋਬਿੰਦ ॥

Suy niệm về Chúa với từng hơi thở,

ਮਨ ਅੰਤਰ ਕੀ ਉਤਰੈ ਚਿੰਦ ॥

để sự lo lắng trong tâm trí bạn rời đi.

ਆਸ ਅਨਿਤ ਤਿਆਗਹੁ ਤਰੰਗ ॥

O' tâm trí của tôi, hãy từ bỏ những làn sóng ham muốn cho vật chất thoáng qua,

ਸੰਤ ਜਨਾ ਕੀ ਧੂਰਿ ਮਨ ਮੰਗ ॥

và cầu xin sự phục vụ khiêm tốn của những người thánh thiện.

ਆਪੁ ਛੇਡਿ ਬੇਨਤੀ ਕਰਹੁ ॥

Từ bỏ sự tự phụ của bạn, hãy cầu nguyện khiêm tốn với Chúa,

ਸਾਧਸੰਗਿ ਅਗਨਿ ਸਾਗਰੁ ਤਰਹੁ ॥

và trong sự đồng hành của những người thánh thiện, bơi qua đại dương dữ dội của tệ nạn.

ਹਰਿ ਧਨ ਕੇ ਭਰਿ ਲੇਹੁ ਭੰਡਾਰ ॥

Hãy lấp đầy trái tim của bạn với sự giàu có của Danh Chúa,

ਨਾਨਕ ਗੁਰ ਪੂਰੇ ਨਮਸਕਾਰ ॥੧॥

và O 'Nanak, cúi đầu khiêm nhường trước Đạo sư hoàn hảo.

ਖੇਮ ਕੁਸਲ ਸਹਜ ਆਨੰਦ ॥

bạn sẽ được ban phước với sự bình an vĩnh cửu, những tiện nghi của cuộc sống và hạnh phúc của sự trang bị.

ਸਾਧਸੰਗਿ ਭਜੁ ਪਰਮਾਨੰਦ ॥

bằng cách yêu thương suy gẫm về Đức Chúa Trời tối cao trong hội thánh.

ਨਰਕ ਨਿਵਾਰਿ ਉਧਾਰਹੁ ਜੀਉ ॥

Cứu linh hồn bạn khỏi những đau đớn của địa ngục,

ਗੁਨ ਗੋਬਿੰਦ ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਰਸੁ ਪੀਉ ॥

bằng cách hát những lời ca ngợi của Đức Chúa Trời và bằng cách dự phần thuốc tiên của Naam.

ਚਿਤਿ ਚਿਤਵਹੁ ਨਾਰਾਇਣ ਏਕ ॥

Hãy suy ngẫm về một Thiên Chúa duy nhất trong tâm trí bạn,

ਏਕ ਰੂਪ ਜਾ ਕੇ ਰੰਗ ਅਨੇਕ ॥

Ai là một, nhưng biểu hiện dưới nhiều hình thức.

ਗੋਪਾਲ ਦਾਮੋਦਰ ਦੀਨ ਦਇਆਲ ॥

Người duy trì vũ trụ, Chủ nhân của thế giới và tử tế với người nhu mì,

ਦੁਖ ਭੰਜਨ ਪੂਰਨ ਕਿਰਪਾਲ ॥

Ngài là kẻ hủy diệt những nỗi buồn, tất cả đều lan tỏa và nhân từ.

ਸਿਮਰਿ ਸਿਮਰਿ ਨਾਮੁ ਬਾਰੰ ਬਾਰ ॥

Với tình yêu và sự tận tâm, hãy nhớ đến Danh Ngài nhiều lần.

ਨਾਨਕ ਜੀਅ ਕਾ ਇਹੈ ਅਧਾਰ ॥੨॥

O 'Nanak, Naam là sự hỗ trợ duy nhất của linh hồn.

ਉਤਮ ਸਲੋਕ ਸਾਧ ਕੇ ਬਚਨ ॥

Lời của Guru là những bài thánh ca cao siêu nhất.

ਅਮੁਲੀਕ ਲਾਲ ਏਹਿ ਰਤਨ ॥

Chúng giống như ngọc trai và đồ trang sức vô giá.

ਸੁਨਤ ਕਮਾਵਤ ਹੇਤ ਉਧਾਰ ॥

Một người lắng nghe và hành động trên những điều này được cứu khỏi chu kỳ sinh và tử.

ਆਪਿ ਤਰੈ ਲੋਕਹ ਨਿਸਤਾਰ ॥

Anh ta bơi qua đại dương tệ nạn thế giới và giúp những người khác bơi qua.

ਸਫਲ ਜੀਵਨੁ ਸਫਲੁ ਤਾ ਕਾ ਸੰਗੁ ॥

Thành tựu là cuộc sống của anh ấy, và công ty của anh ấy có lợi,

ਜਾ ਕੈ ਮਨਿ ਲਾਗਾ ਹਰਿ ਰੰਗੁ ॥

Tâm trí của họ thấm nhuần tình yêu của Thiên Chúa.

ਜੈ ਜੈ ਸਬਦੁ ਅਨਾਹਦੁ ਵਾਜੈ ॥

Trong anh ta rung động một âm nhạc thần thánh liên tục giữ anh ta trong tình thần cao,

ਸੁਨਿ ਸੁਨਿ ਅਨਦ ਕਰੇ ਪ੍ਰਭੁ ਗਾਜੈ ॥

Lắng nghe nó hết lần này đến lần khác, anh ta hạnh phúc khi anh ta thích nhận thức về Thiên Chúa bên trong.

ਪ੍ਰਗਟੇ ਗੁਪਾਲ ਮਹਾਂਤ ਕੈ ਮਾਥੇ ॥

Chủ nhân của vũ trụ biểu lộ chính mình qua con người thiêng liêng.

ਨਾਨਕ ਉਧਰੇ ਤਿਨ ਕੈ ਸਾਥੇ ॥੩॥

O Nanak, cùng với một người như vậy, nhiều người khác được cứu.

ਸਰਨਿ ਜੇਗੁ ਸੁਨਿ ਸਰਨੀ ਆਏ ॥

Nghe rằng Ngài có khả năng cung cấp nơi trú ẩn, chúng tôi đã đến nơi ẩn náu của bạn,

ਕਰਿ ਕਿਰਪਾ ਪ੍ਰਭ ਆਪ ਮਿਲਾਏ ॥

Lạy Đức Chúa Trời, ban cho lòng thương xót của Ngài, Ngài đã kết hợp chúng con với chính Ngài.

ਮਿਟਿ ਗਏ ਬੈਰ ਭਏ ਸਭ ਰੇਨ ॥

Bây giờ sự thù hận của chúng tôi đã biến mất và chúng tôi đã trở nên cực kỳ khiêm tốn với mọi người.

ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਨਾਮੁ ਸਾਧਸੰਗਿ ਲੈਨ ॥

Chúng tôi đang suy gẫm về Ambrosial Naam trong hội thánh.

ਸੁਪ੍ਰਸੰਨ ਭਏ ਗੁਰਦੇਵ ॥

Đạo sư thiêng liêng vô cùng hài lòng;

ਪੂਰਨ ਹੋਈ ਸੇਵਕ ਕੀ ਸੇਵ ॥

và do đó sự phục vụ của các tín đồ đã được đền đáp.

ਆਲ ਜੰਜਾਲ ਬਿਕਾਰ ਤੇ ਰਹਤੇ ॥

Bây giờ, chúng ta đã được cứu khỏi những vương mắc và tệ nạn thế gian,

ਰਾਮ ਨਾਮ ਸੁਨਿ ਰਸਨਾ ਕਹਤੇ ॥

Bằng cách lắng nghe và thốt ra danh Chúa,

ਕਰਿ ਪ੍ਰਸਾਦੁ ਦਇਆ ਪ੍ਰਭਿ ਧਾਰੀ ॥

Nhờ ân điển của Ngài, Thiên Chúa đã ban cho lòng thương xót của Ngài,

ਨਾਨਕ ਨਿਬਹੀ ਖੇਪ ਹਮਾਰੀ ॥੪॥

Và O' Nanak, sự giàu có của Naam đã được chấp nhận trong triều đình của Đức Chúa Trời.

ਪ੍ਰਭ ਕੀ ਉਸਤਤਿ ਕਰਹੁ ਸੰਤ ਮੀਤ ॥

Hỡi các bạn thánh thiện của tôi, hãy hát những lời ca ngợi Chúa,

ਸਾਵਧਾਨ ਏਕਾਗਰ ਚੀਤ ॥

với sự tập trung tổng thể và suy nghĩ đơn lẻ.

ਸੁਖਮਨੀ ਸਹਜ ਗੋਬਿੰਦ ਗੁਨ ਨਾਮ ॥

Lời cầu nguyện của Đức Chúa Trời và Danh Đức Chúa Trời là viên ngọc quý của sự bình an và sự đĩnh đạc của thiên đàng.

ਜਿਸੁ ਮਨਿ ਬਸੈ ਸੁ ਹੋਤ ਨਿਧਾਨ ॥

Người mà tâm trí của Naam cư trú trở thành kho báu của các đức hạnh.

ਸਰਬ ਇਛਾ ਤਾ ਕੀ ਪੂਰਨ ਹੋਇ ॥

Tất cả những mong muốn của anh ấy được thực hiện,

ਪ੍ਰਧਾਨ ਪੁਰਖੁ ਪ੍ਰਗਟੁ ਸਭ ਲੇਇ ॥

và trên toàn thế giới, anh được biết đến như một người vĩ đại.

ਸਭ ਤੇ ਉਚ ਪਾਏ ਅਸਥਾਨੁ ॥

Anh ta nhận được trạng thái tâm linh cao quý nhất.

ਬਹੁਰਿ ਨ ਹੋਵੈ ਆਵਨ ਜਾਨੁ ॥

Anh ta không trải qua chu kỳ sinh tử.

ਹਰਿ ਧਨੁ ਖਾਟਿ ਚਲੈ ਜਨੁ ਸੇਇ ॥

Người đó rời khỏi thế giới sau khi tích lũy sự giàu có của Danh Đức Chúa Trời,

ਨਾਨਕ ਜਿਸਹਿ ਪਰਾਪਤਿ ਹੋਇ ॥੫॥

O Nanak, người được Thiên Chúa ban phước với món quà này.

ਖੇਮ ਸਾਂਤਿ ਰਿਧਿ ਨਵ ਨਿਧਿ ॥

Hòa bình vĩnh cửu, yên tĩnh, tất cả các quyền lực để thực hiện phép lạ và chín kho báu của sự giàu có thế gian,

ਬੁਧਿ ਗਿਆਨੁ ਸਰਬ ਤਹ ਸਿਧਿ ॥

Sự khôn ngoan, kiến thức và sức mạnh siêu nhiên đến với người đó (người suy ngẫm về Danh Đức Chúa Trời).

ਬਿਦਿਆ ਤਪੁ ਜੋਗੁ ਪ੍ਰਭ ਧਿਆਨੁ ॥

kiến thức, sám hối, Yoga và thiền định về Chúa;

ਗਿਆਨੁ ਮ੍ਰੇਸਟ ਉਤਮ ਇਸਨਾਨੁ ॥

sự khôn ngoan siêu phàm nhất và sự rửa tội cao quý nhất,

ਚਾਰਿ ਪਦਾਰਥ ਕਮਲ ਪ੍ਰਗਾਸ ॥

Bốn lợi ích hồng y (đức tin, sự giàu có, sinh sản và giải phóng) và niềm vui nội tâm như vậy, như thể trái tim đã nở rộ như một bông sen.

ਸਭ ਕੈ ਮਧਿ ਸਗਲ ਤੇ ਉਦਾਸ ॥

tách rời khỏi mọi chấp trước trần tục trong khi sống giữa tất cả;

ਸੁੰਦਰੁ ਚਤੁਰੁ ਤਤ ਕਾ ਬੇਤਾ ॥

đẹp về mặt tinh thần, sắc sảo và biết rõ bản chất của thực tế,

ਸਮਦਰਸੀ ਏਕ ਦ੍ਰਿਸ਼ਟੇਤਾ ॥

có thể nhìn một cách vô tư trên tất cả, và chỉ nhìn thấy Đấng duy nhất (Đức Chúa Trời) trong mọi thứ.

ਇਹ ਫਲ ਤਿਸੁ ਜਨ ਕੈ ਮੁਖਿ ਭਨੇ ॥

Những phước lành này đến với một người,

ਗੁਰ ਨਾਨਕ ਨਾਮ ਬਚਨ ਮਨਿ ਸੁਨੇ ॥੬॥

O Nanak, người yêu thương thốt ra danh Đức Chúa Trời, chăm chú lắng nghe và hành động theo những lời dạy của Guru.

ਇਹੁ ਨਿਧਾਨੁ ਜਪੈ ਮਨਿ ਕੇਇ ॥

Bất cứ ai suy ngẫm về kho tàng Naam này từ cốt lõi của trái tim,

ਸਭ ਜੁਗ ਮਹਿ ਤਾ ਕੀ ਗਤਿ ਹੋਇ ॥

sống toàn bộ cuộc sống trong một trạng thái tâm linh cao.

ਗੁਣ ਗੋਬਿੰਦ ਨਾਮ ਧੁਨਿ ਬਾਣੀ ॥

Những lời bình thường của một người như vậy giống như hát những lời ca ngợi Đức Chúa Trời.

ਸਿਮ੍ਰਿਤਿ ਸਾਸਤ੍ਰੁ ਬੇਦ ਬਖਾਣੀ ॥

Điều này cũng đã được tuyên bố bởi Smurtis, Shastras và Vedas.

ਸਗਲ ਮਤਾਂਤ ਕੇਵਲ ਹਰਿ ਨਾਮ ॥

Bản chất của tất cả các tôn giáo là suy gẫm về Danh của Thiên Chúa,

ਗੋਬਿੰਦ ਭਗਤ ਕੈ ਮਨਿ ਬਿਸ੍ਵਾਮ ॥

Na-am này nằm trong trái tim của người sùng kính Đức Chúa Trời.

ਕੋਟਿ ਅਪ੍ਰਾਧ ਸਾਧਸੰਗਿ ਮਿਟੈ ॥

Hàng triệu tội lỗi của một tín đồ như vậy đọc Naam với tình yêu đã bị xóa trong Công ty của Thánh.

ਸੰਤ ਕ੍ਰਿਪਾ ਤੇ ਜਮ ਤੇ ਛੁਟੈ ॥

Nhờ ân sủng của Đạo sư, một tín đồ như vậy thoát khỏi Sứ giả của Thần chết.

ਜਾ ਕੈ ਮਸਤਕਿ ਕਰਮ ਪ੍ਰਭਿ ਪਾਏ ॥

Những người, những người có số phận định sẵn như vậy,

ਸਾਧ ਸਰਣਿ ਨਾਨਕ ਤੇ ਆਏ ॥੭॥

O Nanak, chỉ có họ tìm nơi ẩn náu của Guru.

ਜਿਸੁ ਮਨਿ ਬਸੈ ਸੁਨੈ ਲਾਇ ਪ੍ਰੀਤਿ ॥

Một người, trong trái tim của người Na-am và người lắng nghe Naam với tình yêu,

ਤਿਸੁ ਜਨ ਆਵੈ ਹਰਿ ਪ੍ਰਭੁ ਚੀਤਿ ॥

những người sùng đạo như vậy có ý thức nhớ đến Chúa.

ਜਨਮ ਮਰਨ ਤਾ ਕਾ ਦੂਖੁ ਨਿਵਾਰੈ ॥

Những cơn đau sinh và cái chết của một người như vậy được loại bỏ,

ਦੁਲਭ ਦੇਹ ਤਤਕਾਲ ਉਧਾਰੈ ॥

Cơ thể con người rất khó để có được, anh ta ngay lập tức cứu nó khỏi tệ nạn.

ਨਿਰਮਲ ਸੇਭਾ ਅੰਮ੍ਰਿਤ ਤਾ ਕੀ ਬਾਨੀ ॥

Danh tiếng của anh ấy trong sạch không tì vết, và những lời anh ấy nói là ambrosial,

ਏਕੁ ਨਾਮੁ ਮਨ ਮਾਹਿ ਸਮਾਨੀ ॥

bởi vì tâm trí anh ta hoàn toàn thấm nhuần Naam.

ਦੂਖ ਰੋਗ ਬਿਨਸੇ ਭੈ ਭਰਮ ॥

Nỗi buồn, bệnh tật, sợ hãi và nghi ngờ rời xa anh ta.

ਸਾਧ ਨਾਮ ਨਿਰਮਲ ਤਾ ਕੇ ਕਰਮ ॥

Ông được biết đến như một vị thánh và hành động của ông là vô nhiễm.

ਸਭ ਤੇ ਉਚ ਤਾ ਕੀ ਸੇਭਾ ਬਨੀ ॥

Vinh quang của Ngài trở nên cao nhất của Đấng cao.

ਨਾਨਕ ਇਹ ਗੁਣਿ ਨਾਮੁ ਸੁਖਮਨੀ ॥੮॥੨੪॥

O Nanak, vì những đức tính như vậy, Danh Đức Chúa Trời là viên ngọc quý của mọi thú vui và hòa bình.

ਅਰਦਾਸ

Người cầu nguyện

ੴ ਵਾਹਿਗੁਰੂ ਜੀ ਕੀ ਫਤਹਿ ॥

Thiên Chúa là Một. Mọi chiến thắng đều thuộc về Guru kỳ diệu (Thần).

ਸ੍ਰੀ ਭਗੋਤੀ ਜੀ ਸਹਾਇ।

Cầu mong thanh kiếm đáng kính (Thần trong hình dạng Kẽ hủy diệt những kẻ làm ác) giúp đỡ chúng ta!

ਵਾਰ ਸ੍ਰੀ ਭਗੋਤੀ ਜੀ ਕੀ ਪਾਤਸ਼ਾਹੀ ੧੦॥

Bài ca về thanh kiếm đáng kính được Guru thứ mười đọc.

ਪ੍ਰਿਥਮ ਭਗੋਤੀ ਸਿਮਰਿ ਕੈ ਗੁਰ ਨਾਨਕ ਲਈਂ ਧਿਆਇ ॥

Đầu tiên hãy nhớ đến thanh kiếm (Thần ở dạng Kẽ hủy diệt kẻ làm ác); sau đó hãy nhớ đến Nanak (nghĩ về sự đóng góp tinh thần của anh ấy).

ਫਿਰ ਅੰਗਦ ਗੁਰ ਤੇ ਅਮਰਦਾਸੁ ਰਾਮਦਾਸੈ ਹੋਈਂ ਸਹਾਇ ॥

Sau đó hãy nhớ và thiền định về Guru Angad, Guru Amar Das và Guru Ram Das; Họ có thể giúp chúng tôi! (nói về sự đóng góp tinh thần của họ)

ਅਰਜਨ ਹਰਗੋਬਿੰਦ ਨੇ ਸਿਮਰੋਂ ਸ੍ਰੀ ਹਰਿਰਾਇ ॥

Hãy tưởng nhớ và thiền định về Guru Arjan, Guru Hargobind và Guru Har Rai đáng kính. (nói về sự đóng góp tinh thần của họ)

ਸ੍ਰੀ ਹਰਿਕ੍ਰਿਸ਼ਨ ਧਿਆਈਂਐ ਜਿਸ ਡਿਠੈ ਸਭਿ ਦੁਖ ਜਾਇ ॥

Hãy tưởng nhớ và thiền định về Guru Har Krishan đáng kính, khi nhìn thấy ngài, mọi đau đớn đều tan biến. (nghĩ về sự đóng góp tinh thần của họ)

ਤੇਗ ਬਹਾਦਰ ਸਿਮਰਿਐ ਘਰ ਨਉ ਨਿਧਿ ਆਵੈ ਧਾਇ ॥

Hãy nhớ đến Guru Tegh Bahadur và khi đó chín nguồn của cải tinh thần sẽ nhanh chóng đến với ngôi nhà của bạn.

ਸਭ ਥਾਂਈ ਹੋਇ ਸਹਾਇ ॥

Ôi Chúa ơi! vui lòng giúp đỡ chúng tôi ở mọi nơi bằng cách chỉ đường cho chúng tôi.

ਦਸਵਾਂ ਪਾਤਸ਼ਾਹ ਸ੍ਰੀ ਗੁਰੂ ਗੋਬਿੰਦ ਸਿੰਘ ਸਾਹਿਬ ਜੀ! ਸਭ ਥਾਂਈ ਹੋਇ ਸਹਾਇ॥

Hãy nhớ đến Guru thứ mười Gobind Singh đáng kính (nghĩ về sự đóng góp tinh thần của ông). Ôi Chúa ơi! vui lòng giúp đỡ chúng tôi ở mọi nơi bằng cách chỉ đường cho chúng tôi.

ਦਸਾਂ ਪਾਤਸ਼ਾਹੀਆਂ ਦੀ ਜੇਤ ਸ੍ਰੀ ਗੁਰੂ ਗ੍ਰੰਥ ਸਾਹਿਬ ਜੀ ਦੇ ਪਾਠ ਦੀਦਾਰ ਦਾ ਧਿਆਨ ਧਰ ਕੇ ਬੋਲੇ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Hãy suy nghĩ và thiền định về ánh sáng thần thánh của Mười vị vua chúa đựng trong Guru Granth Sahib đáng kính và hướng suy nghĩ của bạn đến những lời dạy thiêng liêng và cảm thấy thích thú khi nhìn thấy Guru Granth Sahib; Utter Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਪੰਜਾਂ ਪਿਆਰਿਆਂ, ਚੌਹਾਂ ਸਾਹਿਬਜ਼ਾਦਿਆਂ, ਚਾਲੀਆਂ ਮੁਕਤਿਆਂ, ਹਠੀਆਂ ਜਪੀਆਂ, ਤਪੀਆਂ, ਜਿਨ੍ਹਾ ਨਾਮ ਜਪਿਆ, ਵੰਡ ਛਕਿਆ, ਦੇਗ ਚਲਾਈ, ਤੇਗ ਵਾਹੀ, ਦੇਖ ਕੇ ਅਣਡਿੱਠ ਕੀਤਾ, ਤਿਨ੍ਹਾਂ ਪਿਆਰਿਆਂ, ਸਚਿਆਰਿਆਂ ਦੀ ਕਮਾਈ ਦਾ ਧਿਆਨ ਧਰ ਕੇ, ਖਾਲਸਾ ਜੀ ! ਬੋਲੇ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Hãy nghĩ đến những việc làm của Năm Người Thân, của bốn người con trai (của Guru Gobind Singh); của Bốn mươi Thánh Tử đạo; của những người Sikh dũng cảm với quyết tâm bất khuất; của những tín đồ đắm mình trong màu sắc của Naam; của những người đắm chìm trong Naam; của những người nhớ đến Naam và chia sẻ thức ăn của họ trong tình bạn; của những người bắt đầu xây dựng bếp miễn phí; của những người cầm kiếm (để bảo vệ sự thật); của những người bỏ qua khuyết điểm của người khác; Tất cả những người nói trên đều là những người trong sạch và thực sự tận tâm; Utter Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਜਿਨ੍ਹਾਂ ਸਿੰਘਾਂ ਸਿੰਘਣੀਆਂ ਨੇ ਧਰਮ ਹੇਤ ਸੀਸ ਦਿੱਤੇ, ਬੰਦ ਬੰਦ ਕਟਾਏ, ਖੋਪਰੀਆਂ ਲੁਹਾਈਆਂ, ਚਰਖੜੀਆਂ ਤੇ ਚੜ੍ਹੇ, ਆਰਿਆਂ ਨਾਲ ਚਿਰਾਏ ਗਏ, ਗੁਰਦੁਆਰਿਆਂ ਦੀ ਸੇਵਾ ਲਈ ਕੁਰਬਾਨੀਆਂ ਕੀਤੀਆਂ, ਧਰਮ ਨਹੀਂ ਹਾਰਿਆ, ਸਿੱਖੀ ਕੇਸਾਂ ਸੁਆਸਾਂ ਨਾਲ ਨਿਬਾਹੀ, ਤਿਨ੍ਹਾਂ ਦੀ ਕਮਾਈ ਦਾ ਧਿਆਨ ਧਰ ਕੇ ਖਾਲਸਾ ਜੀ! ਬੋਲੇ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Hãy nghĩ đến và ghi nhớ công lao đức áo của những người đàn ông cũng như phụ nữ theo đạo Sikh dũng cảm đó, những người đã hy sinh đầu mình nhưng không từ bỏ Tôn giáo Sikh của mình; Ai đã tự cắt mình ra từng mảnh từ từng khớp của cơ thể; Ai đã bị cắt bỏ da đầu; Những người bị trói và xoay trên các bánh xe và bị bẻ thành từng mảnh; Ai bị cưa cắt; Ai đã bị lột da sống; Ai đã hy sinh thân mình để bảo vệ phẩm giá của Gurdwaras; Ai đã không từ bỏ đức tin đạo Sikh của họ; Ai đã giữ tôn giáo Sikh của họ và để dành mái tóc dài cho đến hơi thở cuối cùng; Utter Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਪੰਜਾਂ ਤਖਤਾਂ, ਸਰਬੱਤ ਗੁਰਦੁਆਰਿਆਂ ਦਾ ਧਿਆਨ ਧਰ ਕੇ ਬੋਲੋ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Hãy hướng suy nghĩ của bạn đến tất cả các vị trí của Tôn giáo Sikh và tất cả các Gurdwaras; thốt lên Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਪ੍ਰਿਥਮੇ ਸਰਬੱਤ ਖਾਲਸਾ ਜੀ ਕੀ ਅਰਦਾਸ ਹੈ ਜੀ, ਸਰਬੱਤ ਖਾਲਸਾ ਜੀ ਕੇ ਵਾਹਿਗੁਰੂ, ਵਾਹਿਗੁਰੂ, ਵਾਹਿਗੁਰੂ ਚਿਤ ਆਵੇ, ਚਿੱਤ ਆਵਨ ਕਾ ਸਦਕਾ ਸਰਬ ਸੁਖ ਹੋਵੇ।

Đầu tiên, toàn bộ Khalsa đáng kính hãy cầu nguyện điều này để họ có thể suy ngẫm về Danh Ngài; và cầu mong mọi niềm vui và sự thoải mái đều đến nhờ thiền định như vậy.

ਜਹਾਂ ਜਹਾਂ ਖਾਲਸਾ ਜੀ ਸਾਹਿਬ, ਤਹਾਂ ਤਹਾਂ ਰਛਿਆ ਰਿਆਇਤ, ਦੇਗ ਤੇਗ ਫ਼ਤਹਿ, ਬਿਰਦ ਕੀ ਪੈਜ, ਪੰਥ ਕੀ ਜੀਤ, ਸ੍ਰੀ ਸਾਹਿਬ ਜੀ ਸਹਾਇ, ਖਾਲਸੇ ਜੀ ਕੇ ਬੋਲ ਬਾਲੇ, ਬੋਲੇ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!

Bất cứ nơi nào Khalsa đáng kính hiện diện, xin hãy ban cho Ngài sự che chở và ân sủng; Cầu mong nhà bếp và thanh kiếm miễn phí không bao giờ thất bại; Duy trì danh dự của những người sùng đạo của bạn; Trao chiến thắng cho người Sikh; Cầu mong thanh kiếm đáng kính luôn đến trợ giúp chúng ta; Cầu mong Khalsa luôn nhận được vinh dự; Utter Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਸਿੱਖਾਂ ਨੂੰ ਸਿੱਖੀ ਦਾਨ, ਕੇਸ ਦਾਨ, ਰਹਿਤ ਦਾਨ, ਬਿਬੇਕ ਦਾਨ, ਵਿਸਾਹ ਦਾਨ, ਭਰੋਸਾ ਦਾਨ, ਦਾਨਾਂ ਸਿਰ ਦਾਨ, ਨਾਮ ਦਾਨ, ਸ੍ਰੀ ਅੰਮ੍ਰਿਤਸਰ ਜੀ ਦੇ ਇਸ਼ਨਾਨ, ਚੌਂਕੀਆਂ, ਝੰਡੇ, ਬੁੰਗੇ, ਜੁਗੋ ਜੁਗ ਅਟੱਲ, ਧਰਮ ਕਾ ਜੈਕਾਰ, ਬੋਲੇ ਜੀ ਵਾਹਿਗੁਰੂ!!!

Vui lòng ban cho những người theo đạo Sikh món quà đạo Sikh, món quà tóc dài, món quà tuân thủ luật pháp của đạo Sikh, món quà kiến thức thiêng liêng, món quà đức tin vững chắc, món quà niềm tin và món quà lớn nhất về Tên. Ôi Trời! Cầu mong ca đoàn, dinh thự và biểu ngữ tồn tại mãi mãi; cầu mong sự thật luôn chiến thắng; thốt lên Wahe Guru (Thần kỳ diệu)!

ਸਿੱਖਾਂ ਦਾ ਮਨ ਨੀਵਾਂ, ਮਤ ਉੱਚੀ ਮਤ ਦਾ ਰਾਖਾ ਆਪ ਵਾਹਿਗੁਰੂ।

Cầu mong tâm trí của tất cả những người theo đạo Sikh vẫn khiêm tốn và trí tuệ của họ được đề cao; Ôi Trời! Bạn là người bảo vệ trí tuệ.

ਹੇ ਨਿਮਾਣਿਆਂ ਦੇ ਮਾਣ, ਨਿਤਾਣਿਆਂ ਦੇ ਤਾਣ, ਨਿਓਟਿਆਂ ਦੀ ਓਟ, ਸੱਚੇ ਪਿਤਾ, ਵਾਹਿਗੁਰੂ! ਆਪ ਦੇ ਹਜ਼ੂਰ.....ਦੀ ਅਰਦਾਸ ਹੈ ਜੀ।

Ôi Người Cha đích thực, Wahe Guru! bạn là vinh dự của những người hiền lành, Sức mạnh của những người bất lực, nơi trú ẩn của những người không nơi trú ẩn, chúng tôi khiêm tốn cầu nguyện trước sự chứng kiến của bạn.....(thay thế dịp hoặc lời cầu nguyện được thực hiện ở đây).

ਅੱਖਰ ਵਾਧਾ ਘਾਟਾ ਭੁੱਲ ਚੁੱਕ ਮਾਫ ਕਰਨੀ। ਸਰਬੱਤ ਦੇ ਕਾਰਜ ਰਾਸ ਕਰਨੇ।

Xin tha thứ cho những lỗi lầm, thiếu sót của chúng con khi đọc Lời nguyện trên. Vui lòng hoàn thành mục tiêu của tất cả.

ਸੇਈ ਪਿਆਰੇ ਮੇਲ, ਜਿਨ੍ਹਾਂ ਮਿਲਿਆਂ ਤੇਰਾ ਨ ਚਿੱਤਆਵੇ। ਨਾਨਕ ਨਾਮ ਚੜ੍ਹਦੀ ਕਲਾ, ਤੇਰੇ ਭਾਣੇ ਸਰਬੱਤ ਦਾ ਭਲਾ।

Xin vui lòng khiến chúng con gặp được những tín đồ chân chính đó bằng cách gặp những người mà chúng con có thể tưởng nhớ và suy ngẫm về Danh Ngài. Ôi Trời! thông qua Guru Nanak đích thực, cầu mong Danh Ngài được tôn cao và cầu mong mọi người được thịnh vượng theo ý muốn của Ngài.

ਵਾਹਿਗੁਰੂ ਜੀ ਕਾ ਖ਼ਾਲਸਾ, ਵਾਹਿਗੁਰੂ ਜੀ ਕੀ ਫਤਹਿ

Khalsa thuộc về Chúa; mọi chiến thắng đều là chiến thắng của Chúa.

Bắt tay vào hành trình của tâm hồn: Nuôi dưỡng tinh thần của bạn

Khám phá các phương pháp thực hành để nâng cao hành trình tâm linh của bạn và tìm thấy ý nghĩa sâu sắc hơn trong cuộc sống.

Ba nguyên tắc cơ bản của đạo Sikh cho cuộc hành trình:

Naam Nhật Bản: tưởng nhớ Thiên Chúa

Kirat Karni: làm việc trung thực

Vand Chhakna: chia sẻ với người khác

Hướng dẫn chúng ta hướng tới sự giải phóng tinh thần (mukti) và một xã hội công bằng. Những nguyên tắc này, được ghi trong Guru Granth Sahib, tạo thành nền tảng cho cuộc sống của người Sikh.

Trí tuệ thực hành hàng ngày của Guru Ram Das Ji thứ 4: Trong Guru Granth Sahib (trang 305-306), Ông đưa ra những hiểu biết sâu sắc về hành trình tâm linh hàng ngày của một người theo đạo Sikh:

- 1. Nhiệm vụ đầu tiên trong ngày:** Một đệ tử chân chính của Guru bắt đầu mỗi ngày bằng việc tưởng nhớ đến Thần thánh một cách triu mến.
- 2. Thanh lọc cơ thể và tâm trí:** Dậy sớm, tắm rửa và đắm mình trong sự tưởng nhớ đến Chúa, cảm nhận tâm hồn mình được tắm trong nước cam lồ thiêng liêng.
- 3. Giải thoát nhờ tưởng nhớ:** Tuân theo lời dạy của Đạo sư và tưởng nhớ Danh Thánh với lòng sùng mộ sẽ loại bỏ đau khổ và rối loạn nội tâm do những ràng buộc trần tục gây ra.
- 4. Hát và suy ngẫm:** Liên tục hát những lời ca ngợi Chúa và suy ngẫm về Danh Chúa trong suốt các hoạt động hàng ngày của bạn.
- 5. Trở thành Ngọn Hải Đăng Bình An:** Một người đệ tử của Guru triu mến tưởng nhớ Thánh Danh trong từng hơi thở sẽ trở thành một tâm hồn thanh thản và đầy cảm hứng.

6. **Nhận được trí tuệ thiêng liêng:** Guru ban trí tuệ sâu sắc này cho những người đã nhận được ân sủng của Ngài.

7. **Truyền cảm hứng cho người khác:** Guru Nanak cúi chào người đệ tử không chỉ nhớ đến Danh hiệu thiêng liêng mà còn truyền cảm hứng cho những người khác cũng làm như vậy.

8. **Những linh hồn quý hiếm:** Những cá nhân thực sự tận tụy rất hiếm, nhưng việc họ tưởng nhớ đến Thần thánh mang lại lợi ích tinh thần cho vô số người khác.

9. **Tránh tiêu cực:** Hãy tránh xa những người phớt lờ lời dạy của Guru và vẫn mắc kẹt trong vòng luẩn quẩn của vô minh tâm linh. Hãy cẩn thận với những người nói ngọt ngào trước mặt bạn nhưng lại gieo rắc sự tiêu cực sau lưng bạn.

Triết lý cho cuộc hành trình

Triết học của đạo Sikh được đặc trưng bởi tính logic, tính toàn diện và cách tiếp cận "không rườm rà" đối với thế giới tinh thần và vật chất. Thần học của nó được đánh dấu bởi sự đơn giản. Trong đạo đức của người Sikh không có xung đột giữa nghĩa vụ của cá nhân đối với bản thân và nghĩa vụ đối với xã hội (sangat).

Đạo Sikh là tôn giáo trẻ nhất thế giới được thành lập bởi Guru Nanak khoảng 500 năm trước. Nó nhấn mạnh niềm tin vào Một Đấng Tối cao và Đấng Tạo Hóa (Waheguru) của vũ trụ. Nó đưa ra một con đường thẳng tắp đơn giản dẫn đến hạnh phúc vĩnh cửu và truyền bá thông điệp về tình yêu thương và tình anh em phổ quát. Đạo Sikh hoàn toàn là một đức tin độc thần và công nhận Thiên Chúa là Đấng duy nhất không bị giới hạn về thời gian hay không gian. Đạo Sikh tin rằng chỉ có một Thiên Chúa, là Đấng Tạo Hóa, Đấng Duy trì, Đấng Hủy diệt và không mang hình dạng con người. Thuyết nhập thể không có chỗ đứng trong đạo Sikh. Nó không gán bất kỳ giá trị nào với các vị thần, nữ thần và các vị thần khác.

Trong đạo Sikh, đạo đức và tôn giáo đi đôi với nhau. Con người phải thấm nhuần phẩm chất đạo đức và rèn luyện các đức tính trong cuộc sống hàng ngày để từng bước phát triển tâm linh. Những phẩm chất như trung thực, nhân ái, rộng lượng, kiên nhẫn và khiêm tốn chỉ có thể được xây dựng bằng sự nỗ lực và kiên trì. Cuộc đời của các bậc Thầy vĩ đại của chúng ta là nguồn cảm hứng theo hướng này. Đạo Sikh dạy rằng mục tiêu của đời người là phá vỡ vòng sinh tử và hòa nhập với Chúa. Điều này có thể được thực hiện bằng cách tuân theo lời dạy của Đạo sư, thiền định về Thánh Danh (Naam) và thực hiện các hành vi phục vụ và từ thiện.

Naam Marg nhấn mạnh đến việc sùng kính hàng ngày để tưởng nhớ đến Chúa. Người ta phải kiểm soát năm cảm xúc, viz., Kam (ham muốn), Krodh (tức giận), Loabh (tham lam), Moh (sự gắn bó trần tục) và Ahankar (kiêu ngạo) để đạt được sự cứu rỗi. Đoàn thể Các nghi lễ và thực hành thường lệ như ăn chay và hành hương, những điếm báo và khổ hạnh đều bị bác bỏ trong tôn giáo của đạo Sikh. Mục tiêu của cuộc sống con người là hợp nhất với Chúa và điều này được thực hiện bằng cách làm theo lời dạy của Guru Granth Sahib. Đạo Sikh nhấn mạnh đến Bhagti Marg hay con đường sùng đạo. Tuy nhiên, nó nhận ra tầm quan trọng của Gian Marg (Con đường Tri thức) và Karam Marg (Con đường Hành động). Nó nhấn mạnh nhất đến nhu cầu kiếm được Ân Sủng của Chúa để đạt được mục tiêu tâm linh.

Đạo Sikh là một tôn giáo hiện đại, hợp lý và thực tế. Người ta tin rằng cuộc sống gia đình bình thường (Grahast) không phải là rào cản đối với sự cứu rỗi. Sống độc thân hay từ bỏ thế gian là không cần thiết để đạt được sự cứu rỗi. Có thể sống tách biệt giữa những bệnh tật và cám dỗ trần thế. Một tín đồ phải sống trong thế gian nhưng vẫn giữ đầu óc vượt lên trên những căng thẳng và hỗn loạn thông thường. Anh ta phải là một người lính uyên bác, và là một vị thánh cho Chúa.

Đạo Sikh là một tôn giáo quốc tế và "thế tục" và do đó bác bỏ mọi sự phân biệt dựa trên đẳng cấp, tín ngưỡng, chủng tộc hay giới tính. Nó tin rằng tất cả con người đều bình đẳng trong mắt Chúa. Các Guru nhấn mạnh đến sự bình đẳng của phụ nữ và bác bỏ hành vi giết trẻ sơ sinh nữ cũng như Sati (đốt góa phụ). Họ cũng tích cực tuyên truyền về việc tái hôn của góa phụ và bác bỏ hệ thống purdah (phụ nữ đeo mạng che mặt). Để giữ tâm hướng về Ngài, người ta phải thiền định về Thánh Danh (Naam) và thực hiện các hành vi phục vụ và bác ái. Việc kiếm kế sinh nhai bằng công việc lương thiện (Kirat Karna) được coi là vinh dự chứ không phải bằng cách ăn xin hay những phương tiện không trung thực. Vand Chhakna, chia sẻ với người khác cũng là một trách nhiệm xã hội. Cá nhân này phải giúp đỡ những người gặp khó khăn thông qua Daswandh (10% thu nhập của anh ta). Seva, phục vụ cộng đồng cũng là một phần không thể thiếu của đạo Sikh. Bếp cộng đồng miễn phí (langar) được tìm thấy ở mọi gurdwara và mở cửa cho mọi người thuộc mọi tôn giáo là một biểu hiện của dịch vụ cộng đồng này.

Đạo Sikh ủng hộ sự lạc quan và hy vọng. Nó không chấp nhận hệ tư tưởng bi quan. Các Guru tin rằng cuộc sống này có mục đích và mục tiêu. Nó mang đến một cơ hội để nhận ra bản thân và Chúa. Hơn nữa, con người phải chịu trách nhiệm về hành động của chính mình. Anh ta không thể yêu cầu quyền miễn trừ khỏi kết quả hành động của mình. Vì vậy, anh ta phải hết sức cảnh giác trong những gì mình làm.

Kinh thánh Sikh, Guru Granth Sahib, là Đạo sư vĩnh cửu. Đây là tôn giáo duy nhất coi Sách Thánh là nhà truyền giáo. Không có chỗ cho một Guru con người sống (Dehdhari) trong tôn giáo Sikh.

Vai Trò Của Phụ Nữ

Các nguyên tắc của đạo Sikh nêu rõ rằng phụ nữ có tâm hồn giống như nam giới và có quyền bình đẳng trong việc trau dồi tâm linh của mình. Họ có thể lãnh đạo các giáo đoàn tôn giáo, tham gia Con đường Akhand (đọc Kinh thánh liên tục), biểu diễn Kirtan (hội chúng hát thánh ca), làm Granthis (linh mục). Họ có thể tham gia vào tất cả các hoạt động tôn giáo, văn hóa, xã hội và thể tục. Đạo Sikh là tôn giáo lớn đầu tiên trên thế giới mang lại sự bình đẳng cho nam giới và phụ nữ. Guru Nanak, rao giảng về bình đẳng dựa trên giới tính, và các bậc thầy kế nhiệm ông đã khuyến khích phụ nữ tham gia đầy đủ vào mọi hoạt động thờ cúng và thực hành đạo Sikh.

Guru Granth Sahib tuyên bố,

"Phụ nữ và đàn ông, tất cả đều do Chúa tạo ra. Tất cả điều này là trò chơi của Chúa. Nanak nói, tất cả sự sáng tạo của bạn đều tốt đẹp và thiêng liêng"
-SGGS p.304

Lịch sử đạo Sikh đã ghi lại vai trò của phụ nữ trong việc thể hiện họ ngang bằng với nam giới trong việc phục vụ, tận tâm, hy sinh và dũng cảm. Nhiều tấm gương về phẩm giá đạo đức, sự phục vụ và sự hy sinh quên mình của phụ nữ được viết theo truyền thống của đạo Sikh.

Theo đạo Sikh, đàn ông và phụ nữ là hai mặt của một đồng xu. Trong hệ thống tương quan và phụ thuộc lẫn nhau, nơi đàn ông sinh ra từ đàn bà và đàn bà được sinh ra từ hạt giống của đàn ông. Theo đạo Sikh, một người đàn ông không thể cảm thấy an toàn và trọn vẹn trong cuộc sống nếu không có phụ nữ, và thành công của đàn ông có liên quan đến tình yêu và sự ủng hộ của người phụ nữ chia sẻ cuộc đời với anh ta và ngược lại. Đạo sư Nanak đã nói:

"[Đó] là một người phụ nữ duy trì cuộc đua" và chúng ta không nên "coi phụ nữ bị nguyên rủa và lên án, [khi] từ phụ nữ sinh ra các nhà lãnh đạo và vua." SGGS Trang 473.

Sự cứu rỗi: Một điểm quan trọng cần nêu lên là liệu một tôn giáo có coi phụ nữ có khả năng đạt được sự cứu rỗi, nhận ra Chúa ở đây hay cõi tâm linh cao nhất hay không. Guru Granth Sahib tuyên bố,

"Chúa tràn ngập trong mọi chúng sinh, Chúa tràn ngập mọi hình thể nam và nữ" (Guru Granth Sahib, p.605).

Từ tuyên bố trên của Guru Granth Sahib, ánh sáng của Chúa chiếu rọi bình đẳng cho cả hai giới. Do đó, cả nam và nữ đều có thể đạt được sự cứu rỗi như nhau bằng cách tuân theo lời dạy của Guru. Trong nhiều tôn giáo, phụ nữ được coi là trở ngại cho tâm linh của đàn ông, nhưng trong đạo Sikh thì không. Guru bác bỏ điều này. Trong 'Những suy nghĩ hiện tại về đạo Sikh', Alice Basarke nói,

“Guru đầu tiên đặt phụ nữ ngang hàng với đàn ông...phụ nữ không phải là trở ngại đối với đàn ông mà là người đồng hành phục vụ Chúa và tìm kiếm sự cứu rỗi”.

Hôn nhân: Guru Nanak đề nghị grhastha—cuộc sống của một chủ hộ. Thay vì sống độc thân và xuất gia, Vợ chồng là những người bạn đời bình đẳng và cả hai đều phải chung thủy. Trong những câu thơ thiêng liêng, hạnh phúc gia đình được thể hiện như một lý tưởng ấp ủ và hôn nhân là một ẩn dụ sống động để thể hiện tình yêu dành cho Thần thánh. Bhai Gurdas, nhà thơ của đạo Sikh thời kỳ đầu và là người giải thích có thẩm quyền về học thuyết của đạo Sikh, bày tỏ sự tôn kính cao độ đối với phụ nữ. Anh ta nói:

“Người phụ nữ là người được cha mẹ yêu quý, được cha mẹ yêu quý. Trong nhà chồng, người ấy là trụ cột của gia đình, là bảo chứng cho vận may của gia đình... Chia sẻ trí tuệ tinh thần và giác ngộ và với những phẩm chất cao thượng phú bẩm, một người phụ nữ, nửa còn lại của đàn ông, hộ tống anh ta đến cửa giải thoát.” (Varan, V.16)

Tình trạng bình đẳng: Để đảm bảo địa vị bình đẳng giữa nam và nữ, các Guru không phân biệt giới tính trong các vấn đề nhập môn, hướng dẫn hoặc tham gia vào các hoạt động sangat (tình bạn thánh) và pangat (ăn uống cùng nhau). Theo Sarup Das Bhalla, Mahima Prakash, Guru Amar Das không ủng hộ việc phụ nữ sử dụng mạng che mặt. Ông giao cho phụ nữ giám sát một số cộng đồng đệ tử và thuyết giảng chống lại phong tục sati. Lịch sử đạo Sikh ghi lại tên của một số phụ nữ, như Mata Gujri Mai Bhago, Mata Sundari, Rani Sahib Kaur, Rani Sada Kaur và Maharani Jind Kaur, những người đóng vai trò quan trọng trong các sự kiện của thời đại họ

Giáo dục: Giáo dục được coi là rất quan trọng trong đạo Sikh. Đó là chìa khóa thành công của bất kỳ ai. Đó là một quá trình phát triển cá nhân và đó là lý do tại sao vị Guru thứ 3 đã thành lập nhiều trường phái. Guru Granth Sahib tuyên bố,

***“Tất cả kiến thức thiêng liêng và sự chiêm nghiệm đều có được nhờ Guru”
(Guru Granth Sahib, p.831).***

Giáo dục cho tất cả mọi người là điều cần thiết và mọi người phải nỗ lực để trở thành người giỏi nhất có thể. Năm mươi hai nhà truyền giáo đạo Sikh được Guru thứ 3 cử đi là phụ nữ. Trong cuốn sách 'Vai trò và địa vị của phụ nữ theo đạo Sikh', Tiến sĩ Mohinder Kaur Gill viết, ***“Guru Amar Das tin chắc rằng không có lời dạy nào có thể bén rễ cho đến khi và từ khi chúng được phụ nữ chấp nhận”***.

Hạn chế về quần áo: Ngoài việc yêu cầu phụ nữ không đeo mạng che mặt, đạo Sikh còn đưa ra một tuyên bố đơn giản nhưng rất quan trọng về quy định về trang phục. Điều này áp dụng cho tất cả người Sikh bất kể giới tính. Guru Granth Sahib tuyên bố,

“Tránh mặc những bộ quần áo khiến cơ thể khó chịu và tâm trí tràn ngập những ý nghĩ xấu xa.” SGGs, Trang 16

Như vậy, người theo đạo Sikh sẽ nhận ra loại quần áo nào lấp đầy tâm trí với những ý nghĩ xấu xa và nên tránh chúng. Phụ nữ theo đạo Sikh phải tự vệ bằng Kirpan (kiếm) và những loại khác, điều này là duy nhất đối với phụ nữ vì đây là lần đầu tiên trong lịch sử phụ nữ phải tự vệ và họ không phải phụ thuộc vào nam giới để bảo vệ thể chất.

SGGS Trích dẫn::“Trên trái đất và trên bầu trời, tôi không nhìn thấy giây phút nào. Giữa tất cả đàn ông và đàn bà, Ánh sáng của Ngài đang chiếu sáng. " Sggs Trang 223. Từ đàn bà, đàn ông được sinh ra; bên trong đàn bà, đàn ông được thụ thai; với đàn bà, anh ta đính hôn và kết hôn. Đàn bà trở thành bạn của anh ta; qua đàn bà, các thế hệ tương lai đến. Khi người phụ nữ của anh ta chết, anh ta tìm kiếm một người phụ nữ khác; đối với phụ nữ thì tại sao lại gọi cô ấy là xấu? Từ cô ấy, các vị vua được sinh ra. Không có đàn bà thì sẽ không có ai cả.

Về của hồi môn: “Lạy Chúa, xin ban cho con tên Chúa làm quà cưới và của hồi môn cho con”. Shri Guru Ram Das ji, Trang 78, dòng 18 SGGs

Về việc thực hành Purdah: "Ở lại, ở lại, hỡi con dâu - đừng che mặt bằng mạng che mặt. Cuối cùng, điều này sẽ không mang lại cho con dù chỉ một nửa cái vỏ. Cái trước đây con thường che mặt cô ấy ;đừng theo bước chân cô ấy. Công đức

duy nhất của việc che mặt là trong vài ngày, người ta sẽ nói: "Thật là một cô dâu cao quý đã đến". ca ngợi Chúa -P. 484, SGGS

Phụ nữ và thực sự là tất cả các linh hồn được khuyến khích mạnh mẽ để sống một đời sống tâm linh: "Hãy đến, những người chị em thân yêu và những người bạn tâm linh của tôi; hãy ôm tôi thật chặt trong vòng tay của các bạn. Chúng ta hãy cùng nhau kể những câu chuyện về Chúa Chồng Toàn năng của chúng ta."-Guru Nanak , trang 17, SGGS.

"Này bạn, tất cả những sự mặc khác làm mất hạnh phúc, sự hao mòn đến tứ chi là sự dày vò, và những ý nghĩ xấu tràn ngập tâm trí"-SGGS Trang 16

Hãy trực quan

Khăn xếp đã và luôn là một phần không thể tách rời của người Sikh. Kể từ khoảng năm 1500 sau Công nguyên và thời của Guru Nanak, người sáng lập đạo Sikh, người theo đạo Sikh đã đội khăn xếp.

Khăn xếp hoặc "*pagri*" thường được rút ngắn thành "*pag*" hoặc "*dastar*" là những từ khác nhau trong các phương ngữ khác nhau cho cùng một bài viết. Tất cả những từ này đều ám chỉ trang phục mà cả nam và nữ đều mặc để che đầu. Nó là một chiếc mũ đội đầu bao gồm một mảnh vải dài giống như chiếc khăn quàng cổ quấn quanh đầu hoặc đôi khi là một chiếc "mũ" hoặc patka bên trong. Theo truyền thống ở Ấn Độ, khăn xếp chỉ được đội bởi những người đàn ông có địa vị cao trong xã hội; đàn ông có địa vị thấp hoặc đẳng cấp thấp hơn không được phép đội khăn xếp.

Mặc dù việc giữ tóc không cạo đã được Guru Gobind Singh ủy quyền như một trong Năm K hay năm tín điều, nhưng từ lâu nó đã gắn liền với đạo Sikh kể từ khi đạo Sikhi bắt đầu vào năm 1469. Đạo Sikh là tôn giáo duy nhất trên thế giới ở rằng việc đội khăn xếp là bắt buộc đối với tất cả nam giới trưởng thành. Phần lớn những người đội khăn xếp ở các nước phương Tây là người theo đạo Sikh. *Pagdi* của đạo Sikh còn được gọi là *dastar*. 'Dastar' là một từ tiếng Ba Tư. Nó có nghĩa là 'Bàn tay của Chúa' ngụ ý sự phù hộ của Ngài.

Người Sikh nổi tiếng với nhiều loại khăn xếp đặc biệt. Theo truyền thống, khăn xếp thể hiện sự tôn trọng và từ lâu đã là vật dụng chỉ dành riêng cho giới quý tộc. Trong thời kỳ thống trị của Mughal ở Ấn Độ, chỉ người Hồi giáo mới được phép đội khăn xếp. Tất cả những người không theo đạo Hồi đều bị nghiêm cấm mặc một chiếc.

Guru Gobind Singh, bất chấp sự vi phạm này của người Mughals, đã yêu cầu tất cả những người theo đạo Sikh của mình đội khăn xếp. Chiếc áo này được đeo để ghi nhận những tiêu chuẩn đạo đức cao mà ông đã đặt ra cho những người theo Khalsa của mình. Anh ấy muốn Khalsa của mình phải khác biệt và quyết tâm "nổi bật so với phần còn lại của thế giới". Ông muốn họ đi theo con đường độc nhất đã được các Guru đạo Sikh vạch ra. Vì vậy, một người Sikh đội khăn xếp luôn nổi bật giữa đám đông, như ý định của Guru; vì anh ấy muốn 'Thánh chiến binh' của mình không chỉ dễ nhận biết mà còn dễ dàng tìm thấy.

Khi một người đàn ông hay phụ nữ theo đạo Sikh đội khăn xếp, khăn xếp không còn chỉ là một dải vải nữa; vì nó trở thành một và giống với đầu của người Sikh. Khăn xếp, cũng như bốn vật dụng đức tin khác mà người theo đạo Sikh đeo, có ý nghĩa to lớn về mặt tinh thần và thời gian. Mặc dù có rất nhiều biểu tượng liên quan đến việc đội khăn xếp - chủ quyền, sự cống hiến, lòng tự trọng, lòng dũng cảm và lòng mộ đạo, nhưng!, lý do chính mà người theo đạo Sikh đội khăn xếp là để thể hiện - tình yêu, sự vâng lời và sự tôn trọng của họ đối với người sáng lập đạo. Khalsa Guru Gobind Singh.

Những từ được tô sáng ở trên cần phải được thay thế bằng một cái gì đó khác. Có thể là 'lý do'

"Khăn xếp là món quà mà Guru dành cho chúng ta. Đó là cách chúng ta tôn vinh mình là Singh và Kaurs, những người ngồi trên ngai vàng của sự cam kết đối với ý thức cao hơn của chính mình. Đối với cả nam giới và phụ nữ, bản sắc phóng chiếu này truyền tải sự hoàng gia, sự duyên dáng và sự độc đáo Đó là tín hiệu cho người khác biết rằng chúng ta đang sống trong hình ảnh của Vô cực và tận tâm phục vụ tất cả mọi người. Chiếc khăn xếp không đại diện cho bất cứ điều gì ngoại trừ sự cam kết hoàn toàn. người nổi bật giữa sáu tỷ người. Đó là một hành động nổi bật nhất."

Chìa khóa khiêm tốn Tinh hoa trong hành trình của bạn

Khiêm tốn là một khía cạnh quan trọng của đạo Sikh. Theo đó, người theo đạo Sikh phải cúi đầu khiêm nhường trước Chúa. Khiêm tốn hay **Nimrata**, trong tiếng Punjabi là những từ có liên quan chặt chẽ với nhau. Nimrata là một đức tính được phát huy mạnh mẽ ở Gurbani. Bản dịch của từ tiếng Punjabi này là "**Khiêm tốn**", "**Nhân từ**" hoặc "**Khiêm tốn**". Một người mà tâm trí không bị phân tâm bởi ý nghĩ rằng mình tốt hơn hoặc quan trọng hơn ai đó.

Khu vực có vấn đề - không có câu nào đúng ở trên

Đây là một phẩm chất quan trọng mà tất cả con người cần nuôi dưỡng và là một phần thiết yếu trong tư duy của người theo đạo Sikh và phẩm chất này phải luôn đồng hành cùng người theo đạo Sikh. Bốn phẩm chất khác trong kho vũ khí của người Sikh là: *Sự thật (Thứ bảy)*, *Sự hài lòng (Santokh)*, *Lòng trắc ẩn (Daya)* và *Tình yêu (Pyaar)*.

Năm phẩm chất này rất cần thiết đối với một người theo đạo Sikh và nhiệm vụ của họ là thiền định và đọc thuộc lòng Gurbani để khắc sâu những đức tính này và biến chúng thành một phần tính cách của họ.

Những gì Gurbani nói với chúng ta:

"Kết quả của sự khiêm nhường là sự bình an và niềm vui trực quan. Với sự khiêm nhường, họ tiếp tục thiền định về Chúa, Kho báu xuất sắc. Bản thể ý thức về Chúa tràn ngập sự khiêm nhường. Một người có trái tim nhân hậu được ban phước với sự khiêm nhường luôn luôn. Đạo Sikh coi Sự khiêm tốn như một lời cầu xin bát trước thần,"

Guru Nanak, Guru đầu tiên của đạo Sikh:

"Lắng nghe và tin tưởng với tình yêu thương và sự khiêm nhường trong tâm trí bạn sẽ gột rửa mình bằng Danh, tại thánh địa thiêng liêng sâu thẳm bên trong."-SGGS Trang 4.

"Hãy hài lòng với những chiếc khuyên tai của bạn, khiêm tốn với chiếc bát ăn xin của bạn và thiền định với tro bạn áp dụng cho cơ thể của bạn." -SGGS Trang 6.

"Trong lãnh vực của sự khiêm nhường, Ngôi Lời là Vẻ đẹp. Ở đó, những hình thức đẹp để không gì sánh được được hình thành." SGGG Trang 8.

"Khiêm tốn, khiêm tốn và hiểu biết trực quan là mẹ chồng, bố chồng của tôi" - SGGG Trang 152.

Hành trình hướng tới tâm linh

Guru Granth Sahib là một Guru sống vĩnh cửu, một sáng tác đầy chất thơ của các Guru theo đạo Sikh, các vị thánh theo đạo Hindu và đạo Hồi. Việc biên soạn là một món quà từ Thiên Chúa thông qua họ cho toàn thể nhân loại. Tầm nhìn của Guru Granth Sahib là về một xã hội dựa trên công lý thiêng liêng mà không bị áp bức dưới bất kỳ hình thức nào. Mặc dù Granth thừa nhận và tôn trọng kinh thánh của Ấn Độ giáo và Hồi giáo, nhưng điều đó không ngụ ý sự hòa giải về mặt đạo đức với một trong hai tôn giáo này. Ở Guru Granth Sahib, phụ nữ rất được tôn trọng với vai trò bình đẳng như nam giới. Phụ nữ có tâm hồn giống như nam giới và do đó có quyền bình đẳng trong việc trau dồi tâm linh với cơ hội đạt được giải thoát như nhau. Phụ nữ có thể tham gia vào tất cả các hoạt động tôn giáo, văn hóa, xã hội và thể tục, bao gồm cả việc lãnh đạo các giáo đoàn tôn giáo.

Đạo Sikh ủng hộ sự bình đẳng, công bằng xã hội, phục vụ nhân loại và khoan dung đối với các tôn giáo khác. Thông điệp thiết yếu của đạo Sikh là sự sùng kính tinh thần và sự tôn kính Chúa mọi lúc, đồng thời thực hành những lý tưởng về lòng nhân ái, trung thực, khiêm tốn và rộng lượng trong cuộc sống hàng ngày. Ba nguyên lý cốt lõi của đạo Sikh là thiện định và tưởng nhớ Chúa, Làm việc vì cuộc sống lương thiện và chia sẻ với người khác.

Xin chúc mừng bạn đã nỗ lực thực hiện Hành trình Tâm linh cho tâm hồn này. Bản dịch không bao giờ có thể gần với bản gốc, đặc biệt khi toàn bộ Guru Granth Sahib được thể hiện bằng thơ và việc sử dụng phép ẩn dụ khiến công việc trở nên cực kỳ khó khăn. Trong thông điệp Thần thánh, các câu chuyện thần thoại của đạo Hindu và đạo Hồi thường được sử dụng Pralahad, Harnakash, Ixmi, Brahma, v.v. Xin đừng đọc chúng theo nghĩa đen mà hãy hiểu thông điệp cơ bản của chúng. Trọng tâm là thực tế rằng Thiên Chúa là một và kết hợp với Ngài là mục tiêu của cuộc sống con người.

Công việc này đã được thực hiện trong nhiều năm bởi một số tình nguyện viên nhằm mang đến cho bạn thông điệp thiêng liêng bằng ngôn ngữ của bạn. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng gửi email tới Walnut@gmail.com và chúng tôi rất vui được tham gia cùng bạn trong cuộc hành trình này.